

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN**



**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH LẠNG SƠN
(1930 - 1985)**

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH LẠNG SƠN
(1930 - 1985)

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN**



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN (1930 - 1985)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019**

BAN CHỈ ĐẠO

LÂM THỊ PHƯƠNG THANH	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo
HOÀNG VĂN NGHIÊM	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo
PHẠM NGỌC THƯỜNG	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo
NÔNG VĂN THẨM	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo
TÔ HÙNG KHOA	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy viên ¹
HỒ TIẾN THIỆU	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên
NGUYỄN LONG HẢI	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên
VŨ VĂN QUANG	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên
LÝ VĂN THẮNG	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ủy viên
GIÁP THỊ BẮC	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy viên
ĐÀO ĐỨC HOAN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ủy viên
NÔNG THỊ LÂM	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ủy viên ²
LƯƠNG ĐÌNH KHẢI	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy viên ³

1. Đồng chí Tô Hùng Khoa nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/3/2019.

2. Đồng chí Nông Thị Lâm nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/9/2018.

3. Đồng chí Lương Đình Khải nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/8/2018.

NGUYỄN TRUNG THỰC Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh, Ủy viên
 NGUYỄN LA THÔNG Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Lạng Sơn, Ủy viên

(Theo Quyết định số 1229-QĐ/TU, ngày 03/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn về việc thành lập Ban Chỉ đạo Nghiên cứu, bổ sung, tái bản cuốn sách “Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn 1930 - 1985”)

BAN BIÊN TẬP

HOÀNG VĂN NGHIÊM Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban
 NÔNG VĂN THẨM Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Phó Trưởng ban
 ĐOÀN THANH SƠN Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên
 NÔNG PHƯƠNG ĐÔNG Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy viên
 BẾ THỊ THANH HUYỀN Phó Trưởng phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy viên
 NGUYỄN MẠNH HÙNG Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU BIÊN SOẠN TÁI BẢN

PGS.TS. PHẠM XUÂN MỸ
 ThS. NGUYỄN THANH HẢI
 ThS. ĐOÀN VĂN TRƯỜNG
 CN. LÃ THỊ BÍCH NGA
 CN. NGUYỄN THANH TÙNG
 CN. LÝ ĐÌNH HOAN



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)



LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Lạng Sơn là tỉnh miền núi biên giới phía Bắc, là vùng đất cửa ngõ “phên dậu”, địa đầu của Tổ quốc với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, giàu truyền thống cách mạng, luôn giữ vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước do thuận tiện đường giao thông, thuận lợi cho giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội, có cửa khẩu thuận lợi cho hợp tác kinh tế quốc tế.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn đã phát huy truyền thống đoàn kết, kiên cường, bất khuất, tiến hành Cách mạng Tháng Tám giành chính quyền, góp phần cùng cả nước giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; vươn lên giành những kết quả quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; khẳng định được vai trò lãnh đạo toàn diện đối với công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Để ghi lại những trang sử vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân Lạng Sơn trong chặng đường lịch sử 1930 - 1985; đồng thời góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1930 - 1985)***.

Cuốn sách được biên soạn công phu, với nguồn tư liệu phong phú, có sự tham gia góp ý kiến, cung cấp tư liệu của nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên, cán bộ lão thành cách mạng, tuy nhiên, tái hiện lại chặng đường lịch sử khá dài, đầy biến động với nhiều sự kiện, nguồn tư liệu chưa đầy đủ nên cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế. Rất mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Lạng Sơn là vùng đất giàu truyền thống lịch sử và đấu tranh cách mạng. Trong suốt quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, đồng bào các dân tộc tỉnh Lạng Sơn đã cùng đồng bào cả nước anh dũng, kiên cường chiến đấu bảo vệ nền độc lập của nước nhà, lập nên nhiều chiến công hiển hách, ghi vào lịch sử những trang vàng chói lọi.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt trong lịch sử của dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt từ giữa năm 1933, khi Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh được thành lập, đã trực tiếp lãnh đạo, tổ chức động viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt qua những khó khăn, thử thách, đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940, chiến dịch đường số 4, chiến thắng biên giới Thu - Đông, với những địa danh Bông Lau, Lũng Phầy, Đèo Khách, Ba Sơn, Bản Nặm, Chi Lăng, Nà Thuộc...; các anh hùng liệt sĩ Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri,... - những người con ưu tú của quê hương xứ Lạng, đã mãi mãi đi vào lịch sử vẻ vang của đất nước. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn vừa kiên cường chiến đấu bảo vệ quê hương, vừa làm tròn nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến lớn,

tích cực đóng góp sức người, sức của chi viện cho chiến trường, góp phần xứng đáng vào chiến thắng lịch sử mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Trong thời kỳ xây dựng đất nước sau những năm chiến tranh, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, huy động các nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế, xây dựng tỉnh ngày càng phát triển trên các lĩnh vực.

Qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ Lạng Sơn đã không ngừng trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Những kết quả mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn đạt được là rất đáng tự hào, đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, đánh giá cao, tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý.

Nghiên cứu lịch sử vẻ vang của Đảng là nhiệm vụ quan trọng nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, bồi dưỡng tình cảm yêu nước, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ cách mạng mới. Ý thức được tầm quan trọng của công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, trong các năm 1983 và 1995, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn đã tổ chức nghiên cứu, biên soạn và xuất bản hai tập *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn* giai đoạn 1930 - 1954 và 1955 - 1985. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương theo Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ

2015 - 2020 đã ban hành Kết luận số 116-KL/TU ngày 16/01/2017 về việc tổ chức sưu tầm tư liệu, biên soạn bổ sung, tái bản hai cuốn sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 1930 - 1954 và 1955 - 1985 thành cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1930 - 1985)*.

Cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1930 - 1985)* được triển khai biên soạn trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu và nội dung cơ bản của hai cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1930 - 1954)* và *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1955 - 1985)*, trong đó thẩm định, chỉnh sửa lại một số nội dung, sự kiện lịch sử quan trọng chưa được đề cập đến hoặc đề cập còn hạn chế. Nội dung cuốn sách đã được thông qua tại hai hội thảo lấy ý kiến đóng góp vào nội dung bản thảo. Việc tái hiện chặng đường lịch sử ở một địa phương trong tiến trình lịch sử vô cùng phong phú của dân tộc là một việc làm không dễ dàng. Để hoàn thành cuốn sách này, Ban Chỉ đạo, Ban Biên tập, Ban Nghiên cứu biên soạn tái bản đã dành nhiều thời gian và công sức sưu tầm tư liệu. Đây là công trình tổng kết quá trình đấu tranh cách mạng và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, quê hương của nhân dân trong tỉnh qua các giai đoạn lịch sử dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ. Đồng thời, đây là tài liệu quý, đúc kết những bài học kinh nghiệm cho hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ trong thời kỳ cách mạng mới; phục vụ hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nâng cao nhận thức, hiểu sâu sắc và tự hào về truyền thống của quê hương, về những thành tích vẻ vang, sự hy sinh của các thế hệ đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ quê hương, những thành tựu to lớn mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã đạt được, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm,

phát huy mọi nguồn lực, tiềm năng để xây dựng quê hương ngày càng văn minh, giàu đẹp.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn xin chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các cơ quan lưu trữ của Trung ương và địa phương, Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã tạo điều kiện, giúp đỡ để cuốn sách ra mắt đúng dịp kỷ niệm 188 năm thành lập tỉnh Lạng Sơn (1831 - 2019).

Tuy đã có nhiều cố gắng trong quá trình tổ chức sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và biên soạn nhưng do tài liệu lịch sử có liên quan không còn được lưu trữ đầy đủ, bị thất lạc nên nội dung cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh, các nhà khoa học và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN

LÂM THỊ PHƯƠNG THANH

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy

Mở đầu

LẠNG SƠN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG

I- VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI LẠNG SƠN QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

1. Quá trình hình thành địa giới hành chính, cộng đồng dân cư Lạng Sơn qua các thời kỳ lịch sử

Lạng Sơn là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển từ lâu đời. Thời kỳ Nhà nước Văn Lang (khoảng thế kỷ VII - VI trước Công nguyên), cả nước được chia làm 15 bộ, vùng đất Lạng Sơn ngày nay thuộc bộ Lục Hải. Sau thất bại của Nhà nước Âu Lạc (năm 179 trước Công nguyên), nước ta rơi vào ách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc, khi đó Lạng Sơn thuộc huyện Long Biên, quận Giao Chỉ, sau thuộc Giao Châu tổng quản phủ. Năm 679, triều đình phong kiến nhà Đường đổi Giao Châu tổng quản phủ thành An Nam đô hộ phủ, Lạng Sơn thuộc An Nam đô hộ phủ, dưới hình thức là các châu kimi¹.

1. Châu kimi là tên gọi chỉ vùng đất thuộc khu vực miền núi phía Bắc nước ta ngày nay. Đây là khu vực chính quyền đô hộ không đặt ách cai trị trực tiếp, quyền cai quản do các tù trưởng, thủ lĩnh địa phương nắm giữ nhưng phải thuần phục và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định.

Năm 938, Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, kết thúc hơn 1.000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, nước ta bước vào thời kỳ độc lập tự chủ. Nhà Ngô được thành lập, hệ thống hành chính chưa có nhiều thay đổi, vùng đất Lạng Sơn cơ bản vẫn là các châu kìm. Năm 944, Ngô Quyền mất, các thế lực thổ hào địa phương khắp nơi lần lượt nổi dậy, đất nước rơi vào tình cảnh loạn lạc, sử cũ gọi là “Loạn 12 sứ quân”. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước, lên ngôi hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt. Nhà Đinh chia cả nước thành 10 đạo, vùng đất Lạng Sơn là một trong những đạo quan trọng ở phía đông bắc của Tổ quốc. Khi nhà Tiền Lê (980 - 1009) thay nhà Đinh, địa giới hành chính của Lạng Sơn vẫn giữ nguyên như cũ¹.

Sang thời nhà Lý (1009 - 1225), hệ thống hành chính được tổ chức quy củ với các đơn vị lộ, phủ, châu, vùng đất Lạng Sơn hiện nay chủ yếu thuộc châu Lạng (gồm vùng phía nam tỉnh Lạng Sơn và một phần tỉnh Bắc Giang hiện nay), châu Thất Nguyên, châu Văn, châu Quang Lang và châu Vạn Nhai. Năm 1225, nhà Trần thành lập, chia cả nước thành 12 lộ, phủ, vùng đất Lạng Sơn thuộc lộ Lạng Giang (sau đổi là phủ Lạng Sơn). Đến năm 1397, phủ Lạng Sơn đổi thành trấn Lạng Sơn, gồm 8 châu: Lộc Châu, Thất Nguyên, Thượng Văn, Hạ Văn, Vạn Nhai², Quảng Nguyên, Thượng Tư Lang và Hạ Tư Lang.

Năm 1407, nhà Hồ thất bại trước cuộc xâm lược của nhà Minh, nước ta lại rơi vào ách đô hộ của phong kiến phương Bắc. Sau khi xâm chiếm nước ta, nhà Minh đổi Đại Việt

1. Xem Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên): *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr.69.

2. Xem Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2005, tr.120-122.

thành Giao Chỉ, chia thành 17 phủ, thống lĩnh 47 châu, 154 huyện¹. Lạng Sơn gồm 7 châu là: Thượng Văn, Hạ Văn, Thất Nguyên, Vạn Nhai, Quảng Nguyên, Thượng Tư, Hạ Tư và 7 huyện: Tân An, Như Ngao, Đan Ba, Khâu Ôn, Trấn Di, Uyên, Đồng².

Sau thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, năm 1428, nhà Lê được thành lập, chia cả nước thành 4 đạo: Bắc, Nam, Đông, Tây. Lạng Sơn trở thành một trấn của Bắc đạo. Đến đầu thời Lê Sơ, cả nước được chia thành 5 đạo, Lạng Sơn vẫn thuộc Bắc đạo như cũ. Năm 1466, vua Lê Thánh Tông bỏ 5 đạo, chia cả nước 12 thừa tuyên. Lạng Sơn cũng thành một thừa tuyên riêng, gồm 1 phủ là Tràng Khánh và 7 châu là: Lộc Bình, Văn Uyên, Thoát Lãng, Thất Nguyên, Văn Lan, Yên Bái và Ôn Châu³. Năm 1490, thừa tuyên Lạng Sơn đổi thành xứ Lạng Sơn. Đến đời vua Lê Tương Dực (1509 - 1516), gọi là trấn Lạng Sơn. Trong thời kỳ Lê Trung Hưng (1533 - 1789) và nhà Tây Sơn, các đơn vị hành chính cơ bản vẫn được giữ nguyên, riêng châu Lộc Bình của trấn Lạng Sơn đổi tên thành châu Lộc Bằng (do kiêng húy tên của vua Quang Trung).

Đầu triều Nguyễn, Lạng Sơn là một trấn thuộc Bắc thành, gồm 1 phủ Trường Khánh và 7 châu: Ôn Châu, Lộc Bình, Thoát Lãng, Văn Quan⁴, Văn Uyên, Thất Tuyên⁵, Yên Bái. Năm 1831, Vua Minh Mạng đổi Lạng Sơn thành tỉnh. Năm 1834, triều Nguyễn lại đổi các châu Yên Bái, Văn Quan,

1, 2, 3. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Địa chí Lạng Sơn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.210, 192, 210.

4. Vốn là châu Văn Lan, đến đầu triều Nguyễn vì kiêng húy chữ Lan (tên mẹ cả vua Gia Long), năm 1803 đổi thành châu Văn Quan.

5. Vốn là châu Thất Nguyên, đến đời Mạc Phúc Nguyên (1547 - 1561), kiêng húy chữ Nguyên đổi thành châu Thất Tuyên.

Thất Nguyên (sau gọi là Thất Khê) thành huyện. Năm 1836, lại tách hai châu Văn Uyên, Thoát Lãng và hai huyện Văn Quan, Thất Khê để lập thành một phủ mới - là Tràng Định; các châu Ôn Châu, Lộc Bình và huyện Yên Bái vẫn thuộc phủ Tràng Khánh như cũ. Những năm 60 của thế kỷ XIX, Lạng Sơn vẫn gồm 2 phủ, 4 châu là: Ôn Châu, Lộc Bình, Văn Uyên, Thoát Lãng, 3 huyện là: Yên Bái, Văn Quan, Thất Khê¹.

Đến cuối thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX, dưới ách cai trị của thực dân Pháp, tỉnh Lạng Sơn tiếp tục có sự thay đổi về địa giới và đơn vị hành chính. Ngày 20/8/1891, Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định thành lập ở Bắc Kỳ 4 Đạo quan binh², Lạng Sơn là Tiểu quân khu thuộc Đạo quan binh II, đạo lỵ đóng tại Lạng Sơn. Năm 1894, thực dân Pháp tách tổng Bình Gia và tổng Cam Thủy³ thuộc huyện Văn Quan thành lập châu Bình Gia; tách tổng Huân Phong (thuộc huyện Văn Quan), tổng Bằng Mạc (thuộc Ôn Châu), tổng Yên Phúc (thuộc châu Văn Uyên), tổng Vạn Linh (thuộc huyện Hữu Lũng - Bắc Ninh) lập châu Bằng Mạc, đồng thời bãi bỏ huyện Văn Quan sáp nhập vào châu Văn Uyên; tách 5 tổng Quỳnh Sơn, Bắc Sơn, Nhất Thế, Tâm Lưu, Vĩnh Yên của Vạn Nhai (Võ Nhai - Thái Nguyên) thành lập châu Bắc Sơn, sáp nhập vào Lạng Sơn.

1. Xem *Đại Nam thực lục* (Đệ nhị kỷ), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, t.III, tr.230.

2. Đạo quan binh I (Phả Lại), gồm 3 tiểu quân khu: Phả Lại, Thái Nguyên, Móng Cái; Đạo quan binh II (Lạng Sơn), gồm 3 tiểu quân khu: Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang; Đạo quan binh III (Yên Bái) gồm 3 tiểu quân khu: Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang; Đạo quan binh IV (Sơn La), gồm địa hạt Sơn La và một số tổng tách từ Hưng Hóa sang.

3. Trước đời Thiệu Trị, tổng Cam Thủy có tên là tổng Tuyên Cam, năm 1841 kiêng đồng âm tên húy vua Thiệu Trị nên đổi là Cam Thủy.

Năm 1895, thực dân Pháp đổi huyện Yên Bái thành huyện Sơn Đông, sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang¹, tỉnh Lạng Sơn còn 2 phủ, 2 huyện và 4 châu².

Ngày 20/6/1905, thực dân Pháp bỏ đạo quan binh II, trả lại tỉnh cũ theo chế độ dân sự³. Năm 1907, châu Cao Lộc được thành lập gồm các tổng: Trinh Nữ, Hoàng Đồng (thuộc châu Văn Uyên), Mai Pha (thuộc Ôn Châu) và Hoài Viễn (thuộc châu Lộc Bình). Năm 1917, theo quyết định của Le Gallen - quyền Thống sứ Bắc Kỳ, châu Diêm He được thành lập; lúc này tỉnh Lạng Sơn có 1 phủ Tràng Định và 9 châu: Văn Uyên, Ôn Châu, Cao Lộc, Lộc Bình, Bình Gia, Diêm He, Bằng Mạc, Bắc Sơn, Thoát Lãng⁴. Tháng 8/1939, thực dân Pháp cho đổi một số châu thành phủ, tỉnh Lạng Sơn lúc này có 3 phủ: Tràng Định, Văn Uyên, Cao Lộc, các châu còn lại vẫn giữ nguyên như cũ⁵.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), để tiện cho việc chỉ đạo kháng chiến, ngoài chính quyền cấp tỉnh Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập các chiến khu trực tiếp lãnh đạo các địa phương cấp tỉnh. Thời kỳ đầu, tỉnh Lạng Sơn thuộc Khu 1, một trong chín chiến khu được thành lập theo Sắc lệnh ngày 15/10/1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 20/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh chia cả nước thành 12 chiến khu, tỉnh

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Địa chí Lạng Sơn, Sđd*, tr.237.

2. Hai phủ: Tràng Khánh, Tràng Định; 2 huyện: Văn Quan, Thất Tuyên (Thất Khê) và 4 châu: Văn Uyên, Thoát Lãng, Lộc Bình, Ôn Châu.

3, 4, 5. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Địa chí Lạng Sơn, Sđd*, tr.167, 238, 811.

Lạng Sơn trực thuộc Khu 12. Năm 1947, các chiến khu được điều chỉnh thành các Liên khu, Lạng Sơn thuộc Liên khu A, năm 1948 đổi tên thành Liên khu 1. Ngày 04/11/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 127/SL hợp nhất Liên khu 1 và Liên khu 10 thành Liên khu Việt Bắc¹, Lạng Sơn là 1 trong 17 tỉnh thuộc Liên khu Việt Bắc. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, địa giới hành chính tỉnh Lạng Sơn có một số thay đổi, tháng 7/1947, Khu ủy 12 quyết định tạm thời chuyển giao huyện Lộc Bình của tỉnh Lạng Sơn cho tỉnh Hải Ninh quản lý; ngày 07/6/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 48/SL tách huyện Lộc Bình (tỉnh Hải Ninh) sáp nhập về Lạng Sơn. Lúc này, tỉnh Lạng Sơn có 11 huyện, thị: Bằng Mạc, Bắc Sơn, Bình Gia, Cao Lộc, Đầm He, Lộc Bình, Ôn Châu, Thoát Lãng, Văn Uyên, Tràng Định và thị xã Lạng Sơn.

Sau khi miền Bắc được giải phóng (1954), ngày 01/7/1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 268/SL thành lập Khu tự trị Việt Bắc gồm các tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thái Nguyên và huyện Hữu Lũng của tỉnh Bắc Giang². Ngày 29/7/1956, nhân việc thành lập khu tự trị Việt Bắc, theo Quyết định của Chính phủ, Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Giang đã tiến hành bàn giao huyện Hữu Lũng từ tỉnh Bắc Giang về tỉnh Lạng Sơn³.

1. Trung tâm Từ điển Bách khoa Quân sự: *Từ điển bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.609.

2. Ngày 23/3/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 020/SL sáp nhập tỉnh Hà Giang vào Khu tự trị Việt Bắc.

3. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Địa chí Lạng Sơn*, Sđd, tr.871.

Ngày 16/12/1964, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 177/CP về việc điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc các tỉnh Lạng Sơn, Yên Bái và Thanh Hóa; theo đó, huyện Điềm He cùng 6 xã của huyện Bằng Mạc hợp nhất thành huyện Văn Quan; huyện Ôn Châu cùng 8 xã còn lại của huyện Bằng Mạc hợp nhất thành huyện Chi Lăng; huyện Văn Uyên và huyện Thoát Lãng hợp nhất thành huyện Văn Lãng. Lúc này, tỉnh Lạng Sơn có 1 thị xã và 9 huyện: Bắc Sơn, Bình Gia, Cao Lộc, Lộc Bình, Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Quan, Văn Lãng, Tràng Định.

Ngày 27/12/1975, Khu tự trị Việt Bắc giải thể. Tháng 4/1976, hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn sáp nhập thành tỉnh Cao Lạng theo Nghị quyết của Kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa V. Ngày 29/12/1978, Kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa VI ban hành Nghị quyết tách tỉnh Cao Lạng thành hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn, sáp nhập huyện Đình Lập của tỉnh Quảng Ninh vào Lạng Sơn¹. Từ đây, tỉnh Lạng Sơn² có 1 thị xã và 10 huyện: Bắc Sơn, Bình Gia, Cao Lộc, Lộc Bình, Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Quan, Văn Lãng, Đình Lập, Tràng Định.

Gắn liền với lịch sử vùng đất Lạng Sơn là quá trình hình thành cộng đồng dân cư từ xa xưa. Tại hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, các nhà khảo cổ học đã tìm được một số răng của

1. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam, tập III (1976 - 1992)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.72.

2. Ngày 15/7/2009, Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Nghị quyết số 08/NQ-HĐND về công bố ngày 04/11/1831 là ngày thành lập tỉnh Lạng Sơn.

người vượn cổ, có niên đại từ 30 đến 40 vạn năm; trong lớp trầm tích của hang Kéo Lèng cũng tìm được những chiếc răng và mảnh xương trán của người hiện đại (Homosapiens) có niên đại cách ngày nay khoảng 3 - 4 vạn năm. Đến văn hóa Bắc Sơn (sơ kỳ đá mới) và văn hóa Mai Pha (hậu kỳ đá mới), các chứng tích chứng tỏ dấu vết sinh sống của con người càng được khẳng định thông qua các hiện vật phát hiện được như xương người và xương động vật, lớp vỏ nhuyễn thể, công cụ lao động bằng đá, mảnh gốm...

Cư dân văn hóa Bắc Sơn tiên sử đã biết sử dụng hang động làm nơi trú ẩn sinh sống, mặc dù đã biết đến nông nghiệp nhưng nguồn sống chính vẫn là nhờ săn bắt và hái lượm. Cư dân Bắc Sơn đã có bước nhảy vọt trong quá trình chinh phục thiên nhiên. Họ sinh sống chủ yếu bằng săn bắt hái lượm, bước đầu biết trồng trọt, chăn nuôi. Cấu trúc xã hội của cư dân Bắc Sơn vẫn nằm trong khuôn khổ công xã thị tộc mẫu hệ.

Cư dân văn hóa Mai Pha cư trú chủ yếu vẫn là trong các hang động và mái đá. Về cộng đồng xã hội lúc này chưa phát triển, họ sống quần cư tạo thành nhóm người hoặc tập thể hay bộ lạc, họ đã biết ăn chín, uống sôi. Người tiên sử Mai Pha đã có những cảm nhận về mỹ thuật từ rất sớm, từ mỹ thuật chạm khắc cho đến mỹ thuật tạo hình. Họ đã biết tạo tác ra các loại công cụ sản xuất, đồ trang sức,... bằng đủ mọi chất liệu đạt được đến trình độ cao. Đồng thời họ đã biết bảo lưu và sáng tạo những họa tiết, hoa văn trên đồ dùng và chế tác ra những công cụ, đồ trang sức đẹp hơn, thẩm mỹ hơn.

Sau thất bại của An Dương Vương và Nhà nước Âu Lạc trước cuộc xâm lược của nhà Triệu năm 179 trước Công nguyên, nước ta rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc. Thời Bắc thuộc, Lạng Sơn là vùng đất thuộc các châu kimi, chính quyền đô hộ gọi các cư dân ở đây là người Man, Lão, là tổ tiên của dân tộc Tày hiện nay.

Bước vào thời kỳ độc lập, tự chủ (năm 938) cho đến đầu thế kỷ XX, trải qua quá trình phát triển lâu dài cùng với những tác động của các điều kiện lịch sử, các dân tộc Dao, Mông, Hoa, Nùng, Kinh di cư đến Lạng Sơn dần hình thành nên một cộng đồng dân cư đa dân tộc. Đến năm 1985, địa bàn tỉnh Lạng Sơn có dân số khoảng trên 55 vạn người, bình quân mật độ dân số đạt gần 70 người/km². Trên địa bàn tỉnh có 6 dân tộc chính cư trú là: Nùng, Tày, Kinh, Dao, Sán Chay, Hoa.

2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi, biên giới thuộc vùng Đông Bắc Tổ quốc, với diện tích tự nhiên là 8.320,76 km², phía đông bắc giáp Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc) với đường biên giới dài 231,74 km; phía đông nam giáp tỉnh Quảng Ninh; phía tây giáp hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn; phía bắc giáp tỉnh Cao Bằng và phía nam giáp tỉnh Bắc Giang.

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi có địa thế tương đối thấp. Địa hình chủ yếu là đồi, núi thấp (độ cao dưới 700 m chiếm 96,27% diện tích toàn tỉnh, độ cao trên 700 m chiếm 3,73% diện tích); độ cao trung bình so với mực nước biển là 252 m. Điểm thấp nhất là 20 m, ở phía nam huyện Hữu Lũng,

trên thung lũng sông Thương; điểm cao nhất là đỉnh Phia Mè (thuộc khối núi Mẫu Sơn), cao 1.541 m. Địa hình được chia thành 3 tiểu vùng chính: vùng núi đá vôi thuộc cánh cung Bắc Sơn ở phía tây nam tỉnh, chạy từ Đình Cả (Thái Nguyên) qua Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng, Chi Lăng và Văn Quan; vùng đồi, núi thấp tả ngạn sông Kỳ Cùng và dọc theo thung lũng sông Thương; vùng máng trũng Thất Khê - Lộc Bình và đồi núi dọc biên giới Việt - Trung. Hướng địa hình tương đối đa dạng nhưng chủ đạo là hướng tây bắc - đông nam và đông bắc - tây nam.

Khí hậu Lạng Sơn mang tính chất nhiệt đới gió mùa có nét đặc thù của khí hậu Á nhiệt đới. Mùa hè nóng, ẩm, mưa nhiều; mùa đông khí hậu hanh khô và lạnh. Nhiệt độ trung bình hằng năm dao động trong khoảng 17 - 22°C, song có sự chênh lệch rõ rệt giữa các mùa, đặc biệt giữa mùa hè và mùa đông: mùa hè nhiệt độ có lúc lên đến 37 - 38°C, mùa đông thường dưới 10°C, vùng núi cao như Mẫu Sơn nhiệt độ có lúc xuống dưới 0°C, xuất hiện tuyết rơi. Lượng mưa trung bình đạt 1.200 - 1.600 mm/năm, độ ẩm không khí dao động trong khoảng 80 - 85%.

Do chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, lại nằm trong vùng đất dốc thuộc khu vực miền núi Đông Bắc, Lạng Sơn có mạng lưới sông ngòi tương đối dày đặc. Trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có các dòng sông chính: Sông Kỳ Cùng chảy theo hướng đông nam - tây bắc, nên còn được gọi là “dòng sông chảy ngược”, với chi lưu chính là sông Bắc Giang, sông Bắc Khê và sông Ba Thín; sông Thương là sông lớn thứ hai sau sông Kỳ Cùng với hai phụ lưu là sông Trung, sông Hóa;

ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có các sông Lục Nam, sông Nà Lang, sông Phố Cũ và sông Đồng Quy.

Hệ thống tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh tương đối phong phú. Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 831.009 ha, với 3 loại đất chính: Đất feralit núi thấp (dưới 700 m), đất feralit mùn trên núi cao (700 - 1.500 m) và đất phù sa. Tài nguyên rừng: diện tích đất lâm nghiệp có rừng là 277.394 ha (chiếm 33,4% diện tích đất tự nhiên), trong đó, diện tích rừng tự nhiên 185.456 ha, rừng trồng 91.937 ha. Tài nguyên khoáng sản trữ lượng tuy không lớn, nhưng khá phong phú, đa dạng về chủng loại như: than nâu ở Na Dương (Lộc Bình); than bùn ở Bình Gia; photphorit ở Hữu Lũng; bôxít ở Văn Lãng, Cao Lộc; vàng sa khoáng ở Tân Văn, Văn Mịch (Bình Gia), Bản Trại, Đào Viên (Tràng Định)... Các loại tài nguyên thiên nhiên trên nếu được khai thác và sử dụng hợp lý thì sẽ phát huy hiệu quả và vai trò tích cực đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh.

3. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của tỉnh, gồm trồng trọt và chăn nuôi. Trong trồng trọt, các loại cây trồng chủ yếu là lúa nước, lúa cạn, ngô, khoai, sắn, đỗ tương, lạc, vừng, mía, thuốc lá... Phương thức sản xuất quảng canh, manh mún, cá thể, sản xuất nhỏ đã và đang chuyển sang thâm canh, tập trung chuyên canh. Do các biện pháp khoa học, kỹ thuật được ứng dụng ngày càng rộng rãi nên năng suất cây trồng tăng khá hơn so với các thời kỳ trước. Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm với các loài vật

nuôi như trâu, bò, dê, lợn, gà, vịt đều phát triển mang lại lợi ích kinh tế.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cũng đang được mở rộng. Mỏ than Na Dương, phốt phát Vĩnh Thịnh, các cơ sở sản xuất dầu hôi, cơ khí, chế biến lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm, nhà máy dượt phẩm, nhà máy đường, nhà máy giấy, nhà máy xi măng và nhiều hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đã được tổ chức đi vào sản xuất, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế và đời sống nhân dân.

Mạng lưới giao thông ở Lạng Sơn khá thuận tiện. Trong tỉnh có 87 km đường sắt, gần 400 km quốc lộ thuộc các tuyến đường 1A, 1B, 4A, 4B.

Với vị trí là đầu mối giao lưu kinh tế, tỉnh Lạng Sơn có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển ngành thương mại. Từ năm 1950, sau khi biên giới Việt - Trung được giải phóng, ngành thương mại của tỉnh có điều kiện phát triển mạnh. Năm 1960, thương nghiệp quốc doanh từng bước xây dựng được mạng lưới kinh doanh với hàng trăm cửa hàng tập trung và lưu động, hợp tác xã mua bán, đáp ứng nhu cầu thu mua nông sản, thực phẩm và bán hàng tiêu dùng cho nhân dân trong tỉnh. Ngoại thương chủ yếu tập trung nhập các thiết bị, phân bón phục vụ sản xuất và xuất khẩu nông sản với Trung Quốc.

II- CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG

1. Các giá trị văn hóa

Lạng Sơn là vùng đất giàu truyền thống văn hóa - lịch sử. Với lịch sử phát triển lâu đời cùng cộng đồng dân cư đa



Hang Thẩm Khuyên - di tích lịch sử cấp quốc gia,
xã Tân Văn, huyện Bình Gia



Thành nhà Mạc - di tích lịch sử cấp quốc gia,
phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn



Rìu đá Bắc Sơn “mài lưỡi” - di vật của nền văn hóa Bắc Sơn



Động Tam Thanh - di tích lịch sử cấp quốc gia,
phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn

dân tộc và điều kiện tự nhiên ưu đãi đã tạo nên sự độc đáo, phong phú và đa dạng của hệ thống các di sản văn hóa Xứ Lạng từ tiền sử và sơ sử đến cận hiện đại, được phân bố rộng khắp trên địa bàn từ thành phố, thị trấn đến vùng cao, biên giới với 4 loại hình di tích chính là: Di tích khảo cổ học; kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng; di tích lịch sử - cách mạng và danh lam thắng cảnh.

Về di tích khảo cổ học, nổi bật nhất là văn hóa Bắc Sơn và văn hóa Mai Pha vào thời kỳ tiền sử và sơ sử. Văn hóa Bắc Sơn có niên đại cách ngày nay khoảng 7.000 năm¹, thuộc thời sơ kỳ đá mới và là một văn hóa khảo cổ tiêu biểu nhất cho giai đoạn phát triển cao của kỹ nghệ cuội Việt Nam và Đông Nam Á. Trong văn hóa Bắc Sơn, cư dân đã biết đến nông nghiệp, làm đồ gốm nhưng nguồn sống chính vẫn nhờ săn bắt, hái lượm và hiện vật tiêu biểu nhất là rìu và dấu Bắc Sơn bằng đá. Các di tích văn hóa Bắc Sơn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hiện nay còn tương đối nhiều, tiêu biểu như: hang Thẩm Khách, mái đá phố Bình Gia, mái đá Con Ké, Nà Ngụm, Kéo Phây, Đồng Thuộc, Nà Ché, Bình Long, Phai Vệ I²... Văn hóa Bắc Sơn đã có những đóng góp tích cực cho sự nảy sinh và hình thành của một số văn hóa hậu kỳ đá mới ở Việt Nam, trong đó có văn hóa Mai Pha. Văn hóa Mai Pha có niên đại cách ngày nay khoảng 3.000 - 6.000 năm, thuộc thời hậu kỳ đá mới - sơ kỳ kim khí. So với văn hóa Bắc Sơn, văn hóa

1. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên): *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Sdd, tr.13.

2. Xem Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Lạng Sơn: *Di sản văn hóa Lạng Sơn (tập I - văn hóa vật thể)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006, tr.19.

Mai Pha ở trình độ phát triển cao hơn cả về mặt kỹ thuật chế tác công cụ lao động, nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật trang trí. Cùng với sự phát triển của kỹ thuật chế tác, loại hình đồ đá, đồ trang sức thì những hiện vật đồ gốm độc đáo tạo nên nét đặc trưng, tiêu biểu của văn hóa Mai Pha.

Hệ thống di tích kiến trúc nghệ thuật và tôn giáo, tín ngưỡng gồm các loại di tích như: thành cổ, đình, đền, chùa, văn bia... có giá trị nghệ thuật cao. Lạng Sơn có 241 đơn vị di tích tiêu biểu như: Đền Kỳ Cùng, đền Tả Phủ, đền Bắc Lệ, đền Mẫu Đồng Đăng, đền Khánh Sơn, đền Phố Vị, di tích chùa Tam Thanh, chùa Thành, chùa Bắc Nga, chùa Trung Thiên, đình Nông Lục, đình Vàng Khắc, nhà bia Thủy môn đình... Các loại hình di tích đa dạng và mật độ di tích tương đối dày đã phản ánh đời sống văn hóa tinh thần phong phú của đồng bào các dân tộc Lạng Sơn, tạo dựng nên truyền thống văn hóa đa dạng, đặc sắc.

Loại hình di tích lịch sử - cách mạng có số lượng khá lớn với 214 đơn vị di tích, ghi dấu các chiến công oai hùng, hiển hách, những sự kiện lịch sử hào hùng của đồng bào các dân tộc Lạng Sơn nói riêng và cả nước nói chung trong sự nghiệp đấu tranh giữ nước từ thế kỷ X đến thế kỷ XX. Nhiều di tích có ý nghĩa, giá trị trong việc giáo dục truyền thống yêu quê hương, đất nước cho các thế hệ trẻ như: Khu di tích lịch sử Chi Lăng, Đoàn thành Lạng Sơn, thành nhà Mạc, bia Kéo Lếch, bia Thủy môn đình, khu di tích quốc gia đặc biệt khởi nghĩa Bắc Sơn, khu di tích khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh, di tích lưu niệm Bác Hồ, di tích nhà lưu niệm đồng chí Hoàng Văn Thụ, di tích nhà lưu niệm đồng chí

Lương Văn Tri, khu du kích Ba Sơn, khu di tích lịch sử kháng chiến Kéo Coong, cụm di tích lịch sử cách mạng huyện Văn Lãng, cụm di tích lịch sử cách mạng huyện Tràng Định...

Loại hình di tích danh lam thắng cảnh gồm 52 đơn vị di tích được kiểm kê, với nhiều hang động phân bố ở các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Văn Quan, Chi Lăng, Văn Lãng, Tràng Định và thành phố Lạng Sơn. Hệ thống danh lam thắng cảnh tuy được hình thành do cấu tạo địa lý, địa chất tự nhiên và sự biến động của địa chất nhưng qua các thời kỳ lịch sử dưới sự tác động của khối óc và bàn tay con người, các danh lam thắng cảnh không đơn thuần chỉ là báu vật của tự nhiên mà nó mang đặc tính văn hóa và đi vào tiềm thức của nhân dân như: Núi Tô Thị, khu danh lam thắng cảnh Nhị Thanh - Tam Thanh:

“Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

Ai lên xứ Lạng cùng anh

Bõ công bác mẹ sinh thành ra em”.

Tỉnh Lạng Sơn - vùng đất giàu truyền thống văn hóa - lịch sử còn là nơi sản sinh và lưu giữ nhiều giá trị văn hóa tinh thần. Trong cuộc sống hàng ngày, ngoài các hoạt động lao động sản xuất, đồng bào các dân tộc Lạng Sơn còn sáng tạo ra nhiều loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian dân tộc như hát Then, Sli, lượn, đàn tính của đồng bào Tày, Nùng, hát đối đáp giao duyên của đồng bào người Dao... góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần. Bên cạnh đó, Lạng Sơn cũng là quê hương của nhiều lễ hội truyền thống hấp dẫn, ý nghĩa như: Lễ hội Lồng Tồng, lễ hội Búng Kham, lễ

hội đầu pháo Kỳ Lừa, lễ hội chùa Tam Thanh... Các lễ hội ở Lạng Sơn vừa mang những đặc trưng của lễ hội cổ truyền Việt Nam, vừa mang sắc thái riêng của vùng văn hóa xứ Lạng, thể hiện ước nguyện cuộc sống ấm no, hạnh phúc, an lành. Ngày nay, trong điều kiện kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, đặc biệt là kinh tế du lịch, các giá trị văn hóa truyền thống của xứ Lạng, thực sự trở thành một tài nguyên, tiềm năng lớn để Lạng Sơn phát triển du lịch một cách mạnh mẽ hơn.

2. Truyền thống yêu nước

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, vùng đất Lạng Sơn luôn đóng vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh giữ nước, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc. Lạng Sơn là nơi tiếp đón sứ bộ hai nước, chứng kiến rất nhiều sự kiện ngoại giao, hòa hiếu thông qua các cuộc gặp gỡ tại cửa quan Nam Giao - xưa kia vốn được gọi là Trấn Nam Quan. Tính từ năm 972 (thời nhà Đinh) đến năm 1848 (nhà Nguyễn), trên địa bàn Lạng Sơn đã có 203 đoàn Việt Nam và 90 đoàn Trung Quốc qua lại, gặp mặt để giải quyết các vấn đề ngoại giao giữa hai nước¹.

Lạng Sơn cũng là nơi ghi dấu những chiến công hiển hách trong lịch sử. Năm 981, nhà Tống phái Hầu Nhân Bảo, Lưu Trưng, Tôn Toàn Hưng đem quân tấn công xâm lược nước ta. Đạo quân bộ do chủ tướng Hầu Nhân Bảo chỉ huy tiến qua

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Địa chí Lạng Sơn, Sđd*, tr.281.

đường Lạng Sơn. Tận dụng địa thế hiểm trở của Lạng Sơn, vua Lê Đại Hành đưa quân lên ả Chi Lăng đặt phục binh, giết được Hầu Nhân Bảo, quân giặc tan vỡ, đám quân thủy tiến theo đường sông Bạch Đằng nghe tin chủ tướng bị giết, hoảng sợ rút chạy về Trung Quốc. Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất hoàn toàn giành thắng lợi, trong đó mặt trận Lạng Sơn đóng vai trò quan trọng.

Năm 1075, nhà Tống tập trung binh mã ở phương nam để xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Quân đội nhà Lý dưới sự chỉ huy của Thái úy Lý Thường Kiệt chủ động tiến công vào đất Tống nhằm tiêu diệt các căn cứ quân sự, quân lương của quân Tống. Tù trưởng Thân Cảnh Phúc¹, Vi Thủ An, Tông Đản, Lưu Kế Tông chỉ huy mấy vạn con em các dân tộc thiểu số đánh thẳng lên thành Ung Châu, phối hợp với đạo quân chủ lực của Thái úy Lý Thường Kiệt đi bằng đường thủy tiến đánh Liêm Châu đập tan sự chuẩn bị của vua quan nhà Tống cho cuộc tiến công xâm lược Đại Việt.

Mùa xuân năm 1077, hơn 30 vạn quân Tống do Quách Quỳ và Triệu Tiết chỉ huy theo đường ả Nam Quan tấn công Đại Việt. Tới khu vực ả Chi Lăng, quân Tống gặp sự kháng cự quyết liệt của dân quân động Giáp do Thân Cảnh Phúc chỉ huy. Trước thế tấn công ồ ạt của đối phương, Thân Cảnh Phúc phải cho quân dân động Giáp rút lui vào rừng núi để bảo toàn lực lượng. Sau khi rút lui, Thân Cảnh Phúc cùng

1. Thân Cảnh Phúc là Phò mã nhà Lý, thủ lĩnh người Tày ở châu Quang Lang (nay thuộc huyện Chi Lăng), gia tộc có nhiều đời làm thổ mục ở động Giáp (vùng Nam tỉnh Lạng Sơn và phía bắc tỉnh Bắc Giang hiện nay).

các tù trưởng: Sầm Khánh Tuân, Nùng Trọng Linh,... tổ chức dân binh động Giáp dùng chiến thuật du kích làm tiêu hao sinh lực quân Tống, quấy rối vùng sau lưng của chúng, góp phần cùng quân chủ lực triều đình do Thái úy Lý Thường Kiệt chỉ huy đánh bại hoàn toàn quân xâm lược nhà Tống trên phòng tuyến sông Như Nguyệt.

Triều đại nhà Trần (1226 - 1400) với “hào khí Đông A” lập chiến công lừng lẫy ba lần đánh thắng quân Mông - Nguyên xâm lược. Trong cả ba cuộc chiến đó đều có sự đóng góp tích cực của nhân dân các dân tộc Lạng Sơn. Đặc biệt trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1287), dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh người Tày là Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Lĩnh ở châu Ma Lục, nhân dân Lạng Sơn đã lập được nhiều chiến công vang dội. Năm 1285, khi quân đội nhà Trần tổng phản công, quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy cùng tên phản quốc Trần Kiện rút chạy qua địa phận Lạng Sơn. Thủ lĩnh Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Lĩnh phối hợp cùng Nguyễn Địa Lô (gia tướng của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn) chặn đánh quân Nguyên, bắn chết Trần Kiện và nhiều quân địch.

Năm 1287, quân Nguyên lại đem quân sang xâm lược lần thứ ba, đạo quân chủ lực của Thoát Hoan đi trước về Thăng Long, theo sau là đám phản quốc Lê Tắc, Lê An đem 5.000 quân hộ tống Trần Dục (con Trần Ích Tắc) về nước. Thủ lĩnh Nguyễn Thế Lộc chỉ huy cánh quân phục kích ở ải Nội Bàng. Quân của Lê Tắc rơi vào trận phục kích, bị tổn thất nhưng vẫn tiến qua biên giới. Nguyễn Thế Lộc tiến hành bao vây hai mặt, chừa lại mặt hướng bắc, Lê Tắc phải

dựa vào sông Lục Nam để bày trận chống trả nhưng không địch nổi, buộc phải theo hướng bắc quay lại biên giới. Cuối cuộc chiến, quân Thoát Hoan rút chạy qua Lạng Sơn bị thủ lĩnh Nguyễn Thế Lộc điều quân truy kích gây tổn thất nặng nề. Những chiến công của nhân dân Lạng Sơn dưới sự chỉ huy của thủ lĩnh Nguyễn Thế Lộc đã góp phần vào chiến thắng vĩ đại của dân tộc.

Trong khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427), trên địa bàn Lạng Sơn diễn ra trận quyết chiến chiến lược góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa. Sau thất bại nặng nề ở Tốt Động - Chúc Động (Chương Mỹ - Hà Nội), vua Minh sai Liễu Thăng và Mộc Thạnh đem 15 vạn quân tăng viện cho Vương Thông. Ngày 18/9/1427, Chinh lỗ tướng quân Liễu Thăng cùng Tham tướng Lương Minh, Đô đốc Thôi Tụ, Binh bộ Thượng thư Lý Khánh, Công bộ Thượng thư Hoàng Phúc, thổ quan Hữu bố chính sứ Nguyễn Đức Huân đem hơn 10 vạn quân và 2 vạn ngựa đánh vào cửa Pha Lũy nhằm hướng ải Chi Lăng, Xương Giang tiến về hướng Đông Quan hội quân cùng Vương Thông.

Trước tình hình đó, Lê Lợi sai các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Lãn, Đinh Liệt, Lê Thụ đem 1 vạn quân tinh nhuệ, 5 voi chiến lên bí mật mai phục tại ải Chi Lăng để đợi quân Minh. Quân Minh tiến đánh ải Pha Lũy, tướng giữ ải là Trần Lựu chặn đánh địch rồi lui quân về giữ cửa Ải Lưu. Quân Minh tiến đến Ải Lưu, quân Trần Lựu gây cho địch nhiều tổn thất rồi tiếp tục lui về Chi Lăng, Liễu Thăng hung hăng đuổi theo. Ngày 10/10/1427, quân Minh đánh ải Chi Lăng, tướng Trần Lựu vừa đánh vừa rút lui

nhử địch, Liễu Thăng cho đại quân đuổi theo. Đến chỗ phục binh, các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú tung quân mai phục chặn đánh, hơn 100 kỵ binh của địch bị tiêu diệt, Liễu Thăng bị chém đầu tại núi Mã Yên¹. Chủ tướng chết, quân Minh như rắn mất đầu. Trong trận chiến này, nhân dân các dân tộc Lạng Sơn dưới sự chỉ huy anh dũng của thủ lĩnh Đại Huệ đã sát cánh cùng nghĩa quân Lam Sơn lập được chiến công vang dội². Chiến thắng Chi Lăng cùng với các chiến thắng tiếp theo của nghĩa quân ở Cần Trạm, Xương Giang đã đánh bại ý chí chiến đấu của quân Minh ở thành Đông Quan, buộc Tổng binh Vương Thông phải xin hòa, rút quân về nước, kết thúc cuộc khởi nghĩa trường kỳ gian khổ của nghĩa quân Lam Sơn, giành lại độc lập tự chủ cho nước nhà.

Trong chiến dịch thần tốc mùa Xuân Kỷ Dậu (1789) của quân Tây Sơn do vua Quang Trung - Nguyễn Huệ chỉ huy tiêu diệt quân Thanh xâm lược, các đội quân vùng Văn Uyên, Thoát Lãng do phiên thân³ Nguyễn Đình Vượng chỉ huy đã liên tục tiến hành tập kích giặc ở Đoàn Thành, Kỳ Lừa, Hoàng Đồng, phối hợp cùng quân chủ lực Tây Sơn chặn đánh tướng Tôn Sĩ Nghị rút chạy từ Đoàn Thành đến ải Pha Lũy, góp phần làm nên chiến công vang dội trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập của quốc gia, dân tộc.

1. Xem Đại Việt sử ký toàn thư - Bản kỷ, Quyển X, tr.350.

2. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Địa chí Lạng Sơn, Sđd*, tr.202.

3. Được thế tập nhiều đời.

Tiếp nối truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm trong thời kỳ Pháp thuộc, nhân dân Lạng Sơn kiên cường đấu tranh chống quân thù. Tiêu biểu là chiến công của nghĩa quân các dân tộc vùng Hữu Lũng - Chi Lăng do thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh chỉ huy (1883 - 1888). Bước sang thế kỷ XX, phong trào đấu tranh yêu nước tại Lạng Sơn được tiếp nối với tấm gương hy sinh của cụ Hoàng Văn Xa (1851 - 1913) - là Chánh quản cơ lính khố xanh ở đồn Thất Khê, ở Thất Khê - Tràng Định. Cụ tham gia hoạt động bí mật chống thực dân Pháp, bị bắt, cụ giữ vững khí tiết, tuyệt thực và hy sinh trong ngục năm 1913¹. Cuộc chiến đấu của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh và tấm gương hy sinh của cụ Hoàng Văn Xa là tấm gương thể hiện tinh thần yêu nước cao đẹp, ý chí kiên cường trước kẻ thù của nhân dân các dân tộc Lạng Sơn, tiếp nối xứng đáng truyền thống đấu tranh yêu nước của các thế hệ ông cha trên mảnh đất xứ Lạng.

Năm 1925, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, truyền bá con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin về nước. Lạng Sơn có nhiều thanh niên sớm được tuyên truyền, giác ngộ, trở thành yếu nhân của phong trào cách mạng như các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri. Ngay từ năm 1928, Lạng Sơn đã có những thanh niên yêu nước được giác ngộ, tích cực tham gia hoạt động và trở thành một trong những lãnh đạo chủ chốt của Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung ương Đảng sau này. Năm 1930,

1. Xem Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thề: *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr.329.

Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, truyền thống đấu tranh yêu nước của nhân dân các dân tộc Lạng Sơn được phát huy mạnh mẽ hơn. Năm 1933, Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Lạng Sơn thành lập, từng bước mở rộng cơ sở và phong trào ra toàn tỉnh. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (năm 1940) là tiếng súng đầu tiên mở đầu thời kỳ đấu tranh vũ trang, tiến tới giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ (1945 - 1975) và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa sau năm 1975, quân và dân Lạng Sơn luôn đồng lòng nhất trí dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, hoàn thành mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Chương I

**CHI BỘ ĐẢNG ĐẦU TIÊN THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO
NHÂN DÂN LẠNG SƠN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN
(1930 - 1945)**

I- QUÁ TRÌNH CHUYỂN BIẾN TỪ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC
SANG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
CỦA NHÂN DÂN LẠNG SƠN DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Từ năm 1891, sau khi hoàn thành việc bình định xong các tỉnh Bắc Kỳ, cũng như nhiều tỉnh, thành khác, thực dân Pháp bắt đầu thiết lập chính quyền đô hộ của chúng ở Lạng Sơn.

Để củng cố hệ thống hành chính cai trị từ trên xuống dưới, ngoài việc đưa người Pháp nắm giữ các vị trí quan trọng, thực dân Pháp tiếp tục duy trì đội ngũ quan lại tay sai người địa phương, thực hiện âm mưu “dùng người Việt trị người Việt”. Đứng đầu cấp tỉnh là quan tuần phủ¹, từ năm 1913, chúng lập ra Hội đồng hàng tỉnh², có chức năng tư vấn cho chính quyền cai trị tỉnh, nhưng thực tế đây là hội đồng bù nhìn, thành viên

1. Từ sau năm 1831, vua Minh Mạng đổi trấn thành tỉnh, đặt chức tổng đốc, tuần phủ đứng đầu tỉnh. Đối với các tỉnh nhỏ, ít dân, quan đứng đầu được gọi là tuần phủ.

2. Còn gọi là Hội đồng kỳ mục bản xứ hàng tỉnh.

hội đồng đều là quan lại các cấp. Ở cấp châu, phủ có tri châu hoặc tri phủ, ở cấp tổng có chánh tổng và phó tổng, cấp xã có lý trưởng và phó lý. Công việc chủ yếu của chức dịch là dò la, khám xét, đốc phu, bắt lính, thu thuế nhân dân ta.

Để phục vụ mục đích kiểm soát và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp thiết lập lực lượng quân sự mạnh trên địa bàn tỉnh. Chúng đặt các đồn binh lớn tại Thất Khê, Na Sầm, Đồng Đăng, Lộc Bình khống chế dọc tuyến đường số 4. Mỗi đồn có một đại đội lính khố đỏ do một quan ba (đại úy) chỉ huy. Các đồn lính khố đỏ có quy mô cấp trung đội do sĩ quan Pháp chỉ huy đặt ở Pò Mã (Tràng Định), Na Làng, Bản Xâm (Cao Lộc), Than Muội (Ôn Châu), phố Bình Gia và phố Diềm He. Bên cạnh đó, chúng lập thêm một số tiểu đoàn lính khố đỏ, pháo thủ và một đại đội lính khố xanh đóng giữ thị xã; xây dựng các pháo đài kiên cố được trang bị đại bác đặt trên núi cao như Đèo Giang, Văn Vĩ để khống chế thị xã Lạng Sơn. Cùng với việc củng cố đội quân nhà nghề, ở cấp tổng, xã chúng duy trì thêm bộ phận lính dõng. Số lính trong toàn tỉnh có lúc lên tới 2.000 người, được trang bị đầy đủ súng đạn, hỗ trợ đắc lực cho quan lại các địa phương thu thuế, bắt lính, đốc phu và đàn áp mọi hành động phản kháng của nhân dân.

Đứng đầu hệ thống hành chính cai trị và quân sự là hai công sứ và phó sứ thực dân nắm quyền điều khiển tối cao, quyết định mọi việc trong tỉnh. Những ngành quan trọng như giao thông, thương chính, cảnh sát đều do thực dân Pháp thâm tóm, điều hành. Giúp việc trực tiếp, đắc lực cho công sứ là những đồn trưởng kiêm chức đại lý ở các châu, phủ. Các đại lý này thao túng toàn bộ quyền hành ở những khu vực chúng đóng giữ, biến lực lượng quan lại, phong kiến

thành bù nhìn, tay sai phục vụ cho mọi hành động vơ vét và đàn áp của chúng.

Đồng thời với việc thiết lập và tăng cường củng cố hệ thống hành chính cai trị và quân sự đàn áp, thực dân Pháp đề ra nhiều chính sách phản động về chính trị và kinh tế.

Thủ đoạn chính trị xảo quyệt nhất của thực dân Pháp thực hiện ở Lạng Sơn là thi hành chính sách “chia rẽ dân tộc” nhằm làm suy yếu sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Bên cạnh đó, chúng kích động sự hằn thù giữa dân tộc Kinh với các dân tộc Tày, Nùng, Dao; giữa người Tày với người Nùng; giữa người Tày, người Nùng với người Dao. Đối với số người Hoa sống ở Lạng Sơn, chúng cho ban hành cái gọi là “chế độ ngoại kiều” cùng một số chính sách đối xử riêng rẽ nhằm kích động chủ nghĩa dân tộc, phá vỡ mối quan hệ vốn có giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Trung Quốc.

Thực hiện âm mưu nô dịch lâu dài, thực dân Pháp thi hành chính sách hạn chế về giáo dục, đầu độc về văn hóa. Trên địa bàn Lạng Sơn, chúng chỉ mở một trường tiểu học toàn phần cho cả khu vực miền núi phía đông bắc. Ở một số châu, phủ đặt trường tiểu học bán cấp, ở một số nơi chỉ có trường sơ học, các xã vùng cao đều không có trường. Đến năm 1931, cả tỉnh chỉ có 56 trường học với 3 viên đốc học, 9 giáo viên tiểu học (trong đó có 1 giáo viên nữ), 55 giáo viên sơ học (có 2 giáo viên nữ) với 2.813 học sinh. Thị xã Lạng Sơn có 2 trường tiểu học: Trường con gái ở phố Chi Lăng và trường con trai ở phố Đông Kinh¹. Các trường thu học phí rất cao, muốn học đến Thành chung (tương đương với cấp II), Tú tài (tương đương với cấp III) đều phải xuống Hà Nội. Tình trạng giáo dục đó dẫn

1. Xem Tài liệu E0 N0 78461 lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I.

tới hơn 95% đồng bào các dân tộc trong tỉnh mù chữ. Đến năm 1939, toàn tỉnh mới có 3 người có trình độ cao đẳng¹.

Trong thời kỳ này, toàn tỉnh Lạng Sơn mới có một bệnh viện nhỏ ở tỉnh lỵ và một bệnh xá ở thị trấn Thất Khê, mỗi cơ sở có 1 y sĩ, 1 y tá và vài hộ lý. Mỗi châu, phủ chỉ có 1 y tá. Đến năm 1931, cả tỉnh mới có 6 cơ sở khám, chữa bệnh với 3 y sĩ, 11 y tá, 9 nữ hộ sinh, ở thị xã có vài hiệu thuốc tân dược và thuốc bắc². Tuy nhiên, hệ thống này phục vụ chính cho những kẻ có quyền thế và giàu có. Còn lại, người dân lao động khi bị bệnh thường tìm cách chữa trị bằng kinh nghiệm dân gian hoặc cầu cúng. Tình trạng tử vong do dịch bệnh, ốm đau ở người lớn và chết yếu ở trẻ nhỏ thường xuyên xảy ra, nhất là ở vùng cao hẻo lánh.

Đồng thời với chính sách hạn chế giáo dục, thực dân Pháp cấu kết với quan lại phong kiến ra sức duy trì các hủ tục lạc hậu và các tệ nạn khác trong đời sống nhân dân. Tục lệ cưới xin, ma chay, cúng bái, mo then tốn kém diễn ra phổ biến ở khắp các làng xã. Nạn cờ bạc, rượu chè, hút thuốc phiện, mại dâm đã đe dọa nghiêm trọng đến đời sống của người dân lao động nghèo khổ.

Chế độ thực dân phong kiến bóc lột cùng kiệt nhân dân bằng hệ thống thuế khóa nặng nề với nhiều sắc thuế vô lý. Trong đó, dã man nhất là thuế thân với 14 hạng, cao nhất là 10 đồng, loại thấp nhất là 1 đồng. Ngoài thuế thân, người dân còn phải đóng hàng chục thứ thuế nặng nề khác như: thuế ruộng đất, thuế nhà ở, thuế lâm sản, thuế chợ,...

1, 2. Xem Liên đoàn lao động tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn tỉnh Lạng Sơn (1925 - 2006)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2008, tr.19, 20.

Ngoài gánh nặng thuế khóa, hàng năm người dân còn thường xuyên bị đốc phu, đốc lính, phục dịch cho kế hoạch khai thác, vơ vét và đàn áp của thực dân Pháp. Thực dân Pháp huy động, cưỡng ép hàng vạn lượt dân phu mở các tuyến đường sắt phủ Lạng Thương - Lạng Sơn, đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, cải tạo các tuyến quốc lộ 1 (Hà Nội - Đồng Đăng), quốc lộ 4 (từ Móng Cái qua Lạng Sơn đến Cao Bằng), đường Đồng Đăng qua Bình Gia, Bắc Sơn về Thái Nguyên. Ngoài việc dùng các tuyến đường này phục vụ cho kế hoạch khai thác, vận chuyển quân sự, thực dân Pháp còn dùng để làm phương tiện kinh doanh, phục vụ cho chiến tranh đế quốc. Trong hai năm 1938 - 1939, Pháp cho Mỹ thuê đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng sang Trung Quốc để chuyên chở vũ khí, trang bị cung cấp cho Tưởng Giới Thạch đánh Nhật và phá hoại phong trào cách mạng Trung Quốc.

Nền kinh tế ở Lạng Sơn dưới thời Pháp thuộc chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, quảng canh manh mún, năng suất thấp và thường xuyên bị thiên tai đe dọa. Công nghiệp chủ yếu là ngành khai thác mỏ và một số ngành phục vụ nhu cầu tại chỗ. Năm 1911, thực dân Pháp bắt đầu khai thác mỏ kẽm Anbe ở Tuần Muội với diện tích 330 ha, với khoảng 350 công nhân. Từ sau năm 1919, thực dân Pháp mở thêm mỏ than Na Dương (Lộc Bình), nhưng đến năm 1940 thì dừng khai thác. Một số ngành công nghiệp khác cũng được phát triển với quy mô nhỏ lẻ như điện (công suất khoảng 400 kW); chế biến canxi cacbua để cung cấp cho nhà máy sản xuất ôxy và axetylen (công suất khoảng 3,6 đến 5 tấn/ngày)¹.

1. Xem Liên đoàn lao động tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn tỉnh Lạng Sơn (1925 - 2006)*, Sđd, tr.23-24.

Các ngành công nghiệp và giao thông bước đầu phát triển kéo theo sự hình thành của đội ngũ công nhân tại Lạng Sơn. Ngoài công nhân và phu bản địa, thực dân Pháp thu nhận thêm hàng ngàn công nhân, phu mỏ từ các tỉnh miền xuôi như Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên,... Người nông dân khi đăng ký làm phu mỏ phải đáp ứng yêu cầu sức khỏe tốt, bị khám xét kỹ lưỡng. Đời sống của công nhân và phu mỏ hết sức khổ cực, giờ làm việc thường từ 12 đến 14 tiếng/ngày với mức lương rẻ mạt từ 30 đến 40 xu; thường xuyên bị chủ và cai đánh đập, trừ lương. Khi ốm đau không được chú quan tâm, thậm chí còn bị cắt luôn phần cơm ăn trong những ngày nghỉ ốm.

Bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột đến cùng cực, thường xuyên bị đối xử một cách bất công, tàn nhẫn khiến cho đông đảo nhân dân các dân tộc trong tỉnh nuôi dưỡng ý chí đấu tranh kiên cường để giành lại độc lập, tự do.

Trong những năm 1892 - 1895, khi thực dân Pháp xây dựng đường sắt ở Lạng Sơn, công nhân đã thể hiện tinh thần yêu nước và đấu tranh giai cấp mạnh mẽ. Công nhân đường sắt phối hợp với nghĩa quân Đề Thám bắt cóc nhiều tên trùm thực dân như Vêzin, Sécnay... đổi tiền chuộc để lấy tiền ủng hộ nghĩa quân mua vũ khí; tổ chức bỏ trốn tập thể¹ để đòi chủ phải thay đổi điều kiện sinh hoạt cho công nhân. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), công nhân và phu mỏ Lạng Sơn còn tiếp tục tổ chức nhiều lần bãi công đòi quyền lợi. Trong các cuộc đấu tranh đó, những công nhân

1. Như tháng 12/1894, toàn bộ 258 công nhân làm đường sắt ở khu Cao Ái, Lạng Giai và Đèo Bà tổ chức bỏ trốn.

Lạng Sơn sớm liên kết tạo khối đoàn kết thống nhất chống lại sự khủng bố của tư bản, thực dân.

Bên cạnh các phong trào đấu tranh của công nhân chống áp bức, bóc lột, trong hơn 20 năm đầu thế kỷ XX, nhân dân Lạng Sơn tích cực hưởng ứng các phong trào yêu nước, nhiều lần tổ chức phản kháng vũ trang chống lại sự áp bức của thực dân phong kiến. Năm 1912, khi nhà yêu nước Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang Phục hội và Việt Nam Quang Phục quân, nhiều người dân Lạng Sơn đã tích cực tham gia, điển hình như cụ Hoàng Văn Xa - Chánh Quản cơ huyện Tràng Định. Khi hoạt động của Việt Nam Quang Phục hội thất bại, nhiều người dân Lạng Sơn bị khủng bố, đàn áp phải tạm lánh sang Trung Quốc. Năm 1914, do phần uất trước hành động đàn áp của thực dân Pháp đối với đồng bào ta, hai viên xã đoàn¹ ở tổng Hành Lư (châu Thoát Lãng) chỉ huy một nhóm lính đồng nổi dậy tập kích, tiêu diệt một số lính Pháp đóng tại đồn Nà Han. Tháng 9/1921, nhân dân xã Tân Yên (châu Văn Uyên) phối hợp với một số lính đồng yêu nước ở đồn Pác Luống mai phục, chặn đường tiêu diệt tuần phủ Cung Khắc Đản khi đang trên đường từ Tràng Định trở về tỉnh lỵ. Sau vụ mai phục này, thực dân Pháp khủng bố dã man các xóm Cốc Nam, Khưa Đa, Ma Mèo, Tà Lài, buộc nhiều gia đình phải trốn sang Trung Quốc sinh sống. Những cuộc đấu tranh đơn lẻ và tự phát đó đã phản ánh ý chí đấu tranh kiên cường của nhân dân Lạng Sơn.

1. Xã đoàn phụ trách duy trì trật tự trị an trong xã, dưới quyền xã đoàn có tuần đinh.

Năm 1924, tiếng bom vang dội của người thanh niên cách mạng Phạm Hồng Thái mưu giết toàn quyền Mécclanh ở Quảng Châu đã cổ vũ tinh thần yêu nước của tầng lớp thanh niên. Tháng 11/1924, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu, Trung Quốc. Người bồi dưỡng và cải tổ các thanh niên yêu nước trong tổ chức Tâm tâm xã và thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 6/1925), xuất bản tờ báo *Thanh niên* và tổ chức nhiều lớp huấn luyện cán bộ sau đó đưa về gây dựng cơ sở cách mạng trong nước.

Hưởng ứng cuộc vận động cách mạng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, một số thanh niên yêu nước ở thị xã Lạng Sơn bí mật tiếp cận sách báo, tài liệu của Hội, đồng thời thành lập Nhóm học sinh yêu nước ở Trường Tiểu học Pháp - Việt Lạng Sơn, trong đó tiêu biểu là Hoàng Văn Thụ (1909 - 1944), Lương Văn Tri (1910 - 1941).

Tháng 6/1925, nhà yêu nước Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt ở Thượng Hải, đưa về giam giữ ở Hỏa Lò (Hà Nội); tháng 3/1926, chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh qua đời ở Sài Gòn đã dấy lên phong trào đấu tranh của thanh niên, học sinh cả nước. Hòa cùng phong trào của cả nước, dưới sự vận động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, phong trào đòi thả cụ Phan Bội Châu và để tang cụ Phan Chu Trinh được tổ chức rộng rãi ở Lạng Sơn. Đặc biệt ở thị xã, phong trào đã lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Nhóm thanh niên yêu nước tại Trường Tiểu học Pháp - Việt Lạng Sơn, trong đó có đồng chí Hoàng Văn Thụ và Lương Văn Tri tổ chức căng biểu ngữ, dán khẩu hiệu, dự các buổi tuyên truyền về thân thế và sự nghiệp của hai cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Phong trào góp phần tạo ra bước chuyển biến tư tưởng quan trọng, từ đấu tranh yêu nước tự

phát hướng tới phong trào đấu tranh cách mạng tự giác, có mục tiêu rõ ràng.

Để đối phó với phong trào đấu tranh của thanh niên, học sinh, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, đui học, bắt giam những người đứng đầu. Tình hình đó thôi thúc Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri tìm cách bắt liên lạc với cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Được sự giúp đỡ của bà Tài Chu (tiểu thương ở chợ Kỳ Lừa), Hoàng Văn Thụ và Lương Văn Tri xuống Hà Nội để tìm hiểu tình hình.

Tại Hà Nội, hai anh gặp đồng chí Hoàng Đình Giong, được đồng chí thông tin tình hình đấu tranh của thanh niên và học sinh Hà Nội và tổ chức, hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên¹.

Cuối năm 1927, từ mảnh đất biên giới Văn Uyên, các đồng chí bắt đầu hành trình trên con đường cách mạng. Tháng 01/1928, đồng chí Hoàng Văn Thụ và Lương Văn Tri đến bản Lũng Nhị (thuộc huyện Long Châu - Sùng Tả - Quảng Tây). Tại đây, hai đồng chí được gia đình ông bà Mã Đình Nhân² giúp tiếp cận với các cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Trong thời gian này, Quốc dân Đảng Trung Quốc giành quyền kiểm soát vùng phía nam Trung Quốc, hoạt động của

1. Xem chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Văn Thụ - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.37-38.

2. Ông Mã Đình Nhân là người yêu nước, quê ở Văn Uyên, trước đây tham gia Việt Nam Quang Phục hội của cụ Phan Bội Châu, khi thực dân Pháp tiến hành khủng bố, ông đã đưa gia đình lánh sang bản Lũng Nhị. Ông có 2 người con là Mã Khánh Phương và Mã Thị Phỷ.

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên gặp nhiều khó khăn. Các cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên như Hoàng Đình Giông, Bùi Ngọc Thành và các thanh niên yêu nước như Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri phải tổ chức xưởng dệt Long Kiều, làm việc tại xưởng cơ khí Nam Hưng... để lấy kinh phí hoạt động và che mắt quân Tưởng. Trong thời gian ở xưởng dệt, hai anh Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri được học tập, rèn luyện và kết nạp vào Chi hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Long Châu, do đồng chí Hoàng Đình Giông làm Bí thư¹.

Năm 1929, phong trào cách mạng nước ta có chuyển biến mới dẫn đến sự hình thành của ba tổ chức Cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng (thành lập ngày 17/6/1929); An Nam Cộng sản Đảng (thành lập tháng 8/1929); Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (thành lập tháng 9/1929)². Cuối năm 1929, đồng chí Hoàng Văn Thụ được Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cử ra Nam Ninh (Trung Quốc) liên lạc với cán bộ Đông Dương Cộng sản Đảng. Tháng 12/1929, tại Long Châu (Trung Quốc), các đồng chí Hoàng Đình Giông, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Văn Nộn, Lương Văn Tri... được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng. Lễ kết nạp được tổ chức tại xưởng cơ khí Nam Hưng. Chi bộ Đảng liên tỉnh Cao Bằng -

1. Xem chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Văn Thụ - Tiểu sử*, *Sđd*, tr.46-47.

2. Xem Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*, xuất bản lần thứ 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017, tr.35-36.

Lạng Sơn được thành lập ở Long Châu do đồng chí Hoàng Đình Giông làm Bí thư¹, chịu trách nhiệm xây dựng cơ sở cách mạng ở hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn.

Từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm đến Trung Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo chủ trương chung, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Long Châu đã chuyển thành Chi bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ xác định rõ nhiệm vụ là xây dựng và phát triển phong trào quần chúng cách mạng ở các tỉnh miền núi biên giới Đông Bắc. Từ giữa năm 1930, Chi bộ Cộng sản ở Long Châu hướng nhiệm vụ trọng tâm là bắt mối, gây dựng các tổ chức quần chúng cách mạng ở hai tỉnh giáp biên giới Lạng Sơn và Cao Bằng. Đồng chí Hoàng Văn Thụ được đồng chí Hoàng Đình Giông cử về vùng biên giới Lạng Sơn hoạt động gây dựng cơ sở, vận động thanh niên yêu nước sang dự các lớp huấn luyện.

Cuối năm 1930, những hạt giống cách mạng của Đảng được người chiến sĩ cộng sản Hoàng Văn Thụ bắt đầu gieo mầm trên mảnh đất xứ Lạng. Các đồng chí Mã Khánh Phương, Nông Khén Chang, Nông Khi Chay - là quần chúng cảm tình Đảng, người Việt Nam sống ở Bằng Tường, Trung Quốc, tích cực hỗ trợ đồng chí Hoàng Văn Thụ bí mật về tổng Nhân Lý, châu Văn Uyên gây dựng cơ sở. Đối tượng đầu tiên được đồng chí tuyên truyền, giác ngộ là những

1. Xem chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiên bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Văn Thụ - Tiểu sử, Sđd*, tr.47.

người thân, họ hàng như: Hà Viết Thạch, Hà Viết Mỹ, Hà Viết Tật, Hà Tợ Chao, Hoàng Viết Liêm, Hoàng Viết Kế,..., trong đó có cả những người ruột thịt như mẹ ruột - Hà Thị Mùi, chị gái - Hoàng Thị Dụ. Đến cuối năm 1931, đồng chí Hoàng Văn Thụ chỉ đạo tuyên truyền, vận động, giác ngộ, tập hợp được 10 tổ chức quần chúng cách mạng với 30 người ở các làng biên giới thuộc Văn Uyên, từ đó mở rộng địa bàn hoạt động ra các vùng xung quanh. Hoạt động của các tổ chức quần chúng ở đây đã xây dựng được địa bàn, đường dây liên lạc cho hoạt động của các chiến sĩ cách mạng Việt Nam giữa hai vùng biên giới.

Được sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chi bộ Đảng Cộng sản ở Long Châu, đồng chí Hoàng Văn Thụ tổ chức các lớp huấn luyện chính trị cấp tốc cho những thanh niên yêu nước. Qua các lớp học, nhiều thanh niên được giác ngộ, thức tỉnh về tinh thần yêu nước, nắm bắt mục tiêu cách mạng của Đảng, đồng thời được trang bị những phương pháp hoạt động bí mật cần thiết và những biện pháp tích cực để đối phó với mọi âm mưu đàn áp của kẻ thù. Đến năm 1932, hình thành được 9 tổ quần chúng trung kiên với 27 tổ viên ở Tân Yên, Thụy Hùng.

Sau cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931), giữa lúc thực dân Pháp tiến hành cuộc khủng bố khốc liệt phong trào cách mạng, nhiều địa phương gặp khó khăn thì phong trào cách mạng Lạng Sơn đang trên đà phát triển. Bằng những hoạt động tích cực, dựa vào địa bàn rừng núi hiểm trở, trong những năm 1932 - 1933, các cơ sở quần chúng cách mạng ở Văn Uyên góp phần bảo vệ an toàn cho nhiều cán bộ của Đảng, giúp cho Trung ương Đảng có con đường

liên lạc thuận lợi, chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước, kịp thời đối phó với mọi âm mưu, hành động đàn áp, vây ráp phá hoại của kẻ thù để giữ vững và thúc đẩy phong trào tiếp tục đi lên.

Do có những bước phát triển vững chắc trong một hoàn cảnh có đặc điểm riêng biệt nên đến đầu năm 1933, phong trào cách mạng Lạng Sơn đặt ra yêu cầu phải có sự chỉ đạo trực tiếp, kịp thời của Đảng. Thực tiễn đó thúc đẩy phong trào cách mạng Lạng Sơn có bước biến chuyển mới: các Chi bộ Đảng Cộng sản ra đời trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương.

II- CHI BỘ ĐẢNG ĐẦU TIÊN THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1933 - 1940

Từ sau cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931), thực dân Pháp tiến hành cuộc khủng bố đẫm máu phong trào cách mạng, nhiều cơ sở đảng và cơ sở quần chúng bị phá vỡ, nhiều cán bộ, đảng viên bị bắt, sát hại, tù đày, phong trào cách mạng bước vào giai đoạn khó khăn.

Đứng trước tình hình đó, năm 1932, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong và một số đồng chí khác về Hương Cảng lập Ban Lãnh đạo Trung ương Đảng, trở thành cơ quan chỉ huy thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng nước ta.

Ngay sau khi được kiện toàn, củng cố, tháng 6/1932, Ban Lãnh đạo Trung ương soạn thảo và thông qua *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương* nhằm chỉ đạo

cách mạng cả nước trong giai đoạn trước mắt. Để đảm bảo yêu cầu khôi phục và đưa phong trào tiến lên, Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ rõ: “Phải gây dựng một đoàn thể bí mật, có kỷ luật nghiêm ngặt, cứng như sắt, vững như đồng, tức Đảng Cộng sản để hướng đạo quần chúng trên con đường giai cấp chiến đấu”¹.

Căn cứ vào tình hình và công tác cán bộ, cuối năm 1932, đồng chí Lê Hồng Phong chỉ đạo thành lập Đảng bộ đặc biệt Long Châu, phân công đồng chí Hoàng Đình Giông làm Bí thư, đồng chí Hoàng Văn Thụ² làm Phó Bí thư. Đảng bộ đặc biệt Long Châu tiến hành một số lớp huấn luyện đặc biệt nhằm tăng cường lực lượng cán bộ cho hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng³.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Lãnh đạo Trung ương (vì lúc này Chi bộ Đảng vùng biên giới chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Lãnh đạo Trung ương), đầu năm 1933, đồng chí Hoàng Văn Thụ chỉ đạo các cơ sở quần chúng ở Văn Uyên hoạt động theo hướng mở rộng phạm vi ảnh hưởng của phong trào, thu hút ngày càng đông đảo quần chúng tham gia cách mạng. Từ đó, chuẩn bị tiến tới thành lập cơ sở Đảng làm nòng cốt cho phong trào phát triển.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.4, tr.14.

2. Đầu năm 1933, đồng chí Hoàng Đình Giông về Hải Phòng khôi phục cơ sở đảng, đồng chí Hoàng Văn Thụ được phân công làm Bí thư Đảng bộ đặc biệt Long Châu.

3. Xem Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiên bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Văn Thụ - Tiểu sử*, tr.67.

Từ những cơ sở quần chúng cách mạng ban đầu ở Khưa Đa, Ma Mèo, Tân Yên, Tân Thanh, đến giữa năm 1933, phong trào quần chúng cách mạng được phát triển sang khu vực các xã Văn Uyên, Thụy Hùng, Hồng Phong, Phú Xá,... Vượt qua mọi kiểm soát gắt gao của chính quyền tay sai, các cơ sở quần chúng được hình thành và bắt đầu đảm nhận nhiệm vụ tuyên truyền mục tiêu cách mạng của Đảng, từng bước vận động nhân dân thuộc nhiều thành phần tham gia như giáo viên, tiểu thương, lý dịch,...

Trước sự phát triển không ngừng của phong trào quần chúng cách mạng, dù trong hoàn cảnh phong trào còn phát triển rời rạc, thiếu thông tin, Chi bộ Đảng vùng biên giới vẫn quyết định thành lập cơ sở đảng ở Văn Uyên để làm nòng cốt chỉ đạo phong trào trong giai đoạn trước mắt và sau này. Thực hiện chủ trương đó, được sự ủy nhiệm của Đảng, giữa năm 1933, đồng chí Hoàng Văn Thụ và đồng chí Đoàn Viết Thọ¹ tới Thụy Hùng, Văn Uyên (nay là xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc) tổ chức lễ kết nạp đảng viên, thành lập Chi bộ Thụy Hùng, là chi bộ đầu tiên ở Văn Uyên và tỉnh Lạng Sơn với 5 đảng viên là các đồng chí: Đoàn Viết Búng, Đoàn Viết Cảnh, Đồng Viết Đại, Nông Viết Bảo và Mã Khánh Phương. Đồng chí Hoàng Văn Thụ được chỉ định làm Bí thư Chi bộ. Chi bộ Thụy Hùng đảm nhận vai trò quan trọng làm nòng cốt để chỉ đạo việc xây dựng và phát triển phong trào cách mạng địa phương trong giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh giải phóng do Đảng lãnh đạo trên địa bàn Lạng Sơn.

1. Xem Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiên bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Văn Thụ - Tiểu sử, Sđd*, tr.69.

Chi bộ Đảng Thụy Hùng thành lập là cột mốc đầu tiên đánh dấu bước trưởng thành của phong trào cách mạng ở Lạng Sơn, ghi nhận một hiện thực sinh động: Hạt giống đỏ của Đảng nảy mầm trên quê hương xứ Lạng.

Từ giữa năm 1933, Ban Lãnh đạo Trung ương Đảng đề ra chủ trương phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền giác ngộ, kích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Ban Lãnh đạo Trung ương Đảng chỉ thị cụ thể là tổ chức rải truyền đơn tuyên truyền và treo cờ búa liềm nhân những ngày lễ lớn của Đảng và của dân tộc.

Ban Lãnh đạo Trung ương Đảng ở hải ngoại phân công những đảng viên trung kiên quê ở Lạng Sơn là Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri và Đoàn Viết Thọ cùng với Chi bộ Đảng ở Thụy Hùng tích cực tuyên truyền giác ngộ quần chúng, mở rộng phong trào cách mạng ở Văn Uyên. Từ hang Áng Cúm trên dãy núi Khơ Đa - Ma Mèo (Văn Uyên), đồng chí Hoàng Văn Thụ cùng các đồng chí đảng viên khác tổ chức ấn loát tài liệu, truyền đơn tuyên truyền bí mật, phổ biến rộng rãi tới quần chúng, kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân hưởng ứng phong trào đấu tranh cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Trong những năm 1930 - 1934, truyền đơn cách mạng xuất hiện trên hầu khắp các ngã đường quan trọng ở Lạng Sơn như: Na Sâm, Đồng Đăng, chợ Kỳ Lừa, Trường Tiểu học Pháp - Việt Lạng Sơn, công trường làm đường Đồng Đăng - Điềm He, đặc biệt còn được đưa vào cả những nơi địch canh phòng nghiêm ngặt như trại lính khố xanh.

Đợt rải truyền đơn lớn nhất mà các cơ sở quần chúng cách mạng Văn Uyên đảm nhận nhân kỷ niệm 3 năm phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh có nội dung cách mạng và đấu tranh sắc bén:

“Anh chị em công nông!

Ngày 12/9/1930, công nông Nghệ An vác súng ống, gậy gộc nổi lên lập chính quyền Xôviết trong mấy huyện, lấy thóc của quan lại, địa chủ chia cho nông dân, hủy hết các món nợ, các thứ thuế, tổ chức các đội tự vệ đỏ, lập tòa án cách mạng cho tất cả đàn ông, đàn bà lao động được tham gia chính trị,...

Tuy Xôviết chỉ sống được mấy tháng, nhưng chính quyền Xôviết đã cho quần chúng hay rằng chỉ có chính quyền Xôviết mới đánh đổ phong kiến và đế quốc.

Kỷ niệm Xôviết Nghệ - Tĩnh, chúng ta cần phải kế tiếp tranh đấu, thực hành chính quyền Xôviết... làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập, tịch ký đất đai địa chủ chia cho cố nông, bản nông, trung nông, tịch ký các xí nghiệp tư bản ngoại quốc làm của công và thực hành ngày làm 8 giờ.

Đánh đổ khủng bố trắng.

Thả hết thầy chính trị phạm.

Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, quan lại, địa chủ, lý hào bản xứ.

Xôviết Đông Dương muôn năm!

Đảng Cộng sản Đông Dương là kẻ lãnh đạo cách mệnh của công nông muôn năm!

Ngày 10/9/1933 của Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!”¹.

Sự xuất hiện của truyền đơn cách mạng đã góp phần tạo nên không khí mới ở Lạng Sơn, qua đó quần chúng đã biết tới Cách mạng Tháng Mười Nga - cuộc cách mạng giải phóng người lao động; biết tới Xôviết Nghệ - Tĩnh - phong trào quần

1. Truyền đơn lưu tại Nhà bảo tàng cách mạng Bắc Sơn.

chúng công nông do Đảng lãnh đạo vùng dậy làm rung chuyển hệ thống chính quyền thực dân phong kiến; thấy rõ hơn mục tiêu đấu tranh cách mạng là nhằm đánh đổ đế quốc, phong kiến, giải phóng dân tộc.

Tháng 8/1934, đồng chí Hoàng Văn Thụ đề nghị với đồng chí Lê Hồng Phong - Thư ký Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng, triệu tập và chủ trì cuộc họp với Chi bộ Thụy Hùng ở hang Áng Cúm. Sau khi đánh giá và nhận định sự phát triển của phong trào cách mạng ở Lạng Sơn, đồng chí Lê Hồng Phong chỉ thị thành lập Ban Cán sự tỉnh Lạng Sơn gồm các đồng chí: Đoàn Viết Búng, Đoàn Viết Cảnh, Đồng Viết Đại, Nông Viết Bảo, Mã Khánh Phương. Đồng chí Hoàng Văn Thụ được Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng phân công trực tiếp phụ trách Ban Cán sự tỉnh Lạng Sơn¹.

Do có sự tổ chức và chỉ đạo tích cực của Ban Cán sự tỉnh, cuối năm 1934, tỉnh Lạng Sơn đã có 25 đảng viên². Đầu năm 1935, các cơ sở cách mạng ở Văn Uyên đã liên hệ, mở rộng địa bàn ảnh hưởng sang khu vực Thất Khê (Tràng Định), bước đầu thu nhận được một số quần chúng tích cực ở Thất Khê như Bé Văn Bính, Mã Văn Hải...

Trên cơ sở địa bàn cách mạng được mở rộng, để tiếp tục bồi dưỡng, xây dựng hạt nhân cho phong trào, ngay từ đầu năm 1935, Ban Cán sự tỉnh tổ chức vận động được nhiều quần chúng tích cực ở Văn Uyên, Thất Khê sang Long Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện chính trị ngắn ngày do Ban Lãnh đạo Trung ương mở. Việc mở các lớp huấn luyện

1, 2. Xem Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiên bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Văn Thụ - Tiểu sử, Sđd*, tr.70, 72.

chính trị đã góp phần đào tạo được những cán bộ cách mạng trung kiên, sau này trở thành những lãnh đạo tiêu biểu cho phong trào cách mạng địa phương.

Từ giữa năm 1934, thực hiện nhiệm vụ xây dựng phong trào trên địa bàn vùng núi Cao - Bắc - Lạng do Trung ương chỉ đạo, Đảng bộ Cao Bằng đã phân công một số cán bộ, đảng viên tăng cường tuyên truyền vận động, tiến tới thành lập các cơ sở quần chúng cách mạng phía nam, trong đó có địa bàn Bắc Sơn (Lạng Sơn). Thông qua sự vận động giác ngộ bước đầu, đến cuối năm 1934, một số quần chúng tích cực ở Bắc Sơn bắt đầu tìm cách liên hệ tìm hiểu cách mạng.

Đầu năm 1935, Đường Văn Thông là quần chúng tích cực ở Bắc Sơn, đã liên hệ được với cơ sở Đảng ở Văn Uyên. Đồng chí Hoàng Văn Thụ trực tiếp bồi dưỡng, giác ngộ và giao nhiệm vụ cho Đường Văn Thông tuyên truyền, xây dựng cơ sở quần chúng cách mạng ở Bắc Sơn. Với đường dây hoạt động bí mật, từ năm 1935, con đường cách mạng được khai thông từ Văn Uyên qua Thất Khê và từ Văn Uyên vào Bắc Sơn. Mạch nối cách mạng bắt đầu hình thành, mở ra khả năng phát triển rộng khắp phong trào cách mạng ở Lạng Sơn sau này. Ban Cán sự tỉnh còn chỉ đạo kịp thời các cơ sở quần chúng cách mạng ở Văn Uyên thiết lập được hệ thống trạm liên lạc bí mật từ Khưa Đa, Ma Mèo, Tân Thanh¹ tới Tân Yên, Thụy Hùng, Phú Xá... mở ra đường dây an toàn cho việc đi lại và hoạt động thường xuyên của các cán bộ Đảng. Được sự lãnh đạo của

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Lãng: *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Lãng (1930 - 1954)*, Sơ thảo, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1994, tr.22.

Ban Cán sự tỉnh, trực tiếp là đồng chí Hoàng Văn Thụ, các cơ sở liên lạc bí mật đã góp phần tích cực trong việc đưa đón, bảo vệ an toàn các đại biểu đi dự Đại hội lần thứ I Đảng Cộng sản Đông Dương (từ ngày 27 đến ngày 31/3/1935 ở Ma Cao, Trung Quốc).

Đại hội lần thứ I của Đảng là một sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành lớn mạnh của Đảng trong việc lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Thắng lợi của Đại hội Đảng tiếp tục củng cố niềm tin cách mạng của đông đảo nhân dân trên bước đường đấu tranh xóa bỏ xiềng xích nô lệ, giành lại độc lập dân tộc.

Nhận xét về phong trào đấu tranh cách mạng trong bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, Nghị quyết của Đại hội về công tác trong các dân tộc thiểu số đã nhận định: “Điều rất đặc sắc là cuộc tranh đấu của công nông người Thổ, người Nùng ở Cao Bằng, Lạng Sơn có tính chất tổ chức chu đáo và theo những khẩu hiệu cộng sản rất rõ rệt. Một điều thắng lợi cho cộng sản chủ nghĩa nữa là: công, nông các dân tộc thiểu số chẳng những đã vào hàng ngũ Đảng Cộng sản và các đoàn thể cách mạng khác do Đảng chỉ đạo, mà họ đã giữ một địa vị rất quan trọng trong các cơ quan chỉ đạo từ hạ cấp cho tới thượng cấp... Đại hội chắc chắn rằng ở các xứ và miền dân tộc thiểu số đã có điều kiện khách quan sẵn sàng cho sự phát triển cách mạng vận động”¹.

Sau Đại hội lần thứ I của Đảng, Ban Chỉ đạo xây dựng và phát triển phong trào cách mạng ba tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.5, tr.71-72.*

Thái Nguyên thành lập, do đồng chí Hoàng Văn Thụ phụ trách, thành viên có các đồng chí: Lương Văn Tri, Phạm Hồng Việt, Nguyễn Nam Hồng. Đồng chí Hoàng Văn Thụ phân công đồng chí Lương Văn Tri phối hợp cùng đồng chí Mã Khánh Phương về Văn Uyên, Thất Khê tuyên truyền, vận động và lựa chọn một số thanh niên yêu nước đưa đến Lũng Nhị, Long Châu để huấn luyện kiến thức quân sự, chính trị cơ bản. Đồng chí Lương Văn Tri vừa là quản lý, vừa giảng dạy quân sự cho các học viên¹.

Trong lúc phong trào cách mạng ở Lạng Sơn đang trên đà phát triển, giữa năm 1935, thực dân Pháp tập trung lực lượng vây ráp, khủng bố phong trào ở Văn Uyên (trung tâm cách mạng của tỉnh lúc bấy giờ). Do bị chỉ điểm cùng sự trợ giúp đắc lực của một số đối tượng tay sai phản động như Tô Văn Hoan, phó tổng Đông Riệu Liên, chánh tổng Hoàng Văn Ngạn, tri châu Dương Thiệu Chính,... nên hàng loạt các cơ sở quần chúng cách mạng ở Thụy Hùng, Tân Yên, Phú Xá, Hồng Phong bị phá vỡ, nhiều cán bộ và quần chúng cách mạng bị giết và bị bắt. Tổn thất nặng nề hơn cả là toàn bộ Ban Cán sự tỉnh đều bị kẻ thù bắt.

Sau khi bắt được một số cán bộ và quần chúng cách mạng trung kiên, thực dân Pháp đã điên cuồng dùng mọi thủ đoạn tra tấn cực hình, mua chuộc và dụ dỗ. Chúng cho mở cái gọi là “Tòa án xử cộng sản” tại thị xã Lạng Sơn để tuyên án những chiến sĩ cách mạng, hòng uy hiếp tinh thần cách mạng của nhân dân trong tỉnh. Sau khi tuyên án,

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đồng chí Lương Văn Tri - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng (1910 - 1941)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2014, tr.53.

chúng đưa toàn bộ những người bị bắt về giam cầm ở nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội).

Bài học lớn nhất về tổn thất của phong trào cách mạng Văn Uyên nói riêng, phong trào cách mạng Lạng Sơn nói chung trong giai đoạn này là: Thiếu những kinh nghiệm cần thiết về công tác tổ chức hoạt động trong vùng kiểm soát của địch; chưa quán triệt thấu đáo các nguyên tắc bí mật và lựa chọn người tham gia vào tổ chức. Chính vì vậy, tình trạng phát triển cơ sở cách mạng đã tạo những kẽ hở để kẻ địch lợi dụng chui vào lưng đoạn, phá hoại tổ chức. Bên cạnh đó, trong bối cảnh thực dân Pháp đang ráo riết khống chế các đầu mối hoạt động của Đảng, Lạng Sơn lại là một trong những địa bàn trọng điểm hoạt động nhưng Ban Cán sự tỉnh chưa mở rộng được địa bàn hoạt động của phong trào ra các địa phương khác trong tỉnh và chỉ hoạt động chủ yếu ở Văn Uyên, vì thế, kẻ thù cũng dễ bề vây ráp, khủng bố và phá hoại phong trào.

Từ cuối năm 1935, sau cuộc khủng bố khốc liệt đối với phong trào cách mạng của nhân dân ta, thực dân Pháp đã ra sức khống chế, kiểm soát khắp các nơi ở Văn Uyên. Chúng tăng cường theo dõi, giám sát rất ngặt nghèo mọi hành động của nhân dân, thường xuyên bắt bớ, tra hỏi để phòng ngừa sự nổi dậy của nhân dân và ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng.

Mặc dù địch khủng bố dã man phong trào nhưng chúng không thể khuất phục được ý chí cách mạng của nhân dân ta, trái lại càng làm tăng thêm lòng căm thù đối với chính quyền thực dân, bè lũ tay sai bán nước.

Từ năm 1936, dưới sự vận động, tổ chức của Đảng, phong trào cách mạng của quần chúng đã từng bước phát triển

mạnh mẽ ở Bắc Sơn, Trùng Định đưa phong trào cách mạng của tỉnh Lạng Sơn bước sang một giai đoạn lịch sử: đấu tranh thực hiện các mục tiêu dân sinh, dân chủ trong bối cảnh cách mạng mới.

Bước sang năm 1936, tình hình thế giới và trong nước có những biến chuyển mạnh mẽ. Tháng 7/1936, đồng chí Lê Hồng Phong - Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, xuất phát từ sự phân tích đúng đắn tình hình thế giới, tình hình nước Pháp và Đông Dương, Hội nghị đã đề ra đường lối, phương pháp tổ chức và đấu tranh cách mạng trong thời kỳ mới.

Hội nghị đề ra mục tiêu trước mắt của cách mạng Việt Nam là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng¹.

Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang hình thức tổ chức công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm tập hợp và hướng dẫn đông đảo quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, thông qua đó giáo dục, phát triển lực lượng cách mạng. Thực hiện chủ trương của Đảng, từ cuối năm 1936, phong trào đấu tranh cách mạng đòi quyền dân sinh, dân chủ phát triển mạnh mẽ trong cả nước.

1. Xem Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên): *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Sđd, tr.281.

Ở Lạng Sơn, sau thời kỳ khủng bố khốc liệt của thực dân Pháp, các cơ sở quần chúng cách mạng ở Văn Uyên hầu như không hoạt động được, trong khi phong trào cách mạng ở Bắc Sơn, Tràng Định chưa thực sự phát triển, khó khăn hơn nữa là việc phong trào thiếu hẳn Ban Lãnh đạo tập trung thống nhất. Tình hình đó đã đặt ra đòi hỏi cấp bách là phải nỗ lực tạo ra được một bước đi cần thiết, làm tiền đề cho việc thúc đẩy phong trào tiếp tục phát triển.

Chấp hành chủ trương của Xứ ủy Bắc Kỳ về việc tiếp tục củng cố, phát triển phong trào cách mạng ở các vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt là vùng núi biên giới, cuối năm 1934, đồng chí Đặng Tùng được đồng chí Hoàng Văn Thụ phân công về địa bàn châu Bắc Sơn để xây dựng phát triển phong trào. Đầu năm 1935, đồng chí Đường Văn Thông về quê nội ở thôn Khảo Mèo, huyện Long Châu (Trung Quốc) gặp hai đồng chí Hoàng Văn Thụ, Hoàng Đình Giông và được tham gia chương trình huấn luyện. Sau khi hoàn thành lớp huấn luyện, đồng chí Đường Văn Thông được đồng chí Hoàng Văn Thụ phân công về tuyên truyền, vận động xây dựng phong trào cách mạng ở châu Bắc Sơn. Đến giữa năm 1936, đồng chí Đường Văn Thông về đến xã Vũ Lăng, châu Bắc Sơn đã cùng với đồng chí Đặng Tùng tuyên truyền, vận động, xây dựng phong trào cách mạng. Qua đó, các tổ chức Nông hội đỏ lần lượt được thành lập ở các xã Vũ Lăng, Hữu Vĩnh, Bắc Sơn và các xã khác. Đến cuối tháng 7/1936, thông qua đồng chí Đường Văn Thông, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã tới châu Bắc Sơn để tuyên truyền, giác ngộ quần chúng. Sau hai tháng gây dựng cơ sở cách mạng, ngày 25/9/1936, Chi bộ Đảng đầu tiên ở châu Bắc Sơn được thành lập tại thôn Mỏ Tát, xã Vũ Lăng (nay là xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn), cử đồng chí

Đường Văn Thông làm Bí thư, gồm các đảng viên: Hoàng Doãn Tạo (tức Hà Khai Lạc), Đường Văn Tư (tức Đường Quảng Long), Nguyễn Văn Phòng (tức Mai Huyền)¹.

Sự ra đời của Chi bộ Đảng Cộng sản đã đánh dấu bước tiến triển của phong trào cách mạng ở Bắc Sơn. Đồng thời cũng ghi nhận một bước chuyển biến, phục hồi nhanh chóng của phong trào cách mạng Lạng Sơn sau thời gian bị thực dân Pháp khủng bố ác liệt.

Ngay sau khi thành lập, quán triệt chủ trương đấu tranh cách mạng do Đảng đề ra, Chi bộ đã kịp thời tổ chức quần chúng đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ bằng nhiều hình thức hợp pháp và nửa hợp pháp. Từ cuối năm 1936 đến đầu năm 1938, với các hoạt động tuyên truyền phổ biến tích cực của Chi bộ Đảng, báo chí của Đảng như các tờ *Tin tức*, *Đời nay* đã được lưu hành khá rộng rãi tới đông đảo nhân dân các dân tộc ở nhiều xã trong huyện nên xu thế hoạt động công khai được phát triển khá mạnh mẽ.

Cùng với việc phổ biến báo chí công khai của Đảng, Chi bộ đã tổ chức quần chúng đấu tranh trực diện với chính quyền cai trị đòi quyền dân sinh, phong trào chống bắt phu, đánh đập, đàn áp phu đã trở thành hình thức đấu tranh điển hình ở Bắc Sơn trong thời gian này. Phong trào chống bắt phu phát triển mạnh làm cho chính quyền cai trị phải nhượng bộ, lo sợ. Qua đó, cơ sở Đảng được củng cố, lực lượng quần chúng tích cực ngày một đông, uy thế cách mạng được nâng lên một bước.

1. Xem Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiên bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Văn Thụ - Tiểu sử*, *Sđd*, tr.84.

Phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng cách mạng ở Bắc Sơn có tác dụng động viên và củng cố tinh thần yêu nước cách mạng của nhân dân các dân tộc Lạng Sơn, khiến cho kẻ thù lo ngại. Sở Mật thám Bắc Kỳ phải thú nhận: “Ngay từ năm 1937, sự tuyên truyền lật đổ lan tràn nhanh chóng đã xâm nhập ngay châu Bắc Sơn (Lạng Sơn)”¹. Cuối năm 1937 đầu năm 1938, Xứ ủy Bắc Kỳ giao nhiệm vụ cho đồng chí Lê Xuân Thụ lên Bắc Sơn củng cố con đường chiến lược từ Bắc Sơn, qua Bình Gia, Thất Khê đến biên giới Việt - Trung, đây là con đường do Xứ ủy Bắc Kỳ xây dựng để mở rộng hệ thống tổ chức đảng và quần chúng về phía nam. Ngày 25/5/1938, được sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, tại đồi Nà Kheo, xã Vũ Lăng, Hội nghị gồm phần lớn các đồng chí bí thư chi bộ của các xã tham dự đã tiến hành bầu ra Ban Cán sự Châu ủy Bắc Sơn gồm 7 đồng chí, đồng chí Lê Xuân Thụ được bầu làm Bí thư Châu ủy.

Từ năm 1936, được sự chỉ đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, trực tiếp là đồng chí Hoàng Văn Thụ, các cơ sở quần chúng cách mạng ở Tràng Định ngày càng được củng cố, bắt đầu tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp để đòi quyền dân sinh, dân chủ. Đồng chí Hoàng Văn Thụ phân công đồng chí Lương Văn Tri nhiều lần bí mật đến Tràng Định để giác ngộ và đưa một số thanh niên yêu nước tham dự lớp huấn luyện cán bộ cách mạng tại Long Châu, Trung Quốc.

Bằng các hình thức hội ái hữu, tương tế, trong những năm 1937 - 1938, các cơ sở quần chúng cách mạng ở Phi Mỹ,

1. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Lạng Sơn: Tài liệu Sở Mật thám Bắc Kỳ, bản sao đánh máy.

phố Thất Khê và vùng lân cận đã tổ chức tuyên truyền phổ biến báo chí cách mạng trong đông đảo nhân dân các dân tộc. Các tờ báo Đảng như tờ *Thế giới*, *Tin tức* đã được lưu hành rộng rãi bất chấp sự kiểm soát của chính quyền địa phương. Đồng thời với việc tuyên truyền phổ biến báo chí cách mạng, một số quần chúng trung kiên tích cực ở Phi Mỹ như Bế Văn Bính, Hoàng Văn Cường... còn tổ chức những lớp dạy chữ quốc ngữ cho nhân dân. Thông qua các lớp học này, các đồng chí đã tuyên truyền, giải thích chủ trương đấu tranh cách mạng của Đảng, từ đó củng cố thêm niềm tin và ý chí cách mạng của quần chúng.

Thời kỳ này, những cuộc đấu tranh đòi hoãn thuế, giảm thuế, chống vợ vét, gian lận, chống bắt phu, đánh đập phu đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Do được tổ chức chu đáo và có thái độ đấu tranh kiên quyết nên sau mỗi cuộc đấu tranh trực diện của quần chúng, chính quyền cai trị nhiều lần phải nhượng bộ. Thắng lợi của những cuộc đấu tranh này không những đem lại một số quyền lợi dù ít ỏi cho nhân dân, mà còn có tác dụng khích lệ tinh thần dám đứng lên đấu tranh theo những mục tiêu đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của đông đảo người lao động.

Đầu năm 1938, phong trào đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp sôi nổi của quần chúng đã tạo cho phong trào có những bước tiến triển mới. Từ những nơi có cơ sở quần chúng cách mạng phát triển như Phi Mỹ, phố Thất Khê, phong trào bắt đầu có xu hướng phát triển rộng khắp toàn huyện.

Trước sự chuyển biến khẩn trương của phong trào, đặt ra yêu cầu cần có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất để hướng phong trào có những bước đi vững chắc. Đầu năm 1938, được sự ủy nhiệm của Xứ ủy Bắc Kỳ, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã

tới Phi Mỹ, trực tiếp giác ngộ, bồi dưỡng quần chúng tích cực, kết nạp đảng viên, thành lập chi bộ Đảng Cộng sản.

Ngày 11/4/1938, dưới sự tổ chức của đồng chí Hoàng Văn Thụ và đồng chí Lương Văn Tri, Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Tràng Định đã được thành lập tại thôn Nà Han, xã Phi Mỹ (nay là xã Tri Phương, huyện Tràng Định), gồm các đồng chí: Bế Văn Bính - Bí thư, Hoàng Kim Sơn, Hoàng Văn Cường, Hoàng Văn Bản, Mã Văn Ngân, Hoàng Váy Thao và Triệu Dín Nè¹.

Chi bộ Đảng Cộng sản ở Tràng Định được thành lập đã đánh dấu sự trưởng thành, lớn mạnh của phong trào cách mạng sau một thời gian vận động, tổ chức tích cực và bền bỉ trong hoàn cảnh khó khăn, quyết liệt, phải thường xuyên đối phó với mọi hành động khống chế và đàn áp của kẻ thù. Cùng với sự ra đời của Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Bắc Sơn, việc Chi bộ Đảng Cộng sản được thành lập ở Tràng Định đã đánh dấu sự phục hồi và phát triển vững chắc của phong trào cách mạng ở Lạng Sơn trên địa bàn khá rộng, tạo thế liên hoàn cho sự phát triển phong trào cách mạng ở Lạng Sơn, Cao Bằng và các địa phương khác. Chi bộ Bắc Sơn và Chi bộ Tràng Định đã trở thành nòng cốt cho việc thúc đẩy phong trào cách mạng ở Lạng Sơn.

Ngày 25/5/1938, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Xuân Thụ, Xứ ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, Hội nghị Châu ủy Bắc Sơn được tổ chức tại đồi Nà Kheo, xã Vũ Lăng (nay là xã Tân Hương). Hội nghị bầu Ban cán sự Châu ủy Bắc Sơn gồm 7

1. Xem Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiên bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Văn Thụ - Tiểu sử, Sđd*, tr.90.

đồng chí: Lê Xuân Thụ, Đường Văn Thúc, Hoàng Đình Ruê, Dương Thần Tần, Lương Đình Sơn, Hoàng Việt Thành, Dương Văn Tạch. Đồng chí Lê Xuân Thụ được bầu giữ chức Bí thư Châu ủy, cơ quan thường trực đặt tại nhà đồng chí Đường Văn Thúc ở thôn Mỏ Tát, xã Vũ Lăng (nay là xã Tân Hương). Hội nghị này được ghi nhận là Đại hội Đảng bộ huyện Bắc Sơn lần thứ nhất.

Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng (1936 - 1939), dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là của Xứ ủy Bắc Kỳ, mặc dù chưa phát triển đều khắp trong toàn tỉnh nhưng phong trào cách mạng Lạng Sơn đã có những bước tiến đáng kể. Từ chỗ bị kẻ thù đàn áp khốc liệt, các cơ sở quần chúng cách mạng hầu như bị phá vỡ; Ban Lãnh đạo tỉnh bị bắt, nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên bị sát hại, tù đầy thì phong trào cách mạng của tỉnh đã vượt qua gian lao, thử thách, sự kiểm soát, khống chế của kẻ thù để chấp nối, xây dựng và phát triển. Kết quả đó thể hiện sự lãnh đạo sát sao và kịp thời của Đảng, củng cố niềm tin son sắt của đông đảo nhân dân các dân tộc vào mục tiêu đấu tranh đúng đắn do Đảng đề ra, phản ánh được ý chí yêu nước, tinh thần cách mạng kiên cường của nhân dân.

Kết quả đạt được trong những cuộc đấu tranh của quần chúng đòi quyền dân sinh, dân chủ, bằng hình thức hợp pháp và nửa hợp pháp ở Bắc Sơn và Tràng Định trong những năm 1936 - 1939 đã khích lệ tinh thần cách mạng, tập dượt đấu tranh chính trị cho quần chúng, chuẩn bị cơ sở cho những cuộc đấu tranh quyết liệt mới với kẻ thù trong giai đoạn cách mạng hiện tại: đánh thực dân Pháp, đuổi phát xít Nhật, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 01/9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ngày 10/5/1940, phát xít Đức tấn công nước Pháp. Tháng 6/1940, nước Pháp đầu hàng. Lợi dụng việc Pháp bại trận, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương chiếm miếng mồi béo bở mà chúng đã nhòm ngó từ lâu.

Ngày 22/9/1940, Nhật kéo quân từ Quảng Tây vượt biên giới, tấn công quân Pháp ở Lạng Sơn. Sau vài trận chống cự yếu ớt, quân Pháp rút chạy qua Bắc Sơn về Thái Nguyên. Chính quyền địch ở những vùng này tan rã, các viên tri châu Diêm He, Tràng Định, Na Sâm chạy trốn. Đại lý Pháp, đồn trưởng Bình Gia vút súng bỏ chạy, trên đường rút chạy, tàn quân Pháp đã cướp bóc nhiều tài sản, gây căm phẫn trong nhân dân.

Ngày 25/9/1940, một số đồng chí đảng viên vừa thoát khỏi nhà tù Lạng Sơn về tới châu Bắc Sơn, trong đó có đồng chí Nông Văn Cún (tức Nông Thái Long), Hoàng Đình Ruệ, Đường Văn Thúc. Tối ngày 26/9/1940, các đồng chí Nông Văn Cún, Hoàng Đình Ruệ, Đường Văn Thúc đã họp cùng các đồng chí Dương Công Bình, Hoàng Văn Hán (Chi bộ xã Hưng Vũ) để nhận định tình hình và thời cơ cách mạng, thảo luận phương án phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa vũ trang.

Sáng ngày 27/9/1940, Ban Cán sự Châu ủy Bắc Sơn đã triệu tập, tổ chức cuộc họp quan trọng tại đình làng Nông Lục, xã Hưng Vũ¹, đã họp bàn, thống nhất thông qua chủ trương khởi nghĩa và quyết định phát động khởi nghĩa vũ trang. Giờ khởi nghĩa được chọn vào khoảng từ 19 giờ 30 phút đến 20 giờ. Ban Chỉ huy cuộc khởi nghĩa được thành lập gồm các đồng

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Địa chí Lạng Sơn, Sđd*, tr.244.



Đồng chí Hoàng Văn Thụ
(1909 - 1944)
Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng,
Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ



Đồng chí Lương Văn Tri
(1910 - 1941)
Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ
Chỉ huy trưởng, Chính trị viên
Đội Cứu quốc quân Bắc Sơn năm 1941



Ga Tam Lung, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc - nơi đồng chí Hoàng Văn Thụ và các chiến sĩ cách mạng Việt Nam lên tàu sang Trung Quốc hoạt động cách mạng trong những năm 30 của thế kỷ XX



Đình Nông Lục, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn - ngày 27/9/1940 Đảng bộ châu Bắc Sơn họp thống nhất thông qua chủ trương khởi nghĩa vũ trang



Lược đồ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn tháng 9, 10/1940



Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” ông Hoàng Doãn Kỳ (bí danh Thái Nam) - đội viên Đội du kích Bắc Sơn ở Nà Yên, xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn, được Nhà nước tặng vì đã có công bảo vệ đoàn cán bộ đi dự Hội nghị Trung ương lần thứ tám tại Cao Bằng trở về (tháng 7/1941)

chí: Hoàng Văn Hán, Dương Công Bình, Hoàng Đình Ruệ, Đường Văn Thúc và Nông Văn Cún, do đồng chí Hoàng Văn Hán làm Chỉ huy trưởng. Mục tiêu tấn công đầu tiên là đánh chiếm đồn Mỏ Nhài, châu lỵ Bắc Sơn.

Khoảng 20 giờ ngày 27/9/1940, dưới sự chỉ huy của các đồng chí đảng viên, nhân dân các xã Bắc Sơn, Hưng Vũ, Chiêu Vũ, Trấn Yên, Ngư Viễn với vũ khí gồm gươm, giáo, dao, gậy gộc, 20 súng trường, 8 súng kíp và 30 hòm đạn đã đồng loạt nổ súng tấn công đồn Mỏ Nhài. Trước khí thế của quân khởi nghĩa, Tri châu Hoàng Văn Sỹ và binh lính đã bỏ chạy qua đèo Canh Giàn (Trấn Yên) sang châu Bằng Mạc. Quân khởi nghĩa thu được 17 súng, 1 máy chữ và toàn bộ giấy tờ, triện đồng¹.

Sau khi chiếm được đồn Mỏ Nhài, quân khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn châu lỵ Bắc Sơn, cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên dưới sự lãnh đạo của Đảng giành được thắng lợi. Ban Chỉ huy cuộc khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân và tay sai.

Cũng trong ngày 27 và ngày 28/9/1940, quân khởi nghĩa đón đánh và tiêu diệt được 7 tên lính Pháp ở đèo Canh Tiếm (nay thuộc xã Chiến Thắng), phục kích bắn chết 1 sĩ quan và 4 lính Pháp ở đèo Dập Dị (xã Vũ Lăng).

Trước tình thế đó, Pháp, Nhật thỏa hiệp với nhau để tập trung đàn áp cuộc khởi nghĩa. Thực dân Pháp đưa quân lên chiếm lại đồn Mỏ Nhài, châu lỵ Bắc Sơn và đàn áp nhân dân dữ dội. Tuy nhiên, địch vẫn không dập tắt được tinh thần chiến đấu của nhân dân, phong trào cách mạng, tổ chức quần chúng và khí thế khởi nghĩa ở Bắc Sơn vẫn được duy trì.

1. Xem Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lạng Sơn - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Sđd, tr.15-16.

Đầu tháng 10/1940, Xứ ủy Bắc Kỳ phân công đồng chí Trần Đăng Ninh về Bắc Sơn chỉ đạo cuộc khởi nghĩa. Sau khi kiểm tra, nắm tình hình, ngày 14/10/1940, đồng chí Trần Đăng Ninh đã triệu tập hội nghị với các đồng chí cán bộ, đảng viên cốt cán của Bắc Sơn ở Sa Khao - Vũ Lăng (nay là xã Tân Hương) để bàn các biện pháp xây dựng phong trào cách mạng. Hội nghị đi đến quyết định:

“Tập trung đảng viên và một số quần chúng tích cực vận động nhân dân thu thập vũ khí, thành lập Đội du kích Bắc Sơn, lấy vùng Nà Tấu (xã Ngư Viễn), Sa Khao, Bản Ne, Mỏ Tát, Nam Nhi (xã Vũ Lăng) làm căn cứ.

Giải tán chính quyền địch, thu bằng triệu của kỳ hào, tiểu trừ mật thám, tịch thu tài sản của bọn phản động chia cho nhân dân.

Tích trữ lương thực để chuẩn bị đối phó lâu dài với địch, tổ chức mítting, kêu gọi quần chúng nhân dân ủng hộ cách mạng.

Thành lập Ban Chỉ huy tiếp tục đẩy mạnh cuộc khởi nghĩa”¹.

Thực hiện quyết định của Hội nghị ngày 14/10/1940, chỉ huy khởi nghĩa tổ chức cuộc mítting, diễn thuyết tại Đan Úy, xã Vũ Lăng. Thay mặt Ban Chỉ huy, đồng chí Trần Đăng Ninh tuyên bố thành lập Đội du kích Bắc Sơn². Sau thời gian ngắn được củng cố, đến cuối tháng 10/1940, Đội du kích Bắc Sơn đã có 200 đội viên, tổ chức thành các tiểu đội du kích (mỗi tiểu đội 10 người), trang bị vũ khí toàn đội có 20 khẩu súng trường và 200 súng kíp. Với sự hoạt động tích cực của

1. Xem Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lạng Sơn - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Sđd, tr.17-18.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Sơn: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Bắc Sơn (1930 - 1954)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.116.

đội du kích, chỉ sau thời gian ngắn, phong trào đấu tranh bảo vệ căn cứ, tiêu trừ Việt gian, phản động đã phát triển ra hầu hết các xã Hữu Vĩnh, Ngư Viễn, Vũ Lăng, Vũ Lễ, Hưng Vũ, Chiêu Vũ, Trấn Yên, Bắc Sơn, Nhất Hòa.

Trước khí thế đấu tranh sôi nổi của quần chúng, Ban Chỉ huy du kích quyết định tập trung lực lượng đánh chiếm lại đồn Mỏ Nhài. Trước khi tiến công, Ban Chỉ huy du kích quyết định mở một cuộc vận động quần chúng và lực lượng vũ trang, biểu dương lực lượng. Ngày 28/10/1940, cuộc mít tinh lớn với sự tham gia của hơn 1.000 quần chúng các xã đã được tổ chức tại trường Vũ Lăng. Giữa lúc quần chúng cách mạng phấn khởi dự mít tinh thì quân Pháp và lực lượng tay sai đã huy động lực lượng tập kích bất ngờ. Cuộc tiến công của địch làm cho lực lượng của ta bị phân tán, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bị đàn áp, nhiều chiến sĩ du kích, đảng viên trung kiên, quần chúng cách mạng bị thực dân Pháp sát hại, bị bắt, tù đày. Các thành viên đội du kích rút vào rừng sâu để hoạt động nhưng lại gặp khó khăn về lương thực, súng đạn. Vì vậy, Ban Chỉ huy đội du kích đã quyết định rút về Khuổi Nọi, xã Vũ Lễ¹.

1. Đồng chí Trường Chinh trong diễn văn đọc trong lễ kỷ niệm lần thứ 40 ngày khởi nghĩa Bắc Sơn, đã đánh giá: “Ưu điểm lớn nhất của nhân dân Bắc Sơn là đã kịp thời nổi dậy giành chính quyền khi quân đội phát xít Nhật xâm lược Lạng Sơn và hàng ngũ quân Pháp cùng bè lũ tay sai đã hoang mang dao động đến cực điểm. Khuyết điểm của khởi nghĩa Bắc Sơn là đã không sớm dùng chiến tranh du kích để châm ngọn lửa cách mạng ra các địa phương khác trong tỉnh Lạng Sơn và các tỉnh lân cận, làm cho cuộc khởi nghĩa lan rộng ra mãi; trái lại từ ngày 29/9 đến ngày 13/10 đã chuyển sang phòng ngự, mà như Mác đã nói: Phòng ngự là con đường chết của khởi nghĩa”, Báo *Nhân dân*, ngày 30/9/1980.

Tuy chưa giành được thắng lợi triệt để nhưng cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn có ý nghĩa lịch sử đối với phong trào cách mạng nước ta và phong trào giải phóng của các dân tộc Đông Dương trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai. Là tiếng súng báo hiệu thời kỳ đấu tranh mới của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng: thời kỳ đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị.

Sau khi phân tích tình hình cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1940 tại Đình Bảng (Bắc Ninh) đã quyết định duy trì Đội du kích Bắc Sơn làm cơ sở cho xây dựng lực lượng cách mạng, thành lập căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai¹. Trước sự lớn mạnh của Đội du kích, địch tiến hành khủng bố ác liệt phong trào, nhiều quân chúng cách mạng và chiến sĩ du kích bị bắt, sát hại.

Trước tình thế khó khăn của du kích và đồng bào Bắc Sơn, Trung ương Đảng phát động nhân dân cả nước ủng hộ vật chất cho du kích Bắc Sơn, tiêu biểu là các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Bắc Ninh, Hà Nội. Đồng thời, thay mặt Xứ ủy Bắc Kỳ, đồng chí Hoàng Văn Thụ giao nhiệm vụ cho các đồng chí Lương Văn Tri, Hoàng Văn Thái, Bùi Thống, Bình Tiến, Ái... lên chỉ đạo, tăng cường củng cố lực lượng du kích và xây dựng căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai (Thái Nguyên).

Thực hiện quyết định của Xứ ủy, tháng 01/1941, đồng chí Lương Văn Tri và tổ cán bộ tăng cường đến Võ Nhai và Bắc Sơn. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lương Văn Tri, chỉ trong một thời gian ngắn, các tiểu đội du kích đã tập hợp về Bắc Sơn và một phần của Võ Nhai. Đội du kích được bổ sung

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.575.

thêm vũ khí, lương thực và tiến hành huấn luyện chiến tranh du kích¹.

Khởi nghĩa Bắc Sơn có ý nghĩa lịch sử quan trọng, là tiếng súng mở đầu phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương; đánh dấu bước trưởng thành lớn mạnh của phong trào cách mạng Lạng Sơn sau những năm đấu tranh kiên cường và gian khổ. Từ hình thức đấu tranh lẻ tẻ với mục tiêu đòi quyền dân sinh, dân chủ lên hình thức đấu tranh chính trị rộng rãi, từng bước sử dụng đấu tranh vũ trang, tập dượt cho quần chúng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Khởi nghĩa Bắc Sơn đã có tác dụng trực tiếp, tích cực cổ vũ tinh thần đoàn kết đấu tranh cách mạng của nhân dân trong tỉnh. Đội du kích Bắc Sơn ra đời, căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai được thành lập đã thực sự trở thành nòng cốt cho việc củng cố và phát triển phong trào cách mạng của các địa phương trong tỉnh. Từ cuối năm 1940 đến đầu năm 1941, hoạt động của Đội du kích Bắc Sơn đã góp phần tuyên truyền, giác ngộ và bước đầu xây dựng được nhiều cơ sở quần chúng cách mạng ở các huyện lân cận như Bình Gia, Bằng Mạc, Hữu Lũng, tạo ra những tiền đề cần thiết cho việc mở rộng địa bàn của phong trào cách mạng trong tỉnh.

Việc sử dụng hình thức vũ trang giành chính quyền của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã trở thành bài học sâu sắc cho quá trình chuẩn bị lực lượng mọi mặt, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Lạng Sơn.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đồng chí Lương Văn Tri - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng (1910 - 1941)*, Sđd, tr.70-71.

III- QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (THÁNG 8/1945)

Đầu năm 1941, giữa lúc phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật của nhân dân ta đang trên đà phát triển, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước (28/01/1941) trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Tháng 02/1941, đoàn đại biểu đi dự Hội nghị Trung ương 8 của Đảng tại Pác Bó, Cao Bằng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc triệu tập gồm các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh đã dừng chân ở lại khu rừng Khuổi Nọi, xã Vũ Lễ (Bắc Sơn) để nắm tình hình và tổ chức họp với Đảng bộ Bắc Sơn. Ngày 14/02/1941, đồng chí Hoàng Văn Thụ - Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ đã thay mặt Trung ương Đảng thông báo việc Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định củng cố, phát triển và đổi tên Đội du kích Bắc Sơn thành Đội Cứu quốc quân Bắc Sơn.

Ngày 23/02/1941, tại khu rừng Khuổi Nọi, xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn, Đội Cứu quốc quân chính thức được thành lập với 32 cán bộ và chiến sĩ: Lương Văn Tri, Chu Văn Tấn, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Văn Phòng (tức Mai Huyền), Lương Đình Sơn, Lâm Thành Sơn, Mã Viết Vinh, Nguyễn Văn Thái, Hoàng Văn Khảm, Hoàng Tài, Lâm, Nông Thái Long, Nhi Phung, Dương Công Bình, Hoàng Văn Hán, Mã Viết Thốn, Dương Quốc Vinh, Đường Văn Thúc, Đường Văn Tư (tức

Đường Quảng Long), Hoàng Doãn Hoàng, Dương Thần Tần, Hoàng Đình Ruệ, Văn Sáng, Hắc Cháp, Hoàng Văn Thành, Hoàng Doãn Tạo (tức Hà Khai Lạc), Bính, Nguyễn Văn Đắc, Bút, Hoàng Văn Thái, Bùi Sinh, Nguyễn Văn Tiến. Đồng chí Lương Văn Tri - Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ được chỉ định làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Chu Văn Tấn làm Chỉ huy phó¹.

Tại buổi lễ, đồng chí Hoàng Văn Thụ thay mặt Trung ương Đảng giao nhiệm vụ cho Đội Cứu quốc quân: “Cứu quốc quân là phải chịu đựng mọi gian khổ, phải giữ bí mật thật tốt. Nhiệm vụ của Đội Cứu quốc quân là phải dùng hình thức vũ trang công tác, khi cần thì chiến đấu chống địch bảo vệ sinh mạng, tài sản của nhân dân, phát triển cách mạng, xây dựng căn cứ. Cứu quốc quân phải trở thành đơn vị tiêu biểu để anh em những nơi khác đến học tập, trao đổi kinh nghiệm. Do vị trí quan trọng của căn cứ, các đồng chí có nhiệm vụ bảo vệ cán bộ của Đảng đi công tác qua lại vùng này”². Đồng chí Hoàng Văn Thụ đã trao cho Đội lá cờ đỏ sao vàng do Hội Phụ nữ Phản đế Hà Nội thêu tặng dòng chữ “Tặng anh em du kích Bắc Sơn”.

Đội Cứu quốc quân Bắc Sơn được thành lập đánh dấu sự phát triển vượt bậc của phong trào cách mạng Bắc Sơn nói riêng,

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đồng chí Lương Văn Tri - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng (1910 - 1941)*, Sđd, tr.73.

2. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Văn Thụ - Tiểu sử*, Sđd, tr.149.

tỉnh Lạng Sơn nói chung, tiến tới thành lập Khu căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai (Thái Nguyên) và khu rừng Tam Tấu, Khuổi Nọi được chọn làm vị trí trung tâm của Khu căn cứ để mở rộng phát triển phong trào cách mạng.

Nhiệm vụ đầu tiên được Trung ương Đảng giao cho Đội Cứu quốc quân là dẫn đường, bảo vệ đoàn cán bộ Trung ương đi dự Hội nghị Trung ương 8. Đồng chí Hoàng Tài được giao nhiệm vụ dẫn đoàn. Từ Bắc Sơn, đoàn đi qua địa bàn hai xã Mông Ân và Thiện Thuật, huyện Bình Gia. Đoàn nghỉ chân tại gia đình ông Đàm Văn Lưu ở thôn Khuổi Coong, xã Bản Chúc và gia đình ông Hoàng Văn Tăng ở thôn Khuổi Đắc, xã Thiện Thuật. Tại đây, đoàn được các gia đình cảnh giới, bảo vệ, bố trí nơi ăn, nghỉ, hướng dẫn đường đi qua địa bàn ranh giới ba xã Thiện Thuật, Quang Trung và Yên Lỗ, sang xã Hồng Phong, xuôi đường sông bằng bè mảng. Đến Tràng Định, Chi bộ Phi Mỹ phân công một số đồng chí đảng viên làm nhiệm vụ giao liên đưa đoàn từ xã Đề Thám qua xã Hùng Sơn, Kháng Chiến, Đội Cán vượt biên giới Việt - Trung rồi về địa điểm họp an toàn tại Pác Bó, Cao Bằng¹.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941 đã nhận định: “Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và dân ta trong giai đoạn hiện tại”². Để kịp thời tổ chức, chỉ đạo thống nhất mọi lực lượng của toàn thể dân tộc tiến hành cuộc đấu tranh

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tràng Định: *Lịch sử Đảng bộ huyện Tràng Định (1930 - 1954)*, Sơ thảo, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1990, tr.24.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.298.

giải phóng dân tộc, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh. Ngay sau đó, Tổng bộ Việt Minh đã triển khai việc xây dựng tổ chức Việt Minh các cấp, công cuộc chuẩn bị mọi mặt để tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền được xúc tiến mạnh mẽ, gấp rút.

Hưởng ứng cuộc vận động cứu nước của Mặt trận Việt Minh, trong thời gian cuối năm 1941 - 1942, các hội Công nhân Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc... được thành lập và hoạt động ở khắp các địa phương trong cả nước.

Sau khi họp Hội nghị Trung ương 8, ngày 23/6/1941, đoàn Trung ương gồm các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ¹, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên được Cứu quốc quân Bắc Sơn bảo vệ bí mật di chuyển về các địa phương. Trong thời gian lưu lại ở Bắc Sơn, đồng chí Trường Chinh thay mặt Trung ương phổ biến Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 cho Đội Cứu quốc quân, đây cũng là đơn vị đầu tiên tổ chức học tập Nghị quyết. Đồng thời, Trung ương cũng quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy Đội Cứu quốc quân Bắc Sơn. Đồng chí Phùng Chí Kiên được phân công làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Lương Văn Tri làm Chính trị viên.

Ở Lạng Sơn, sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, thực dân Pháp cấu kết với phát xít Nhật tiến hành đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng của nhân dân ta. Với mục đích trả thù cán

1. Sau Hội nghị Trung ương 8, đồng chí Hoàng Văn Thụ về chỉ đạo phong trào cách mạng tại Hà Nội. Tháng 8/1943, đồng chí Hoàng Văn Thụ bị mật thám Pháp bắt ở Hà Nội đem về giam tại nhà tù Hỏa Lò và xử bắn vào ngày 24/5/1944 tại trường bắn Tương Mai (Hà Nội).

bộ và quần chúng cách mạng tham gia cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, chúng ráo riết truy lùng, bắt bớ khắp nơi, gây nên một làn sóng khủng bố gay gắt. Chúng đã lập ra hàng loạt trại tập trung, nhà tù ở Hoàng Đồng (phủ Cao Lộc), Đàng Lang, Mỏ Nhài, Nam Nhi, Chiêu Vũ (châu Bắc Sơn), Hội Hoan, Gia Miễn (châu Thoát Lãng) và Thụy Hùng (châu Văn Uyên). Ngoài ra, chúng còn đưa nhiều người đi đày ở các nhà tù Sơn La, Hà Giang và Hỏa Lò (Hà Nội).

Ngày 25/7/1941, địch tập trung 10 trung đội lính khố xanh từ thị xã Lạng Sơn càn quét vào Bắc Sơn. Tại đây, chúng gây tội ác tàn bạo, đốt phá nhà cửa, bắt phần lớn dân ở Nà Cái và Bản Ít, thẩm sát 16 hộ dân ở bản Khuôn Khát (chỉ còn duy nhất 1 người sống sót). Trong các trận đánh, Đội Cứu quốc quân Bắc Sơn bị tổn thất. Ban Chỉ huy đội quyết định rút lên Cao Bằng theo hai hướng Bình Gia - Na Rì - Ngân Sơn do đồng chí Lương Văn Tri, Phùng Chí Kiên chỉ huy và Bằng Mạc - Điềm He - Thoát Lãng do đồng chí Hoàng Văn Thái, Đặng Văn Cáp chỉ huy. Hướng của đồng chí Lương Văn Tri, Phùng Chí Kiên bị phục kích, đồng chí Phùng Chí Kiên hy sinh, đồng chí Lương Văn Tri bị thương nặng, bị bắt và hy sinh anh dũng trong nhà tù thực dân ở Cao Bằng¹.

Cùng với việc đàn áp phong trào quần chúng cách mạng, thực dân Pháp và phát xít Nhật đã tăng cường các thủ đoạn bóc lột nhân dân ở Lạng Sơn. Chúng cho tăng mức thuế cũ,

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đồng chí Lương Văn Tri - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng (1910 - 1941)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2014, tr.82-84.

đặt thêm thuế mới, chia thuế thân và thuế điền thổ ra làm nhiều loại để dễ bề bóc lột, chúng đẩy mạnh thu vét thóc lúa, hạn chế bán các mặt hàng vải sợi, dầu hỏa, muối ăn. Sự áp bức, bóc lột dã man của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã làm cho đời sống nhân dân vô cùng cực khổ, nhiều cuộc đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng đòi cải thiện đời sống đã diễn ra ở Bắc Sơn, Tràng Định, Thoát Lãng. Trong những năm 1941 - 1942, quán triệt đường lối của Đảng và các chính sách của Mặt trận Việt Minh, cùng với các tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang, phong trào Việt Minh ở Lạng Sơn đã phát triển ở nhiều vùng nông thôn, thị xã và thị trấn. Cuối năm 1941, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Tổng bộ Việt Minh, Hội nghị liên tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn được triệu tập, đã cử ra Ban Việt Minh liên tỉnh để thống nhất chỉ đạo phong trào. Tháng 11/1943, Ban Cán sự liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng được thành lập đã góp phần tăng cường sự chỉ đạo của Đảng với phong trào cách mạng 3 tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn.

Được sự chỉ đạo sát sao của Ban Cán sự liên Tỉnh ủy, Ban Việt Minh liên tỉnh, hàng loạt cơ sở Việt Minh ở Lạng Sơn đã được tổ chức với nòng cốt là số đảng viên trung kiên còn lại sau thời gian khủng bố khốc liệt của thực dân Pháp. Từ cuối năm 1942 đến đầu năm 1944, phong trào Việt Minh đã phát triển ở Bắc Sơn, Tràng Định, Thoát Lãng, Bình Gia. Các lớp huấn luyện tập trung của tỉnh lần lượt được tổ chức ở Khuổi Nghiêu, Tà Lừa, Nà Chát, Khuổi Nhừ (Tràng Định), thu hút hàng trăm người tham gia. Qua huấn luyện, học viên được học tập Điều lệ của Mặt trận Việt Minh, được phổ biến những hiểu biết cần thiết về tình hình, nhiệm vụ cách mạng

Việt Nam trong giai đoạn trước mắt, những phương pháp cần thiết cho quá trình vận động, tổ chức đấu tranh phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Sau khi được tăng cường đội ngũ cán bộ Việt Minh khá đông đảo, các cơ sở Việt Minh ở nhiều nơi của Tràng Định, Thoát Lãng, Bắc Sơn, Văn Uyên, Bình Gia được tổ chức nhanh chóng. Các cơ sở Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc lần lượt ra đời với sự tham gia của đông đảo các tầng lớp quần chúng yêu nước. Sau khi thành lập, các Hội Cứu quốc thường xuyên sinh hoạt, phổ biến báo chí cách mạng, học tập văn hóa, tập hát những bài ca cách mạng...

Các đội tự vệ trị an và tự vệ chiến đấu được thành lập. Ngoài nhiệm vụ bảo vệ trị an làng xã, tuyên truyền báo chí, tài liệu truyền đơn cách mạng, các đội tự vệ còn làm nhiệm vụ tiêu trừ Việt gian phản động, chuẩn bị kế hoạch đối phó với hành động đàn áp của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Cùng với sự phát triển của phong trào Việt Minh trong khu giải phóng Việt Bắc, một không khí cách mạng đã được dâng lên mạnh mẽ ở Lạng Sơn.

Đầu năm 1945, ảnh hưởng của phong trào Việt Minh đã lan tới các địa phương trong tỉnh như Điềm He, Bằng Mạc, Ôn Châu, Cao Lộc, Lộc Bình. Qua một thời gian hoạt động trong phong trào Việt Minh, được giác ngộ và bồi dưỡng về ý thức giải phóng dân tộc, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã xây dựng được niềm tin son sắt với Đảng, Mặt trận Việt Minh, sẵn sàng nổi dậy khi có sự phát động, chỉ đạo và tổ chức. Thanh thế của Việt Minh lên cao đã làm cho chính

quyền dịch hoang mang, dao động, mục tiêu đấu tranh đúng đắn và những chính sách tích cực của Việt Minh đã thuyết phục được thái độ lừng chừng của các tầng lớp trung gian như tiểu nông, tiểu chủ, trí thức, học sinh, tiểu tư sản và cả tầng lớp địa chủ, phú nông, quan lại, lý dịch, trong đó đã có nhiều người ngả sang hàng ngũ Việt Minh hoặc bí mật giúp đỡ cho hoạt động của Việt Minh.

Từ sự phát triển của phong trào Việt Minh, việc chuẩn bị gấp rút xây dựng lực lượng mọi mặt của tỉnh tiến tới khởi nghĩa đã được thực hiện tương đối nhanh chóng.

Giữa năm 1944, đứng trước phong trào cách mạng đang dâng cao trong cả nước, để đẩy mạnh hơn nữa việc chuẩn bị khởi nghĩa, ngày 07/5/1944, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị về *sửa soạn khởi nghĩa*. “Nếu ta nhằm đúng thời cơ, phát động khởi nghĩa thì nhất định cuộc cách mạng dân tộc giải phóng của chúng ta phải thắng... Song thời cơ không tự nó đến, một phần lớn do ta sửa soạn, thúc đẩy nó”¹. Việc sửa soạn cần tiến hành về mặt quân sự và những công việc chính trị trong quần chúng. Chỉ thị xác định: “Chúng ta phải biết nắm lấy cơ hội ngàn năm có một đang giành quyền độc lập, đuổi kịp năm châu... Tình thế không cho phép ta chậm chạp nữa. Hãy tích cực sửa soạn khởi nghĩa đảng bẻ xiềng, tháo ách cho dân tộc”².

Ở Lạng Sơn, từ cuối năm 1944 đến đầu năm 1945, được sự tăng cường chỉ đạo của Tổng bộ Việt Minh, Liên Tỉnh ủy

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.498, 501.

Cao - Bắc - Lạng và sự vận động, tổ chức tích cực của Cứu quốc quân từ căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, các đội vũ trang tuyên truyền chiến đấu lần lượt được thành lập ở nhiều địa phương trong tỉnh. Ở Hội Hoan (Thoát Lãng) có đội vũ trang do đồng chí Hoàng Văn Kiểu phụ trách, ở Thụy Hùng (Văn Uyên) có đội vũ trang do đồng chí Bé Chấn Biên phụ trách, ở Chí Minh (Tràng Định) có đội vũ trang do đồng chí Tuân phụ trách, ở Bình Gia có đội vũ trang được thành lập ở Văn Mịch do hai đồng chí Hà Tân Cương và Hà Khai Lạc phụ trách. Sau khi được thành lập, các đội vũ trang này đã tự tổ chức mua sắm vũ khí, phục kích tước vũ khí của lính đồng trang bị cho mình, sẵn sàng phối hợp với sự nổi dậy của quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

Cùng với sự ra đời của các đội vũ trang cách mạng, các căn cứ du kích cũng được thành lập ở Hội Hoan (Thoát Lãng), Chí Minh (Tràng Định), Văn Mịch (Bình Gia). Giữa các căn cứ đó có đường dây liên lạc với nhau, tạo thành hệ thống liên hoàn các căn cứ và liên hệ chặt chẽ với căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, một căn cứ địa do Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo.

Đầu năm 1945, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào quần chúng cách mạng, sự ra đời của các đội vũ trang tuyên truyền, chiến đấu, cùng với việc thành lập các căn cứ du kích đã tạo ra điều kiện chủ quan cần thiết cho việc tổ chức lực lượng, khi có thời cơ tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Những mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa phát xít Nhật với thực dân Pháp ở Đông Dương cùng với sự thất bại của phát xít Nhật ở mặt trận Thái Bình Dương đã buộc chúng phải làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm

Đông Dương và ngăn ngừa mối họa sau lưng khi quân Đồng minh tiến vào. Đêm 09/3/1945, Nhật nổ súng đánh Pháp cùng một lúc trên toàn cõi Đông Dương, chưa đầy 1 ngày, quân Pháp đã hoàn toàn quỳ gối đầu hàng Nhật. Nhật giữ nguyên bộ máy cai trị tay sai của thực dân Pháp để giúp chúng thống trị và bóc lột, chỉ quét thêm một lớp sơn độc lập giả hiệu cho chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim. Tuy nhiên, bộ máy phát xít trắng trợn của Nhật đã nhanh chóng phơi bày trước đông đảo quần chúng do chính sách thu thóc tạ và tăng thuế nặng nề hơn, đàn áp cách mạng và khủng bố nhân dân tàn bạo.

Ở Lạng Sơn, ngay đêm 09/3/1945, quân Nhật đã tiêu diệt lực lượng quân Pháp ở trong thành và các pháo đài xung quanh thị xã. Các đồn binh Pháp ở Lộc Bình, Na Sầm, Thất Khê bị Nhật tiêu diệt nhanh gọn. Riêng đồn Đồng Đăng do có địa thế cao, xây dựng kiên cố nên quân Pháp ở đây cố gắng chống cự đến sáng ngày 12/3 mới bị hạ. Những người sống sót bị bắt làm tù binh hoặc lẩn trốn sang Trung Quốc. Sau khi đánh bại quân Pháp ở Lạng Sơn, phát xít Nhật vẫn duy trì hệ thống chính quyền tay sai cũ do Pháp tổ chức ra từ trước, Tổng đốc Linh Quang Vọng được Nhật giữ lại làm Tỉnh trưởng bù nhìn.

Trước diễn biến mau lẹ của tình hình, ngày 12/3/1945, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Đảng đã đề ra chủ trương “Phát động một cao trào *kháng Nhật cứu nước* mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.367.

Thực hiện chủ trương của Đảng, tháng 3/1945, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng chỉ thị cho các Đảng bộ và cơ sở đảng địa phương: Nhân lúc này lập tức lật đổ bộ máy thống trị của thực dân, tùy từng vùng, từng điều kiện mà giành chính quyền ở xã, châu, tỉnh. Tích cực phát triển lực lượng tuyên truyền giải phóng ở các địa phương, tổ chức lực lượng tiếp tục chống Nhật.

Ở Lạng Sơn, Cứu quốc quân ở căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai hoạt động mạnh, tuyên truyền rộng rãi chủ trương tiến tới khởi nghĩa của Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh. Đồng thời được sự chỉ đạo và tăng cường cán bộ của Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, khí thế cách mạng đã dấy lên ở Bắc Sơn, Điềm He, Bình Gia, Bằng Mạc, Thoát Lãng và Hữu Lũng. Các đội vũ trang tuyên truyền ở Tràng Định, Thoát Lãng, Văn Uyên đã khẩn trương tăng cường, củng cố lực lượng vũ trang và lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa. Trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 7/1945, dưới sự tổ chức trực tiếp của các chi bộ Đảng, các Ban Việt Minh ở các châu Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng, Bằng Mạc, Tràng Định, Thoát Lãng, Điềm He, quần chúng cách mạng đã lần lượt nổi dậy giành chính quyền.

Tại Bắc Sơn, khi quân Pháp bỏ chạy, chính quyền tay sai hoang mang lo sợ, quần chúng cách mạng ở các xã đã sục sôi khí thế nổi dậy. Từ ngày 16 đến ngày 17/4/1945, Đảng bộ Bắc Sơn đã chỉ đạo các đội vũ trang tổ chức tiến công tiêu diệt các đồn bốt của địch, làm hậu thuẫn vững chắc cho đồng đảo quần chúng lần lượt giải phóng các xã Vũ Lễ, Vũ Lăng, Hưng Vũ,

Bắc Sơn, Chiêu Vũ. Trên đà thắng lợi, ngày 18/4/1945, lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng đã tiến vào giải phóng châu lỵ, giải tán chính quyền địch, tổ chức mítting mừng thắng lợi.

Cùng thời gian này, ở Bình Gia, thời cơ cách mạng đã diễn ra một cách nhanh chóng. Được tin quân Pháp ở thị xã đầu hàng Nhật, tên Đồn trưởng Pháp Logay cùng binh lính đã tháo chạy về Đồng Mỏ, để lại chính quyền tay sai rệu rã cùng với một đội lính dõng tạm thời cai quản. Nắm bắt thời cơ thuận lợi, ngày 19/4/1945, trung đội vũ trang chiến đấu do đồng chí Hà Tân Cương chỉ huy đã phối hợp cùng đội vũ trang giải phóng do đồng chí Quốc Vinh chỉ huy từ Bắc Sơn sang, tiến công vào đồn Bình Gia và nhanh chóng làm chủ châu lỵ. Ngay chiều hôm đó, cuộc mítting với sự tham gia của đông đảo quần chúng các xã lân cận đã được tổ chức để biểu dương lực lượng cách mạng và tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân phong kiến.

Cuối tháng 3/1945, từ căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, các chi đội Cứu quốc quân đã hoạt động mạnh ở các xã thuộc châu Hữu Lũng. Đầu tháng 4, khi quân Pháp bỏ chạy, Nhật chưa kịp chấn chỉnh bộ máy cai trị của chúng, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ của đội Cứu quốc quân, quần chúng cách mạng ở xã Vân Nham đã nổi dậy phá kho thóc của địch ở Phổng, phân phát cho nhân dân. Ngày 15/4/1945, quân khởi nghĩa bao vây phố Mẹt, cô lập chính quyền địch, thành lập Ban Việt Minh châu, củng cố lực lượng vũ trang, chuẩn bị đối phó với sự quấy rối của lực lượng phi, sự tấn công, đàn

áp của Nhật, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn huyện.

Sau khi chấn chỉnh lại được bộ máy cai trị ở tỉnh lỵ và Đồng Mỏ (Ôn Châu), được tin quân cách mạng đã làm chủ Bắc Sơn và Bình Gia, từ ngày 22 đến ngày 24/4/1945, phát xít Nhật huy động một đại đội từ Đồng Mỏ có lực lượng phản động “Đại Việt duy dân” dẫn đường đánh vào Bình Gia rồi từ đó tiến sang Bắc Sơn hòng phá vỡ thành quả cách mạng của nhân dân vừa giành được. Ta tổ chức 1 tiểu đội giải phóng quân chặn địch tại đèo Tam Canh, tiêu diệt 3 tên, làm bị thương nhiều tên khác, thu 2 súng trường và 120 viên đạn buộc quân Nhật phải chạy về Bình Gia, sau đó rút về Đồng Mỏ. Thắng lợi ở Bình Gia, Bắc Sơn đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng của cán bộ, quần chúng các địa phương trong tỉnh. Nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5, đêm 30/4/1945, cờ đỏ sao vàng và các khẩu hiệu ủng hộ Việt Minh, đả đảo phát xít Nhật đã xuất hiện nhiều nơi trong thị xã. Sáng ngày 01/5/1945, phát xít Nhật và tay sai đã hạ cờ, xóa khẩu hiệu, đe dọa khủng bố nhân dân. Sự kiện treo cờ và khẩu hiệu vào đêm 30/4/1945 đã tăng cường uy tín của Việt Minh với đông đảo nhân dân, đặc biệt là lứa tuổi thanh niên¹.

Sau thất bại ở Bình Gia, Bắc Sơn, từ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5, quân Nhật đã rút về co cụm ở thị xã và Đồng Mỏ.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lạng Sơn: *Lịch sử Đảng bộ thị xã Lạng Sơn (1930 - 1954)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1990, tr.42.

Trước tình hình đó, đêm 20 rạng sáng 21/6/1945, các đội vũ trang tuyên truyền từ Bình Gia, Bắc Sơn tiến về châu Bằng Mạc, phối hợp cùng với sự nổi dậy của quần chúng, tấn công đồn Vạn Linh, buộc tri châu Đinh Ngọc Hồ và quân lính phải đầu hàng, quân cách mạng và nhân dân đã làm chủ châu ly, Bằng Mạc hoàn toàn giải phóng, chính quyền cách mạng ở các xã lần lượt được thành lập.

Ở Tràng Định, sau khi đánh bại Pháp, quân Nhật kéo tới chiếm đóng Thất Khê. Nhân lúc chúng chưa lập chính quyền tay sai, Chi bộ Đảng đã quyết định tổ chức lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 02/5/1945, phối hợp với quần chúng cách mạng, các đội vũ trang chiến đấu tiến công đồn Pò Mã (xã Quốc Khánh) tiêu diệt quân địch tại đây, giải phóng hoàn toàn xã Quốc Khánh, thành lập chính quyền cách mạng. Từ xã Quốc Khánh, lực lượng vũ trang lần lượt tiến quân về các xã khác, tước vũ khí của tàn binh Pháp, tiêu diệt tay sai, xóa bỏ chính quyền địch. Đến đầu tháng 6/1945, hầu hết các xã ở Tràng Định đã thành lập được chính quyền cách mạng, mở ra vùng giải phóng bao vây quân Nhật và chính quyền bù nhìn, tay sai ở phố Thất Khê, tiến tới giải phóng hoàn toàn huyện Tràng Định.

Tại Thoát Lãng, nắm bắt được thời cơ thuận lợi khi quân Pháp bỏ chạy, chính quyền tay sai hoang mang, dao động, đội vũ trang giải phóng do đồng chí Hoàng Văn Kiểu phụ trách cùng quần chúng cách mạng đã nổi dậy ở nhiều xã, nhanh chóng giành chính quyền. Từ cuối tháng 4 đến đầu

tháng 5/1945, trừ thị trấn Na Sầm, quân cách mạng đã hoàn toàn làm chủ các thôn, xã. Việc giải phóng phần lớn các xã ở Thoát Lãng đã góp phần liên kết và mở rộng vùng giải phóng của tỉnh.

Sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình cách mạng trong toàn tỉnh lúc này đã đặt ra yêu cầu bức thiết là cần có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, kịp thời hơn nữa của Đảng. Trước thực tiễn đó, được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng, giữa tháng 5/1945, tại khu rừng Khau Kham, Văn Mịch (châu Bình Gia), Hội nghị kiện toàn củng cố Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Lạng Sơn được tổ chức. Hội nghị đề ra chủ trương: Tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh phong trào cách mạng trong toàn tỉnh, chuẩn bị lực lượng, khi có thời cơ nổi dậy giành chính quyền. Giữ vững thành quả đã giành được ở một số huyện khác, củng cố các đội vũ trang tuyên truyền làm nòng cốt phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa. Hội nghị cử ra Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh gồm các đồng chí: Lô Quang Nam, Bảo An, Phan Mạnh Cư, Hoàng Văn Kiểu¹. Đồng chí Lô Quang Nam được bầu làm Bí thư².

Tỉnh ủy lâm thời Lạng Sơn được kiện toàn, củng cố là một trong những sự kiện lịch sử quan trọng của phong trào cách

1. Cuối năm 1934, Ban Cán sự tỉnh Lạng Sơn (Tỉnh ủy lâm thời) đã được thành lập, sau thời gian bị thực dân Pháp khủng bố, đây là lần kiện toàn, củng cố lại Tỉnh ủy lâm thời.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội*, Sđd, tr.13.

mạng Lạng Sơn, phản ánh bước trưởng thành vững chắc của các cơ sở đảng Lạng Sơn sau 15 năm xây dựng, rèn luyện qua thử thách gay go, quyết liệt, đấu tranh một mất một còn với kẻ thù.

Ngay sau khi Tỉnh ủy được củng cố, kiện toàn, Tỉnh bộ Việt Minh cũng được thành lập và trở thành ban tham mưu tích cực, thống nhất trong việc vận động, tổ chức quần chúng cách mạng, nhanh chóng chuẩn bị lực lượng mọi mặt tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ và trong toàn tỉnh. Ông Lương Như Ý được cử làm Chủ nhiệm và đồng chí Hà Tân Cương làm Phó Chủ nhiệm Ban Việt Minh tỉnh Lạng Sơn.

Cuối tháng 5/1945, Tỉnh ủy đề ra chủ trương: tăng cường củng cố và giữ vững vùng mới giải phóng làm hậu thuẫn mạnh mẽ cho việc giành chính quyền ở tỉnh lỵ, nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng ở các địa phương có phong trào chưa thật sự phát triển như Cao Lộc, Lộc Bình, thị xã Lạng Sơn... để khi thời cơ đến sẽ kịp thời phối hợp nổi dậy khởi nghĩa.

Thực hiện chủ trương đề ra, ngay từ cuối tháng 5/1945, Tỉnh ủy đã mở nhiều lớp huấn luyện chính trị, quân sự cấp tốc tại Ba Xã (Điềm He), đồng thời cử nhiều cán bộ của tỉnh triển khai nhanh chóng việc tổ chức phong trào Việt Minh ở Cao Lộc, Lộc Bình, thị xã Lạng Sơn. Được sự hỗ trợ của tỉnh, đến cuối tháng 7/1945, hầu hết các xã thuộc Cao Lộc, Lộc Bình đã thành lập được Hội cứu quốc.

Thắng lợi liên tiếp của cách mạng ở hầu hết các địa phương trong tỉnh đã làm cho phát xít Nhật ở Lạng Sơn điều

đứng. Tuy vậy, chúng vẫn nuôi dưỡng dã tâm thâm độc là phá tan chính quyền cách mạng vừa giành được của nhân dân ta. Thực hiện âm mưu đó, từ ngày 18 đến ngày 25/5/1945, phát xít Nhật huy động lực lượng binh lính tiến công vào vùng giải phóng Bình Gia - Bắc Sơn theo hai hướng chính: hướng thứ nhất từ Thất Khê qua Khau Hương vào Bình Gia; hướng thứ hai từ Đồng Mỏ qua Canh Giàn vào Bắc Sơn và qua Kéo Coong vào Bình Gia. Trước sự tấn công của quân Nhật, Đảng bộ Bắc Sơn cũng như Ban Việt Minh châu Bình Gia đã nhanh chóng tổ chức lực lượng vũ trang và nhân dân thực hiện biện pháp “Vườn không nhà trống”, bao vây kinh tế, chặn đường tiếp viện, thường xuyên tập kích tiêu diệt sinh lực địch. Trước sự chống trả quyết liệt của quân và dân Bắc Sơn - Bình Gia, phát xít Nhật phải tháo lui nhục nhã, điều này chứng tỏ thế suy yếu của giặc Nhật, bọn chúng không còn đủ sức để duy trì bộ máy cai trị trước sự lớn mạnh toàn diện của cách mạng. Thắng lợi ở Bình Gia, Bắc Sơn đã giúp cho Tỉnh ủy nắm chắc được cục diện cách mạng trong toàn tỉnh, từ đó kịp thời đề ra những chủ trương đúng đắn, sát hợp với tình hình thực tiễn, thúc đẩy việc giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Trước tình hình có nhiều thuận lợi mới, Tỉnh ủy đã quyết định huy động lực lượng giải phóng châu Diêm He, xây dựng căn cứ tập trung gần nhất để tiến vào giải phóng tỉnh lỵ. Ngày 03/7/1945, một đội vũ trang chiến đấu do đồng chí Hoàng Văn Kiểu trực tiếp chỉ huy sang phối hợp với sự nổi dậy của quần chúng cách mạng trong huyện Thoát Lãng, tiến công đánh chiếm đồn Diêm He, sào huyệt tập trung của

tàn quân Pháp và tay sai. Sau vài giờ đồng hồ chống cự, quân địch hoàn toàn bị tiêu diệt, quần chúng cách mạng làm chủ châu lỵ. Cùng ngày, tại châu lỵ Diêm He, Tỉnh bộ Việt Minh đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn, làm lễ tuyên bố chính thức ra mắt trước đông đảo quần chúng.

Tỉnh bộ Việt Minh kêu gọi nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết một lòng vượt mọi khó khăn, trở ngại, thừa thắng tiến tới thắng lợi cuối cùng. Đầu tháng 8/1945, Tỉnh ủy lâm thời Lạng Sơn và các lực lượng giải phóng quân đã tập trung về khu căn cứ Ba Xã (Diêm He) chuẩn bị tiến vào thị xã Lạng Sơn giành chính quyền. Ở các hướng bắc, đông, nam của thị xã Lạng Sơn, cơ sở cách mạng chưa phát triển, quân Nhật còn chiếm đóng ở các vị trí quan trọng tại Đồng Đăng, Lộc Bình, Đồng Mỏ. Còn ở phía tây thị xã, vùng giải phóng đã bao gồm Bắc Sơn, Bình Gia, Bằng Mạc, Diêm He và một phần của Thoát Lãng. Từ Ba Xã đến thị xã Lạng Sơn có nhiều con đường mòn xuyên đồi núi chỉ đi bộ nửa ngày đường là đến¹.

Giữa lúc tiến trình khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh đang phát triển mạnh mẽ, tại Yên Hùng (châu Bình Gia), đối tượng Nông Xuân Nhu vốn là lý trưởng thuộc chính quyền cai trị của thực dân Pháp, đã tổ chức một nhóm tay chân phản động gọi là “Hội Bảo an”, cấu kết, móc nối với một số nhóm phản động thân Pháp ở trong

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Quan: *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Quan (1930 - 1954)*, Sơ thảo, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1994, tr.29-30.

tỉnh, lôi kéo nhân dân trong vùng chống đối cách mạng. Chúng âm mưu gây chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc ở Bình Gia, ngăn chặn không cho ảnh hưởng của cách mạng lan tới vùng này, hòng phá hoại thành quả cách mạng mới giành được của nhân dân.

Trước dã tâm phản động của Nông Xuân Nhu, Tỉnh ủy đã quyết định đánh tan tổ chức phản động này để ngăn chặn sự nổi loạn trong vùng giải phóng. Cuối tháng 7/1945, một bộ phận vũ trang của tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang châu Bình Gia tiến công, bao vây, truy quét phản động. Trước sức áp đảo mạnh mẽ của lực lượng vũ trang cách mạng, Nông Xuân Nhu và tay sai phải đầu hàng¹.

Sau khi Nông Xuân Nhu và các đối tượng phản động đầu hàng, được sự chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền cách mạng châu Bình Gia, chính quyền cách mạng ở các xã vùng Yên Hùng lần lượt được thành lập. Đồng bào các dân tộc vùng Yên Hùng phấn khởi, tin tưởng vào cách mạng, sẵn sàng tham gia các hoạt động giữ vững và củng cố vùng giải phóng.

Giữa lúc cao trào kháng Nhật, cứu nước của nhân dân ta đang trên đà phát triển mạnh mẽ thì tình hình thế giới có biến chuyển lớn. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc với thắng lợi của quân Đồng minh trên khắp các mặt trận. Ngày 09/8/1945, Hồng quân Liên Xô ồ ạt tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu. Chỉ trong

1. Cuối năm 1947, Nông Xuân Nhu tiếp tục tổ chức nhóm phản động lần thứ hai. Đến năm 1948, do ngoan cố chống cự nên hắn đã bị tiêu diệt, tuy nhiên dư đảng của Nông Xuân Nhu còn hoạt động trong nhiều năm sau.

vòng một tuần lễ, hơn 1 triệu quân Quan Đông tinh nhuệ bị đánh tan, Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh vô điều kiện.

Ở Đông Dương, quân đội Nhật hoang mang, mất tinh thần, chính quyền bù nhìn tê liệt, bọn Việt gian hoảng hốt.

Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 14 đến ngày 15/8/1945 đã nhận định: “Toàn dân tộc đang sôi nổi đợi giờ khởi nghĩa, giành quyền độc lập... Những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương như đã chín muồi”¹. Hội nghị đã quyết định phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương và thông qua Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh làm chính sách cơ bản của chính quyền cách mạng.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng, tại Tân Trào, Quốc dân Đại hội đã được triệu tập từ ngày 16 đến ngày 18/8/1945 đã tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng và Mười chính sách của Việt Minh, thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam (Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Từ ngày 14 đến ngày 18/8/1945, nhiều tỉnh đã nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền hoàn toàn. Đặc biệt, ngày 19/8/1945, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Hà Nội - trung tâm đầu não chính quyền thống trị của địch bị lật đổ, chính

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.424.

quyền về tay nhân dân. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội có ý nghĩa quyết định đối với cả nước, làm cho chính quyền tay sai Nhật ở các nơi bị tê liệt, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng tiến công của nhân dân cả nước.

Thực hiện chủ trương tiếp xúc với quân Đồng minh trong tư thế chính quyền cách mạng của nhân dân, Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các tỉnh biên giới phía Bắc nhanh chóng giành chính quyền từ phát xít Nhật, lập chính quyền cách mạng của nhân dân.

Tại Lạng Sơn, quân Nhật lo sợ tan rã, tỉnh trưởng bù nhìn Linh Quang Vọng cùng bè lũ tay sai hoang mang cao độ. Trước tình hình đó, ngày 19/8/1945, tại Đồng Mỏ (Ôn Châu), dưới sự chỉ đạo của Ban Việt Minh châu và được sự tăng cường của lực lượng vũ trang chủ lực của tỉnh, quần chúng cách mạng đã nhất tề nổi dậy, tiến công quân Nhật, giành chính quyền và làm chủ châu lỵ, Ôn Châu hoàn toàn giải phóng. Cùng ngày, tại Hữu Lũng, lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng nổi dậy, giành quyền làm chủ phố Mẹt (châu lỵ Hữu Lũng).

Ngày 21/8, tại Thất Khê (Tràng Định), dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng đã nổi dậy tiến công, bao vây tước vũ khí quân Nhật, làm chủ phố Thất Khê, giải phóng hoàn toàn Tràng Định.

Ngày 22/8, lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng ở Thoát Lãng đã làm chủ Na Sầm, giải phóng hoàn toàn Thoát Lãng.

Riêng tại thị xã Lạng Sơn, việc khởi nghĩa giành chính quyền có nhiều khó khăn. Cũng trong ngày 22/8, tại thị xã

Lạng Sơn, lực lượng Đại Việt Duy dân¹ (thân Nhật) đã dùng thủ đoạn ép một số thanh niên tổ chức mítting biểu dương ủng hộ chúng. Cùng lúc đó, nhóm Thanh niên Phan Anh ở Lạng Sơn tổ chức hội họp tại Câu lạc bộ sĩ quan ở cửa Đông. Đối tượng Trần Đăng Doanh của Đại Việt Duy dân cướp diễn đàn của nhóm Thanh niên Phan Anh, kêu gọi thanh niên ủng hộ Đại Việt Duy dân bảo vệ thị xã, thực chất là chống lại Việt Minh và quân cách mạng. Trước tình hình này, đồng chí Tuệ - là hội viên Việt Minh, công nhân nhà máy đèn, đã đứng lên giới thiệu và hô hào thanh niên chuẩn bị phối hợp cùng cách mạng giải phóng thị xã. Sau khi nghe đồng chí Tuệ phát biểu, thanh niên thị xã nhiệt liệt hoan hô rồi giải tán, phá tan âm mưu thâm độc của nhóm Đại Việt Duy dân².

Trước khí thế của quần chúng cách mạng, ngày 24/8, tại Ba Xã (châu Diêm He), Tỉnh ủy họp và đề ra chủ trương: nhân lúc này phải nhanh chóng giải phóng tỉnh lỵ, lập chính quyền cách mạng. Cùng ngày, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa của tỉnh được thành lập và quyết định huy động lực lượng giải phóng tỉnh lỵ vào ngày 25/8. Hội nghị Tỉnh ủy đã quyết định thành lập Ty Liêm phóng với 12 đồng chí (nay là Công an tỉnh Lạng Sơn), do đồng chí Nguyễn Văn Tín làm Trưởng ty; đồng chí Phan Minh Tuệ - Tỉnh ủy viên, trực

1. Túc Đại Việt Duy dân cách mạng Đảng thành lập năm 1943, do Lý Đông A cầm đầu. Tổ chức này chống Pháp nhưng thân Nhật, tự coi mình là đối trọng với Việt Minh.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lạng Sơn: *Lịch sử Đảng bộ thị xã Lạng Sơn (1930 - 1954)*, Sđd, tr.42.

tiếp theo dõi, chỉ đạo công tác Liêm phóng. Ty Liêm phóng có nhiệm vụ tiêu diệt các tổ chức phản động sau khi giành chính quyền¹.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngay đêm 24/8, tại Ba Xã, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa của tỉnh đã tập trung các đội vũ trang cách mạng từ các địa phương trong vùng giải phóng xuất phát từ căn cứ Ba Xã (châu Điềm He), hành quân tiến về giành chính quyền ở thị xã Lạng Sơn.

Rạng sáng ngày 25/8, lực lượng vũ trang cách mạng và quần chúng các vùng lân cận chia làm hai hướng tiến vào thị xã qua các ngã Bằng Mạc, Điềm He. Ngay từ sáng sớm, do có sự chuẩn bị từ trước, nhân dân thị xã đã rầm rộ đổ ra các ngõ phố đón chào lực lượng cách mạng. Đúng 13 giờ ngày 25/8, các lực lượng vũ trang và quần chúng đã chiếm lĩnh các vị trí trọng yếu như: Sở Mật thám, Kho bạc, Sở Dây thép (Bưu điện), phá đề lao, giải thoát cán bộ và quần chúng bị địch bắt, bao vây dinh Tỉnh trưởng, buộc Tỉnh trưởng bù nhìn Linh Quang Vọng phải đầu hàng.

Ngay chiều hôm đó, Tỉnh ủy đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn trước nhà Chánh xứ cũ của Pháp, tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân phong kiến, công bố Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh, kêu gọi quần chúng đoàn kết để bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng, tích cực ủng hộ Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Sau đó quần chúng cách mạng đã diễu hành, biểu dương lực lượng

1. Xem Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1945 - 1954)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.41-42.

qua các phố, không khí vui mừng thắng lợi tràn ngập khắp thị xã.

Cùng ngày, dưới sự phát động trực tiếp của Ban Việt Minh Cao Lộc, phối hợp với sự tiến công của lực lượng vũ trang chủ lực của tỉnh, quần chúng cách mạng ở Cao Lộc đã đồng loạt nổi dậy giành chính quyền.

Sau khi làm chủ hoàn toàn thị xã, được tin quân Tưởng sắp kéo vào để giải giáp quân Nhật, trong khi một số địa phương trong tỉnh chưa thành lập được chính quyền cách mạng, Tỉnh ủy đã nhanh chóng đề ra chủ trương mới: rút toàn bộ lực lượng vũ trang ra ngoại vi thị xã, chiếm giữ các điểm cao, khống chế không cho quân Tưởng hoạt động. Đồng thời, cử đại biểu Việt Minh tỉnh vào thị xã để dàn xếp những vấn đề phức tạp xảy ra; cử một số đội vũ trang tiếp tục hỗ trợ để giành chính quyền ở Lộc Bình, sau đó, tiến hành bao vây kinh tế quân Tưởng, lấy quần chúng làm áp lực buộc chúng phải thương lượng với ta, tiến tới thành lập chính quyền cách mạng cấp tỉnh.

Tại Lộc Bình, ngày 26/8, Tỉnh ủy điều động một đơn vị vũ trang do đồng chí Liên Đoàn và đồng chí Hà Văn Thư chỉ huy tiến về Lộc Bình hỗ trợ quần chúng giành chính quyền¹. Ngày 28/8, dưới sự chỉ đạo của Ban Việt Minh châu và sự giúp sức của lực lượng vũ trang của tỉnh, quần chúng cách mạng đã nổi dậy giải phóng châu lỵ, xóa

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lộc Bình: *Lịch sử Đảng bộ huyện Lộc Bình (1930 - 1954)*, Sơ thảo, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1993, tr.23.

bỏ chính quyền tay sai của địch, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân.

Từ ngày 14 đến ngày 30/8/1945, các địa phương trên cả nước đồng loạt khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. Ngày 02/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập trước quốc dân đồng bào và thế giới, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập”¹.

Sau khi giành chính quyền thắng lợi, Tỉnh ủy và nhân dân Lạng Sơn phải sớm đối mặt với những tàn dư của chế độ cũ và sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch có sự hậu thuẫn của chế độ Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc). Nhằm đập tan âm mưu của các đảng phái phản động, Tỉnh ủy chỉ đạo Ty Liêm phóng tiến hành đấu tranh, phát hiện và xử lý kịp thời gần 100 đối tượng là Việt gian, mật thám, chỉ điểm, đảng phái phản động do các đối tượng Trần Văn Đài và Lê Văn Cung cầm đầu. Lực lượng vũ trang và nhân dân Lạng Sơn đã tiến công, trấn áp và tiêu diệt lực lượng phản động Quốc dân Đảng ở khu Cửa Đông - Chi Lăng (thị xã Lạng Sơn), thu được 28 súng các loại, đánh tan các đảng phái phản động: Đại Việt Duy dân, Việt Nam cách mạng đồng minh hội².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

2. Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1945 - 1954)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.43-44.

Ngày 26/8/1945, một ngày sau khi các lực lượng cách mạng của tỉnh giành được chính quyền ở thị xã, hơn 20.000 lính thuộc Quân đoàn 62 của Tưởng Giới Thạch, với danh nghĩa Đồng minh đến tước vũ khí quân Nhật ở nước ta, đã tiến vào thị xã Lạng Sơn (theo đường Đồng Đăng).

Dã tâm của lực lượng phản động khi vào nước ta là tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, giúp bọn phản động Việt Nam đánh đổ chính quyền nhân dân, để lập một chính quyền phản động làm tay sai cho chúng¹.

Theo sau cánh quân phản động ô hợp vào đất Lạng Sơn là lực lượng tay sai người Việt đã từng sống lưu vong trên đất Trung Quốc với danh nghĩa của hai tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách). Các đảng phái phản động hy vọng sẽ dựa dẫm và lợi dụng áp lực của Tưởng để lật đổ chính quyền cách mạng, thiết lập chính quyền bù nhìn, cam tâm làm tay sai đắc lực cho Tưởng Giới Thạch.

Vừa đặt chân tới đất Lạng Sơn, chúng đã tiến hành ngay hàng loạt hành động phá hoại, gây rối loạn trật tự trị an ở khu vực thị xã và ở các thị trấn Đồng Đăng, Na Sầm, Thất Khê. Đi tới đâu, quân Tưởng và tay sai đều ngang nhiên cướp bóc của cải, phá phách, chiếm đoạt nhà cửa, dọa nạt, bắt bớ nhân dân. Nghiêm trọng hơn là tại Thất Khê, chúng bắn chết một chiến sĩ giải phóng quân và chiếm kho súng của ta².

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.21.

2. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.16.

Tại khu vực Đồng Đăng, lực lượng Phục Quốc¹ đã chiếm thị trấn ngay từ khi quân Tưởng đặt chân tới đây. Chúng cấu kết với một số tên cường hào phản động như chánh tổng Hoàng Văn Ngạn, thủ bạ² Tải... tổ chức vũ trang chống lại Việt Minh, chúng thu súng của lính đông ở các xã Bảo Lâm, Tân Yên, Tân Thanh, tổ chức 2 trung đội quân Phục Quốc do các đối tượng Ngạn và Sinh cầm đầu. Đối tượng Hoàng Văn Ngạn còn cử người ra biên giới lôi kéo quân thổ phỉ Hoàng Phi Hồ vào hợp sức. Các đối tượng này đã có nhiều hành động chống phá cách mạng, nhân dân các dân tộc ở các huyện Thoát Lãng, Văn Uyên, Cao Lộc. Cuối tháng 8/1945, lực lượng Phục Quốc đã kéo về Na Sầm hùng lật đổ chính quyền cách mạng ở Thoát Lãng. Trên đường tiến về Na Sầm, qua khu vực Bản Lè, Tà Phìa (xã Hoàng Việt), chúng tiến hành cướp bóc, đàn áp nhân dân. Lực lượng vũ trang Thoát Lãng chặn đánh quyết liệt buộc lực lượng Phục Quốc phải chạy về Đồng Đăng (Cao Lộc)³.

1. Phục Quốc là tên gọi tắt của tổ chức Việt Nam Phục Quốc Đồng minh Hội, do Trần Trung Lập, tay sai của phát xít Nhật lập ra từ năm 1940, trước khi Nhật đánh vào Lạng Sơn. Tổ chức này có thời kỳ đã tập hợp được khoảng 700 - 800 người, gồm binh lính khố đỏ, khố xanh và một số dân nghèo ở thị xã. Khi Nhật cấu kết với Pháp, Trần Trung Lập bị Pháp giết, hơn 600 tên Phục Quốc bỏ trốn sang Trung Quốc. Khi Tưởng vào Việt Nam, lực lượng này lại theo chân làm tay sai cho Tưởng.

2. Một chức danh trong hệ thống cai trị của thực dân phong kiến ở cấp xã, phụ trách sổ đinh, sổ địa bạ và các hồ sơ, sổ sách thu chi của xã.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Lãng: *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Lãng (1930 - 1954)*, Sơ thảo, Sổ Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1994, tr.36.

Để giúp lực lượng Phục Quốc mở rộng phạm vi hoạt động phá hoại, giữa tháng 9/1945, quân Tưởng điều một đại đội lính phối hợp với một trung đội Phục Quốc kéo vào Lộc Bình, nơi cách mạng chưa giành được chính quyền hoàn toàn, hòng biến Lộc Bình thành căn cứ của chúng. Đến thị trấn Lộc Bình, chúng bắt giam 3 người trong Ủy ban nhân dân lâm thời châu, đưa đối tượng Việt gian Lưu Văn Nhục ra làm tri châu. Hằng ngày, lực lượng Phục Quốc lùng sục vào các làng lân cận châu lỵ, cướp bóc, bắt bớ gây không khí lo sợ trong nhân dân.

Tại thị xã, chỉ huy quân Tưởng cho quân lính thỏa sức chiếm cứ nhà ở của nhân dân để làm nơi đóng quân, cướp bóc, vơ vét lương thực, thực phẩm ngoài chợ và ngay cả trong nhà dân, gây nên tình trạng mất trị an nghiêm trọng.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy đã trực tiếp chỉ đạo đối phó với quân Tưởng và tay sai, vận dụng chủ trương, sách lược của Đảng “tránh xung đột, giao thiệp thân thiện với quân Đồng Minh”¹.

Được sự chỉ đạo trực tiếp, kịp thời của Tỉnh ủy, ở các huyện Tràng Định, Văn Uyên, Lộc Bình, Cao Lộc - là những nơi quân Tưởng và Việt gian chiếm đóng, đã củng cố vững chắc các đội vũ trang, tập trung lực lượng quân chúng, quyết tâm giữ vững vùng giải phóng, củng cố các đoàn thể cứu quốc, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời ở các xã, dùng lực lượng vũ trang đánh trả những hành động ăn cướp của lính Tưởng và Việt gian.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.425.

Tại Lộc Bình, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, trước sự quấy phá của lực lượng Phục Quốc, lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với quân chúng đã kịp thời tổ chức đánh trả. Do bị chặn đánh và bị tiêu hao lực lượng nên quân Phục Quốc ở đây đã phải tháo lui về cố thủ ở thị xã.

Tại thị xã, nơi tập trung đóng quân của quân Tưởng và lực lượng Việt gian, Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo quân chúng tiến hành bao vây, phong tỏa kinh tế đối với chúng. Được sự vận động, tổ chức kịp thời nên đông đảo quân chúng ở Cao Lộc và thị xã không họp chợ, không bán lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng cho quân Tưởng. Kế hoạch phong tỏa kinh tế của ta đã đẩy quân Tưởng và Việt gian lâm vào tình thế khó khăn, buộc chúng phải nhượng bộ, liên hệ với Việt Minh của tỉnh, tôn trọng chủ quyền độc lập của ta.

Với sách lược hòa hoãn để làm dịu tình hình căng thẳng, tạo điều kiện cần thiết cho việc củng cố và giữ vững thành quả cách mạng, sau khi đàm phán chính thức với quân Tưởng, Tỉnh ủy chỉ đạo tạm thời thỏa thuận với chúng lập ra một Ủy ban hành chính liên hiệp có thành phần của lực lượng Phục Quốc tham gia. Thành phần Ủy ban hành chính liên hiệp 3 phái gồm:

Trần Đình Long (không đảng phái): Chủ tịch,
Trần Đình Hội (Phục Quốc): Phó Chủ tịch,
Phan Minh Tuệ (Việt Minh): Ủy viên Thư ký,
Lê Huyền Trang (Việt Minh): Ủy viên chính trị,
Nông Quốc Long (Phục Quốc): Ủy viên kinh tế,
Chu Văn Tích (không đảng phái): Ủy viên văn hóa,
Đoàn Chí Khoan (không đảng phái): Ủy viên quân sự.

Mặc dù trên danh nghĩa là chính quyền cấp tỉnh nhưng thực chất Ủy ban hành chính liên hiệp chỉ đảm nhiệm công việc chủ yếu là dàn xếp các vụ xung đột giữa lực lượng Phục Quốc với các lực lượng vũ trang cách mạng xung quanh thị xã và trên trục đường từ thị xã đi Đồng Đăng. Mọi hoạt động của chính quyền liên hiệp chủ yếu do Việt Minh chủ động điều khiển.

Việc thỏa thuận thành lập chính quyền liên hiệp là một quyết định nhạy bén, kịp thời của Tỉnh ủy lâm thời, phù hợp với chủ trương của Đảng đề ra trong bối cảnh chính quyền cách mạng của tỉnh chưa được thành lập, một số địa phương chưa giành được chính quyền hoàn toàn, tình hình xã hội chưa ổn định. Việc dàn xếp mâu thuẫn với quân Tưởng và tay sai đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tranh thủ thời gian để củng cố, giữ vững vùng mới giải phóng, tạo ưu thế về quân sự, chính trị và kinh tế để đối phó với âm mưu lâu dài của lực lượng phản cách mạng.

Để thực hiện một cách triệt để nhiệm vụ lịch sử của cuộc cách mạng giải phóng, củng cố và giữ vững thành quả cách mạng vừa giành được ở hầu hết các địa phương trong tỉnh, cổ vũ tinh thần tiến công của đông đảo nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tháng 10/1945, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, một cuộc mítting lớn với sự tham gia của hàng nghìn quần chúng cách mạng toàn tỉnh đã được tổ chức tại làng Khâm Nặm, Chợ Bãi (châu Bằng Mạc). Cuộc mítting được tổ chức long trọng và rộng rãi, thực sự trở thành một ngày hội lớn của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tại cuộc mítting, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh

Lạng Sơn tuyên bố thành lập, do đồng chí Lô Quang Nam làm Chủ tịch¹.

Thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh là một sự kiện quan trọng, ghi nhận thắng lợi trọn vẹn của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Lạng Sơn, đánh dấu thành quả của chặng đường đoàn kết đấu tranh anh dũng, bền bỉ, kiên cường của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lạng Sơn trong những năm 1930 - 1945.

Cách mạng Tháng Tám ở Lạng Sơn thành công đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi to lớn của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cách mạng Tháng Tám đã phát huy cao độ truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết gắn bó lâu đời của nhân dân các dân tộc trên quê hương xứ Lạng - cửa ngõ biên cương vùng Đông Bắc của Tổ quốc, nơi có ả Chi Lăng hiển hách, ả Pha Lũy kiên cường, đã chôn vùi hàng vạn quân xâm lược phương Bắc, ghi nhận những chiến công chói lọi của dân tộc ta trong lịch sử đấu tranh gìn giữ nền độc lập, tự chủ của nước nhà.

Trong tiến trình Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng bộ Lạng Sơn đã kế thừa xứng đáng truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất, ý chí cách mạng kiên cường của các thế hệ tiền bối, vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối và chủ trương của Đảng qua từng giai

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Sđd, tr.19.

đoạn để xây dựng phong trào cách mạng. Đảng bộ đã không ngừng chăm lo, củng cố xây dựng các cơ sở đảng làm nòng cốt lãnh đạo, chỉ đạo quần chúng cách mạng, đoàn kết một lòng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt, chủ động đón thời cơ, nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong toàn tỉnh.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do. Nhận định về ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí Lê Duẩn đã nêu rõ: “Cách mạng Tháng Tám thắng lợi mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta, một cuộc đổi đời chưa từng có đối với mỗi người Việt Nam...”¹. Nhân dân Việt Nam đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật đổ chế độ quân chủ và ách thống trị của phát xít Nhật; từ thân phận nô nệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ dân tộc.

Với ý nghĩa sâu sắc đó, Cách mạng Tháng Tám đã xóa bỏ hoàn toàn ách cai trị của chính quyền thực dân phong kiến cùng những chính sách bóc lột hà khắc, bắt công đê nén lên đời sống đói nghèo, cùng cực của nhân dân các dân tộc Lạng Sơn trong gần một thế kỷ. Cách mạng Tháng Tám đưa nhân dân các dân tộc từ địa vị nô lệ lên vị trí người làm chủ đất nước, quê hương, làm chủ cuộc sống của mình, bước đầu thực

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.13.

hiện được mơ ước ngàn đời là độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân.

Cách mạng Tháng Tám để lại cho Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn những kinh nghiệm thực tiễn quý báu trong công tác lãnh đạo, tổ chức, xây dựng và bảo vệ Đảng, về vận động quần chúng sử dụng các hình thức đấu tranh linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã tạo ra tiền đề vô cùng quan trọng trong việc xây dựng và củng cố vững chắc Lạng Sơn - một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

*Chương II***ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
XÂY DỰNG, CỨNG CỐ, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG
VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1945 - 1954)****I- XÂY DỰNG, CỨNG CỐ, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN
CÁCH MẠNG, CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1946)**

Từ tháng 10/1945, sau khi Ủy ban nhân dân lâm thời của tỉnh được thành lập, tình hình cách mạng trong tỉnh có những chuyển biến rõ rệt. Hầu hết Ủy ban nhân dân các cấp được thành lập, bước đầu đảm nhận công tác lãnh đạo ổn định đời sống, ổn định tình hình trị an, củng cố xây dựng lực lượng để đối phó với âm mưu phá hoại của lực lượng phản động.

Khó khăn cấp bách nhất trong lúc này là phải đối phó với sự quấy nhiễu hằng ngày, hằng giờ của quân Tưởng và lực lượng Phục Quốc. Mặc dù thành lập chính quyền liên hiệp theo sự thỏa thuận, nhưng do bản chất phản động chống phá cách mạng nên hầu hết những đối tượng Phục Quốc tham gia trong Ủy ban liên hiệp đều tìm mọi cách không chế hoạt động của đại biểu Việt Minh, không chịu ra mặt giải quyết những vấn đề xung đột giữa quân Tưởng, Phục Quốc với lực lượng vũ trang và nhân dân ta.

Nghiêm trọng hơn nữa là tại thị xã, chỉ huy Tưởng và các đối tượng cầm đầu Phục Quốc ngang nhiên ra lệnh cho quân lính bắt bố nhân dân, vơ vét của cải, lương thực và thực phẩm. Chúng trắng trợn thiết quân luật ở thị xã, ngăn chặn, truy bắt cán bộ Việt Minh làm cho tình hình ở thị xã thêm phần căng thẳng, rối ren, chính quyền cách mạng ở thị xã không có điều kiện để thành lập, các cơ sở quần chúng cách mạng luôn bị giám sát, kìm kẹp.

Trước tình thế đó, Tỉnh ủy chủ trương thành lập Thành bộ Việt Minh để thay mặt cho Ủy ban nhân dân lâm thời giao dịch với quân Tưởng (lúc này không lấy danh nghĩa chính quyền tỉnh vì còn tồn tại Ủy ban liên hiệp ba phái), không để cho chính quyền liên hiệp bị lực lượng Phục Quốc thao túng và không tác dụng trong việc ổn định tình hình chính trị của tỉnh. Tháng 12/1945, Thành bộ Việt Minh được thành lập¹ do đồng chí Hà Văn Thư làm Chủ nhiệm.

Ngay sau khi Thành bộ Việt Minh được thành lập, Tỉnh ủy đề ra những biện pháp cụ thể để đối phó với quân Tưởng và củng cố xây dựng lực lượng đối phó với âm mưu lâu dài của lực lượng phản động:

Một là, thành lập một bộ phận chuyên bán gạo cho quân Tưởng, để quân Tưởng không có thời gian tiếp xúc với nhân dân, đổi và mua vũ khí của chúng trang bị cho lực lượng vũ trang của ta.

Hai là, giải quyết kịp thời mọi xung đột xảy ra giữa quân Tưởng với nhân dân, từ đó, phá vỡ âm mưu tổ chức phát

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Sđd, tr.20.

triển phong trào “Nam Dương Nông dân Hoa kiều Hiệp hội” do quân Tưởng tạo ra.

Ba là, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, nhanh chóng củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng: Nông dân Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc... ở xung quanh thị xã, tiến tới dùng lực lượng đấu tranh của quần chúng làm áp lực để cô lập lực lượng phản động¹.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, với tư cách đại diện Ủy ban nhân dân lâm thời, Thành bộ Việt Minh hoạt động tích cực, qua nhiều lần đàm phán với quân Tưởng, giải quyết được nhiều vụ xung đột giữa quân Tưởng với lực lượng vũ trang của ta. Những biện pháp tích cực của Thành bộ Việt Minh trong việc thu hẹp phạm vi hoạt động của quân Tưởng góp phần làm cho tình hình trị an ở thị xã và các vùng xung quanh bớt phần căng thẳng. Từ những kết quả đó, quần chúng ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng ủng hộ và giúp đỡ cách mạng. Tình hình đó tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh xây dựng được các tổ chức quần chúng: Nông dân Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc... ở thị xã và những vùng lân cận. Xu thế phát triển của phong trào quần chúng cách mạng đã đẩy lùi từng bước và đi đến xóa bỏ ảnh hưởng của lực lượng Phục Quốc trong các tầng lớp nhân dân.

Đầu năm 1946, Tỉnh ủy đàm phán với lực lượng Phục Quốc cải tổ Ủy ban liên hiệp thành Ủy ban liên hiệp hành chính với 3 đại biểu, trong đó có 2 đại biểu Phục Quốc và 1 đại

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), *Sđd*, tr.20.

biểu Việt Minh. Quyền lực của Ủy ban liên hiệp hành chính bị thu hẹp và hầu như chỉ còn là danh nghĩa. Đây là một bước thắng lợi của tỉnh trong việc phá vỡ âm mưu xây dựng chính quyền tay sai phản động của quân Tưởng. Đồng thời với việc từng bước xóa bỏ ảnh hưởng của lực lượng Phục Quốc, Tỉnh ủy kịp thời thỏa thuận thành lập Ủy ban quân sự liên hiệp gồm 2 đại biểu Việt Minh và 1 đại biểu Phục Quốc. Ủy ban quân sự liên hiệp có nhiệm vụ chủ yếu là giải quyết các vụ xô xát giữa các lực lượng vũ trang cách mạng với lực lượng Phục Quốc trên toàn bộ địa bàn tỉnh.

Hoạt động của Ủy ban quân sự liên hiệp có tác dụng tích cực trong việc hạn chế các hoạt động quân sự, lưu manh của lực lượng Phục Quốc, kiềm chế mọi hoạt động của chúng, mở ra điều kiện thuận lợi cho các lực lượng vũ trang của ta hoạt động.

Sau hơn 5 tháng thực hiện chủ trương của Đảng trong việc đối phó với quân Tưởng và tay sai, bằng những biện pháp tích cực, khôn khéo và mềm dẻo, Tỉnh ủy đã chỉ đạo lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân đánh bại bước đầu âm mưu phá hoại cách mạng của quân Tưởng và tay sai, thành lập được chính quyền dân chủ nhân dân cấp tỉnh, bảo vệ và củng cố ngày càng vững chắc chính quyền cách mạng vừa giành được ở khắp các địa phương trong tỉnh.

Tại thị xã Lạng Sơn, sau khi lực lượng Phục Quốc bắt cóc và sát hại đồng chí Mai Sơn, Tỉnh ủy tổ chức cho quần chúng diễu hành đưa tang đồng chí, phản đối âm mưu bao che của quân đội Tưởng đối với Phục Quốc¹. Cùng với đó, lực lượng

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lạng Sơn: *Lịch sử Đảng bộ thị xã Lạng Sơn (1930 - 1954)*, Sđd, tr.60.

Liên phóng Lạng Sơn cũng phối hợp với Liên phóng Hà Nội bắt và xử lý đối tượng Nguyễn Nhật Đán - là mật thám chỉ điểm lợi hại; hoàn thành phân loại đối tượng phản cách mạng, đưa ra Tòa án quân sự xử tử hình các đối tượng Lý Đốc, Chánh Hưng, Châu Đoàn Huấn, Dương Công Dị¹. Ty Liên Phóng lập các “Đội hành động” trừng trị những đối tượng tay sai nguy hiểm của phát xít Nhật - Pháp, ngăn chặn hoạt động của những điệp vụ nguy hiểm như: Lương Tịch Soòng, Nông Thế Hưng, Tăng Trình, Lâu Vải My; tiêu diệt các đối tượng cầm đầu các tổ chức Hoa kiều phản động, điển hình như Hoàng Văn Công, thủ lĩnh Nam Dương Nông dân Hoa kiều Hiệp hội tại Ôn Châu².

Đối với công tác củng cố chính quyền, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời lãnh đạo, tổ chức cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh tham gia đi bầu cử đại biểu Quốc hội, thực hiện thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 06/01/1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội khóa I diễn ra trên cả nước. Ở Lạng Sơn mặc dù bị lực lượng Phục Quốc tổ chức quấy nhiễu, song dưới sự lãnh đạo, tổ chức của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời, hàng vạn đồng bào các dân tộc ở khắp các vùng trong tỉnh nô nức đã thực hiện quyền công dân của mình, lựa chọn và bầu đại biểu xứng đáng tham gia Quốc hội. Sau thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử, đồng bào các dân tộc Lạng Sơn, tích cực tham gia giữ vững, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân với tư thế của người làm chủ quê hương, đất nước.

1, 2. Xem Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1945 - 1954)*, Sđd, tr.45, 52.

Ngày 28/02/1946, được sự tiếp tay của đế quốc Mỹ, tại Trùng Khánh (Trung Quốc), thực dân Pháp ký với Tưởng Hiệp ước Hoa - Pháp. Theo Hiệp ước này, Pháp được quyền đem quân thay quân Tưởng ở miền Bắc Đông Dương. Để bù lại, Pháp trả cho Tưởng các tô giới của Pháp ở Trung Quốc và đường xe lửa Vân Nam. Hàng hóa của Tưởng qua cảng Hải Phòng được miễn thuế. Thực chất của Hiệp ước Trùng Khánh là sự mặc cả của các thế lực đế quốc, chấp thuận cho thực dân Pháp thiết lập lại ách thống trị trên toàn cõi Việt Nam.

Sau Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết, ngày 03/3/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *Tình hình và chủ trương*. Chỉ thị phân tích chính xác âm mưu xảo quyệt của bọn đế quốc và tay sai, vạch rõ Hiệp ước Hoa - Pháp “không phải là chuyện riêng của Tàu và Pháp. Nó là chuyện chung của phe đế quốc và bọn tay sai của chúng ở thuộc địa”¹. Sau khi phân tích tình hình chỉ thị đã chỉ rõ chủ trương của Đảng lúc này là: “... Nếu Pháp giữ chủ trương cho Đông Dương tự trị theo bản Tuyên ngôn ngày 24/3/1945 thì nhất định đánh và rất có thể đánh lâu dài theo lối du kích, nhưng nếu Pháp công nhận Đông Dương tự chủ thì có thể hòa”². Chỉ thị nhấn mạnh thêm: “Vấn đề lúc này không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận định một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng”³.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.8, tr.41.

3. Tuyên ngôn của tướng De Gaulle ngày 24/3/1945 coi xứ Đông Dương là Liên bang gồm 5 nước nằm trong Liên hiệp Pháp và do Pháp đại diện quyền lợi.

Ngày 06/3/1946, Chính phủ ta ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ, đặt cơ sở cho việc đàm phán đi đến một hiệp ước chính thức, tránh phải đối phó với nhiều kẻ thù một lúc. Hiệp định Sơ bộ quy định Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước tự do, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, có tài chính riêng ở trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp, Chính phủ Pháp cam kết thừa nhận những quyết định của một cuộc trưng cầu ý dân về vấn đề thống nhất ba kỳ. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chấp nhận cho 15.000 quân Pháp vào Bắc Việt Nam thay thế quân đội Tưởng, mỗi năm phải rút 1/5 số quân và hoàn tất việc rút quân sau 5 năm.

Để củng cố, giữ vững lòng tin của cán bộ và nhân dân trước quyết định của Chính phủ, ngày 09/3/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Hòa để tiến*, vạch rõ lý do cần phải hòa với Pháp:

“Chúng ta hòa với Pháp để:

1. Tránh tình thế bất lợi...

2. Bảo toàn thực lực giành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí đã chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung cán bộ, bồi dưỡng và củng cố phong trào. Tóm lại, để chuẩn bị đầy đủ, nhằm cơ hội tốt tiến lên giai đoạn cách mạng mới”¹.

Đồng thời, Chỉ thị nhấn mạnh việc đề phòng thực dân Pháp bội ước, nói rõ sau khi đưa quân chiếm đóng những nơi đã được thỏa thuận rất có thể Pháp sẽ kiểm soát tiến công lật

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.49.

đổ chính quyền nhân dân. Bởi vậy nhân dân ta vẫn phải tiếp tục chuẩn bị kháng chiến lâu dài¹.

Từ chủ trương chung đó, Chỉ thị đề ra nhiệm vụ cụ thể là phải quán triệt để lợi dụng thời gian hòa hoãn, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và các tổ chức quần chúng, củng cố phong trào và đào tạo cán bộ; củng cố lại toàn bộ hệ thống liên lạc từ Trung ương đến cơ sở; thống nhất ý chí và hành động, chống chia rẽ bè phái, cảnh giác đề phòng tay sai của Pháp chui vào Đảng để phá hoại².

Nhân Hiệp định Sơ bộ, quân Tưởng kích động lực lượng Việt gian tay sai ở trong nước ra mặt tổ chức quấy phá, gây rối loạn tình hình trị an xã hội, xuyên tạc tình hình chính trị hòng phá việc đàm phán của Chính phủ ta với thực dân Pháp.

Ở Lạng Sơn, biết trước là sẽ phải rút về nước, quân Tưởng ra sức vơ vét, cướp đoạt của cải. Lực lượng Phục Quốc và Việt Nam Quốc dân Đảng ngang nhiên tổ chức gây rối loạn ở nhiều nơi. Tại thị xã, chúng huy động lực lượng bao vây, uy hiếp Thành bộ Việt Minh, đòi cải tổ chính quyền, bắt cóc và ám sát nhiều đồng chí cán bộ của ta. Tại Cao Lộc, nhóm Phục Quốc bao vây trụ sở làm việc của chính quyền huyện ở Đồng Đăng. Tại huyện Lộc Bình, tàn dư tổ chức phản động Việt Nam Quốc dân Đảng đánh chiếm Pò Tầm (xã Yên Khoái).

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương sẵn sàng dùng lực lượng vũ trang, vận động sức mạnh quần chúng đánh trả sự quấy nhiễu của quân Tưởng và lực lượng Phục Quốc

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.52, 54.

để bảo vệ chính quyền cách mạng, ổn định tình hình trị an, xã hội.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang ở các huyện dọc đường số 4 tích cực đánh trả phản động. Tại Phai Luông (thị xã Lạng Sơn), lực lượng vũ trang của ta nổ súng chặn đánh nhiều đợt tiến công của lực lượng Phục Quốc có sự hỗ trợ của quân Tưởng. Tại Lộc Bình, tỉnh điều động các đơn vị của đồng chí Long Xuyên, Liên Đoàn, Quảng Long phối hợp với lực lượng vũ trang huyện đánh tan lực lượng phản động.

Để thực hiện nhiệm vụ giải quyết tàn dư về vấn đề Hoa kiều do quân Tưởng để lại, Tỉnh ủy thành lập Ban Vận động chống Hoa kiều hóa¹ do đồng chí Lâm Trọng Thư làm Trưởng ban, bao gồm phần lớn các đồng chí cán bộ người dân tộc Nùng làm thành viên, tổ chức Đoàn Thanh niên Cứu quốc làm nòng cốt. Đoàn Thanh niên Cứu quốc các huyện Cao Lộc, Lộc Bình, Ôn Châu - là những địa bàn có tình trạng Hoa kiều hóa cao, đã tích cực vận động, tuyên truyền cho đồng bào, đặc biệt là đồng bào dân tộc Nùng, thấy rõ âm mưu thâm hiểm của bọn phản động trong việc lôi kéo, kích động chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc trong tỉnh².

Cùng với việc giải quyết vấn đề “Hoa kiều hóa”, Tỉnh ủy Lạng Sơn chủ trương hoàn thiện hệ thống tổ chức của Đảng,

1. Dựa thế quân Tưởng, lực lượng phản động người Hoa ở nhiều nơi công khai hoạt động tổ chức bang hội người Hoa, tiến hành lôi kéo, dụ dỗ đồng bào dân tộc thiểu số học theo người Hoa, chống đối chính quyền cách mạng.

2. Xem Tỉnh Đoàn Lạng Sơn: *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào Thanh thiếu niên tỉnh Lạng Sơn (1930 - 2012)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 2012, tr.31.

củng cố bộ máy chính quyền các cấp. Từ tháng 3 đến tháng 6/1946, Tỉnh ủy Lạng Sơn chỉ đạo thành lập Chi bộ Đảng tại các huyện Cao Lộc, Văn Uyên, Văn Quan, Bằng Mạc. Tháng 4/1946, các địa phương trong tỉnh đồng loạt thực hiện chỉ thị của Chính phủ về thống nhất tổ chức hành chính, bãi bỏ các tổng, thành lập các xã, thống nhất gọi các châu là huyện; tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp xã và tỉnh. Hội đồng nhân dân cấp xã bầu Ủy ban hành chính xã thay cho Ủy ban nhân dân lâm thời. Ở cấp huyện, Hội đồng nhân dân huyện bầu ra Ủy ban hành chính huyện. Đến tháng 5/1946, Ủy ban hành chính cấp xã, huyện được kiện toàn đầy đủ.

Cuối tháng 6/1946, quân Tưởng rút kéo theo các đối tượng cầm đầu tổ chức Phục Quốc phản động, để lại đội quân Phục Quốc hoang mang như rắn mất đầu, một số đầu hàng cách mạng, số khác ngoan cố hơn lần lút vào rừng gia nhập quân phi của Sập Nhì và Hoàng Phi Hồ.

Ngay sau khi quân Tưởng rút, lực lượng Phục Quốc tan rã, tình hình thị xã bắt đầu ổn định, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh từ căn cứ Ba Xã nhanh chóng chuyển về thị xã để kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng của tỉnh. Tại thị xã, Ủy ban hành chính tổ chức cuộc mít tinh lớn, tuyên bố ra mắt chính thức trước nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh.

Để bắt tay vào khắc phục hàng loạt hậu quả do quân Tưởng và lực lượng Phục Quốc để lại, Tỉnh ủy đề ra chủ trương:

Một là, nhanh chóng giải quyết tàn dư đặc vụ Tưởng, đặc biệt là vấn đề Hoa kiều hóa.

Hai là, nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân ở những nơi quân Tưởng vừa rút.

Ba là, củng cố vững chắc chính quyền cách mạng các địa phương, phát động quần chúng nhân dân tích cực tham gia sản xuất.

Bốn là, củng cố và tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng đối phó với mọi sự khiêu khích của kẻ thù.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh, chỉ trong thời gian ngắn, bằng nhiều biện pháp tích cực, Ủy ban hành chính các cấp tiến hành thực hiện khẩn trương các nhiệm vụ cấp bách trước mắt do tỉnh đề ra, bước đầu thu được một số kết quả.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh đề ra một số chính sách mới đối xử thiết thực với số người Hoa chân chính để phân biệt với số đông Hoa kiều đang bị lôi kéo. Bước đầu dàn xếp một số vụ việc mất đoàn kết giữa đồng bào dân tộc Nùng và đồng bào dân tộc Tày. Với sự nỗ lực của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính các cấp, đến đầu tháng 7/1946, tình hình trên địa bàn đi vào ổn định. Hàng nghìn người Nùng bị lôi kéo được thức tỉnh, hiểu rõ được âm mưu thâm độc của kẻ thù, phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của chính quyền cách mạng, tích cực tham gia bảo vệ, củng cố chính quyền cách mạng, hăng hái lao động sản xuất, góp phần ổn định đời sống.

Do hậu quả của thiên tai, mùa màng bị thất thu, đất đai bị bỏ hoang nên từ cuối năm 1945, đời sống của đông đảo nhân dân gặp nhiều khó khăn, nạn đói xảy ra thường xuyên, đặc biệt ở một số vùng bị quân Tưởng và lực lượng Phục Quốc tàn phá như Văn Uyên, Cao Lộc, Lộc Bình.

Trước khó khăn nghiêm trọng đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh chỉ đạo và lãnh đạo nhân dân thực hiện

nhiệm vụ tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh nhanh chóng chỉ thị cho Ủy ban hành chính các cấp khẩn trương tổ chức lại sản xuất, chỉ đạo nhân dân tận dụng đất đai, tập trung trồng các loại cây lương thực ngắn ngày, hỗ trợ lẫn nhau sức lao động, điều hòa sức kéo và giống cây trồng trong từng địa phương... Với sự chỉ đạo cụ thể, sát sao của Ủy ban hành chính các cấp và phát huy được tinh thần tương trợ đoàn kết của nhân dân, đến tháng 7/1946, hoạt động sản xuất bước đầu được khôi phục. Tính trong năm 1946, diện tích lúa chiêm, lúa mùa đạt 277 ha, diện tích trồng ngô đạt 300 ha. Sản lượng hoa màu quy thóc đạt 1.786,2 tấn. Về chăn nuôi, tổng đàn trâu toàn tỉnh có 56.200 con, bò có 8.400 con, đàn lợn có 22.000 con. Nhờ những kết quả đạt được, nạn đói cơ bản được đẩy lùi¹.

Cùng với các biện pháp khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh đã kêu gọi đồng bào các dân tộc thực hành tiết kiệm, phát động phong trào “Bữa cháo cầm hơi”, ở những nơi đầy đủ hơn thì thực hiện mỗi tuần ăn một bữa cháo dành gạo cứu trợ cho những nơi còn thiếu thốn. Phong trào được đông đảo nhân dân hưởng ứng, đã góp phần giải quyết được một bước khó khăn trong đời sống của nhân dân.

Quán triệt Chỉ thị *Tình hình và chủ trương* (ngày 03/3/1946) của Trung ương Đảng về việc chuẩn bị đối phó với âm mưu lâu dài của lực lượng phản động quốc tế (Pháp, Mỹ,

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), *Sđd*, tr.23.

Tưởng) đối với Đông Dương nói chung và đối với Việt Nam nói riêng, Tỉnh ủy đề ra kế hoạch cụ thể củng cố lực lượng vũ trang trong tỉnh.

Từ cuối năm 1945, lực lượng dân quân tự vệ, chiến đấu ở hầu hết các địa phương được củng cố và tăng cường. Tỉnh ủy tổ chức nhiều đợt huấn luyện kỹ, chiến thuật cho lực lượng vũ trang, các lớp học được tập trung ở căn cứ Ba Xã (Điềm He). Ngoài ra, tỉnh còn mở một số cơ sở tự tạo vũ khí để trang bị thêm cho lực lượng vũ trang chiến đấu. Sau thời gian được củng cố và tăng cường mọi mặt, lực lượng vũ trang trong tỉnh bước đầu được trang bị đầy đủ vũ khí, sẵn sàng chiến đấu, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù.

Theo tinh thần Hiệp định Sơ bộ, ngày 07/7/1946, quân tiếp phòng Pháp đóng quân tại thị xã Lạng Sơn. Lực lượng của chúng gồm 1 trung đoàn viễn chinh với 2.000 tên lính, 250 xe quân sự, 8 khẩu đại bác 105 ly và 75 ly, 12 khẩu cối 81 ly và 50 ly. Phạm vi đóng quân chủ yếu của chúng là ở khu vực phố Cửa Đông và một phần Cửa Nam xuống Mai Pha.

Ngay sau khi ổn định địa điểm đóng quân tại thị xã, thực dân Pháp bắt đầu có những hành vi vi phạm quy định về phạm vi đóng quân, nhiều lần đưa quân từ thị xã Lạng Sơn lên chiếm đóng các đồn ở Đồng Đăng, Bản Sâm, Lộc Bình... Trước hành động trắng trợn của chúng, lực lượng vũ trang của ta kiên quyết ngăn cản, xảy ra những cuộc xung đột nhỏ ở những nơi chúng lấn chiếm như Đồng Cú, Nà Tâm, khu ga Đồng Đăng và ga Lạng Sơn. Bên cạnh đó, chúng thường xuyên ngang nhiên đi lại trong thị xã và có nhiều hành động khiêu khích chính quyền và nhân dân ta.

Để tạo điều kiện cần thiết cho việc đối phó với âm mưu và hành động của địch, Tỉnh ủy chỉ đạo nhanh chóng kiện toàn tổ chức đảng, chính quyền. Trong tháng 7 và tháng 8/1947, Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập Huyện ủy Văn Uyên và Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Ôn Châu. Cuối tháng 7/1946, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh được kiện toàn, củng cố thành Ủy ban hành chính tỉnh, do đồng chí Trần Minh Tước làm Chủ tịch¹. Ngay sau đó, Ủy ban bảo vệ của tỉnh cũng được thành lập.

Các cấp bộ Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng khẩn trương triển khai chủ trương của Tỉnh ủy, mọi công việc tổ chức kháng chiến được tiến hành một cách nhanh chóng và rộng khắp ở các địa phương trong tỉnh.

Từ giữa năm 1946, lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn được tăng cường tổ chức, biên chế. Trung đoàn 11 (sau đó đổi tên thành Trung đoàn 28) được thành lập gồm 3 tiểu đoàn, do đồng chí Liên Đoàn làm Trung đoàn trưởng, đồng chí Hà Thế Đỗ làm Chính trị viên, đồng chí Hoàng Long Xuyên làm Trung đoàn phó, đồng chí Thế Hùng làm Tham mưu trưởng. Đây là trung đoàn chủ lực đầu tiên của tỉnh có nhiệm vụ cơ động chiến đấu. Lực lượng dân quân du kích và tự vệ chiến đấu các huyện, thị được phát triển rộng rãi với quân số hơn 10.000 người². Các huyện, thị đều thành lập được Ban chỉ huy dân quân, riêng ba huyện Tràng Định, Thoát Lãng,

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Sđd, tr.24.

2. Xem Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: Lịch sử Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002).

Cao Lộc thành lập được đại đội bộ đội địa phương. Các phương án tác chiến cấp bách được đề ra, lực lượng vũ trang triển khai sẵn sàng chiến đấu ở vị trí quan trọng, đồng thời Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh cũng chỉ đạo tổ chức cho nhân dân sơ tán về nơi an toàn. Đồng thời, lực lượng công an được củng cố theo Sắc lệnh số 23/SL ngày 21/02/1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc thành lập Việt Nam Công an Vụ, Nghị định số 121/NĐ của Bộ Nội vụ quy định tổ chức, nhiệm vụ của Việt Nam Công an Vụ và thành lập công an các tỉnh, thành phố trong cả nước. Ngày 01/6/1946, Ty Liêm phóng Lạng Sơn được đổi tên thành Ty Công an Lạng Sơn, lực lượng công an Lạng Sơn lúc này gồm Văn phòng, Ban bảo vệ chính trị, Ban trật tự tư pháp và công an các đơn vị Bình Gia, Ôn Châu, Tràng Định, Lộc Bình¹.

Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Ủy ban hành chính các cấp, nhân dân khẩn trương thu hái vụ mùa, tranh thủ tận dụng đất đai trồng thêm các loại cây lương thực và thực phẩm ngắn ngày để kịp thời có lương thực, thực phẩm phục vụ chiến đấu. Ủy ban hành chính tỉnh tổ chức thành lập Ban Hậu cần, tập trung lương thực, thực phẩm, thuốc men dự trữ, cung cấp cho kháng chiến, các căn cứ tiếp nhận nhân dân sơ tán và làm hậu thuẫn cho chiến đấu được xây dựng ở Văn Uyên, Ba Xã (Điêm He) và Bình Gia.

Đến đầu tháng 11/1946, được sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh cùng sự nỗ lực

1. Xem Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1945 - 1954)*, Sđd, tr.57.

của quân và dân ở các huyện, thị, công tác chuẩn bị kháng chiến được tiến hành chu đáo, sẵn sàng bước vào những cuộc chiến đấu mới.

II- TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG THỰC DÂN PHÁP, TIẾN TỚI GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN TỈNH LẠNG SƠN (1946 - 1950)

Cuối năm 1946, thực dân Pháp tăng cường các hoạt động khiêu khích chiến tranh. Đồng thời với việc đánh chiếm ở Hải Phòng, quân Pháp bắt đầu tấn công quân và dân ta ở thị xã Lạng Sơn. Trên hướng Lộc Bình, ngay từ tháng 9/1946, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn chiếm dọc đường số 4 từ thị xã Lạng Sơn tới Bản Ngà, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc. Trước sự đánh trả quyết liệt của bộ đội trung đoàn chủ lực tỉnh phối hợp với đội du kích huyện Cao Lộc và Lộc Bình tác chiến ngăn chặn, đến cuối tháng 10/1946 quân Pháp mới đánh chiếm được Bản Ngà. Đầu tháng 11/1946, quân Pháp từ Bản Ngà tấn công vào địa phận huyện Lộc Bình ở Kéo Hin, Khòn Khoang chuẩn bị bàn đạp tấn công vào thị xã Lạng Sơn¹.

Để kịp thời đối phó với âm mưu và hành động của chúng, cuối năm 1946, Tỉnh ủy triệu tập cuộc họp bất thường, đề ra một số chủ trương cụ thể trước mắt: Tổ chức các căn cứ địa trong tỉnh để chuẩn bị kháng chiến. Chuẩn bị mọi điều kiện khi có chiến sự xảy ra, hướng dẫn cho nhân dân sơ tán, vận

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lộc Bình: *Lịch sử Khu căn cứ kháng chiến Đông Quan - Xuân Dương (1946 - 1950)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 2008, tr.19-21.

động làm vườn không nhà trống để bao vây kinh tế địch... Củng cố dân quân tự vệ và chiến đấu ở các địa phương, sẵn sàng đánh trả sự gây hấn của thực dân Pháp. Thực hiện tiêu thổ để chuẩn bị kháng chiến, phá hoại các trục đường giao thông để cản bước tiến công của địch. Phát động phong trào thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chuẩn bị lương thực, thực phẩm cung cấp cho bộ đội khi có chiến sự xảy ra. Tăng cường phát triển lực lượng vũ trang, kiên quyết chặn đánh những hành động lấn chiếm của địch.

Vào lúc 19 giờ ngày 21/11/1946, quân Pháp nổ súng khiêu khích ta ở khu vực Hang Dê, thị xã Lạng Sơn. Trước tình hình đó, các cơ quan của tỉnh nhanh chóng rút ra khỏi thị xã, về căn cứ Ba Xả (Điềm He) để tổ chức chỉ đạo kháng chiến lâu dài.

Đến 11 giờ ngày 25/11/1946, quân Pháp tập trung hỏa lực tấn công ở khu vực Hang Dê tỏa ra khu vực Cửa Nam, cuộc chiến đấu của quân và dân Lạng Sơn với thực dân Pháp chính thức bắt đầu.

Giữa lúc cuộc chiến đấu đang xảy ra quyết liệt ở khu vực Hang Dê, được sự chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Ủy ban hành chính tỉnh, Trung đoàn chủ lực 125 và các trung đội dân quân thị xã nhanh chóng tổ chức hướng dẫn nhân dân gấp rút sơ tán triệt để, triển khai nhanh chóng trận địa chiến đấu ở Ba Toa, Trường Nữ học, đầu cầu Kỳ Cùng, chợ Kỳ Lừa.

Trong suốt hai ngày đêm chiến đấu (ngày 26 và 27/11/1946), với tinh thần quả cảm và sự mưu trí các chiến sĩ - những người con trung hiếu của quê hương xứ Lạng anh dũng, đã đẩy lùi được các đợt tấn công của giặc Pháp, làm tiêu hao nhiều sinh lực địch. Trong những trận đánh quyết liệt ở

Trường Nữ học, đầu cầu Kỳ Cùng, nhiều chiến sĩ chiến đấu kiên cường, hy sinh vẻ vang.

Do phải chiến đấu trong tương quan lực lượng không cân sức, để bảo toàn, gìn giữ lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài, ngày 27/11/1946, quân ta rút lui ra ngoài thị xã. Được sự tiếp viện, giúp sức của các đội vũ trang ở Cao Lộc, Lộc Bình, Văn Uyên ta lập nên phòng tuyến trên đường số 1 và số 4, buộc quân địch phải thả dù tiếp tế cho binh lính đóng trong thị xã.

Cuộc chiến đấu giam chân địch trong thị xã có tác dụng trực tiếp làm chậm bước tiến công xâm lược của địch ở Lạng Sơn, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ và nhân dân có thời gian sơ tán an toàn, giúp cho các địa phương trong tỉnh có đủ thời gian cần thiết chuẩn bị lực lượng khi bước vào kháng chiến. Cuộc chiến đấu để lại bài học thực tiễn quý báu cho công tác tổ chức lực lượng vũ trang tác chiến, đối đầu với lực lượng chủ lực của địch trong các giai đoạn kháng chiến sau này.

Từ cuối tháng 11/1946, quân và dân Lạng Sơn bước vào thời kỳ mới, vừa xây dựng củng cố lực lượng mọi mặt, vừa tham gia chiến đấu trực tiếp với kẻ thù, góp phần tích cực vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ, gian khổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 12/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị toàn dân kháng chiến phát động cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đề ra tính chất của cuộc kháng chiến là trường kỳ, toàn diện¹. Ngày

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.8, tr.150.

19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Người kêu gọi:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”¹.

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước nhất tề đứng lên chiến đấu. Ngay đêm 19/12/1946, cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân ta nổ ra ở Thủ đô Hà Nội và các thành phố Nam Định, Hải Phòng, Vinh, Huế, Đà Nẵng...

Cùng với quân và dân cả nước, các dân tộc Lạng Sơn anh dũng bước vào những trận chiến đấu mới chống quân thù. Sau khi đánh chiếm thị xã, quân Pháp tiếp tục tấn công theo đường số 4 về phía Lộc Bình và đường số 1 từ thị xã lên Đồng Đăng để mở rộng phạm vi chiếm đóng của chúng. Từ tháng 12/1946, quân địch mở nhiều cuộc hành quân tiến đánh vào các tuyến nội địa trong tỉnh để thực hiện âm mưu tiêu diệt cơ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.534.

quan đầu não của tỉnh và lực lượng vũ trang của ta, từ đó chiếm đóng hoàn toàn. Tiến quân đến đâu, thực dân Pháp tiến hành chiêu an lực lượng tay sai, thiết lập hệ thống tệ ngục, cấu kết với các nhóm phỉ Sập Nhì, Vòng A Sáng tiếp tục thực hiện vận động “Hoa kiều hóa”¹. Trước sự khủng bố của địch, cơ sở cách mạng tại nhiều huyện tan vỡ.

Trước tình hình đó, tháng 02/1947, Tỉnh ủy triệu tập cuộc họp cán bộ các huyện, thị tại căn cứ Ba Xã để bàn bạc kế hoạch kháng chiến trước mắt, đối phó với âm mưu lâu dài của địch. Sau khi phân tích, nhận định tình hình giữa ta và địch, hội nghị đề ra chủ trương: Phát động nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chuẩn bị lương thực phục vụ bộ đội chiến đấu, sẵn sàng tham gia phục vụ chiến đấu. Triệt để tiêu thổ kháng chiến để chặn bước tiến quân của địch. Những nơi thực dân Pháp đã và đang chiếm đóng phải làm ngay và làm triệt để. Xây dựng các đại đội độc lập, củng cố tự vệ chiến đấu, tích cực tổ chức đánh du kích để tiêu hao sinh lực địch. Củng cố các đoàn thể quần chúng, giữ vững cơ sở. Giáo dục nhân dân chống bắt phu, bắt lính². Xây dựng hai khu căn cứ chiến lược của tỉnh, Khu 1 gồm: Bình Gia, Bắc Sơn, Bằng Mạc, Điềm He; Khu 2 gồm: Cao Lộc, Lộc Bình.

Chủ trương của Tỉnh ủy đề ra lúc này sát với tình hình thực tiễn, góp phần tạo ra bước đi vững chắc cho tiến trình kháng chiến chống thực dân Pháp ở Lạng Sơn sau này. Việc

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cao Lộc: *Lịch sử Đảng bộ huyện Cao Lộc (1930 - 1985)*, Sđd, tr.67.

2. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1954 - 2005), Sđd, tr.26.

triệt để thực hiện “tiêu thổ kháng chiến” và “vườn không nhà trống” có tác dụng cô lập, bao vây kinh tế, gây trở ngại cho địch, khiến chúng chưa thể mở rộng phạm vi chiếm đóng. Xây dựng căn cứ chiến lược giúp cho ta ngay từ đầu nắm được những vị trí quan trọng, tạo ra vùng hậu phương để củng cố lực lượng, cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ. Tăng cường tổ chức lực lượng vũ trang và nhân dân thực hiện ngay vào các nhiệm vụ kháng chiến, quán triệt đường lối kháng chiến do Đảng đề ra.

Sau khi có chủ trương của Tỉnh ủy, được sự tổ chức, hướng dẫn của Ủy ban hành chính các cấp, đông đảo quần chúng nhân dân hăng hái tham gia thực hiện các nhiệm vụ kháng chiến cấp bách. Ở những nơi có quân Pháp chiếm đóng như Cao Lộc, Lộc Bình, Na Sầm... nhân dân phá hỏng nhà cửa, bắt hợp tác và bao vây kinh tế địch, gây cho địch nhiều khó khăn. Nhân dân ở dọc tuyến đường số 4 phối hợp với lực lượng vũ trang tiến hành phá hủy những đoạn đường quan trọng, thiết lập nhiều chướng ngại vật để ngăn cản bước tiến công của địch.

Tại căn cứ Bình Gia, Bắc Sơn, Điềm He, Bằng Mạc và một số địa phương chưa bị giặc chiếm đóng như Thoát Lãng, Tràng Định, nhân dân hăng hái tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để dự trữ, cung cấp lương thực cho kháng chiến. Tích cực thực hiện “vườn không nhà trống” để phòng địch đánh chiếm. Khu căn cứ Cao Lộc - Lộc Bình, do mới bước đầu được xây dựng và bị địch thường xuyên tấn công nên công việc chuẩn bị cho kháng chiến gặp nhiều khó khăn. Việc bước đầu thiết lập hệ thống căn cứ Cao Lộc - Lộc Bình trong thời gian này đã mở ra tiền đề cần thiết cho vận

động chiến tranh du kích trong giai đoạn kháng chiến quyết liệt sau này.

Ngày 19/02/1947, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định tổ chức và nhiệm vụ của dân quân, tự vệ và du kích. Trên cơ sở sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Chiến khu 12 và Tỉnh ủy Lạng Sơn, ngày 07/3/1947, tại Chợ Bãi (Điêm He), Ban Chỉ huy tỉnh đội bộ dân quân Lạng Sơn được thành lập do đồng chí Nguyễn Trung Tín làm Tỉnh đội trưởng; đồng chí Phan Minh Tuệ - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Chính trị viên; đồng chí Đặng Văn Sỹ làm Tỉnh đội phó. Trong các tháng 4, 5, 6/1947, Ban Chỉ huy huyện đội, xã đội bộ dân quân các địa phương lần lượt được thành lập.

Tỉnh đội bộ dân quân mở nhiều lớp huấn luyện quân sự, trang bị thêm kỹ thuật, chiến thuật cho bộ đội và tự vệ chiến đấu, đặc biệt là việc sử dụng vũ khí kỹ thuật, chiến thuật đánh du kích. Nhằm tăng cường vũ khí, trang bị cho lực lượng dân quân các cấp, tháng 4/1947, Công binh xưởng của Tỉnh đội bộ dân quân thành lập ở Kéo Coong (Bình Gia) với 40 công nhân, do đồng chí Nguyễn Hữu Biên phụ trách, có nhiệm vụ thu gom bom đạn địch không nổ, chế tạo lựu đạn, mìn¹. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang các huyện trên trục đường số 4 tăng cường hoạt động du kích, ngăn chặn địch vận tải, tiếp tế. Đến tháng 6/1947, tình thế xen kẽ, cài răng lược giữa ta và địch hình thành rõ rệt.

Lúc này phong trào kháng chiến ở tỉnh Hải Ninh² đang gặp nhiều khó khăn, sau khi tiến hành trao đổi với Tỉnh ủy

1. Xem Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, Sđd, tr.31-32.

2. Nay là tỉnh Quảng Ninh.

Lạng Sơn, Khu ủy 12 quyết định chuyển giao tạm thời huyện Lộc Bình cho tỉnh Hải Ninh quản lý, làm địa bàn đứng chân của các lực lượng chính trị và vũ trang tỉnh Hải Ninh. Đồng thời, một số cán bộ của huyện Lộc Bình được tăng cường đến các huyện đang gặp khó khăn của tỉnh Hải Ninh để gây dựng và củng cố phong trào¹.

Kết quả bước đầu khi tiến hành các công việc kháng chiến và chuẩn bị cho kháng chiến đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng, đồng thời xây dựng, bổ sung thêm được những điều kiện cần thiết để chuẩn bị đối phó với âm mưu, hành động đánh lớn của địch.

Ngày 07/10/1947, thực dân Pháp tập trung 20.000 quân tinh nhuệ được trang bị đầy đủ vũ khí, phương tiện hiện đại, mở cuộc tấn công lớn đánh thẳng vào trung tâm Việt Bắc, căn cứ địa kháng chiến của ta, nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực, phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, kết thúc chiến tranh và đặt lại ách thống trị thực dân lên toàn bộ nước ta.

Ngày 15/10/1947, Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp. Chỉ thị chỉ rõ nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta lúc này là: “đánh những trận vang dội *những trận tiêu diệt* để nâng cao tinh thần bộ đội và củng cố lòng tin tưởng của nhân dân ở tiền đồ cuộc kháng chiến”².

Tháng 10/1947, địch huy động lực lượng lớn theo dọc đường số 4 và đường số 1 tiến công lên Cao Bằng và Bắc Kạn.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lộc Bình: *Lịch sử Đảng bộ huyện Lộc Bình (1930 - 1954)*, Sđd, tr.52.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.326.

Lạng Sơn là một trong những địa bàn chiến lược quan trọng phục vụ cho âm mưu của địch tiến công lên Việt Bắc. Vì thế, thực dân Pháp tiếp tục cho quân đánh chiếm, mở rộng vùng chiếm đóng trên địa bàn Lạng Sơn. Đến cuối năm 1947, giặc Pháp đánh chiếm Tràng Định, Văn Lãng, Cao Lộc, Lộc Bình, lập các đồn bốt đóng quân ở dọc đường số 4 từ Móng Cái, Tiên Yên (Hải Ninh) qua Đồng Đăng (Lạng Sơn) lên Đông Khê (Cao Bằng) thành một gọng kìm bao vây Việt Bắc.

Trước âm mưu đánh lớn của địch, quán triệt Chỉ thị của Trung ương Đảng, cuối năm 1947, cơ quan lãnh đạo của tỉnh rút từ căn cứ Ba Xã (Điềm He) về Kéo Coong (Bình Gia) để kịp thời chỉ đạo đối phó với ý đồ quân sự của địch ngay trên địa bàn Lạng Sơn. Ủy ban bảo vệ tỉnh được sáp nhập với Ủy ban hành chính kháng chiến để kịp thời quán triệt và triển khai tập trung, thống nhất mọi chủ trương, chỉ thị về tình hình, nhiệm vụ kháng chiến của Trung ương, Khu ủy 12 và Tỉnh ủy.

Sau khi phân tích, nắm bắt được ý đồ chiến lược của địch đối với Lạng Sơn, Tỉnh ủy chủ trương củng cố các căn cứ an toàn, nêu cao cảnh giác đối phó với âm mưu thọc sâu của địch vào hậu phương ta, phát triển chiến tranh du kích ở những vùng địch tạm chiếm, tổ chức tiến công bộ phận, phá hủy cầu cống, đường giao thông quan trọng, tiêu diệt, làm tiêu hao sinh lực địch, chủ yếu là ở những nơi địch đóng quân dọc đường số 4.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính kháng chiến các cấp tích cực triển khai công tác tiêu thổ kháng chiến, xây dựng phòng tuyến chiến đấu, cấm công đề phòng địch nhảy dù tập kích ở Bằng Mạc, Điềm He, Bình Gia, Bắc Sơn. Cuối năm 1947, quân và dân Bình Gia phối

hợp với các đại đội độc lập đánh bật cuộc hành quân lấn chiếm của địch ở Văn Mịch, làm thất bại một bước âm mưu đánh thọc sâu của địch vào vùng tự do của ta, bảo vệ vững chắc và an toàn hậu phương của tỉnh.

Được sự tăng cường chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính kháng chiến cùng với sự nỗ lực vận động tích cực của các cấp bộ Đảng địa phương, đến cuối năm 1947, các căn cứ du kích của tỉnh bắt đầu được xây dựng ở Chi Lăng (Lộc Bình), Ba Sơn (Cao Lộc). Hoạt động của quân và dân ta ở căn cứ Chi Lăng, Ba Sơn gây cho địch nhiều tổn thất, góp phần khống chế, phân tán, chia cắt lực lượng địch, từng bước làm chủ những đoạn đường giao thông quan trọng trên đường số 4, từ Tiên Yên, Móng Cái (Hải Ninh) qua Đình Lập, Lộc Bình, Cao Lộc, Văn Uyên, Thoát Lãng đến Thất Khê.

Từ tháng 10/1947, khi thực dân Pháp mở những cuộc hành quân lớn tấn công lên Việt Bắc, các lực lượng vũ trang nhân dân Lạng Sơn nhanh chóng phối hợp với Trung đoàn chủ lực 174 chặn đánh, tiêu diệt nhiều sinh lực địch trên dọc đường số 4, một trong những con đường tấn công chính để thực hiện chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của chúng.

Ngày 30/10/1947, Tiểu đoàn 249 tổ chức phục kích địch ở đoạn đường Bông Lau - Lũng Phầy, sau 25 phút chiến đấu, tiểu đoàn làm chủ trận địa, tiêu diệt 27 xe quân sự, 94 lính Âu - Phi, 55 lính ngụy, bắt làm tù binh 101 tên, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Chiến thắng Bông Lau mở đầu cho hàng loạt những trận đánh oanh liệt của quân và dân ta trên mặt trận đường số 4, góp phần cổ vũ tinh thần chiến đấu kiên cường của quân và dân trong tỉnh. Tiểu đoàn 249 vinh dự được tặng danh hiệu “Tiểu

đoàn Bông Lau” và được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì¹.

Phát huy tinh thần chiến thắng Bông Lau, từ cuối năm 1947, các lực lượng vũ trang Lạng Sơn liên tiếp tấn công địch, giành nhiều thắng lợi lớn ở Đèo Khách, Bản Nặm, Lũng Vài, Lũng Phây, Bản Trang dọc đường số 4, góp phần làm tiêu hao sinh lực và chia cắt kế hoạch tiến công của địch.

Cùng với chiến thắng của các lực lượng vũ trang trên đường số 4, quán triệt chỉ thị của Khu ủy 12 và của Tỉnh ủy, quân và dân ta ở vùng địch tạm chiếm bước đầu tiến hành chiến dịch phá thế kìm kẹp của địch, diệt tề, trừ gian làm thất bại âm mưu phục hồi chính quyền tay sai bù nhìn của thực dân Pháp, từng bước làm cho địch mất chỗ dựa và ngày càng bị cô lập, khó khăn nhiều mặt.

Chiến thắng của quân và dân Lạng Sơn trên mặt trận quân sự đã góp phần làm thất bại kế hoạch dùng Lạng Sơn làm địa bàn tập trung quân của giặc Pháp, hỗ trợ tích cực cho cuộc chiến đấu quyết liệt của các đơn vị vũ trang chủ lực trên mặt trận Cao Bằng và các mặt trận khác.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy 12 và Bộ Tư lệnh mặt trận Biên giới, năm 1947, Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng trại giam tù binh địch tại Cốc Quéo, Bản Phên, xã Hoàng Văn Thụ và tại Khuổi Đắc, xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia. Trong những năm 1947 - 1950, hai trại giam này đã giam giữ hàng trăm tù binh do bộ đội ta bắt chuyển giao từ mặt trận Biên giới về. Việc giam giữ, đảm bảo tính mạng cho tù

1. Xem Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, Sđd, tr.36.

binh địch ở địa bàn an toàn thể hiện rõ chính sách khoan hồng, nhân đạo của Chính phủ ta với kẻ thù bại trận.

Với chủ trương tăng cường củng cố các cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới, từ đầu tháng 12/1947, Tỉnh ủy ra nghị quyết về việc chấn chỉnh lại tổ chức các hội, kết nạp thêm nhiều đảng viên mới là lớp quần chúng tích cực, qua thực tiễn chiến đấu của cuộc kháng chiến gian khổ. Đồng thời, sàng lọc, loại bỏ một số đảng viên yếu kém, sa sút ý chí chiến đấu, thay thế những cán bộ yếu kém trong những cấp bộ Hội bằng những đảng viên có năng lực, có tinh thần cách mạng tiến công, có ý chí chiến đấu.

Cùng với việc chấn chỉnh tổ chức các hội, Tỉnh ủy chỉ đạo việc mở lớp huấn luyện chính trị cho đảng viên, giải thích và quán triệt đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng, phê phán tư tưởng hoài nghi, dao động, chùn bước trước khó khăn; củng cố thêm một bước tinh thần kháng chiến trường kỳ, tinh thần tự lực cánh sinh cho cán bộ đảng viên.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận động nhân dân tham gia vào các công việc kháng chiến, củng cố, giữ vững chính quyền trước tình hình khó khăn mới, năm 1947, Tỉnh ủy đề ra chủ trương xây dựng, củng cố các đoàn thể Nông dân Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc và Phụ nữ Cứu quốc. Tuy nhiên do tình hình chiến tranh lan rộng nên chỉ kiện toàn được bộ máy cơ quan lãnh đạo các đoàn thể ở cấp tỉnh.

Được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, các đoàn thể bước đầu phát huy được vai trò vận động quần chúng tham gia tích cực vào các công việc kháng chiến do tỉnh đề ra. Trong thời gian từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1947, công việc chuẩn bị tiến hành kháng chiến của quân và dân trong toàn tỉnh trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, đã tạo ra được

thế và lực mới để bước sang giai đoạn kháng chiến quyết liệt hơn, trong bối cảnh tình hình có lợi cho ta, bất lợi cho địch.

Từ đầu năm 1948, sau khi thất bại ở Việt Bắc, thực dân Pháp bắt đầu chuyển hướng chiến lược chiến tranh. Từ chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh, địch chuyển sang chiến lược đánh lâu dài, thực hiện chính sách “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt”. Từ mở rộng vùng chiếm đóng chuyển sang củng cố vùng chiếm đóng. Chúng thay thế những cuộc hành quân lớn bằng những cuộc hành quân nhỏ, phá hoại cơ sở kinh tế, cơ sở chính trị của ta, ra sức củng cố ngụy quyền, phát triển ngụy quân.

Trước tình hình đó, Hội nghị mở rộng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 15, 16, 17/01/1948 đề ra những phương hướng và biện pháp lớn, đẩy mạnh cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới:

+ Về quân sự: chuyển sang giai đoạn cầm cự, đánh táo bạo, phản công bộ phận, nếu nước Pháp có biến lớn.

+ Về Chính trị: củng cố toàn dân đoàn kết, phá chính sách “dùng người Việt hại người Việt” của thực dân Pháp, phá mọi chính quyền bù nhìn.

+ Về kinh tế: phá kinh tế tài chính địch, thực hiện khẩu hiệu tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc, cải thiện dân sinh, tịch thu tài sản của bọn phản quốc cấp cho dân nghèo và bộ đội.

+ Về văn hóa: giáo dục động viên văn hóa thật sự tham gia kháng chiến, đào tạo nhân tài và cung cấp cho các ngành kháng chiến¹.

Ở Lạng Sơn, đầu năm 1948, sau khi thất bại liên tiếp trên mặt trận chính, thực dân Pháp cho xây dựng hàng loạt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.9, tr.24.

hệ thống đồn bốt dọc đường số 4, tăng cường binh lính đóng giữ để đối phó với sự tiến công của ta. Để tạo ra chỗ dựa cho việc chiếm đóng lâu dài, thực dân Pháp đẩy mạnh phát triển các hội tề, đội ngũ mật thám, tay sai ở khắp nơi chúng chiếm đóng. Đồng thời với việc củng cố hệ thống tay sai, chúng dùng mọi thủ đoạn thâm hiểm, gây hiềm khích giữa các dân tộc trong vùng kiểm soát hòng phá vỡ khối đoàn kết của nhân dân ta. Từ đó, tách lực lượng vũ trang ta ra khỏi nhân dân để chúng dễ bề tiêu diệt. Bên cạnh đó, thực dân Pháp tiến hành chiến dịch phá hoại kinh tế. Chúng thường xuyên mở những đợt càn quét đốt nhà, cướp của, phá hoại sản xuất, cấm chợ, cấm đường... làm cho đời sống đông đảo nhân dân ở những vùng tạm chiếm thiếu thốn, khó khăn, các lực lượng vũ trang của ta hoạt động trong lòng địch cũng gặp nhiều trở ngại. Bên cạnh đó, chúng huy động lực lượng mở nhiều đợt hành quân đột kích thọc sâu vào các vùng nội địa, hậu phương của ta ở Tràng Định, Thoát Lãng, Văn Mịch (Bình Gia), căn cứ Chi Lăng (Lộc Bình)... để thực hiện âm mưu lấn chiếm.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy phát động phong trào “Tổng phá tề”, phong trào “Tuần lễ phá đường”... để chỉ đạo kịp thời quân và dân ta có kế hoạch đối phó, đập tan mọi âm mưu, hành động củng cố và mở rộng phạm vi lấn chiếm của địch. Được sự tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy và các cấp bộ Đảng, đến tháng 3/1948, chiến dịch “Tổng phá tề” của ta thu kết quả lớn. Lực lượng vũ trang phối hợp với nhân dân tiêu diệt được 40 đối tượng và bắt 128 đối tượng tề nguỵ, tay sai của địch, giải giáp được 276 đối tượng trong các hội tề.

Tỉnh ủy đề ra các biện pháp tổ chức tích cực, chấn chỉnh lại bộ đội địa phương và dân quân, du kích, phát động phong

trào thi đua “Luyện quân lập công” không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật cho bộ đội và dân quân, du kích. Ngay từ đầu năm 1948, các đơn vị bộ đội tỉnh phối hợp với đơn vị chủ lực Liên khu, dân quân các huyện, xã dọc đường số 4 liên tiếp phục kích, chặn đánh tiêu diệt nhiều đoàn xe vận tải của địch từ Lạng Sơn tiếp viện cho mặt trận Cao Bằng. Tiêu biểu như trận đánh ngày 08/01/1948, Tiểu đoàn 23 (Tiểu đoàn độc lập Liên khu 1) phối hợp với dân quân, du kích xã Trùng Quán (huyện Thoát Lãng) tổ chức phục kích địch trên đoạn đường từ Bó Củng đến Lũng Vài, phá hủy 4 xe quân sự, tiêu diệt gần 2 trung đội địch, thu nhiều quân trang, quân dụng¹.

Từ tháng 3/1948, địch đẩy mạnh càn quét vào các vùng tự do, khu du kích. Ngày 28/4/1948, chúng đưa 2 đại đội tiến theo đường số 1 càn quét vào khu vực Ba Xã (huyện Điềm He) với âm mưu tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến tỉnh. Các Đại đội 184, 185 bộ đội tỉnh phối hợp với dân quân các xã tổ chức đánh địch từ xa, buộc chúng phải rút lui về thị xã. Trong những ngày tiếp theo, chúng càn quét các huyện Văn Uyên, Thoát Lãng và Tràng Định, bộ đội và dân quân các huyện tích cực chặn đánh, gây cho chúng nhiều tổn thất.

Tuy vậy, phong trào du kích phát triển chưa đều, chưa mạnh, chưa rộng rãi, khả năng chiến đấu của dân quân, du kích còn yếu, khả năng phối hợp với bộ đội chưa chặt chẽ. Nhằm nâng cao khả năng tự chủ chiến đấu của các đơn vị dân quân, du kích Tỉnh ủy chỉ đạo các đơn vị bộ đội địa phương tích cực thực hiện phương châm “Tiểu đoàn tập

1. Xem Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, Sđd, tr.37.

trung, đại đội độc lập” của Bộ Tổng tư lệnh nhằm dìu dắt hoạt động của dân quân, du kích.

Chấp hành sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Tỉnh đội bộ dân quân quyết định phân tán Trung đoàn 28, chỉ giữ lại Tiểu đoàn 249 làm lực lượng cơ động, các đơn vị còn lại phân tán thành các đại đội độc lập, có trách nhiệm củng cố, phát triển lực lượng dân quân, du kích địa phương như Đại đội 361 hoạt động tại 2 huyện Thoát Lãng, Văn Uyên, Đại đội 186 từ Bình Gia về hoạt động ở Tràng Định, Đại đội 423 về Lộc Bình, Đại đội 185 bảo vệ căn cứ Ba Xã (huyện Điềm He). Với sự hỗ trợ của các đại đội độc lập, tính đến mùa hè năm 1948, lực lượng bán vũ trang, du kích tập trung tỉnh Lạng Sơn có 10.221 người, lực lượng dân quân có 35.597 người¹.

Phối hợp cùng quân và dân ta ở những huyện dọc đường số 4 là Lộc Bình, Cao Lộc, Văn Uyên, Thoát Lãng, Tràng Định, quân và dân trong vùng tự do Bắc Sơn, Bình Gia, Điềm He và Bằng Mạc thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, hăng hái tham gia những công việc của đoàn thể, củng cố vững chắc chính quyền nhân dân; phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ phát triển khắp nơi, các lực lượng vũ trang thường xuyên được luyện tập, thường trực chiến đấu, liên tiếp đánh bại mọi hành động lấn chiếm của địch, sẵn sàng chi viện cho phía trước chiến đấu.

Giữa lúc cuộc kháng chiến của quân và dân Lạng Sơn đang trên đà giành được những thắng lợi mới, từ ngày 15 đến ngày 19/6/1948, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ I được tổ chức trọng thể tại Bản Dao, xã Tân Văn, huyện

1. Xem Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, Sđd, tr.39.

Bình Gia. Sau khi nhận định và đánh giá tình hình kháng chiến của quân và dân trong tỉnh, Đại hội tập trung thảo luận, đề ra Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ tiếp tục tiến hành kháng chiến của quân và dân trong tỉnh là:

Phát động nhân dân và các cơ quan tranh thủ đẩy mạnh phát triển sản xuất, tự túc lương thực, hưởng ứng phong trào tiết kiệm đóng góp những “Lọ gạo nuôi quân” cung cấp lương thực cho lực lượng vũ trang chiến đấu ngoài mặt trận.

Củng cố bộ máy lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở, tăng cường giáo dục, xây dựng niềm tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân vào đường lối kháng chiến do Đảng lãnh đạo.

Phát động rộng rãi phong trào chiến tranh du kích, củng cố lực lượng vũ trang chiến đấu, sẵn sàng phối hợp tác chiến mọi lúc, mọi nơi với bộ đội chủ lực trên mặt trận đường số 4.

Đại hội chủ trương phân vùng địa bàn tác chiến trong tỉnh thành hai mặt trận. Mặt trận A gồm địa bàn hai huyện Cao Lộc và Lộc Bình. Mặt trận Đông Bắc gồm hai huyện Tràng Định và Văn Uyên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I gồm 13 đồng chí: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I bầu đồng chí Hoàng Văn Kiểu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Cơ quan Tỉnh ủy Lạng Sơn đóng tại thôn Nà Dài, xã Tân Văn, huyện Bình Gia¹.

Thực hiện chủ trương của tỉnh về việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tự túc và tiết kiệm lương thực, được sự hướng dẫn, tổ chức của Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, nhân dân ở các huyện vùng tự do tích cực đẩy mạnh sản xuất, thực hiện thâm canh tăng năng suất, phá thế độc canh để đưa lúa

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội*, Sđd, tr.16-18.

xuân vào đồng ruộng. Đồng thời với việc chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất của nhân dân, cán bộ các cơ quan tỉnh, các đơn vị đóng trong vùng tự do tranh thủ thời gian tham gia sản xuất cùng nhân dân, tự túc lương thực, giảm bớt được một phần sự cung cấp của tỉnh và đóng góp của nhân dân.

Để tăng cường, củng cố cơ quan lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở kịp thời, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo phong trào trong tình hình cách mạng mới, cuối năm 1948, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, toàn tỉnh tổ chức bầu Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, mở nhiều lớp bồi dưỡng chính trị cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cơ sở, cùng với việc thành lập mặt trận Đông Bắc. Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn của nhiệm vụ kháng chiến, Tỉnh ủy quyết định tách Tràng Định thành hai phân huyện Đông Bắc và phân huyện Tây Nam; phân huyện Đông Bắc do đồng chí La Thăng làm Bí thư và phân huyện Tây Nam do đồng chí Trần Định làm Bí thư, kết hợp sự chỉ đạo bộ phận của huyện Thoát Lãng ở phía Đông Bắc tạo thành vành đai chiến lược khép kín trên địa bàn phía bắc của tỉnh.

Trước tình hình cuộc chiến đấu giữa ta và địch bắt đầu bước vào thời kỳ quyết liệt hơn, Tỉnh ủy chú trọng chỉ đạo việc tăng cường lực lượng vũ trang, chuẩn bị phối hợp với Trung đoàn chủ lực 174 tham gia tác chiến tiêu diệt địch trên mặt trận đường số 4, trung đoàn bộ đội tỉnh được tập trung và bổ sung thêm quân số, trang bị, lực lượng dân quân tự vệ chiến đấu ở các huyện Lộc Bình, Cao Lộc, Văn Uyên, Thoát Lãng, Tràng Định được củng cố bám địa bàn, bám dân, tăng cường hoạt động đánh du kích làm tiêu hao sinh lực địch.

Để chuẩn bị hậu cần phục vụ chiến đấu, “Hội đồng cấp dưỡng” được thành lập từ tỉnh đến cơ sở, các hình thức gây

quỹ nuôi quân được áp dụng. Đông đảo nhân dân trong tỉnh hưởng ứng tích cực phong trào “Lọ gạo nuôi quân” do tỉnh phát động. Đến cuối năm 1948, nhân dân ủng hộ được hơn 50 tấn thóc, 30 con bò và nhiều thực phẩm dự trữ khác.

Ngoài việc phát động phong trào tiết kiệm xây dựng quân lương, Tỉnh ủy chủ trương kêu gọi nhân dân cho vay thêm lương thực, thực phẩm để phục vụ kịp thời chiến đấu trước mắt, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng vũ trang tác chiến đối phó với mọi tình huống chiến sự xảy ra. Đông đảo nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã hưởng ứng và thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy.

Sự chuyển biến của phong trào ủng hộ kháng chiến trong tỉnh đánh dấu sự lãnh đạo, chỉ đạo chủ động, nhạy bén của Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh trước yêu cầu của tình hình mới. Đồng thời, phản ánh được sự chuyển biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, tinh thần hăng hái tham gia kháng chiến của đông đảo nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tin tưởng vào đường lối kháng chiến và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

Từ giữa năm 1948, phối hợp cùng với quân và dân ở vùng tự do, quân và dân ở những huyện tuyến trước dọc đường số 4 là Đình Lập, Lộc Bình, Cao Lộc, Văn Uyên, Thoát Lãng, Tràng Định thường xuyên tiến công địch, các đội du kích hoạt động mạnh, tập kích liên tục vào các cứ điểm trong hệ thống phòng thủ của địch trên trục đường số 4, khiến chúng luôn trong trạng thái hoang mang, lo sợ. Tỉnh ủy phát động phong trào thi đua “Cướp súng giặc giết giặc” quyết tâm “Làm chủ đường số 4” đi đến “Cắt đứt đường số 4”. Ngày 12/9/1948, phối hợp với công tác binh vận, quân ta tiến công tiêu diệt đồn Nà Cây một cách nhanh chóng.

Ngày 16/9/1948, lực lượng du kích tập trung của tỉnh tiến công đồn Lũng Vài, tiêu diệt nhiều tên địch và thu được nhiều vũ khí. Trên đà thắng lợi, quân và dân Lạng Sơn liên tiếp tổ chức tập kích các đồn Đồng Đăng, Lũng Phầy... làm cho địch lâm vào thế bị động đối phó và bắt đầu suy yếu lực lượng.

Đến cuối năm 1948, được sự chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy và các cấp bộ Đảng, các lực lượng vũ trang của tỉnh chủ động tiến công địch trong mọi tình huống, từ chỗ phải hoạt động bí mật, bám dân, bám địa bàn tiến tới giành ưu thế hơn hẳn địch, luôn áp đảo địch, cắt đứt từng đoạn đường giao thông quan trọng trên quốc lộ 4 từ Đình Lập tới Tràng Định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chiến dịch tổng phá tề, tiêu trừ phản động của tỉnh ở ngay trong vùng tạm chiếm, cũng như ở vùng tự do sau lưng địch, phá vỡ cơ bản thế kim kẹp của địch trong vùng tạm chiếm.

Đồng thời, các lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với quân và dân huyện Bình Gia (vùng tự do sau lưng địch) tiêu diệt âm mưu và hành động bạo loạn của nhóm Nông Xuân Nhu ở Yên Hùng, mở rộng và giữ vững được hậu phương an toàn của tỉnh. Ngay sau đó, Tỉnh ủy đề ra chủ trương xây dựng phân huyện Đoàn Kết ở Yên Hùng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc củng cố vững chắc chính quyền dân chủ nhân dân.

Lực lượng Công an Lạng Sơn thông qua Giáo sư Thanh Hải (tức Nguyễn Văn Bật) - người có nhiều mối quan hệ với sĩ quan Pháp, đã xây dựng được mạng lưới điệp báo với 17 đầu mối hoạt động. Trong số mạng lưới điệp báo Công an tỉnh có 1 sĩ quan Pháp (Ambe) làm việc tại Phòng Tham mưu tổng hợp binh đoàn pháo cơ giới, 1 sĩ quan thân cận của Buvê -

Tham mưu trưởng quân khu Lạng Sơn và Cô Nhô - Chỉ huy trưởng Chi nhánh cơ quan tình báo chiến lược. Lực lượng điệp báo thu thập được nhiều tin tức quan trọng, góp phần phá tan nhiều trận càn quét của địch, tiêu diệt nhiều sĩ quan quan trọng của địch như tên Đại úy Para, chuyên viên nghiên cứu kế hoạch binh định tuyến đường số 4 Lộc Bình - Đình Lập¹.

Bên cạnh việc tập trung sức chi viện người và của cho tuyến trước trong vùng tự do, được sự tổ chức hướng dẫn của Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp và các đoàn thể, công tác văn hóa, xã hội cũng được định hình một cách rõ rệt. Các đội văn nghệ, thông tin tuyên truyền được thành lập, phong trào bình dân học vụ được phát triển.

Thực hiện Nghị quyết của Liên Khu ủy I về việc tăng cường xây dựng Đảng ở các cấp, từ cuối năm 1948, Tỉnh ủy đề ra chủ trương chấn chỉnh công tác phát triển Đảng, củng cố chi bộ các cơ sở để phù hợp với yêu cầu của tình hình cách mạng mới. Chấm dứt tình trạng phát triển một cách ồ ạt, chạy theo số lượng làm cho chất lượng chi bộ và đảng viên yếu kém, tập trung kết nạp có trọng điểm, chọn lọc quần chúng tích cực thuộc các thành phần cơ bản như bản cố nông, dân nghèo... để kết nạp vào Đảng, xử lý số đảng viên không đủ tiêu chuẩn, thoái hóa, biến chất làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng. Kiện toàn lại một bước cấp ủy cơ sở, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trước sự biến chuyển của tình hình cách mạng.

Với tinh thần kháng chiến anh dũng, bước sang năm 1949, quân và dân Lạng Sơn lập được nhiều thành tích vẻ

1. Xem Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1945 - 1954)*, Sđd, tr.90-91.

vang trong chiến đấu, củng cố hậu phương, tích cực chi viện cho mặt trận đường số 4, không ngừng tạo thế chủ động bao vây, tiến công địch ở khắp mọi nơi. Huyện Lộc Bình qua thời gian gần hai năm chuyển giao cho tỉnh Hải Ninh quản lý đã góp phần tích cực vào sự phát triển của phong trào kháng chiến. Trên cơ sở đánh giá sự phát triển của phong trào kháng chiến tỉnh Hải Ninh, tháng 3/1949, Khu ủy 12 quyết định đưa huyện Lộc Bình trở lại dưới sự quản lý, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến tỉnh Lạng Sơn.

Trước sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình chiến sự trên mặt trận đường số 4, ngày 24/3/1949, Tỉnh ủy Lạng Sơn triệu tập Hội nghị cán bộ toàn tỉnh để bàn định kế hoạch kháng chiến trong năm 1949 của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh. Hội nghị thống nhất đề ra chủ trương chỉ đạo cùng kế hoạch cụ thể trong năm 1949 là:

- Đánh tê liệt, tiến tới làm chủ từng đoạn đường trên trục đường số 4.
- Tăng cường phục kích, chặn đứng các hướng tiếp tế của địch.
- Tiến hành đánh địch mạnh mẽ ở các vùng địch tạm chiếm như Cao Lộc, Ôn Châu, thị xã Lạng Sơn và Lộc Bình.
- Mở rộng vùng tự do của tỉnh mới giành được, từ Hữu Lân lên giáp phố Vị, Hoài Viễn, Xuân Tình, Hiệp Hạ và các xã ven trục đường số 4 của huyện Lộc Bình.
- Các đội vũ trang huyện tập trung hoạt động thường xuyên trên địa bàn Cao Lộc và Lộc Bình.
- Thành lập các đại đội chủ lực địa phương ở các huyện Văn Uyên, Thoát Lãng, Cao Lộc và Lộc Bình.
- Củng cố chính quyền nhân dân các cấp từ tỉnh tới xã.

- Triệt để giải tán hội tề, củng cố chính quyền các xã trong lòng địch.

- Ra sức phát triển Đảng ở vùng biên giới, tăng cường xây dựng các cơ sở kháng chiến trong vùng địch tạm chiếm.

Từ ngày 25 đến ngày 29/6/1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ II được tổ chức trọng thể tại đình làng thôn Nà Đồng, xã Tân Văn, huyện Bình Gia. Đại hội nhận định: Tình hình kháng chiến trong tỉnh đã có bước tiến triển mới, các huyện duy trì được sản xuất, nhất là ở các huyện vùng tự do, sau lưng địch. Đời sống của nhân dân được ổn định, đảm bảo lương thực, thực phẩm phục vụ cho chiến đấu ngoài mặt trận. Lực lượng vũ trang của tỉnh giành được thế chủ động tiến công địch trên mặt trận đường số 4. Cùng với đó, Đại hội đề ra Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ kháng chiến của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh là:

Đẩy mạnh phong trào sản xuất lương thực, tích cực chuẩn bị mọi mặt tập trung cho sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Chủ động tiến công và làm tiêu hao sinh lực địch, chuẩn bị tham gia chiến dịch tổng phản công tiêu diệt địch trên mặt trận đường số 4. Bảo vệ, củng cố cơ quan lãnh đạo các cấp, phát động nhân dân phá tề trừ gian, giữ vững an ninh chính trị, trật tự trị an xã hội. Nhanh chóng xây dựng Đảng, phát triển bổ sung kịp thời đội ngũ đảng viên.

Sau khi phân tích cục diện chiến trường, Đại hội quyết định xây dựng căn cứ du kích Ba Sơn thành địa bàn chiến lược xung yếu cho tổng phản công tiêu diệt địch trên mặt trận đường số 4.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II gồm 16 đồng chí: Đồng chí Hoàng Văn Kiểu được bầu giữ chức Bí thư

Tỉnh ủy, đồng chí Phan Mạnh Cư được phân công làm Thường trực Tỉnh ủy¹.

Tháng 7/1949, Ban Chỉ đạo kháng chiến tỉnh Lạng Sơn được kiện toàn, gồm các đồng chí: Hoàng Văn Kiểu - Bí thư Tỉnh ủy, Lê Huyền Trang - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và đồng chí Phan Mạnh Cư - Thường trực Tỉnh ủy. Ban Chỉ đạo kháng chiến của các huyện dọc đường số 4 là Cao Lộc, Lộc Bình, Văn Uyên, Thoát Lãng và Tràng Định kịp thời được kiện toàn.

Trước sự tấn công, bao vây mạnh mẽ và quyết liệt của bộ đội chủ lực cùng các lực lượng vũ trang Lạng Sơn, quân địch bắt đầu co cụm, lâm vào thế suy yếu, rời rạc. Ban Cán sự chỉ đạo kháng chiến ở các huyện dọc đường số 4 bắt tay vào thúc đẩy cao trào tiến công du kích tiêu diệt địch, ra sức vận động xây dựng cơ sở du kích ngay trong lòng địch. Vượt qua nhiều khó khăn, nguy hiểm, được sự giúp đỡ trực tiếp của Ban Chỉ đạo kháng chiến tỉnh, Ban Cán sự huyện Cao Lộc nhanh chóng triển khai xây dựng cơ sở du kích tại hai xã Cao Lâu và Xuất Lễ, làm nòng cốt mở rộng xây dựng căn cứ du kích Ba Sơn.

Cùng lúc đó ở Lộc Bình, Huyện ủy tăng cường chỉ đạo mở rộng khu du kích Chi Lăng gồm ba xã Tĩnh Gia (nay là Tĩnh Bắc), Tam Lộng (nay là Tam Gia) và Tú Mịch. Các huyện Tràng Định, Văn Uyên, Thoát Lãng lần lượt xây dựng căn cứ du kích làm hậu thuẫn cho việc tiến công trên toàn tuyến mặt trận đường số 4.

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội*, Sđd, tr.20-22.

Từ đầu năm 1949, các lực lượng vũ trang của ta liên tiếp tiến công tiêu diệt địch, giữ vững và mở rộng các căn cứ du kích tạo vành đai chiến đấu liên hoàn, vững chắc, làm chủ chiến trường. Tháng 3/1949, bộ đội và du kích ở căn cứ Ba Sơn giải phóng hoàn toàn hai xã Cao Lâu và Xuất Lễ, tiến tới giải phóng ra nhiều xã xung quanh, liên tiếp tập kích cắt đứt quãng đường giao thông huyết mạch, làm hậu thuẫn vững chắc cho hàng loạt những chiến thắng của quân và dân ta trên mặt trận đường số 4.

Cùng với chiến thắng của quân và dân ở căn cứ du kích Ba Sơn, quân và dân ở khu du kích Chi Lăng (Lộc Bình) anh dũng chiến đấu, đẩy lùi hàng chục cuộc tấn công càn quét của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, lập chiến công vang dội, xứng đáng là lá cờ đầu tiêu biểu cho phong trào “Giết giặc lập công”. Quân và dân khu du kích Chi Lăng (Lộc Bình) hoạt động mạnh, liên tiếp khống chế sự tiếp viện của địch từ Tiên Yên, Móng Cái qua Đình Lập, Lộc Bình làm tiêu hao sinh lực địch, giải phóng nhiều phần đất đai quan trọng.

Thắng lợi của quân và dân ta ở các khu du kích Ba Sơn, Chi Lăng cùng với hàng loạt chiến thắng của ta ở Đèo Khách, Bó Củng, Lũng Vài, Lũng Phầy đã thúc đẩy nhanh chóng sự chuyển biến của tình hình chiến sự trên mặt trận đường số 4, chuẩn bị bước sang giai đoạn tổng phản công, đánh bại hoàn toàn quân địch.

Đầu năm 1949, Hồng quân Trung Quốc vượt sông Trường Giang tổng tiến công quân đội Tưởng Giới Thạch. Nhằm chống lại cách mạng Trung Quốc và Việt Nam, đặc vụ Tưởng Giới Thạch tiến hành tiếp xúc với Phòng Nhì Pháp. Tại Lạng Sơn, phía Pháp cử Trung tá Ác Gôn (tức

Chánh mật thám Đặng Vít), phía Tướng cử Khổng Ngọc Thành hội đàm ngay tại Sở Mật thám Pháp ở Lạng Sơn. Công an Lạng Sơn bố trí đồng chí Nguyễn Thị Ngọc Thuận - là cán bộ điệp báo, thư ký của Ác Gôn, bắn chết cả hai trùm mật thám Pháp - Tướng tại bàn làm việc, phá tan âm mưu phối hợp hoạt động của Pháp - Tướng tại khu vực Lạng Sơn¹.

Lạng Sơn đã tham gia giúp cách mạng Trung Quốc mở rộng khu căn cứ và chống tàn binh của Tướng Giới Thạch. Giữa lúc chiến dịch đường số 4 đang chuẩn bị bước vào giai đoạn 2 thì Liên khu được giao nhiệm vụ đặc biệt: đưa lực lượng sang giúp và phối hợp với nhân dân Trung Quốc chiến đấu. Đây không phải là lần đầu tiên ta giúp bạn mà từ những năm 1947 - 1948, khi lực lượng cách mạng Trung Quốc bị Quốc dân Đảng khủng bố, truy quét, phải lưu vong sang Việt Nam, nhân dân và các lực lượng vũ trang Việt Bắc nói chung, Lạng Sơn nói riêng đã nhường cơm sẻ áo, giúp bạn vũ khí và giúp bạn tránh sa vào vùng giặc Pháp kiểm soát. Cũng như đồng bào các dân tộc sống ở biên giới Việt - Trung, đồng bào các dân tộc ở Diêm He - Thoát Lãng đã giúp lương thực - thực phẩm, áo mặc cho các cơ sở đảng và các đại đội Giải phóng quân của Trung Quốc. Bộ đội các tỉnh biên giới, trong đó có bộ đội Lạng Sơn cũng đã chia sẻ với bộ đội bạn quân trang, từ viên thuốc chữa bệnh, thuốc ký sinh chống sốt rét, từng khẩu súng, từng viên đạn, nhiều khi là loại tốt nhất mới lấy được của Pháp như trung liên, súng cối².

1. Xem Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1945 - 1954)*, Sđd, tr.102.

2. Dẫn theo Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Sđd, tr.33-34.

Bên cạnh đó, quân và dân tỉnh Lạng Sơn đã tích cực ủng hộ hoạt động của quân đội ta tình nguyện giúp cách mạng Trung Quốc. Ngày 06/6/1949, Trung đoàn 59 do đồng chí Nam Long chỉ huy từ căn cứ Chi Lăng tiến sang giúp cách mạng Trung Quốc đánh đuổi quân Tưởng Giới Thạch, giải phóng Khâm Châu¹. Sự giúp đỡ tích cực của quân tình nguyện Việt Nam góp phần thúc đẩy quá trình sụp đổ của chế độ Tưởng Giới Thạch. Ngày 01/10/1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, chính quyền Tưởng Giới Thạch bỏ chạy khỏi Trung Quốc. Hàng vạn tàn quân Quốc dân Đảng tràn xuống biên giới nước ta. Tại Lạng Sơn, quân Tưởng tiến công các huyện Thoát Lãng, Văn Uyên, bị lực lượng vũ trang Lạng Sơn chặn đánh quyết liệt, buộc chúng phải bỏ chạy trở lại bên kia biên giới và tan rã.

Để tăng cường sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng, từ giữa năm 1949 đến đầu năm 1950, Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo công tác phát triển Đảng, hàng trăm đảng viên mới được kết nạp, củng cố được 50 chi bộ Đảng cơ sở. Đặc biệt, các cơ sở đảng trong lực lượng vũ trang được chú trọng củng cố, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trước bước tiến của công cuộc kháng chiến.

Từ ngày 21/01 đến ngày 03/02/1950, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị toàn quốc lần thứ ba, đánh giá những tiến bộ của nhân dân ta trong thời gian qua và chỉ ra nhiệm vụ trước mắt của kháng chiến là: “Phải nhân đà tiến bộ của bản thân ta, dựa vào sức giúp đỡ của các lực lượng bạn, lợi dụng

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lộc Bình: *Lịch sử Đảng bộ huyện Lộc Bình (1930 - 1954)*, Sđd, tr.68.

sự lúng túng của địch, trước mưu mô của đế quốc Mỹ - Anh, mà gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công”¹. Hội nghị chủ trương thực hiện chế độ tổng động viên theo khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy phát động nhân dân toàn tỉnh tích cực hoạt động, chuẩn bị sức người, sức của tham gia tổng phản công. Từ đầu năm 1950, các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ Tổng tư lệnh và Liên khu Việt Bắc được chuyển lên áp sát dọc đường số 4. Ban Chỉ huy lực lượng vũ trang của tỉnh gấp rút đề ra kế hoạch phối hợp tham gia chiến đấu với quân chủ lực.

Hưởng ứng sự huy động của tỉnh, quán triệt tinh thần khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, đông đảo nhân dân các dân tộc trong tỉnh tích cực tham gia chuẩn bị gấp rút cho chiến đấu. Bốn tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên quyên góp được 5.800 tấn thóc, 2.500 tấn ngô cùng hàng nghìn con trâu, bò, ngựa. Chỉ trong 1 tuần, nhân dân 4 huyện: Bình Gia, Bắc Sơn, Diêm He, Bằng Mạc ủng hộ và vận chuyển được 270 tấn gạo, hàng chục tấn lương thực, thực phẩm.

Đồng thời với việc chỉ đạo chuẩn bị gấp rút cho chiến đấu trên mặt trận đường số 4, cuối tháng 01/1950, Tỉnh ủy kịp thời tổ chức các lực lượng vũ trang chặn đánh, đẩy lùi được đội quân với hàng nghìn tên Quốc dân Đảng do thua trận chạy vào biên giới nước ta ở Lạng Sơn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.11, tr.199.

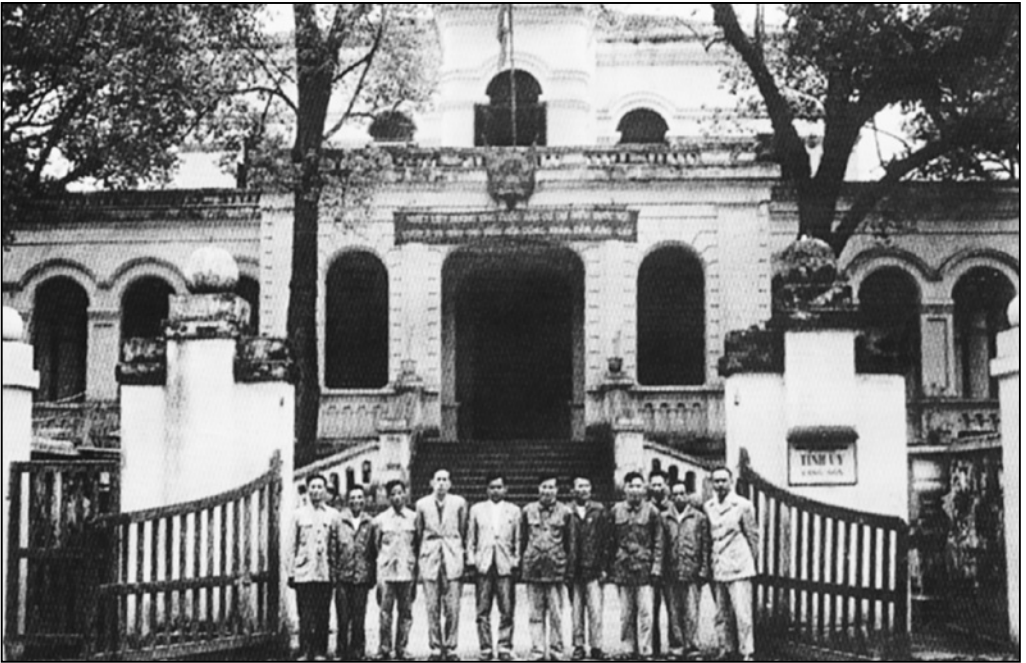
Tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch Biên giới, với nhiệm vụ tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng vùng biên giới phía Bắc nước ta; thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc tiến tới giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường.

Tháng 7/1950, theo quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Bộ Chỉ huy và Đảng ủy mặt trận Biên giới được thành lập do đồng chí Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng làm Chỉ huy trưởng, kiêm Bí thư. Ngày 12/8/1950, trong Chỉ thị về việc phát động “Tuần lễ thi đua giết giặc lập công” Ban Thường vụ Trung ương khẳng định: cho các cấp ủy Đảng trong chiến dịch Biên giới là “một chiến dịch rất quan trọng”¹.

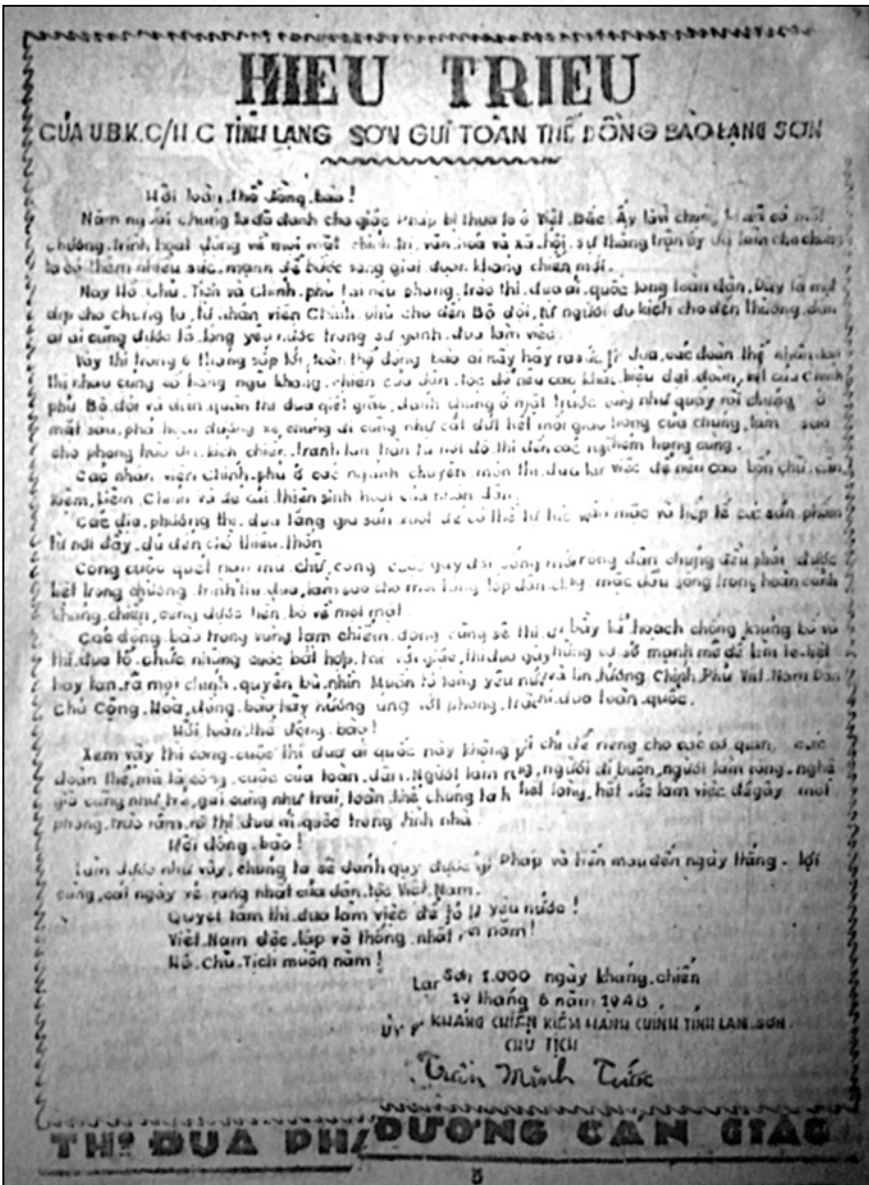
Ngay sau khi có Chỉ thị của Trung ương, Bộ Tư lệnh mặt trận Biên giới triệu tập Hội nghị cán bộ toàn mặt trận, quyết định triển khai chiến dịch. Hội nghị giao nhiệm vụ cho Tỉnh ủy Cao Bằng và Tỉnh ủy Lạng Sơn gấp rút chuẩn bị mọi lực lượng, phương tiện phục vụ chiến dịch.

Để kịp thời thực hiện nhiệm vụ cấp bách, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị cán bộ tỉnh để phổ biến tình hình, phát động phong trào thi đua: “Tất cả cho chiến trường đánh thắng”. Hội nghị bầu Ban Tiếp quản của tỉnh do đồng chí Hoàng Văn Kiếu làm Chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Thế Kỳ làm Phó Chủ nhiệm.

1. Lúc đó chiến dịch chưa nổ ra, để giữ bí mật nên trong chỉ thị còn ghi là chiến dịch xxxx (xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.11, tr.461).



Trụ sở của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính
(sau này là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)
(trước đây là Nhà chánh sự Pháp, trụ sở cơ quan cai trị
của thực dân Pháp tại Lạng Sơn)



Hiệu triệu của Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Lạng Sơn kêu gọi nhân dân toàn tỉnh hưởng ứng phong trào “Thi đua ái quốc” do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động

Hưởng ứng phát động của tỉnh, các lực lượng vũ trang chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, hàng nghìn dân công phục vụ chiến dịch được tập trung ở vùng hậu phương (Bình Gia); Hội Phụ nữ tỉnh cử nhiều đội tải thương tham gia phục vụ ở các binh trạm bộ đội. Công tác chuẩn bị cho chiến dịch diễn ra khẩn trương trong tinh thần phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi.

Tính chung trong chiến dịch Biên giới năm 1950, toàn tỉnh huy động được 290.146 ngày công phục vụ tiếp tế, vận tải (trong đó có 25.201 ngày công của Hội Phụ nữ), tổ chức được 5 đại đội dân công phục vụ chiến dịch với tổng quân số 2.000 người tham gia, tiến hành đào được 3.643 hầm hào chiến đấu, bặt được 56 quãng đường, phá 19 cầu cống các loại để cản bước quân thù. Cũng trong thời gian diễn ra chiến dịch, quân và dân Lạng Sơn vận động đóng góp được 200 tấn thóc, 2.500 tấn ngô, bán và ủng hộ 998 con trâu, 450 con bò và 243 con ngựa¹, góp phần đảm bảo lương thực, thực phẩm cho gần 30.000 bộ đội tham gia chiến dịch. Hội Phụ nữ các huyện Tràng Định, Văn Uyên, Thoát Lãng, Bình Gia còn có sáng kiến phát động phong trào “Nghìn chiếc bánh dày, bánh cốm” và quyên góp hàng trăm mét vải ủng hộ bộ đội buộc chân thay cho giày bị rách. Các phong trào của Hội Phụ nữ không những mang giá trị ủng hộ vật chất, mà còn đem lại giá trị động viên tinh thần to lớn với các đơn vị tham gia chiến dịch.

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005)*, Sđd, tr.36.

Ngày 16/9/1950, ta nổ súng tấn công đồn Đông Khê, cứ điểm tập trung quan trọng của địch trên đường số 4. Sau hai ngày đêm chiến đấu quyết liệt, quân ta giành thắng lợi hoàn toàn. Trên đà thắng lợi ở Đông Khê, các lực lượng chủ lực, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương liên tiếp tiến công tiêu diệt địch trên toàn tuyến đường số 4. Từ ngày 03 đến ngày 08/10/1950, quân ta tiêu diệt 2 binh đoàn chủ lực của Pháp, đồng thời tiêu diệt cánh quân cứu viện của chúng từ Hà Nội lên.

Ngày 10/10/1950, địch rút khỏi thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định được giải phóng. Ngày 13/10/1950, địch rút khỏi Na Sầm, Đồng Đăng, hai huyện Văn Uyên, Thoát Lãng được giải phóng. Ngày 17/10/1950, địch rút khỏi thị xã Lạng Sơn và huyện Cao Lộc.

Tỉnh Lạng Sơn được hoàn toàn giải phóng, kết thúc giai đoạn kháng chiến gian khổ và kiên cường của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn trong cuộc kháng chiến trường kỳ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với sự nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều giai đoạn khó khăn, quyết chiến đấu với kẻ thù, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn đã lập được những thành tích xuất sắc, phối hợp một cách chặt chẽ, góp phần cùng quân và dân ta giành thắng lợi to lớn trên mặt trận đường số 4.

Thắng lợi của chiến dịch Biên giới có ý nghĩa vô cùng to lớn về mặt chiến lược, là bước ngoặt quan trọng về sự phát triển vượt bậc của quân đội ta. Điều quan trọng hơn, từ đây đã mở ra một cục diện hoàn toàn mới, ta nắm được quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ, đẩy thực dân Pháp vào thế bị động, “tiến thoái lưỡng nan”; thế bao vây cả trong lẫn ngoài bị phá vỡ, biên giới được khai thông; căn



Vài nhận xét về

PHONG TRAO

THI ĐUA ẢI QUỐC TẠI LẠNG SƠN

Phong trào thi đua ái quốc của dân tộc Việt Nam tinh thần này vừa đầy 4 tháng bốn tháng cổ gắng bốn tháng thi đua dân tộc ta từ tận chi Đắc đã cố sức làm việc để đẩy mạnh cuộc kháng kỳ không chiến huyệt hơn vào giai đoạn mới

Riêng về lĩnh Lạng sơn nhà , từ ngày phát động phong trào ở n này ta thấy nhiều n dân chúng đã nêu rõ một tinh thần thi đua rất rôm rỏ. Tuy vậy, nếu ta chỉ y theo n phong trào thi đua tại lĩnh nhà từng điếm một ta sẽ thấy bốn con những ừ đem những vật qua tốt đẹp vẫn còn những khuyết điểm cần phải sửa chữa ngay.

Về ứu điểm ta thấy những gì ?

Từ ngày phát động phong trào dân Lạng sơn ở nung tư do cũng như trong nung dịch kiểm soát đầ hững hai hoạt động hơn trước rất nhiều. Các đoàn thể, các cơ quan đã đặt rõ những trình hành động, và mức kết quả để có thể kiểm tra, bằng được. Dân chúng Lạng sơn, ngra trả lại ngr đầu đã nêu , cao tinh thần yêu nước, nung phong làm việc vất vả, qua nhiều lần, nhiều người đã nêu được những thành tích rất vẻ vang, bồi nung và động bào Môn, chúng ta nhai công nhận là trong 3 tháng thi đua, đóng, bao Môn đã tiến rất mạnh. Anh chị em miền núi đã bỏ được rất nhiều củ, lượ, mủ, lín, đã cố gắng rửa nung, phát rẫy, sùn vại

vuốt lông, gia, các bạn, các tom thi đua nhau đi học, cho dân bầy, giờ, lại những nung Trang, Đình, Đình gia, các trường học Bình, Đôn đã dạy được một số đông anh chị em miền núi biết chữ.

Về một quân sự, phong trào thi đua ái quốc đã thực đẩy các chiến sĩ ra công giết giặc, thủng trận lựu, diệt chiến các đơn lẻ dọc đường số 4, nung trận phục kích, đốt, kích lén, bớp ở khắp các nơi đã hững Lở lĩnh, thần tinh, thần thi đua yêu nước của các chiến sĩ.

Còn về khuyết điểm ta nhận thấy những gì ?

1 - Khuyết điểm thứ nhất là việc tuyên truyền cổ động thi đua chưa được rôm rỏ, tỉ đầ cho nân đến tận bầy, giờ tại nhiều bản lĩnh, lĩnh, hẻo, lãnh dân chúng vẫn chưa hiểu rõ thi đua là thế, ngr hoặc chỉ hiểu là, mở về thi đua chỉ không biết là miền phải làm gì để theo kịp sức tiến triển của dân chúng toàn quốc.

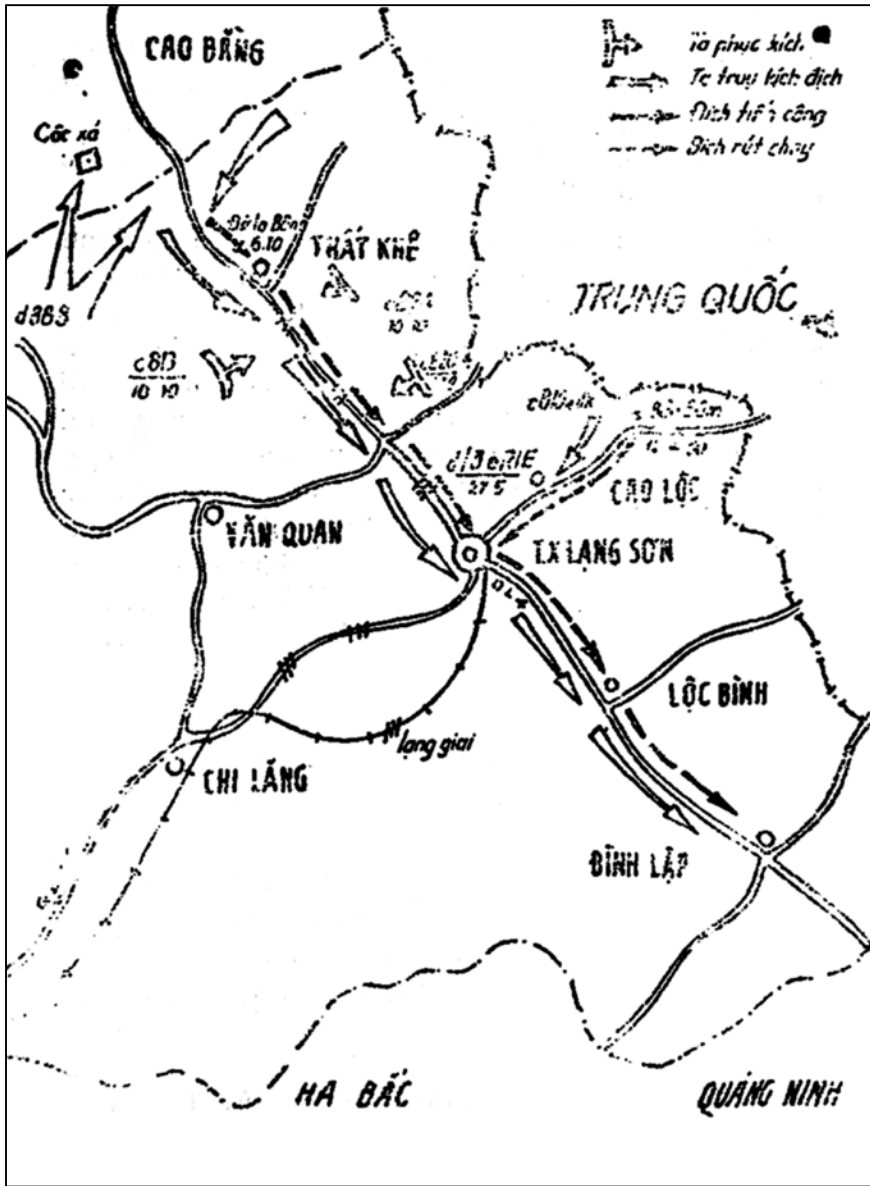
2 - Khuyết điểm thứ hai là việc thi đua ở Lạng sơn chúng ta chưa bao gồm được hết ý nghĩa thi đua của nó. Dân chúng Lạng sơn hầu như chỉ thi đua trong diện lĩnh, gia sơn, xuất và học chữ chứ không chú trọng đến mọi việc thi đua khác. Khuyết điểm này cũng do sự giải thích không được rõ rất nên đơn chúng chưa hiểu rõ và thi hiện toàn diện thi đua.

3 - Khuyết điểm thứ ba là việc kiểm điểm thi đua thực đẩy nung

Bài báo Vài nhận xét về phong trào thi đua ái quốc tại Lạng Sơn do Ty Thông tin ấn hành năm 1948



Tập thể cán bộ Ủy ban kháng chiến hành chính Lạng Sơn
ở Kéo Coong, Bình Gia, năm 1948



Lược đồ chiến dịch Biên giới năm 1950



Chủ tịch Hồ Chí Minh với lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn
trong chiến dịch Biên giới năm 1950



Thị xã Lạng Sơn - nơi diễn ra chiến dịch Biên giới giải phóng Lạng Sơn,
ngày 17/10/1950

cứ địa Việt Bắc được củng cố và mở rộng, ta có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển lực lượng và đưa kháng chiến tiến tới thắng lợi. Từ đây về sau, Lạng Sơn trở thành đầu mối quan trọng kết nối Việt Nam với hậu phương quốc tế.

Trải qua giai đoạn gay go, quyết liệt, vừa chiến đấu, vừa xây dựng, các cơ sở đảng không ngừng được phát triển, chính quyền dân chủ nhân dân được giữ vững, các đoàn thể quần chúng được củng cố, sản xuất được phát triển một bước, đời sống nhân dân ngày càng ổn định, công tác văn hóa - xã hội được duy trì, mở mang. Những thắng lợi của quân và dân Lạng Sơn trong cuộc kháng chiến đã để nhiều bài học kinh nghiệm quý báu:

- Đảng bộ đã quán triệt được đường lối kháng chiến sáng suốt của Đảng, kịp thời chủ động đề ra được nhiều chủ trương sát hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Đảng bộ chú trọng tham gia chăm lo phát triển, xây dựng Đảng nhằm nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng. Qua mỗi giai đoạn khó khăn ác liệt, năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng cao, thường xuyên đi sâu, bám sát dân, bám địa bàn, bám phong trào, dám nghĩ, dám làm, không ngại khó khăn, gian khổ, có nhiều phương pháp tích cực vận động, khích lệ quần chúng tham gia kháng chiến và củng cố xây dựng chính quyền, đoàn thể.

- Đảng bộ thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, giác ngộ chính trị cho cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng, kịp thời tháo gỡ tư tưởng ngại khó khăn, gian khổ, mất đoàn kết nội bộ Đảng và trong toàn dân, tạo sức mạnh thống nhất cho phong trào.

Sự kiện tỉnh Lạng Sơn được giải phóng hoàn toàn đã chuyển cuộc kháng chiến của quân dân Lạng Sơn từ vai trò là tiền tuyến thành hậu phương của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng thời cũng góp phần đưa cuộc kháng chiến của quân và dân ta bước sang giai đoạn mới: Giai đoạn đẩy mạnh kháng chiến, đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

III- XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN, GÓP PHẦN CÙNG QUÂN DÂN CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1950 - 1954)

Ngày 17/10/1950, tỉnh Lạng Sơn được hoàn toàn giải phóng khỏi ách chiếm đóng của thực dân Pháp¹. Nhiệm vụ quan trọng của Tỉnh ủy và nhân dân Lạng Sơn lúc này là nhanh chóng thực hiện công tác tiếp quản vùng giải phóng, truy quét tàn quân địch, ổn định tình hình an ninh, xây dựng hậu phương kháng chiến.

Ngày 18/10/1950, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh triệu tập Hội nghị khẩn cấp thành lập Ban Chiếm lĩnh, do đồng chí Hoàng Văn Kiếu - Bí thư Tỉnh ủy, làm Trưởng ban; đồng chí Lê Huyền Trang làm Phó ban; đồng chí Trần Chí - Trưởng ty Công an, làm Ủy viên. Ban Chiếm lĩnh lãnh đạo các lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, truy quét tàn quân, phản động. Kết quả, ngay trong tháng 10/1950, Ban Chiếm lĩnh đã truy bắt được 20 tên lính Pháp chưa kịp rút chạy, 100 đối tượng nguy quân, nguy

1. Sau này, ngày 17/10/1950 được tỉnh quyết định là ngày giải phóng tỉnh Lạng Sơn. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Sđd, tr.37.

quyền, tay sai chỉ điểm của thực dân Pháp, chiếm giữ 13 kho đạn và nhiều tài liệu của địch ở cơ quan Tòa sứ. Tiếp đó, trên địa bàn toàn tỉnh phát hiện xử lý được 4 chi bộ Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch ở Kỳ Lừa, Đồng Đăng, Lộc Bình và Bình Gia¹.

Ngay sau khi quân Pháp rút khỏi Lạng Sơn, Ủy ban tiếp quản của tỉnh nhanh chóng hướng dẫn nhân dân tham gia thu chiến lợi phẩm, khắc phục những khó khăn, thiếu thốn, từng bước ổn định đời sống. Cơ quan lãnh đạo của tỉnh đã chuyển về thị xã, kịp thời chỉ đạo nhân dân bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ trong tình hình cách mạng mới.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, tiếp tục đẩy mạnh mọi mặt kháng chiến chuyển sang tổng phản công, Tỉnh ủy đã đề ra một số nhiệm vụ trước mắt mà Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh phải tiến hành là: Xác định rõ âm mưu chiến lược mới của địch, đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, làm tốt việc tiếp quản thị xã, thị trấn và các vùng nông thôn mới giải phóng.

Củng cố nhanh chóng bộ máy chính quyền các cấp và các đoàn thể quần chúng. Phát triển dân quân, du kích và các lực lượng công an nhân dân để duy trì, giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội, đối phó, ngăn ngừa âm mưu phá hoại của lực lượng tay sai gián điệp do Pháp cài lại. Tổ chức các đội công tác đi sâu vào các vùng nông thôn, tuyên truyền và vận động nhân dân vạch trần tội ác của thực dân Pháp, phổ biến rộng rãi chính sách khoan hồng của Đảng và

1. Xem Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1945 - 1954)*, Sđd, tr.118-119.

Chính phủ đối với những người làm đường theo giặc. Kêu gọi ngụy quân, ngụy quyền còn lẩn trốn trong rừng trở về với gia đình. Ổn định tư tưởng cho những gia đình còn có người đang đi lính cho địch.

Mặt khác, Tỉnh ủy đã chủ trương vận động thanh niên tòng quân nhập ngũ, tăng cường bổ sung lực lượng trực tiếp cho các chiến trường phía nam của tỉnh. Khẩn trương xây dựng, củng cố các đại đội độc lập ở các huyện Ôn Châu, Cao Lộc, Lộc Bình - là những địa bàn trực tiếp sẵn sàng chiến đấu, phương châm chỉ đạo chung của tỉnh là: củng cố xây dựng lực lượng, vừa phòng thủ, tiêu trừ Việt gian, vừa sẵn sàng chiến đấu.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh đã hăng hái, đoàn kết bắt tay vào thực hiện những nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố hậu phương vững mạnh.

Từ đầu năm 1951, với âm mưu quấy phá vùng tự do của ta, quân Pháp thường xuyên đưa máy bay ném bom xuống những nơi tập trung đông dân, phá hoại cầu cống, nhà cửa, kho tàng và các tuyến đường giao thông vận tải ở Lạng Sơn. Ngoài ra, chúng còn tung gián điệp luôn sâu vào vùng giải phóng của ta để điều tra, phá hoại, tuyên truyền những luận điệu phản động, rêu rao khẩu hiệu “đuổi Tày, lấy ruộng Tày” nhằm kích động mâu thuẫn giữa các dân tộc, phá hoại khối đại đoàn kết.

Trước tình hình đó, kết hợp với biện pháp tổ chức học tập chính trị, giải thích cho quần chúng, tỉnh đã phát động phong trào “tiêu phỉ trừ gian” để ngăn chặn và đập tan âm mưu phá hoại của địch. Hưởng ứng phong trào, đông đảo

quần chúng đã chỉ điểm, cung cấp thông tin cho lực lượng an ninh của tỉnh phát hiện và tiêu diệt được nhiều tên phỉ, gián điệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, đánh bại một bước âm mưu phá hoại của chúng, giữ vững an ninh chính trị. Qua phong trào “tiểu phỉ trừ gian”, chính quyền dân chủ nhân dân và các tổ chức đoàn thể quần chúng được củng cố một cách vững chắc.

Từ ngày 25 đến ngày 31/8/1951, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ III được tổ chức trọng thể tại thôn Khòn Quyền, xã Hồng Phong, huyện Văn Uyên với sự tham gia của 157 đại biểu.

Đại hội đề ra Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ của tỉnh là:

- Củng cố hệ thống các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể từ tỉnh tới cơ sở, tăng cường giữ vững an ninh chính trị, trật tự trị an xã hội.

- Tích cực tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, củng cố niềm tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến do Đảng lãnh đạo.

- Đẩy mạnh sản xuất, chuẩn bị lương thực cung cấp cho yêu cầu của mặt trận, ổn định đời sống nhân dân.

- Tăng cường xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, nêu cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu và chi viện sức người cho chiến trường¹.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III gồm 15 đồng chí. Ban Chấp hành bầu đồng chí Hoàng Văn Kiểu

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội*, Sđd, tr.24-25.

làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Hà Mạnh Cư làm Phó Bí thư Tỉnh ủy¹.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, từ năm 1951, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự của tỉnh bắt đầu có sự chuyển biến rõ rệt.

Xác định mặt trận nông nghiệp là trọng tâm phát triển chủ yếu, Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp đã có kế hoạch cụ thể chỉ đạo đến từng cơ sở. Phong trào xây dựng tổ đổi công được nhân dân hưởng ứng rộng rãi. Việc hỗ trợ nhau về sức lao động, giống cây trồng, sức kéo, đào thêm mương dẫn nước, góp phần ổn định sản xuất, kịp thời vụ, tận dụng được đất đai. Biện pháp thâm canh tăng vụ được áp dụng khá rộng rãi, bước đầu đặt cơ sở đi đến từng bước phá vỡ thế độc canh trong sản xuất nông nghiệp. Một số huyện có cánh đồng rộng như: Tràng Định, Bình Gia, Lộc Bình và Bắc Sơn, do đẩy mạnh sản xuất tăng vụ, áp dụng các biện pháp thâm canh nên năng suất, sản lượng lúa được nâng lên rõ rệt. Diện tích canh tác lúa được mở rộng từ 246.860 mẫu năm 1946, tăng lên 274.760 mẫu năm 1953, năng suất tăng hơn 30% so với trước.

Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện tốt Sắc lệnh về thuế nông nghiệp của Chính phủ với phương châm: “Đánh nặng vào địa chủ, phú nông, giảm nhẹ cho bản nông”. Nông dân phấn khởi, tin tưởng vào đường lối, sự lãnh đạo của Đảng và Chính

1. Ngày 19/12/1956, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu bổ sung thêm 2 đồng chí Ủy viên, đồng chí Bế Chấn Hưng được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy thay cho đồng chí Hoàng Văn Kiểu đi nhận công tác khác.

phủ, hăng hái thi đua sản xuất, khai hoang tăng vụ, đóng góp một cách tự giác, đầy đủ thuế lương thực cho Nhà nước, tích cực ủng hộ phong trào “Đóng góp lương thực cho Nhà nước” và phong trào “Ủng hộ lương thực cho chiến trường”, giúp cho tỉnh dự trữ được hàng trăm tấn lương thực cung cấp cho tiền tuyến.

Đến năm 1953, sản lượng lương thực quy thóc đạt 65.142 tấn, bình quân đầu người đạt 297,5 kg, đời sống nhân dân ổn định¹. Bên cạnh cây lương thực, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh khuyến khích nhân dân đẩy mạnh trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày và chăn nuôi. Trong phát triển nông nghiệp, đến năm 1954, toàn tỉnh thu được 1.613 tấn hoa hồi, trồng được 263,7 ha cây thuốc lá, 301 ha cây lạc, 214 ha mía... Về chăn nuôi, đến năm 1954, tỉnh Lạng Sơn có khoảng 66.400 con trâu, 10.800 con bò; 65.420 con lợn và hàng chục vạn gia súc, gia cầm khác. Ngoài ra, nhiều địa phương như các huyện Tràng Định, Bắc Sơn, Ôn Châu, Lộc Bình còn phát triển nghề nuôi ong lấy mật².

Tuy nhiên, sản xuất mới được phát triển ở những vùng thấp, nơi có điều kiện tổ chức sản xuất, còn ở những vùng cao hẻo lánh như chưa phát triển, chủ yếu vẫn canh tác theo lối quảng canh, manh mún, năng suất thấp. Do đó, đời sống của đồng bào vùng cao còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

1, 2. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005)*, Sđd, tr.40, 41.

Đồng thời với việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, Tỉnh ủy còn chủ trương phát động nhân dân khai thác nguồn lâm thổ sản tự nhiên trong tỉnh để trao đổi hàng hóa, nhằm tháo gỡ khó khăn trong đời sống. Do có biện pháp tổ chức khai thác tốt nên trong hai năm 1953 - 1954, về cơ bản, tỉnh giải quyết được nhu cầu hàng tiêu dùng cho cán bộ và nhân dân.

Để cung cấp kịp thời hàng tiêu dùng cho nhân dân, nhất là đồng bào vùng cao, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh chỉ đạo thành lập nhiều cửa hàng mậu dịch tại chỗ và mậu dịch lưu động, bán các mặt hàng dầu hỏa, vải, muối..., cho mở và phát triển chợ hàng hoá ở các vùng hẻo lánh, xa xôi như Phố Vỹ, Bình Gia, Bản Sâm... để nhân dân thuận tiện trong trao đổi các mặt hàng nông lâm thổ sản, bán tập trung cho Nhà nước, cân đối nhu cầu giữa các vùng, góp phần ổn định đời sống nhân dân. Từ sau khi nước ta và Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao (1950), việc giao lưu buôn bán giữa Lạng Sơn và các địa phương bên kia biên giới cũng được khai thông và phát triển mạnh mẽ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III về công tác củng cố hệ thống chính quyền, tăng cường an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đến năm 1952, hầu hết cán bộ các xã được tham gia các lớp đào tạo, huấn luyện để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác, một số cán bộ chủ chốt các cấp thiếu năng lực, phẩm chất bị thay thế¹.

Trước yêu cầu nhiệm vụ của công tác bảo vệ biên giới, tháng 4/1952, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, Ty Công an

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005)*, Sđd, tr.39.

Lạng Sơn thành lập và bố trí các đồn biên phòng đầu tiên trên tuyến biên giới: đồn Pò Mã, đồn Bình Nghi, đồn Phượng Long, đồn Nam Quan, đồn Bản Chất và trạm kiểm soát ga Đồng Đăng, tỉnh đội Lạng Sơn cũng tiến hành củng cố 1 đại đội (C54) làm nhiệm vụ chuyên trách bảo vệ biên giới¹.

Để tăng cường đối phó với âm mưu, thủ đoạn tuyên truyền, phá hoại của địch và bảo vệ, ổn định tình hình trị an, xã hội, từ cuối năm 1953, thực hiện chỉ thị của Liên khu ủy Việt Bắc về việc củng cố công an và tăng cường công tác phòng gian bảo mật, Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo công tác củng cố lực lượng công an. Qua chấn chỉnh tổ chức, đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến huyện được bổ sung, nhiều cán bộ, công an viên không đủ phẩm chất và chuyên môn nghiệp vụ được thay thế. Cùng với đó, Công an tỉnh mở nhiều lớp bồi dưỡng, bổ túc chuyên môn nghiệp vụ ngăn ngừa cho hàng trăm cán bộ, công an viên để đảm nhận nhiệm vụ cấp bách trước yêu cầu của tình hình cách mạng mới. Trong năm 1954, lực lượng công an tỉnh tổ chức ngăn chặn được một số hành động của lực lượng phản động gây mâu thuẫn giữa các dân tộc, chống đối chính quyền, kích động đồng bào công giáo đi Nam, tổ chức đặc vụ trong người Hoa... góp phần bảo vệ chính quyền, giữ vững an ninh chính trị và trật tự trị an xã hội.

Từ năm 1952, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các tổ chức đoàn thể quần chúng như mặt trận, nông hội, phụ nữ, thanh niên, công đoàn được củng cố tăng cường về số lượng và chất

1. Xem Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn, tập I (1959 - 1995)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1996, tr.35.

lượng. Hệ thống chỉ đạo công tác đoàn thể được kiện toàn một bước từ tỉnh đến cơ sở và có nhiều hoạt động tích cực trong việc vận động quần chúng tham gia phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, bảo vệ trật tự trị an xã hội, tham gia phục vụ tiền tuyến, sẵn sàng chiến đấu.

Đến cuối năm 1953, tổ chức phụ nữ trong tỉnh phát động phong trào thi đua thu hút được hàng nghìn chị em phụ nữ tham gia tích cực vào các công việc xã hội. Tổ chức “Công giáo Cứu quốc” giúp cho chính quyền làm tốt công tác tuyên truyền, giác ngộ, củng cố niềm tin của giáo dân vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, ngăn chặn hoạt động của bọn gián điệp và các tổ chức phản động vận động giáo dân đi Nam.

Trên cơ sở củng cố chính quyền, đoàn thể, Tỉnh ủy đề ra kế hoạch giải quyết tốt những vấn đề vướng mắc tư tưởng trong nhân dân. Để khắc phục tình trạng hoài nghi, dao động hoặc nôn nóng trong công cuộc kháng chiến của ta, Tỉnh ủy chỉ đạo chính quyền các cấp và các đoàn thể tổ chức học tập chính trị cho quần chúng, quán triệt quyết tâm lớn của Đảng; đồng thời, thông báo hàng loạt thắng lợi của ta trên chiến trường và dự đoán xu thế thất bại tất yếu của thực dân Pháp. Qua đó, niềm tin của đông đảo nhân dân được củng cố, phấn khởi và vững vàng hơn.

Để thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, Tỉnh ủy chỉ đạo các đoàn thể lần lượt mở các lớp học phổ biến chính sách dân tộc của Đảng cho đồng bào các dân tộc, đặc biệt chú ý tới những vùng xuất hiện mâu thuẫn dân tộc như phía nam Cao Lộc, phía bắc Ôn Châu, phía tây Lộc Bình, phía tây Bình Gia. Đến giữa năm 1954, đã có 150.000 đồng bào tham gia

lớp học tập. Qua học tập, đồng bào các dân tộc nhận thức rõ âm mưu thâm hiểm của lực lượng phản động chia rẽ dân tộc trong nhân dân ta, nhận thức được chính sách dân tộc của Đảng là đúng đắn. Từ đó củng cố được niềm tin vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết, hăng hái tham gia các công việc do chính quyền và đoàn thể phát động.

Ngoài phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất, một số phong trào giáo dục như bình dân học vụ cũng được phát triển rộng rãi, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Về giáo dục tiểu học, năm 1951, tỉnh Lạng Sơn có 172 trường, 395 lớp, 230 giáo viên và 10.265 học sinh. Về bình dân học vụ, đến tháng 11/1951, tỉnh đã thanh toán được nạn mù chữ cho 41.252 người¹. Đến giữa năm 1954, toàn tỉnh tổ chức 12 lớp học bổ túc văn hóa với hàng nghìn học viên theo học. Các huyện đều phát động được phong trào thi đua học văn hóa, xóa nạn mù chữ.

Thực hiện phương châm củng cố xây dựng lực lượng, vừa phòng thủ, tiêu trừ Việt gian vừa sẵn sàng chiến đấu, Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp ủy đảng cần làm cho cán bộ, nhân dân thấy được vị trí quan trọng của tỉnh - là địa bàn nằm sát ngay vùng địch tạm chiếm (Hải Ninh, Bắc Giang), nhận rõ âm mưu hoạt động biệt kích của địch, luôn luôn nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, chuẩn bị lực lượng tiếp viện cho chiến trường.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và triển khai trực tiếp của Tỉnh đội, trong năm 1951, toàn tỉnh xây dựng được 5 đại đội

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005)*, Sđd, tr.41.

độc lập sẵn sàng tác chiến, mở được 40 lớp huấn luyện quân sự cho hơn 4.000 dân quân, du kích. Đặc biệt, ở những vùng quan trọng ở phía nam huyện Cao Lộc, phía bắc huyện Ôn Châu, dọc đường số 1, số 4 và xung quanh thị xã đã xây dựng được nhiều trung đội du kích chiến đấu, với trang bị vũ khí đầy đủ. Ở các huyện, lực lượng dân quân, du kích đều được củng cố, sẵn sàng chiến đấu trên địa bàn toàn tỉnh. Tính đến tháng 10/1952, toàn tỉnh có 41.181 dân quân, du kích, trong đó có 3.081 dân quân xung phong với chức năng phối hợp cùng bộ đội tác chiến và 11.801 dân quân thường có nhiệm vụ bảo vệ cầu cống, đường giao thông, giữ gìn trật tự địa phương¹.

Từ sau khi tỉnh Lạng Sơn được hoàn toàn giải phóng, trước yêu cầu xây dựng đơn vị chủ lực cơ động mạnh, ngay từ đầu năm 1951, Tiểu đoàn 888, Tiểu đoàn 999 và cơ quan Tỉnh đội sáp nhập thành Trung đoàn 176. Từ tháng 5/1951, Trung đoàn 176 được điều sang trực thuộc Đại đoàn 316 mới thành lập. Cơ quan Tỉnh đội được kiện toàn lại, cuối năm 1951, chuyển về đóng tại thị xã Lạng Sơn. Các bộ phận của Tỉnh đội như Văn phòng, Ban Chính trị, Tham mưu, Quân báo, Tác chiến được sắp xếp lại, phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng. Huyện ủy các huyện phân công những đồng chí là Huyện ủy viên phụ trách quân sự, củng cố cơ quan huyện đội và chỉ đạo lực lượng vũ trang địa phương.

Trong hai năm 1951 - 1952, thực dân Pháp dồn quân càn quét khu vực đồng bằng. Từ giữa năm 1953, địch đẩy mạnh

1. Xem Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, Sđd, tr.47.

các hoạt động biệt kích đánh phá vùng giải phóng. Ngày 17/7/1953, quân Pháp sử dụng 2 tiểu đoàn biệt kích nhảy dù xuống thị xã Lạng Sơn với âm mưu phá hủy kho tàng, tiêu diệt cơ quan kháng chiến của tỉnh. Tuy vấp phải sự kháng cự quyết liệt của lực lượng dân quân, du kích nhưng quân địch vẫn đánh chiếm được động Tam Thanh, phá hủy 1 kho vũ khí và rút đi sau 14 giờ chiếm đóng¹.

Công tác tuyển quân có nhiều thuận lợi cơ bản, ngay trong năm 1951, Tỉnh ủy phát động phong trào “toàn dân khuyến khích vận động thanh niên tòng quân”. Kết quả, toàn tỉnh hoàn thành chỉ tiêu chuyển giao 1 trung đoàn bộ đội chủ lực cho Bộ Tổng Tư lệnh. Từ cuối năm 1953 đến giữa năm 1954, tỉnh huy động được 700 tân binh bổ sung cho lực lượng vũ trang quân khu để huấn luyện, tham gia chiến đấu trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Nhiều chiến sĩ của quê hương xứ Lạng có mặt ở hầu hết các mặt trận ác liệt, anh dũng chiến đấu, lập được những chiến công xuất sắc, hy sinh xương máu góp phần vào thắng lợi chung của toàn quân và dân ta.

Quán triệt nhiệm vụ của tỉnh, hậu phương phục vụ tiền tuyến, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, chỉ riêng trong năm 1954, toàn tỉnh huy động được 45 tấn thực phẩm, đóng góp được 200.000 ngày công làm đường vận chuyển, hàng nghìn mét khối gỗ cho mở đường, xây dựng các binh trạm phục vụ chiến dịch. Hàng vạn dân công hỏa tuyến của Lạng Sơn có mặt tại các nẻo đường

1. Xem Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, Sđd, tr.48.

hướng đi tới chiến dịch Điện Biên Phủ, với khẩu hiệu “Tất cả cho chiến trường, tất cả để đánh thắng”. Trong hai năm 1953 - 1954, Trung ương và Liên khu Việt Bắc còn giao cho Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm vụ kiến thiết các công trình cầu đường: làm đường Bắc Sơn từ Đồng Đăng đến Mỏ Gà (dài 118 km), sửa đường sắt Lạng Sơn - Lạng Giai thành đường vòng cho quốc lộ 1A, sửa chữa đường sắt từ Đồng Đăng đến Đồng Phú thành đường ô tô (dài 14 km). Bên cạnh đó, nhằm củng cố tình hữu nghị, đoàn kết chiến đấu giữa cách mạng hai nước Việt - Trung, trong năm 1951, Tỉnh ủy Lạng Sơn chỉ đạo các huyện tiến hành khai thác gỗ cung cấp 10.000 thanh tà vẹt giúp Tỉnh ủy và nhân dân tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc)¹.

Quán triệt phương châm xây dựng Đảng do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đề ra (tháng 02/1951), thực hiện nhiệm vụ củng cố, phát triển Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trước tình hình cách mạng mới, từ đầu năm 1952, Tỉnh ủy thường xuyên chú trọng tới công tác củng cố các cấp bộ Đảng cả về số lượng và chất lượng.

Trong hai năm 1953 - 1954, Tỉnh ủy mở nhiều lớp học tập chính trị, bồi dưỡng cho đảng viên toàn Đảng bộ. Nội dung các lớp học đều hướng vào việc giải quyết những vấn đề về tư tưởng nghỉ ngơi, cầu an, tự do vô kỷ luật, cục bộ địa phương, mất đoàn kết nội bộ, thiếu tinh thần trách nhiệm, giảm ý chí chiến đấu còn tồn tại trong Đảng bộ tỉnh. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy quán triệt sâu rộng nhiệm vụ cấp bách là tập trung sức người, sức của cho tiền tuyến đến toàn thể cán bộ, đảng viên.

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bình Gia: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bình Gia (1951 - 1985)*, tr.7.

Cùng với việc mở các lớp học chính trị cho đảng viên, Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp ủy củng cố lại bộ máy lãnh đạo, thay thế những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, không theo kịp được sự chuyển biến của tình hình. Qua học tập và đổi mới kiện toàn, đến giữa năm 1954, chất lượng của đảng viên các cấp bộ Đảng được nâng lên một bước, tuyệt đại đa số đảng viên đã phát huy được vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc thúc đẩy nhanh chóng các công việc kháng chiến.

Đồng thời với việc nâng cao chất lượng đảng viên và các cấp bộ Đảng, Tỉnh ủy đề ra kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển Đảng. Đến năm 1954, toàn Đảng bộ có 3.708 đảng viên chính thức và 736 đảng viên dự bị. Các cơ sở đảng ngày càng được củng cố, mở rộng, thực sự đảm nhận vai trò lãnh đạo đối với phong trào cách mạng của quần chúng, góp phần nâng cao vai trò của Đảng bộ đối với phong trào kháng chiến của tỉnh trong giai đoạn hướng tới thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ, gian khổ nhưng vô cùng vẻ vang.

Ngày 07/5/1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt hoàn toàn, đập tan nỗ lực chiến tranh cuối cùng của thực dân Pháp. Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết, đánh dấu thắng lợi của chín năm kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).

Những thắng lợi to lớn và toàn diện của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Lạng Sơn trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã góp phần xứng đáng vào chiến thắng chung của toàn thể dân tộc. Trong những năm tháng bị thực dân Pháp chiếm đóng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã mưu trí,

dũng cảm bám đất, bám dân, xây dựng căn cứ kháng chiến. Từ năm 1950, tỉnh Lạng Sơn được hoàn toàn giải phóng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lạng Sơn không ngừng ra sức phấn đấu phát triển kinh tế, đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến. Cuộc kháng chiến để lại cho Đảng bộ và nhân dân Lạng Sơn những kinh nghiệm quý giá trong việc xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, kết hợp chặt chẽ các yếu tố để tạo nên sức mạnh tổng hợp chiến thắng quân xâm lược, giải phóng quê hương và tiếp tục tiến bước trên con đường đấu tranh vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

*Chương III***ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC
(1954 - 1975)****I- KHÔI PHỤC KINH TẾ, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA
VÀ THỰC HIỆN HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP
(1954 - 1960)**

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và Hội nghị Giơnevơ về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh chống lại các thế lực xâm lược và bè lũ tay sai. Nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước lúc này là: “Hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội”.

Trên cơ sở phân tích khoa học tình hình trong nước và quốc tế, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ sáu (mở rộng) tháng 7/1954 đã ban hành Nghị quyết về *Tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng*, nêu rõ nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng, toàn dân ta trong tình hình mới là: “1) Tranh thủ và củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc.

2) Tăng cường lực lượng quân đội nhân dân, xây dựng một quân đội nhân dân mạnh mẽ và thích hợp với yêu cầu của tình thế mới. 3) Tiếp tục thực hiện người cày có ruộng, ra sức phục hồi sản xuất, chuẩn bị điều kiện kiến thiết nước nhà”¹.

Đến tháng 9/1954, Hội nghị Bộ Chính trị họp ra nghị quyết, cụ thể hóa và bổ sung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 đề ra nhiệm vụ, đường lối chung của cách mạng nước ta và chỉ rõ *“nhiệm vụ chung của Đảng ta là: đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, đề phòng và khắc phục mọi âm mưu phá hoại Hiệp định đình chiến để củng cố hòa bình, ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để củng cố miền Bắc, giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam, đặng củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc”*².

Chấp hành Nghị quyết của Trung ương, ngày 21/7/1954, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn phát động đợt học tập chính trị nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh trước yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Thông qua học tập, các cấp ủy đảng chỉ đạo việc tiến hành kiểm điểm tình hình tư tưởng, tổ chức trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, thực trạng tình hình tư tưởng của các tầng lớp nhân dân, từ đó tạo cơ sở cần thiết cho việc tiến hành củng cố lại một bước hệ thống các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể quần chúng; tổ chức phát động quần chúng bước vào thực hiện

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.15, tr.171, 287.

nhiệm vụ xây dựng, củng cố và phát triển kinh tế - xã hội trong hoàn cảnh mới.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng chỉ rõ nhiệm vụ cụ thể của các cấp ủy, chính quyền, các ngành, các đoàn thể: Tiếp tục thực hiện giảm tô trong vụ mùa; chấn chỉnh lại một bước công tác thuế công thương nghiệp; đẩy mạnh việc tổ chức khai thác lâm thổ sản để xuất khẩu; tiến hành củng cố lực lượng vũ trang và an ninh địa phương để làm tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong tình hình đang còn nhiều vấn đề phức tạp; chuẩn bị tốt việc đón tiếp và làm việc với phái đoàn giám sát quốc tế về thực thi Hiệp định Giơnevơ trên địa bàn Lạng Sơn.

Từ sau ngày Hiệp định Giơnevơ được ký kết, cũng như tình hình nhiều tỉnh khác ở miền Bắc, ở Lạng Sơn lực lượng phản động đội lốt thầy tu và các phần tử xấu tổ chức lừa dối, lôi kéo, cưỡng ép đồng bào công giáo di cư vào Nam, thực hiện âm mưu tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Lợi dụng đức tin của đồng bào Công giáo và những sơ hở, khiếm khuyết trong quản lý của chính quyền ở các cơ sở, lực lượng phản động đã gây dựng “Đoàn thể của Công giáo”, ngăn cản mọi hoạt động tiếp xúc giữa đồng bào Công giáo với chính quyền. Chúng tìm cách hạn chế mọi hoạt động, đóng góp của đồng bào Công giáo với các công việc củng cố, xây dựng chính quyền và phát triển nền kinh tế mới ở cơ sở. Trong giai đoạn đầu, do chưa lường hết âm mưu, thủ đoạn của địch, biện pháp đối phó của cấp ủy, chính quyền và lực lượng vũ trang của ta chưa theo kịp diễn biến thực tế, lực lượng phản động đã dụ dỗ được 1.183 đồng bào

Công giáo thị xã Lạng Sơn, các huyện Lộc Bình, Tràng Định di cư, đồng thời 1.162 người khác làm đơn xin chính quyền cho di cư vào Nam¹.

Trước những vấn đề tư tưởng phức tạp nảy sinh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời nhận định và ban hành hướng dẫn cụ thể. Trước hết là kế hoạch tổ chức học tập cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ về những quan điểm cơ bản trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, lấy kết quả của công tác giáo dục tư tưởng và nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên làm cơ sở cho việc triển khai học tập rộng rãi, tháo gỡ khó khăn và tồn tại, làm chuyển biến tư tưởng trong đông đảo các tầng lớp nhân dân, hướng tập trung vào thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trước mắt do Tỉnh ủy đề ra.

Đồng thời với việc tập trung khắc phục những biến động trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài, Tỉnh ủy nhận định:

Trên thực tế, lợi dụng lúc trong bước chuyển đổi giai đoạn cách mạng còn có nhiều vấn đề phức tạp, bọn phản động từ bên ngoài câu kết với bọn người xấu ở bên trong, đang nuôi dưỡng âm mưu kích động gây rối xã hội, chống đối chính quyền, gây khó khăn nhiều mặt cho việc củng cố chính quyền và việc xác lập thiết chế xã hội mới. Chúng sẽ còn tìm mọi cách chui vào nội bộ các cơ quan Đảng, Nhà nước,

1. Công an tỉnh Lạng Sơn: *Tổng kết lịch sử Công an Lạng Sơn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2014, tr.15.

phá hoại ta từ bên trong, gây khó khăn cho chính quyền trong cuộc phát động giảm tô và cải cách ruộng đất. Đây là cuộc đấu tranh hết sức gay go, phức tạp, không chỉ trước mắt, mà còn là nhiệm vụ lâu dài của toàn Đảng bộ và đông đảo quần chúng cách mạng. Để tiến hành có kết quả nhiệm vụ này, không thể chỉ vận động, thuyết phục, mà cần phải có những biện pháp cứng rắn, cương quyết trấn áp bọn phản cách mạng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ an ninh chính trị và an toàn xã hội.

Thực hiện phương châm chỉ đạo cụ thể đó, từ tháng 7/1954, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức 4 lớp học cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công nhân viên trong toàn tỉnh về chính sách dân tộc và chính sách cải cách ruộng đất của Đảng. Các lớp học này có hơn 900 lượt cán bộ, đảng viên, công nhân viên ở các địa phương, ban ngành, đoàn thể trong tỉnh tham gia. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, công nhân viên theo học các lớp này chính là đội ngũ cốt cán mà tỉnh hỗ trợ, giao các nhiệm vụ tổ chức, tuyên truyền giáo dục quần chúng, xây dựng và củng cố chính quyền cơ sở, mà trước mắt là tập trung thực hiện cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất.

Qua học tập, nghiên cứu các quan điểm, đường lối, chính sách dân tộc, chính sách cải cách ruộng đất của Đảng, đặc biệt là quán triệt tinh thần Nghị quyết về “Tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng”, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ có bước chuyển biến tốt về tư tưởng, phấn khởi, tin tưởng, tích cực tham gia các hoạt động củng cố chính quyền, đoàn thể cơ sở và phát triển sản xuất, phát triển văn hóa xã hội. Đến cuối năm 1954, hầu hết các địa phương trong tỉnh kiện toàn được một bước hệ thống cơ sở

đảng, chính quyền, đoàn thể. Đồng thời, nhằm thực hiện tốt công tác quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể tỉnh, ngày 27/9/1954, trên cơ sở đề nghị của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Nghị quyết số 101-NQNS/LKVB công nhận đề nghị của Tỉnh ủy về việc thành lập Đảng bộ cơ quan Dân chính Đảng xung quanh tỉnh Lạng Sơn¹. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy chú trọng giúp đỡ và tăng cường lực lượng cho những nơi yếu kém, hoặc chưa xây dựng, củng cố được cơ sở đảng, cơ sở chính quyền. Đó là điều kiện quan trọng để tiếp tục thực hiện công tác vận động quần chúng tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

Giữa năm 1954, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Chuyên trách thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, phân công đồng chí Đào Đình Bảng làm Trưởng ban. Phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy, chính quyền các huyện, thị, đến cuối năm 1954, Ban Chuyên trách trực tiếp tổ chức học tập chính sách dân tộc của Đảng cho hàng nghìn đồng bào các dân tộc ở 7 xã bắc Ôn Châu, 9 xã nam Cao Lộc và 3 khu phố của thị xã. Các lớp học tập trung có hơn 400 cán bộ cốt cán cơ sở theo học. Nhờ sự chỉ đạo, tổ chức học tập và vận động của Tỉnh ủy, của các cấp ủy và chính quyền địa phương nên đến cuối năm 1954, trong toàn tỉnh, đặc biệt là ở các địa bàn nam Cao Lộc, bắc Ôn Châu, tây Lộc Bình, nam thị xã Lạng Sơn, tình đoàn kết, không khí cởi mở trong nội bộ

1. Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh Lạng Sơn (1954 - 2012)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2013, tr.12.

nhân dân các dân tộc được khôi phục. Đồng bào các dân tộc hăng hái tham gia các hoạt động ủng hộ chính quyền, tổ chức phát triển sản xuất, xây dựng nếp sống văn hóa - xã hội mới ở nông thôn.

Tỉnh ủy chú trọng chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, giáo dục và vận động đồng bào Công giáo trong tỉnh, chống lại những luận điệu xuyên tạc của lực lượng phản động. Từ giữa năm 1954, tỉnh tổ chức đưa nhiều đợt cán bộ trực tiếp tới các vùng có đồng bào Công giáo cư trú và hành đạo, tổ chức cho đồng bào học tập đường lối và các chính sách của Đảng như chính sách dân tộc, chính sách đoàn kết các tôn giáo và chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân. Phần lớn đồng bào Công giáo bày tỏ niềm tin đối với chính sách của Đảng và Nhà nước, yên tâm, phấn khởi ủng hộ chính quyền mới, nhiều nơi đồng bào đã vạch trần các thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc trắng trợn của lực lượng phản động đội lốt thầy tu, khơi dậy được đức tin “Đạo với đời”, gắn bó với chế độ mới, đời sống của đồng bào Công giáo dần ổn định trở lại.

Từ giữa năm 1954, Tỉnh ủy chỉ đạo cơ quan quân sự tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy, chính quyền các huyện và thị xã, khẩn trương tuyển chọn chiến sĩ mới, tích cực củng cố các đơn vị vũ trang trong tỉnh. Đến cuối năm 1954, tỉnh củng cố được 1 tiểu đoàn chủ lực cơ động và 2 đại đội độc lập để bảo vệ các mục tiêu trọng yếu trên địa bàn tỉnh. Các huyện Văn Uyên, Điềm He và Bắc Sơn đều xây dựng được đại đội bộ đội địa phương. Cùng với việc củng cố các đơn vị quân đội, lực lượng an ninh của tỉnh cũng tăng cường các tổ, đội an ninh khu vực ở hầu khắp các huyện, thị làm nòng cốt cho chính quyền các cơ sở, đẩy mạnh phong trào giữ gìn trật tự trị an,

ngăn chặn và kiên quyết trừng trị những âm mưu, hành động phản loạn chống phá chính quyền cùng những hành vi gây rối của các đối tượng tội phạm hình sự. Trên cơ sở luật pháp của Nhà nước, Tỉnh ủy tổ chức giáo dục và hướng dẫn quần chúng xây dựng nếp sống kỷ cương của xã hội mới.

Đầu năm 1954, Lạng Sơn bắt đầu triển khai công tác giảm tô (đợt 4) thực hiện tại 7 xã của huyện Bắc Sơn. Kết quả bước đầu của công tác giảm tô khiến đông đảo nhân dân phấn khởi hơn, phong trào thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm được nâng lên một bước.

Qua những thắng lợi bước đầu của cuộc vận động giảm tô, phấn khởi trước sự quan tâm của Đảng và Chính phủ, đông đảo bà con nông dân các dân tộc trong tỉnh hăng hái tham gia phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm. Từ giữa năm 1954, khắp các thôn, bản, làng, xã trong tỉnh rộn ràng không khí khẩn trương lao động sản xuất. Hình thức tổ đổi công góp phần nâng cao hiệu quả công việc. Chính quyền, đoàn thể các địa phương còn tổ chức vận động nhân dân, tập trung sức làm thêm các công trình mương máng dẫn nước tưới thêm cho gần 1.000 ha gieo trồng lúa vụ mùa đang bị hạn.

Nhờ có những cố gắng to lớn của Đảng bộ và nhân dân, vụ mùa năm 1954 thu được kết quả tốt, đời sống nhân dân dần ổn định, đồng thời toàn tỉnh hoàn thành được chỉ tiêu gần 400 tấn thóc thuế nông nghiệp cho Nhà nước. Kết thúc vụ mùa, tháng 11/1954, tỉnh tiến hành giảm tô đợt 5 tại 9 xã của huyện Văn Uyên và 6 xã của huyện Bình Gia. Đến tháng 01/1955, về cơ bản công tác giảm tô đợt 5 hoàn thành.

Một thành tích đáng biểu dương của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn trong năm 1954 là đã hoàn

thành kế hoạch khai thác gỗ tà vẹt cung cấp cho yêu cầu xây dựng đường sắt của Trung ương. Từ giữa năm 1954, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, toàn tỉnh huy động được hơn 7.000 nhân công tham gia lao động tại các công trường khai thác gỗ ở các huyện Ôn Châu, Thoát Lãng và Bằng Mạc. Đến cuối năm 1954, toàn tỉnh còn huy động được thêm hàng nghìn lượt dân công vận tải, chuyển chở hàng nghìn tấn thóc, bảo đảm cho hoạt động của các công trường.

Phong trào thi đua lao động sản xuất sôi nổi của hàng vạn nông dân trên đồng ruộng và hàng nghìn công nhân trên các công trường khai thác gỗ tà vẹt đã thể hiện được truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, tin yêu gắn bó với Đảng, chế độ xã hội mới của đông đảo các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Những kết quả đó bước đầu thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội mới, đồng thời cho thấy những chủ trương đúng đắn của Đảng bộ trong việc vận dụng quan điểm quần chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Đây là bài học thành công chủ yếu của Đảng bộ trong giai đoạn xác lập, củng cố chế độ xã hội mới trong hoàn cảnh có không ít khó khăn, phức tạp.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về việc thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định đình chiến ở Đông Dương, được sự ủy nhiệm của Trung ương Đảng và Chính phủ, từ cuối tháng 7/1954, tỉnh Lạng Sơn thành lập phái bộ do đồng chí Hoàng Văn Kiêu - Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh dẫn đầu tiến hành giao dịch và làm việc trực tiếp với tổ giám sát quốc tế tại địa bàn Lạng Sơn.

Trong quá trình làm việc, tổ giám sát quốc tế được Ủy ban Liên Việt các cấp trong tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi

cho các hoạt động tiếp xúc, giám sát trên địa bàn tỉnh. Với thái độ làm việc, tiếp xúc nghiêm túc, Ủy ban Liên Việt các cấp trong tỉnh luôn thể hiện tinh thần tôn trọng đối với những điều khoản cam kết trong Hiệp định. Đồng thời, chúng ta cũng thể hiện được ý chí và tư thế của một dân tộc chiến thắng, giữ vững được chủ quyền của một quốc gia độc lập cùng các nguyên tắc ngoại giao của Nhà nước cách mạng.

Tuy khó khăn, gian khổ trước mắt vẫn còn nhiều, song những kết quả bước đầu giành được trong thời gian này là cơ sở quan trọng giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn bước tiếp chặng đường đấu tranh cách mạng mới: tiếp tục củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng, xác lập và củng cố quan hệ sản xuất mới, phát triển nền kinh tế - xã hội mới, trong bối cảnh miền Bắc có hòa bình.

Bước sang năm 1955, tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong tỉnh đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lạng Sơn những nhiệm vụ cấp bách mới: đẩy mạnh phong trào lao động và xây dựng nếp sống mới, khắc phục hậu quả của thiên tai do hạn hán kéo dài, nhanh chóng đẩy lùi nạn đói diễn ra ở nhiều nơi trong tỉnh.

Trước tình hình đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra chủ trương và các nhiệm vụ trọng tâm:

- Tích cực tổ chức sản xuất để chống đói, chuẩn bị mọi mặt để phát động quần chúng tham gia công tác giảm tô và cải cách ruộng đất.

- Tăng cường củng cố lực lượng vũ trang và an ninh, ngăn chặn và đập tan những âm mưu, hành động của bọn phản động, trong đó có âm mưu lừa dối, cưỡng ép đồng bào Công giáo di cư vào Nam.

- Tăng cường ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên, củng cố các cơ sở đảng, cơ sở chính quyền, đoàn thể, làm nòng cốt vững chắc cho việc vận động, tổ chức quần chúng, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới.

Để nhanh chóng khắc phục ngay nạn thiếu đói, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phát động phong trào “Nhường cơm, sẻ áo”, kêu gọi các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phát huy truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau; người có nhiều san cho người có ít, người có ít chia cho người không có. Hưởng ứng chủ trương tích cực của Tỉnh ủy, chỉ trong một thời gian ngắn, toàn tỉnh huy động cứu trợ được gần 20 tấn lương thực và hơn 400.000 đồng, trợ giúp kịp thời cho 99 hộ gia đình đang ở tình trạng thiếu đói kiệt quệ trong những ngày giáp hạt.

Đầu tháng 4/1955, Ủy ban hành chính tỉnh thành lập Ban Chống đói và sản xuất, phân công đồng chí Nguyễn Công Dịch - Ủy viên Ủy ban hành chính tỉnh làm Trưởng ban. Để có lực lượng hỗ trợ tích cực cho Ban Chống đói và sản xuất của tỉnh, Ủy ban hành chính tỉnh triệu tập hơn 300 cán bộ, công nhân viên chức các ngành, các cấp trong tỉnh phân công thành các đội chống đói và sản xuất khẩn trương về các xã đang gặp nhiều khó khăn trong đời sống để vận động nhân dân tổ chức lại sản xuất.

Đồng thời với việc tăng cường cán bộ cho cơ sở, Ủy ban hành chính tỉnh còn quyết định điều thêm 27 tấn thóc giống, trích gần 40 triệu đồng cho nông dân vay để phục hồi, thúc đẩy sản xuất. Trong đó, ở những nơi quá khó khăn, tỉnh chỉ đạo giải quyết trợ giúp thóc giống để các hộ nông dân nhanh chóng canh tác kịp thời vụ. Đây là biện pháp thiết thực nhất,

thể hiện sự quan tâm và tinh thần trách nhiệm cao của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh đối với đời sống nhân dân.

Đến giữa năm 1955, toàn tỉnh làm mới và sửa chữa được hơn 1.000 con mương lớn, nhỏ dẫn nước tưới cho gần 84.000 mẫu lúa và hoa màu ngắn ngày. Sản xuất được phát triển đem lại niềm vui và cuộc sống ổn định cho nhân dân. Tính đến cuối năm 1955, tỉnh huy động trợ giúp cho các hộ nông dân thiếu đói trong toàn tỉnh được gần 40 tấn thóc và gần 70.000 m vải các loại, góp phần ổn định đời sống của nhân dân.

Thành lợi của công tác chống đói và phục hồi sản xuất trong tỉnh là cơ sở quan trọng cho việc triển khai đồng thời các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Đảng bộ trong thời gian này, đó là: chuẩn bị mọi mặt cho việc tham gia cuộc vận động giảm tô và cải cách dân chủ, theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương.

Để chuẩn bị cho công tác phát động giảm tô, ngay từ đầu năm 1955, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập 183 cán bộ trong tỉnh làm lực lượng nòng cốt. Đoàn cán bộ được tổ chức nghiên cứu, rút kinh nghiệm qua hai cuộc giảm tô trước đó. Đồng thời, đoàn còn học tập, quán triệt đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác giảm tô để nâng cao nhận thức, định hướng một số phương pháp, biện pháp cần thiết cho quá trình tiến hành công việc. Sau một đợt học tập, đoàn cán bộ được phân chia thành các tổ, đội tỏa xuống các xã trọng điểm, điều tra, khảo sát và nắm bắt thực trạng chính trị - xã hội, ruộng đất, dân cư, dân tộc của từng nơi để cung cấp tình hình cho đoàn giảm tô của Liên khu.

Đợt 8 giảm tô triển khai đồng bộ tại 51 xã của 6 huyện (huyện Văn Uyên: 4 xã; huyện Cao Lộc: 16 xã; huyện Lộc Bình:

16 xã; huyện Ôn Châu: 12 xã; huyện Bằng Mạc: 2 xã; thị xã Lạng Sơn: 1 xã)¹. Đây là đợt giảm tô lớn nhất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Kết quả, tính chung 3 đợt giảm tô (đợt 4, 5 và 8) và đợt cải cách ruộng đất tại Hữu Lũng, toàn tỉnh quy 773 hộ địa chủ, 760 hộ phú nông, trong đó số hộ bị tịch thu hoàn toàn tài sản là 178 hộ, số còn lại tịch thu một phần tài sản. Tổng số tài sản tịch thu được gồm: trên 200 ngôi nhà, 718,8 mẫu ruộng, 747 con trâu, bò, 148,46 tấn thóc, trên 3 triệu đồng tiền mặt và 1.250 đồng bạc trắng, 294 khẩu súng. Qua giảm tô và cải cách ruộng đất, tỷ lệ sở hữu ruộng đất được điều hòa tương đối công bằng. Thời điểm trước khi tiến hành giảm tô, tại các xã có địa chủ chiếm đến 10,93% diện tích canh tác, sau cải cách chỉ còn chiếm 1,57%². Kết quả công tác giảm tô góp phần nâng cao nhận thức, trình độ giác ngộ của quần chúng. Đồng thời, qua đó, giải quyết được một số vụ mâu thuẫn dân tộc, đẩy mạnh sản xuất và giải quyết được khó khăn trong tháng 8/1955.

Tuy vậy, quá trình thực hiện công tác giảm tô cũng tồn tại nhiều hạn chế. Tại nhiều xã, việc nắm tiêu chuẩn thành phần không rõ ràng, chưa phân hóa rõ rệt được giai cấp địa chủ. Tư tưởng căm ghét những người đã cộng tác với chế độ cũ dẫn đến quy kết gò ép nhiều thành phần. Điển hình như huyện Bắc Sơn quy 65 hộ địa chủ, song thực tế chỉ có 5 hộ. Đợt giảm tô 8, toàn tỉnh quy 500 hộ địa chủ nhưng chỉ phân

1. Huyện Hữu Lũng lúc này thuộc tỉnh Bắc Giang tiến hành cải cách ruộng đất vào đợt 3 (nửa đầu năm 1955) tại 24 xã.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: Báo cáo số 498/BC-TĐB về tình hình điều tra ruộng đất nông thôn miền núi của tỉnh Lạng Sơn (tháng 8/1957), lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

loại có 6 hộ địa chủ kháng chiến, nhiều gia đình địa chủ có công với cách mạng, có người thân là cán bộ, bộ đội không được phân loại thành phần (trong khi Lạng Sơn là vùng giải phóng từ năm 1950). Toàn tỉnh quy 164 hộ địa chủ cường hào gian ác song tỷ lệ sai đến 93%; quy 609 hộ địa chủ thường (sai 90%); 760 hộ phú nông (sai 94%). Tình hình nông thôn sau giảm tô căng thẳng, một bộ phận nhân dân oán ghét đội giảm tô, đồng thời tâm lý chung lo sợ cải cách ruộng đất, riêng tại Hữu Lũng là địa phương tiến hành cải cách ruộng đất đã diễn ra xô xát tại một số xã.

Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn tiến hành chỉnh đốn tổ chức Đảng, chính quyền, tiến hành phân loại, xử lý những đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị, đảng viên có xuất thân từ tầng lớp trên. Đợt 4 chỉnh đốn 7 chi bộ, 315 đảng viên, xử lý 53 đảng viên, giải tán 1 chi bộ. Đợt 5 chỉnh đốn 15 chi bộ, 568 đảng viên, xử lý 110 đảng viên, giải tán 2 chi bộ. Đợt 8 chỉnh đốn 24 chi bộ, 315 đảng viên, xử lý 138 đảng viên, giải tán 5 chi bộ, trong đó khai trừ và vận động ra khỏi Đảng toàn bộ đảng viên của 3 chi bộ và 3 tổ đảng... Về cấp ủy và Ủy ban hành chính, đoàn thể các cấp tỉnh và huyện xử lý 128 cấp ủy viên trong đó có 16 đồng chí là tỉnh ủy viên và bí thư huyện ủy; cấp ủy cơ sở xử lý 104/252 đồng chí, Ủy ban hành chính các xã xử lý 473/546 cán bộ. Các đoàn thể: Nông hội xử lý 32/79 cán bộ; Phụ nữ xử lý 21/58 cán bộ; Thanh niên xử lý 6/87 cán bộ.

Việc xử lý đảng viên, cán bộ tràn lan dẫn đến tình trạng tổ chức đảng nhiều nơi mất vai trò lãnh đạo, chính quyền, đoàn thể các cấp mất sức chiến đấu. Tại một số xã, phải xin phép Nông hội mới được thành lập chi bộ, nhiều đảng viên có uy tín, kinh nghiệm bị xử lý oan sai, những đảng viên không

bị xử lý lo sợ không dám hoạt động, không mạnh dạn tham gia công tác, đảng viên mới kết nạp được đề bạt quá nhanh, chưa có năng lực, kinh nghiệm, uy tín lãnh đạo.

Hạn chế trong công tác giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức bắt nguồn từ nguyên nhân: Đoàn ủy cải cách ruộng đất của Khu ủy trực tiếp lãnh đạo. Trong thành phần của Đoàn ủy có một số tỉnh ủy viên. Do trách nhiệm chồng chéo, Tỉnh ủy và các đồng chí tỉnh ủy viên không tham gia Đoàn ủy đã không kiên quyết để mặc Đoàn ủy lãnh đạo thực hiện giảm tô. Đoàn ủy không nắm được tình hình thực tế, áp dụng máy móc kinh nghiệm của miền xuôi dẫn đến chỉ đạo giảm tô có nhiều khuyết điểm, nhất là trong vấn đề phân định thành phần¹.

Cùng với việc chuẩn bị mọi mặt cho tiến hành phát động giảm tô đợt 8, thực hiện chủ trương của Trung ương về việc chuẩn bị cho thành lập Khu tự trị Việt Bắc, từ tháng 6/1955, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra chỉ thị về việc mở đợt tuyên truyền, học tập về ý nghĩa của việc thành lập Khu tự trị Việt Bắc trong cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân các dân tộc, trên phạm vi toàn tỉnh.

Để tạo cơ sở cho việc triển khai tuyên truyền và học tập sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, Tỉnh ủy mở các lớp bồi dưỡng nhận thức quan điểm, phương pháp tuyên truyền, hướng dẫn học tập cho gần 1.000 cán bộ các cấp, các ngành, đoàn thể trong tỉnh. Đến cuối năm 1955, hơn 50 cán bộ tăng

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: Báo cáo số 53/BC-TĐB của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kiểm điểm sự chấp hành các chính sách lớn của Trung ương từ ngày có phong trào giảm tô (tháng 01/1957), lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

cường của tỉnh về các huyện Cao Lộc, Lộc Bình, Văn Uyên, Ôn Châu cùng các cấp, các ngành, đoàn thể, các địa phương triển khai, tổ chức cho nhân dân học tập chủ trương, chính sách của Trung ương về việc thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Qua đó, Tỉnh ủy phát động quần chúng tham gia ý kiến về việc chỉ đạo thực hiện chính sách dân tộc của Đảng. Sau khi được quán triệt học tập, đông đảo các dân tộc phấn khởi, hoan nghênh chủ trương của Trung ương về việc thành lập Khu tự trị Việt Bắc.

Tiếp sau chủ trương thành lập Khu tự trị Việt Bắc, Trung ương Đảng tiếp tục ban hành Nghị quyết về việc tăng cường khối đoàn kết toàn dân, trong đó có nhiệm vụ tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng về đại đoàn kết toàn dân và Cương lĩnh của Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc (tháng 9/1955), Tỉnh ủy triển khai có kết quả công tác tuyên truyền sâu rộng đến đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng có tác dụng không nhỏ trong việc thúc đẩy các phong trào cách mạng ở địa phương, phong trào thi đua lao động sản xuất. Phong trào tương trợ, hợp tác giữa các tổ đổi công, các hộ nông dân; phong trào làm thủy lợi nhỏ; phong trào áp dụng cải tiến kỹ thuật canh tác (giống cây trồng, phân bón, chăm sóc...) diễn ra sôi nổi. Kết quả là sản xuất được phát triển, diện tích gieo trồng được nâng lên, vụ mùa năm 1955 có bước phát triển, góp phần ổn định đời sống nhân dân, tạo đà đẩy mạnh sản xuất và xây dựng đời sống mới trong năm 1956.

Phong trào học tập văn hóa, xóa nạn mù chữ cũng được Tỉnh ủy chỉ đạo phát động. Đồng thời với việc tập trung chỉ đạo khôi phục, ổn định, nâng cao một bước chất lượng dạy và học ở các trường phổ thông, ngành giáo dục tỉnh tổ chức nhiều lớp học bổ túc văn hóa cho các tầng lớp nhân dân. Trong năm 1955, các lớp học bổ túc văn hóa thu hút hàng vạn lượt học viên các lứa tuổi theo học. Riêng hai huyện Bình Gia và Bắc Sơn tổ chức được 342 lớp với hơn 4.000 học viên các lứa tuổi theo học. Trong những tháng cuối năm 1955, phong trào học bổ túc văn hóa diễn ra sôi nổi ở hầu hết các vùng nông thôn, thị xã, thị trấn.

Đầu tháng 9/1956, sau khi phát hiện những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng về công tác cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức nhận định: “Những sai lầm đó không những đã hạn chế những thắng lợi đã thu được, mà lại gây ra những tổn thất rất lớn cho cơ sở của Đảng, của chính quyền, của các tổ chức quần chúng, ảnh hưởng tai hại đến chính sách mặt trận của Đảng ở nông thôn cũng như ở thành thị, ảnh hưởng nhiều đến tình cảm và đời sống bình thường của nhân dân ta, làm cho tình hình nông thôn căng thẳng, ảnh hưởng đến tinh thần đoàn kết và phấn khởi trong Đảng và trong nhân dân, đến công cuộc củng cố miền Bắc, đến sự nghiệp đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà”¹.

Về phương hướng sửa chữa sai lầm, Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: “Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.17, tr.540.

đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được. Trong lúc thực hiện nhiệm vụ đó, thì dựa trên đường lối nông thôn của Đảng, dựa trên tinh thần tin tưởng và truyền thống đoàn kết của Đảng ta và của Nhân dân ta; thi hành đúng chính sách cụ thể sửa chữa sai lầm, nhằm đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, gây tinh thần phấn khởi, để đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt công tác cải cách ruộng đất và trên cơ sở đó đẩy mạnh công cuộc củng cố miền Bắc, tranh thủ miền Nam và đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà”¹.

Trên cơ sở xem xét tình hình mọi mặt trong tỉnh, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 về công tác sửa sai, trong thời gian từ ngày 02/8 đến ngày 09/9/1956, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành trong tỉnh để triển khai công tác sửa sai trong toàn tỉnh.

Sau khi nhận định về diễn biến, tồn tại, sai lầm trong công tác giảm tô, chỉnh đốn tổ chức trong tỉnh, Hội nghị thống nhất phương hướng tiến hành sửa sai trong toàn tỉnh là:

Tổ chức quán triệt chủ trương sửa sai của Trung ương tới toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, tạo ra sự thống nhất tư tưởng để tiến hành sửa sai. Sửa sai theo phương châm thận trọng, không nóng vội, tránh mắc thêm sai lầm, bước đầu tập trung làm tốt ở những nơi đã tiến hành công tác giảm tô và những nơi đang tiến hành gặp nhiều khó khăn. Sửa sai kết hợp với củng cố các cơ sở đảng, chính

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.17, tr.558.

quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang, có biện pháp kiên quyết trừng trị những âm mưu, hành động kích động, phá hoại của lực lượng phản động, vận động quần chúng giữ gìn đoàn kết, ổn định sản xuất và đời sống, giúp đỡ chính quyền, đoàn thể làm tốt công tác sửa sai.

Thực hiện phương hướng chỉ đạo sửa sai do Tỉnh ủy đề ra, từ giữa tháng 9/1956, đoàn cán bộ sửa sai của tỉnh chia thành nhiều tổ về các huyện Hữu Lũng, Ôn Châu, Thoát Lãng, Cao Lộc và một số ngành của tỉnh để tổ chức truyền đạt tinh thần sửa sai theo chủ trương của Trung ương cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Qua bước đầu quán triệt chủ trương sửa sai của Trung ương, đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đã tin tưởng chủ trương sửa chữa sai lầm của Đảng, hưởng ứng và sẵn lòng tham gia các hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các đội sửa sai của tỉnh triển khai công việc. Tuy nhiên, bên cạnh mặt thuận lợi đó, qua nắm tình hình, Tỉnh ủy cũng thấy phải tiếp tục tháo gỡ tình trạng tư tưởng chưa ổn định trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ngày 07/11/1956, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Thông tri nêu rõ: “Điều chủ yếu hiện nay của các cấp ủy là phải làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng an tâm... Các huyện và cơ sở tìm mọi biện pháp ổn định tư tưởng; làm cho quần chúng tin tưởng chủ trương sửa chữa sai lầm của Đảng”.

Để khắc phục tình trạng rời rạc, phân tán của tổ chức cơ sở đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh, ngày 16/11/1956, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chủ trương: Tăng cường sắp xếp bộ máy lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền; quyết định đề bạt một số cán bộ vào các vị trí chủ chốt (bí thư, chủ tịch)

ở các huyện, thị; củng cố lại một bước các cơ quan Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể để kịp bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ sửa sai; phát triển sản xuất, ổn định tình hình trị an xã hội, ổn định đời sống mọi mặt của nhân dân.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng trong tỉnh tiến hành cho 1.659 cán bộ các cấp học tập chủ trương sửa sai. Quá trình triển khai học tập sửa sai gặp nhiều khó khăn do cán bộ bị xử lý oan trong giảm tô có tâm lý bất mãn, chán nản, một số cán bộ cơ sở đòi kiểm điểm lại trách nhiệm của cấp trên; cán bộ mới được đề bạt trong giảm tô lo sợ; số địch ngầm chống đối chính sách nhân sửa sai phê phán chủ trương cải cách ruộng đất, giảm tô để kích động chống đối đường lối của Đảng.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy các cấp phải thật sự đi sâu sát, phát huy tinh thần đoàn kết trong Đảng, ý thức, trách nhiệm của đảng viên. Đến cuối năm 1956, công tác sửa sai đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Trong tổng số 773 địa chủ, 760 phú nông quy trong giảm tô, cải cách sau hạ thành phần còn 61 địa chủ, 52 phú nông, số còn lại đều được hạ xuống thành phần lao động, được đền bù tài sản từ 1 - 2 con trâu và 5 sào ruộng (bằng mức bình quân chung của tỉnh). Đối với công tác phục hồi tổ chức và cán bộ, Tỉnh ủy chỉ đạo phục hồi lại hoàn toàn 8 chi bộ bị giải tán trong giảm tô, thành lập mới thêm 18 chi bộ; phục hồi chi ủy viên cho 103/104 đồng chí, bổ sung thêm 109 đồng chí; phục hồi đảng viên cho 393/493 đồng chí, kết nạp mới thêm 32 đồng chí. Thắng lợi bước đầu của công tác sửa sai và việc củng cố lại một bước các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể tạo được bầu không khí mới trong đời sống xã hội. Phần

lớn cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân các dân tộc an tâm, phấn khởi hơn¹.

Tháng 01/1957, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ củng cố, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong thời gian còn lại của kế hoạch ba năm khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (1955 - 1957). Nghị quyết nêu rõ: “Ra sức phục hồi, củng cố và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp; củng cố, phát triển văn hóa, giáo dục, tăng cường công tác phòng, chữa bệnh; đẩy mạnh hoàn thành công tác sửa sai. Tập trung chỉ đạo công tác đoàn kết các dân tộc, các tầng lớp nhân dân, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng. Củng cố công tác bảo vệ an ninh, biên phòng, ngăn chặn và quyết tâm đập tan âm mưu, hành động phá hoại, gây rối của các phần tử phản động. Tích cực xây dựng, củng cố các chi bộ, đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh”.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, ngay từ những tháng đầu năm 1957, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, địa phương trong tỉnh nhanh chóng triển khai nhiệm vụ sản xuất, đưa các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thương nghiệp, giao thông vận tải... vào nền nếp. Hình thức tổ đổi công trong sản xuất nông nghiệp được chú ý khuyến khích. Phong trào làm thủy lợi, làm đường giao thông được triển khai rộng khắp trong toàn tỉnh. Đến cuối năm 1957, toàn tỉnh huy động được hàng vạn ngày

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: “Báo cáo kiểm điểm công tác sửa sai của tỉnh sau khi đã hoàn thành các bước 1-2-3”, tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

công, tiến hành làm mới và sửa chữa được hàng nghìn con mương, máng dẫn nước phục vụ canh tác; mở được hàng trăm kilômét đường thuộc hệ thống đường dân sinh liên huyện, liên xã, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và giao thông, đi lại giữa các vùng trong tỉnh. Cùng với việc tập trung tiến hành củng cố, xây dựng hệ thống thủy lợi, giao thông, việc bước đầu áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới (giống, công cụ cải tiến, phân bón, làm đất, chăm sóc theo quy trình) thúc đẩy sản xuất lúa, màu hai vụ trong năm đạt kết quả tốt hơn.

Trước nhu cầu ngày càng tăng của sản xuất và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, được sự quan tâm đầu tư của tỉnh, đến cuối năm 1957, ngành thương nghiệp trong tỉnh xây dựng và củng cố được 3 công ty, 25 cửa hàng mua bán và phân phối.

Quán triệt đường lối của Đảng về xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, trong năm 1957, ngành văn hóa tỉnh chú trọng triển khai các hoạt động văn hóa theo tinh thần cổ động sản xuất, bài trừ mê tín dị đoan và các hủ tục lạc hậu; xây dựng phong trào nếp sống văn hóa mới từ làng, xã tới khu phố, thị trấn, thị xã; khuyến khích các hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống tốt đẹp; chăm lo đời sống tinh thần cho nhân dân, bằng việc thường xuyên tổ chức các hình thức liên hoan văn nghệ, chiếu phim với các nội dung tích cực, động viên sản xuất, đời sống, tư tưởng, tình cảm của nhân dân các dân tộc. Đến cuối năm 1957, ngành văn hóa tỉnh củng cố được 3 đội chiếu bóng lưu động; giúp các huyện xây dựng các đội văn nghệ cơ sở, tạo không khí sinh hoạt vui vẻ trong nhân dân.

Ngành giáo dục của tỉnh có nhiều cố gắng trong việc củng cố, ổn định hệ thống trường, lớp đảm bảo việc dạy và học có nền nếp. Đến cuối năm 1957, các trường phổ thông trong tỉnh thu hút hơn 11.500 học sinh tới trường. Bên cạnh đó, ngành giáo dục có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức các lớp học bổ túc văn hóa, xóa nạn mù chữ. Tính đến cuối năm 1957, toàn tỉnh có thêm 1.900 người thoát nạn mù chữ.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị, đội ngũ cán bộ chuyên môn còn thiếu, tay nghề chưa cao, song ngành y tế cũng có nhiều cố gắng xây dựng mạng lưới từ tỉnh xuống đến cấp cơ sở đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Được sự quan tâm đúng mức của Ủy ban hành chính tỉnh, đến cuối năm 1957, toàn tỉnh xây dựng được 1 bệnh viện trung tâm và 2 bệnh xá khu vực với 170 giường bệnh. Ngoài ra, được sự hỗ trợ của cấp ủy, chính quyền các địa phương trong tỉnh, ngành còn tổ chức được đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên môn cơ sở với 1.070 vệ sinh viên, 317 nhân viên y tế xã và 108 nữ hộ sinh. Việc củng cố mạng lưới y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân là một bước tiến bộ, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội mới.

Giữa năm 1957, trước nhiệm vụ đẩy mạnh sửa sai, cải cách dân chủ trên phạm vi toàn tỉnh, giữ vững ổn định chính trị, tư tưởng cán bộ, đảng viên và mọi mặt đời sống của nhân dân, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra chủ trương xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Phương châm chỉ đạo công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ lần này là: Tập trung vào khôi phục, củng cố, phát triển chi bộ Đảng cơ sở. Trong đó chỉ rõ: Chi bộ là tổ chức cơ sở nền tảng của Đảng, vì tất cả mọi nhiệm vụ từ trên đưa xuống đều tập trung vào chi bộ, chi bộ

lãnh đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể để triển khai công việc.

Quán triệt phương châm chỉ đạo của Tỉnh ủy, đến cuối năm 1957, cấp ủy các địa phương trong tỉnh tích cực xây dựng, củng cố tổ chức, phát triển đảng viên, đưa số chi bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ lên 218 chi bộ, trong đó có 158 chi bộ xã, 6 chi bộ đường phố và 53 chi bộ cơ quan với tổng số 4.588 đảng viên, trong đó có 3.752 đảng viên ở khu vực nông thôn. Việc tăng cường xây dựng chi bộ cơ sở vững mạnh không chỉ là đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ chính trị mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với công tác xây dựng Đảng. Trong ba năm khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (1955 - 1957), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy được truyền thống và ý chí đấu tranh cách mạng, nỗ lực vượt qua gian khổ, giành được nhiều thắng lợi.

Sau ba năm khôi phục kinh tế - xã hội, năm 1958, miền Bắc chuyển sang giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển mọi mặt. Quán triệt phương hướng nhiệm vụ cách mạng chung trong giai đoạn mới, tháng 01/1958, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ năm 1958 - 1960 là:

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, lấy sản xuất nông - lâm nghiệp làm khâu chính, nhằm giải quyết vấn đề lương thực.

- Ra sức cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp, công thương nghiệp tư nhân, tích cực phát triển kinh tế quốc doanh.

- Ổn định và nâng cao một bước đời sống của nhân dân, hoàn thành công cuộc cải cách dân chủ.

Để triển khai thực hiện những nhiệm vụ trên, ngày 15/02/1958, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có chỉ thị tới các cấp, các ngành, đoàn thể trong tỉnh. Chỉ thị nêu rõ: “Từ nay trở đi, công tác sản xuất là công tác trọng tâm hàng đầu, các công tác khác phải xoay quanh công tác này để phục vụ sản xuất”.

Do xác định rõ làm thủy lợi là công tác cốt yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, từ tháng 3/1958, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra chủ trương củng cố và phát triển mạng lưới thủy lợi trên phạm vi toàn tỉnh; thông qua việc củng cố phong trào tổ đổi công, các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các huyện, thị trong tỉnh tích cực vận động nông dân, huy động nhân lực tiếp tục củng cố các công trình thủy lợi đã có và xây dựng các công trình thủy lợi mới, nhất là những nơi thường xảy ra hạn hán, khó khăn. Đến giữa năm 1958, toàn tỉnh củng cố và làm mới được 1.750 con mương và hồ chứa nước, đảm bảo tưới hai vụ cho hàng nghìn hécta canh tác. Trong ba năm 1958 - 1960, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh, các huyện, thị vận động nhân dân tham gia lao động xã hội chủ nghĩa được trên 2 triệu ngày công, xây dựng mới 14.373 công trình trung, tiểu thủy, nâng diện tích canh tác được tưới tiêu từ 12.000 ha lên đến 23.000 ha, chiếm 68% diện tích canh tác¹.

Đến giữa năm 1958, toàn tỉnh củng cố và tổ chức được 2.800 tổ đổi công làm nòng cốt cho phong trào sản xuất nông - lâm nghiệp ở cơ sở. Tuy vẫn còn tồn tại những khó khăn, trở ngại song vai trò của tổ đổi công đã góp phần làm cho sản xuất được mở rộng và phát triển lên một bước mới,

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Sđd, tr.58.

thay đổi cung cách sản xuất ở nông thôn, đẩy lùi một bước tập quán làm ăn nhỏ lẻ, manh mún, kém hiệu quả, vốn tồn tại lâu đời ở nông thôn miền núi.

Phong trào tổ đổi công phát triển là điều kiện cần thiết cho việc tiến hành cải tạo từng bước thành phần kinh tế cá thể ở nông thôn, đồng thời tạo cơ sở quan trọng cho cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp của tỉnh.

Ngày 26/4/1958, trên cơ sở đánh giá tình hình nông thôn Lạng Sơn khi bước vào năm đầu của giai đoạn cải tạo và phát triển kinh tế - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị cán bộ lãnh đạo cấp ủy các huyện, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh để đề ra nhiệm vụ cụ thể cho cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, tiến tới hoàn thành cuộc vận động cải cách dân chủ trên phạm vi toàn tỉnh. Hội nghị nhận định:

Đến giữa năm 1958, tình hình nông thôn ở Lạng Sơn đã có bước chuyển biến mới, nhất là sau kết quả của cuộc vận động giảm tô, tiến hành sửa sai, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân nghèo có tác dụng kích lệ tinh thần phấn khởi của đa số nông dân. Hoạt động sản xuất của các tổ đổi công cùng các hoạt động xây dựng nếp sống mới ở nông thôn thu hút sự hưởng ứng tích cực của phần lớn nhân dân các dân tộc. Trên cơ sở của những thắng lợi bước đầu trong sản xuất, ổn định đời sống, củng cố được một bước niềm tin của các tầng lớp nhân dân với Đảng, với chế độ mới. Tuy nhiên, tình hình vùng nông thôn trong tỉnh còn nhiều mặt chưa thật ổn định. Đặc biệt là ở những nơi chưa tiến hành phát động giảm tô. Trình độ giác ngộ và nhận thức của phần đông nhân dân các dân tộc còn thấp. Tình trạng tranh chấp ruộng đất và mất đoàn kết giữa các dân tộc còn diễn ra khá gay gắt.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt của công cuộc cải tạo, cải cách dân chủ và bước đầu phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn Lạng Sơn:

Xây dựng kế hoạch, biện pháp bồi dưỡng, giáo dục để không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp và đấu tranh giai cấp cho nhân dân. Từng bước xác lập ý thức làm chủ của nhân dân. Tập trung giải quyết có hiệu quả tồn tại của các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân các dân tộc. Tăng cường củng cố khối đoàn kết các tầng lớp nhân dân. Thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, bước vào xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Trên cơ sở những nhiệm vụ cụ thể đó, từ những tháng cuối năm 1958, dưới sự lãnh đạo, hướng dẫn của cấp ủy, chính quyền các cấp, các địa phương trong tỉnh khẩn trương triển khai các công việc cụ thể tùy theo hoàn cảnh và điều kiện thực tế ở mỗi nơi.

Đến cuối năm 1958, toàn tỉnh tổ chức cho hàng vạn nông dân ở nông thôn học tập về đường lối, chính sách của Đảng; về cải cách dân chủ ở miền núi; các chủ trương của Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc về chính sách đoàn kết dân tộc, phương hướng phát triển kinh tế, văn hóa ở vùng có đông đồng bào các dân tộc sinh sống... Cũng trong thời gian này, các địa phương trong tỉnh tiến hành từng bước công tác cải cách dân chủ, tổ chức hàng nghìn tổ đổi công, thu hút hàng vạn nông dân tham gia.

Trước yêu cầu khẩn trương của tình hình nhiệm vụ mới, ngày 26/10/1958, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí Tỉnh ủy viên. Hội nghị thống nhất phân công cán bộ lãnh đạo theo cụm đơn vị

hành chính và ngành, mỗi cụm gồm nhiều khối khác nhau, mỗi đồng chí tỉnh ủy viên phụ trách một khối. Trong phân công, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nêu rõ: “Các đồng chí phụ trách khối, trong một tháng phải bố trí được 20 ngày tiếp xúc, làm việc với cơ sở để kịp thời nắm bắt tình hình, uốn nắn và chỉ đạo các công việc đúng với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với chủ trương vận dụng của Tỉnh ủy”.

Chủ trương phân công cán bộ lãnh đạo Tỉnh ủy phụ trách, tiếp xúc làm việc trực tiếp với các cơ sở là một chủ trương có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc vì chỉ có thông qua thực tế cơ sở, cán bộ lãnh đạo mới nắm được chắc những yêu cầu cụ thể của địa phương, tiếp nhận kịp thời nguyện vọng chính đáng của nhân dân để có những nhận định đúng, phù hợp hơn trong việc chỉ đạo, đề ra các biện pháp tổ chức, hướng dẫn đối với phong trào hành động cách mạng. Cách làm đó sẽ tạo cơ sở cho việc tăng cường, củng cố mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, từng bước xây dựng tác phong công tác “Học đi đôi với hành”, “Lời nói đi đôi với việc làm” cho cán bộ, chống quan liêu xa rời quần chúng, ngăn ngừa tư tưởng ngại khó khăn gian khổ, làm việc hình thức, chiếu lệ. Đây là một bài học kinh nghiệm quý báu giúp cho Đảng bộ tiếp tục phát huy trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh.

Trong không khí phấn khởi toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đang tiến hành cuộc vận động cải cách dân chủ, xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, từng bước xác lập và củng cố quan hệ sản xuất mới, từ ngày 01 đến ngày 05/02/1959, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh được triệu tập tại thị xã Lạng Sơn. Đây là hội nghị quan trọng,

đánh dấu bước trưởng thành mới của Đảng bộ. Hội nghị kiểm điểm công tác xây dựng và củng cố Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ trước yêu cầu của tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; có 129 đại biểu thay mặt cho 5.180 đảng viên trong Đảng bộ tham gia Hội nghị.

Về nhiệm vụ xây dựng, củng cố Đảng, Hội nghị xác định rõ: Công tác tư tưởng, công tác tổ chức có tầm quan trọng đặc biệt trong việc triển khai thắng lợi mọi chủ trương của Đảng. Cần có kế hoạch, biện pháp tích cực củng cố, phát triển các cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp. Thường xuyên chăm lo giáo dục, bồi dưỡng lý luận, những quan điểm cơ bản trong đường lối, chủ trương lớn của Trung ương cho đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ. Không ngừng nâng cao lập trường tư tưởng, nguyên tắc của công tác xây dựng Đảng. Coi trọng nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy hiệu lực lãnh đạo của các cơ sở đảng trong việc tổ chức, quản lý đảng viên. Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp chính quyền, đoàn thể triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ chính trị theo đường lối của Đảng. Trước mắt, công tác xây dựng, củng cố các cơ sở đảng phải được tiến hành đồng thời, chặt chẽ cùng với việc tổ chức thực hiện cuộc vận động cải cách dân chủ, xây dựng, củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, ổn định từng bước đời sống của nhân dân.

Hội nghị bầu kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 25 ủy viên. Ban Chấp hành bầu kiện toàn Ban Thường vụ gồm 7 đồng chí, đồng chí Bế Chấn Hưng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Thực hiện chủ trương xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng của Đảng bộ, ngày 06/3/1959, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về việc tăng cường tổ chức cơ sở đảng, phát

triển đảng viên trong tỉnh theo tinh thần Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phát triển Đảng thường xuyên ở nông thôn.

Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu rõ: Những xã chưa có đảng viên phải tuyên truyền kết nạp đảng viên mới, tiến tới thành lập chi bộ, quyết tâm giải quyết không còn chi bộ ghép, cần phát triển Đảng đủ thành phần dân tộc; các hợp tác xã nông nghiệp cần phát triển Đảng để lãnh đạo phong trào. Cần chú trọng phát triển Đảng ở những cơ quan xung quanh tỉnh để đảm nhiệm việc chỉ đạo phong trào ở ngành mình.

Cuối tháng 3/1959, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị triển khai công tác phát triển Đảng. Tham dự Hội nghị có đầy đủ các đồng chí bí thư, trưởng ban tổ chức huyện, thị ủy trong toàn tỉnh. Hội nghị xác định: Để làm tốt công tác này, trước hết cần tổ chức mở đợt học tập, bồi dưỡng những quan điểm cơ bản, phương pháp cùng những nguyên tắc xây dựng Đảng cho đội ngũ đảng viên trong toàn Đảng bộ. Tiếp đó, triển khai công tác phát triển Đảng ở các cơ sở. Cần gắn yêu cầu phát triển Đảng vào quá trình thực hiện nhiệm vụ vận động cải cách dân chủ, xây dựng, củng cố phong trào hợp tác hóa.

Qua phong trào hành động cách mạng của đông đảo quần chúng, các quần chúng tiêu biểu, gương mẫu, có nhiều thành tích được kết nạp vào Đảng, xây dựng thêm các chi bộ cơ sở, củng cố các chi bộ cơ sở đã có.

Với sự triển khai đúng hướng và nỗ lực của các cấp ủy, chính quyền các địa phương, đến đầu năm 1960, toàn Đảng bộ kết nạp được 1.300 đảng viên mới, củng cố và xây dựng được hàng trăm chi bộ Đảng cơ sở, khắc phục được tình trạng sinh

hoạt chi bộ ghép. Việc củng cố tổ chức cơ sở đảng trong thời gian này góp phần tăng cường cho Đảng bộ lực lượng đảng viên mới làm nòng cốt, kịp thời bắt tay vào chỉ đạo phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, hoàn thành cải cách dân chủ, bước đầu tiến hành cải tạo các thành phần kinh tế cá thể.

Tháng 4/1959, Hội nghị lần thứ 16 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tháng 7/1959, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh của tỉnh, do đồng chí Nguyễn Thế Kỳ - Thường trực Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh làm Trưởng ban. Trong những tháng cuối năm 1959, Ban Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh của tỉnh phối hợp chặt chẽ cùng các cấp, các ngành, chính quyền, đoàn thể tiến hành xem xét thực tế tình hình kinh doanh, sản xuất của một số hộ cá thể ở thị xã Lạng Sơn và ở một số thị trấn trong tỉnh.

Cũng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 25/8/1959, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 156-CT/TW về việc tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi miền Bắc nước ta.

Trên cơ sở nhận định "... cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi là một cuộc cách mạng to lớn và phức tạp..."¹, Chỉ thị

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.20, tr.710.

nêu rõ: “phải chú trọng vấn đề lãnh đạo tư tưởng, lãnh đạo tổ chức, lãnh đạo chính sách, lãnh đạo kế hoạch, v.v.. Nhưng vì phải kết hợp giải quyết những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ, cho nên công tác có phức tạp hơn”¹.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, đầu tháng 9/1959, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành chủ trương tăng cường hơn nữa cuộc vận động cải cách dân chủ, tổ chức phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong toàn tỉnh. Về phương châm tiến hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương: “Dựa vào bản cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, tranh thủ tầng lớp trên, cải tạo và xóa bỏ bóc lột của phú nông, địa chủ phong kiến, kiên quyết đưa nông thôn vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp”.

Đến cuối năm 1959, nơi nào đã phát động giảm tô, tổ chức tổ đổi công thì phong trào sản xuất nơi đó có sự phát triển mới; nơi nào mới bắt tay tiến hành cải cách dân chủ, tư tưởng chưa chuyển biến mạnh thì phong trào đổi công hợp tác còn chưa có khí thế. Những nơi này tuy không có địa chủ, phú nông, nhưng nhận thức tư tưởng trong đồng bào các dân tộc còn khá phức tạp. Lợi dụng những tập tục lạc hậu và trình độ nhận thức còn thấp của đồng bào các dân tộc, lực lượng phản động tìm cách kích động, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây hoang mang, nghi ngờ trong nhân dân.

Trong những tháng cuối năm 1959 và đầu năm 1960, khi tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, cải cách

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.704.

dân chủ, các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các địa phương trong tỉnh vận dụng linh hoạt chủ trương, đường lối hợp tác hoá cải tạo và chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng. Các địa phương trong tỉnh lần lượt tổ chức hàng trăm buổi học tập chính sách của Đảng và Nhà nước cho hàng vạn quần chúng các dân tộc. Trong năm 1960, Tỉnh ủy đã chỉ đạo tiến hành 2 đợt cải cách dân chủ: Đợt 1 tại 102 xã, đợt 2 tại 105 xã và 4 thị trấn. Tỉnh ủy cử hàng trăm cán bộ tăng cường tới nhiều cơ sở, làm nòng cốt chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức phong trào, phát động học tập tư tưởng. Qua đó đã nâng cao giác ngộ giai cấp, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân phân biệt rõ bóc lột và lao động, địa chủ phú nông và nông dân, qua đó đề cao uy thế chính trị của nông dân lao động, tạo điều kiện tốt đẩy mạnh phong trào xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã. Riêng đợt cải cách dân chủ lần thứ I đã tổ chức được thêm 846 tổ đổi công với 8.883 và 216 hợp tác xã với 4.986 hộ¹.

Ở những nơi tổ chức được hợp tác xã nông nghiệp, các cấp ủy, chính quyền cơ sở có nhiều biện pháp vận động nhân dân củng cố, xây dựng các công trình thủy lợi, từng bước áp dụng tiến bộ kỹ thuật canh tác, kỹ thuật chăn nuôi để không ngừng tăng năng suất lao động. Đây chính là cơ sở cốt yếu để củng cố niềm tin cho nhân dân các dân tộc vào con đường làm ăn tập thể, làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lấy thành tích chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng:

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: “Báo cáo tình hình thực hiện công tác ba năm 1958 - 1960 của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn tại Đại hội Đảng bộ Lạng Sơn lần thứ IV”, lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

- Phải ra sức phát triển, củng cố tốt các tổ đổi công và hợp tác xã.

- Phải thi đua cải tiến kỹ thuật. Đó là hai chân của nông nghiệp, hai chân vững chắc thì nông nghiệp đi nhanh¹.

Với nỗ lực cao của các cấp, các ngành, các cơ quan Dân - Chính - Đảng, đến đầu năm 1960, toàn tỉnh tổ chức được 1.221 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút hơn 30.608 hộ nông dân (chiếm 70,69% số hộ) vào làm ăn tập thể, một số huyện thị đạt tỷ lệ cao như thị xã Lạng Sơn (97,89%), Văn Uyên (92,1%), Ôn Châu (84%)². Toàn tỉnh có 17 hợp tác xã được đưa lên cao cấp với 657 hộ, có 6 huyện, thị: Bắc Sơn, Văn Uyên, Ôn Châu, Lộc Bình, Tràng Định, thị xã Lạng Sơn và 126 xã căn bản hoàn thành xây dựng hợp tác xã bậc thấp.

Phong trào cải tiến kỹ thuật có sự chuyển biến quan trọng. Trong các phong trào thi đua làm phân bón, cải tiến chăm sóc cây trồng mùa vụ (1959 - 1960), toàn tỉnh có 1.121 nông dân tiêu biểu đạt danh hiệu “Kiện tướng 3.000 cân”, trong đó riêng huyện Lộc Bình có 563 kiện tướng. Nông dân các xã Hoàng Văn Thụ (huyện Văn Uyên), các xã Tri Phương, Đại Đồng, Đề Thám, Hùng Sơn (huyện Tràng Định) là những đơn vị thí điểm thành công phương pháp cấy dày, cấy nhỏ dành, cho năng suất lúa cao hơn so với phương pháp cũ. Từ đó, góp phần khích lệ phong trào thi đua cải tiến cây

1. *Những sự kiện lịch sử Đảng 1954 - 1975*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, tr.100-101.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: “Báo cáo tình hình thực hiện công tác ba năm 1958 - 1960 của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn tại Đại hội Đảng bộ Lạng Sơn lần thứ IV”, lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

bừa, cào làm cỏ cũng được đẩy mạnh trên phạm vi toàn tỉnh. Tiêu biểu như nông dân huyện Văn Uyên và huyện Thoát Lãng cải tiến được máy bơm theo kiểu Trung Quốc để phục vụ sản xuất, đời sống sinh hoạt; nhân dân xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia có sáng kiến tự chế xe quệt chuyên chở vật dụng, thay thế sức người.

Nhờ những cố gắng trong phong trào hợp tác hóa và cải tiến kỹ thuật, diện tích đất canh tác đến năm 1960 đạt trên 82.800 mẫu ruộng (gần 30.000 ha), tăng 12% so với năm 1946. Trong đó, có 3.500 mẫu ruộng hai vụ, năng suất lúa mùa đạt 24,08 tạ/ha, lúa chiêm đạt 20,82 tạ/ha. Sản lượng lương thực cả tỉnh đạt 55.000 tấn. Bên cạnh cây lương thực, từ năm 1958 đến năm 1960, diện tích trồng cây công nghiệp tăng 15%, sản lượng tăng 133%, phong trào trồng cây gây rừng được thực hiện tốt, trồng mới được 3,787 triệu cây¹.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương nghiệp của tỉnh cũng có bước phát triển tương ứng, đều gắn với hoạt động quốc doanh. Đến năm 1959, ở Lạng Sơn chưa có hộ tư sản kinh doanh lớn. Các hộ tư doanh chủ yếu có mức tài sản và hàng hóa tầm vừa và nhỏ, vì thế, phương hướng cải tạo chủ yếu là giáo dục và thuyết phục tư tưởng cho các hộ này chuyển hướng sản xuất - kinh doanh phục vụ Nhà nước, tham gia các hoạt động xây dựng, tổ chức mạng lưới sản xuất - kinh doanh của các cơ sở quốc doanh là chính. Giá trị sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp đến năm 1960 đạt

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005)*, Sđd, tr.57.

22 triệu đồng, đạt 121% kế hoạch, toàn tỉnh xây dựng được 20 cửa hàng mậu dịch quốc doanh và 12 cửa hàng mua bán huyện, hợp tác xã mua bán thu hút được 25.969 xã viên với 28.291 cổ phần.

Cùng với sự phát triển của kinh tế, các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế có nhiều khởi sắc. Đến đầu năm 1960, ngành văn hóa triển khai mạng lưới thông tin tuyên truyền đến hầu hết các cơ sở trong tỉnh; tổ chức phát hành được 30.000 cuốn sách và tài liệu các loại. Ngành giáo dục xây dựng được hệ thống trường phổ thông đến cấp xã. Năm học 1959 - 1960, thu hút được gần 29.028 học sinh, kể cả lớp vỡ lòng là 44.028 học sinh; các lớp học bổ túc văn hóa thu hút gần 40.000 người. Bên cạnh đó, phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ tiếp tục phát triển mạnh. Đến đầu năm 1960, toàn tỉnh có 21.362 người thoát nạn mù chữ.

Đồng thời với việc phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh trong toàn tỉnh, ngành y tế đưa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân các dân tộc vào nền nếp ổn định và có hiệu quả hơn. Từ năm 1958 đến năm 1960, tỉnh thành lập 101 trạm xá dân lập, đào tạo được 1.131 vệ sinh viên, y tá, nữ hộ sinh¹. Việc củng cố mạng lưới y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân thể hiện tính chất ưu việt của chế độ mới.

Đối với công tác đền ơn đáp nghĩa: Tính đến năm 1960, ngành thương binh - xã hội tỉnh tiến hành điều tra xây dựng hồ sơ và truy lĩnh tiền tuất cho 1.298 gia đình liệt sĩ, tử sĩ, cấp 907 bằng “Tổ quốc ghi công”; xét truy tặng Huân

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Sđd, tr.558.

chương hạng Nhất cho 641 liệt sĩ, Huân chương hạng Nhì cho 14 liệt sĩ, Huân chương hạng Ba cho 238 liệt sĩ và Huy chương hạng Ba cho 79 liệt sĩ; xét 9.483 bằng “Gia đình vẻ vang” cho các gia đình liệt sĩ, gia đình quân nhân chống thực dân Pháp. Một số địa phương làm tốt công tác này là huyện Tràng Định có 23 xã hoàn thành, thị xã Lạng Sơn có 5 khu phố và xã hoàn thành. Đến cuối năm 1960, toàn tỉnh xây dựng được 3 nghĩa trang liệt sĩ là Bông Lau (Tràng Định), Bó Củng (Thoát Lãng) và nghĩa trang khởi nghĩa Bắc Sơn (huyện Bắc Sơn)¹.

Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo củng cố lực lượng vũ trang theo hướng tăng cường xây dựng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên rộng rãi, tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy và tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ. Năm 1958, lực lượng dân quân tự vệ Lạng Sơn có 5.549 đồng chí, trong đó có 450 nữ, số cán bộ xã đội là 657 nam và 13 nữ (63 cấp ủy, 142 đảng viên). Đến năm 1960, toàn bộ lực lượng dân quân tự vệ cả tỉnh có 16.917 đồng chí (bằng 6,47% dân số), trong đó xây dựng được 1 tiểu đoàn tự vệ tại mỏ than Na Dương, 10 đại đội, 477 trung đội và 1.598 tiểu đội. Quân dự bị loại 1 có 2.253 đồng chí, quân dự bị loại 2 có 3.820 đồng chí².

Ngày 06/3/1959 lực lượng Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lạng Sơn (nay là Bộ đội biên phòng) chính thức được thành lập đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ty Công an

1. *Lịch sử ngành lao động - thương binh xã hội tỉnh Lạng Sơn (1945 - 2010)*, tr.64.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, tr.54-55.

Lạng Sơn. Quân số lúc này có 128 cán bộ chiến sĩ, được tổ chức thành 7 đồn (Pò Mã, Bình Nghi, Na Hình, Nam Quan, Ba Sơn, Chi Ma, Tĩnh Gia) và 1 trạm (ga Đồng Đăng)¹. Việc thành lập lực lượng Công an nhân dân vũ trang là bước tiến quan trọng trong công tác quản lý và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong năm 1959 có nhiều diễn biến phức tạp. Tại xã Thạch Đạn (huyện Cao Lộc) và xã Bảo Lâm (huyện Văn Uyên) hình thành tổ chức phản động “Hòa hợp tiến” do đối tượng Linh Khí Shung, Nguyễn Ngọc Long, Hoàng Shêng Phung cầm đầu. Tổ chức này cấu kết với các đối tượng phản động bên Trung Quốc, móc nối với các phần tử phản động của hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và xây dựng sào huyệt tại vùng núi Khau Sliềm, tích trữ lương thực, mua sắm vũ khí, mở rộng địa bàn hoạt động dọc biên giới Việt - Trung. Tháng 7/1959, chúng phục kích sát hại 1 chiến sĩ công an vũ trang. Tháng 8/1959, tổ chức phản động “Hòa hợp tiến” gấp rút chuẩn bị lực lượng bạo loạn cướp chính quyền.

Trước tình hình đó, ngày 05/9/1959, các lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn tiến công sào huyệt lực lượng phản động tiêu diệt 1 đối tượng, bắt sống 3 đối tượng. Ngày 16/9/1959, các lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với Công an Trung Quốc truy quét bắt được 9 đối tượng khác, phá tan hoàn toàn tổ chức phản động “Hòa hợp tiến”².

1, 2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn, tập I (1959 - 1995)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1996, tr.42, 46.

Đúng vào lúc công cuộc phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh thu được những kết quả khả quan thì ngày 23/02/1960, một vinh dự lớn đến với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc: Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Lạng Sơn. Tại sân vận động Đông Kinh, thị xã Lạng Sơn, Chủ tịch Hồ Chí Minh ân cần nói chuyện với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh biểu dương: “Trong thời kỳ kháng chiến, đồng bào và cán bộ tỉnh ta đã anh dũng đánh giặc, cứu nước giữ làng. Từ ngày hòa bình trở lại, đồng bào và cán bộ tỉnh ta đã có nhiều cố gắng và thành tích. Đó là những ưu điểm, Trung ương và Chính phủ vui lòng khen ngợi toàn thể cán bộ và đồng bào”¹.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ những mặt còn tồn tại của Đảng bộ: “Cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên nói chung đều hăng hái, tận tụy. Nhưng cũng còn một số cán bộ và đảng viên còn mắc những khuyết điểm do chủ nghĩa cá nhân sinh ra. Ví dụ như: Cán bộ, đảng viên dân tộc thiểu số thì hay tự ti, cho mình là kém, do đó mà thiếu tinh thần tự động, tiến lên. Một số cán bộ và đảng viên thì thiếu tinh thần dũng cảm, hay sợ khó sợ khổ, không muốn nhận những công tác nặng hoặc công tác ở những vùng rẻo cao. Cán bộ quê quán ở Lạng Sơn thì muốn về huyện mình, xã mình, cán bộ tỉnh khác đến, thì muốn về địa phương mình, do đó mà không biết phối hợp công việc, giúp đỡ lẫn nhau. Một số cán bộ thì kèn cựa về địa vị, về hưởng thụ, có cán bộ thì lo lắng về “tiền đồ”. Các đồng chí ấy phải hiểu rằng: Chủ nghĩa xã hội là tiền đồ chung của cả

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.490.

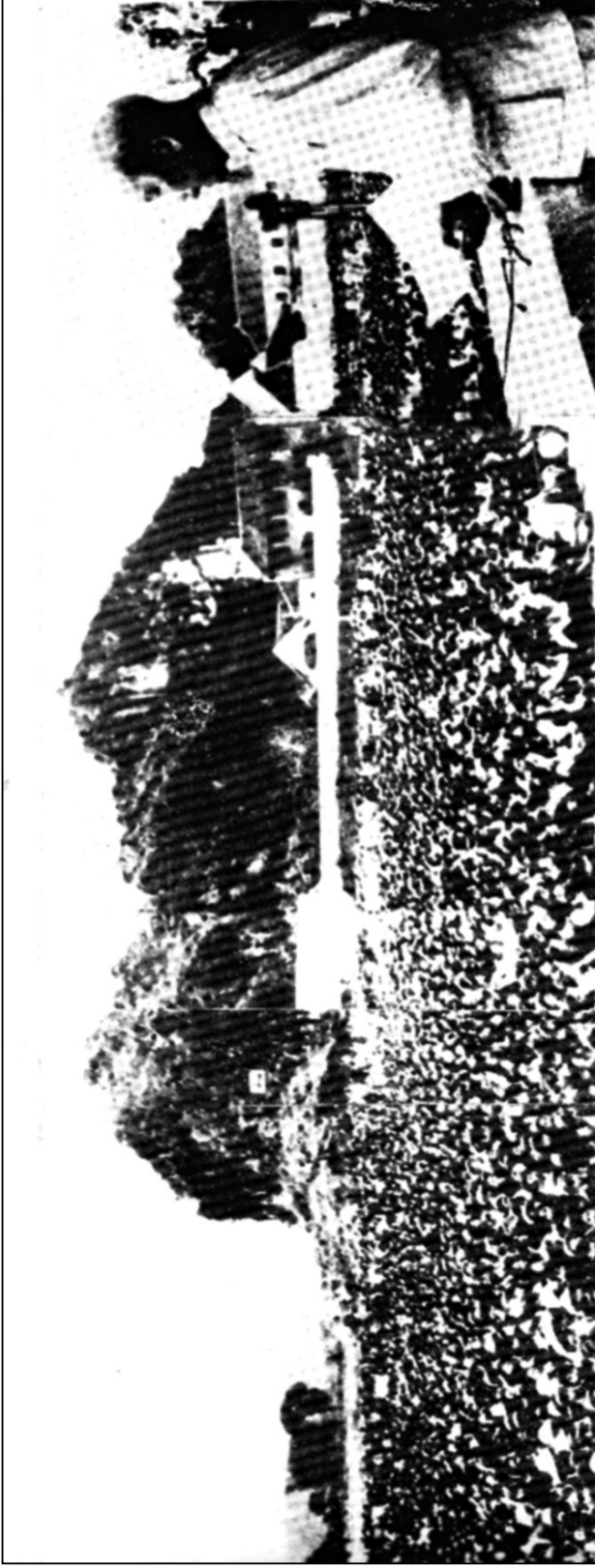
dân tộc và trong đó có tiền đề riêng của mỗi cá nhân. Và bất kỳ làm công việc gì, ở địa vị nào mà làm tròn nhiệm vụ đều là vẻ vang, đều là anh hùng. Để sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, để trở nên người đầy tớ trung thành của nhân dân, người con ưu tú của Đảng, từ nay về sau, các đảng viên và các chi bộ cần phải thường xuyên ôn lại và giữ cho đúng những tiêu chuẩn của đảng viên”¹.

Lời dặn ân cần của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đọng mãi trong lòng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lạng Sơn.

Trải qua ba năm tiến hành cải tạo, bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh thu được những kết quả mới. Công cuộc cải cách dân chủ thu được thắng lợi cơ bản, quan hệ sản xuất mới được xác lập, góp phần làm chuyển biến rõ rệt mọi mặt của đời sống xã hội ở nông thôn. Những thành tích bước đầu trong phát triển sản xuất, văn hóa, giáo dục và y tế... góp phần ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân, tạo cơ sở cho việc củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ xã hội mới. Thông qua phong trào hoạt động cách mạng sâu rộng của quần chúng, Đảng bộ không ngừng được củng cố, lớn mạnh và có thêm kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới.

Những thắng lợi cơ bản trong ba năm cải tạo, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa tạo những cơ sở cần thiết cho Đảng bộ và nhân dân Lạng Sơn tiếp tục bước vào giai đoạn mới thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất 1961 - 1965.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.493.



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc tỉnh Lạng Sơn
tại sân vận động Đông Kinh, thị xã Lạng Sơn, ngày 23/02/1960



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Bệnh viện Đa khoa Lạng Sơn,
ngày 23/02/1960



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với cán bộ, học viên Trường Văn hóa Quân đội Lạng Sơn, ngày 23/02/1960



Tỉnh ủy Lạng Sơn tổ chức Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam (1930 - 1960)



Hội nghị Đảng, chính quyền các cấp tỉnh Lạng Sơn năm 1960



Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh Lạng Sơn đón đoàn nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ viện trợ kinh tế cho tỉnh Lạng Sơn năm 1960, tại ga Kỳ Lừa



Cờ thi đua của Bộ Công nghiệp nặng tặng mỏ than Na Dương, năm 1960



Phụ nữ hai tỉnh Lạng Sơn, Đắk Lắk tại buổi lễ kết nghĩa năm 1960, tại ga Kỳ Lừa

II- THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 - 1965)

Từ ngày 05 đến ngày 10/9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được tiến hành long trọng tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ cho miền Bắc là “xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho kinh tế miền Bắc nước ta thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa”¹.

Đại hội đề ra nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất về phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1965). Tiếp đó, tháng 9/1961 và tháng 02/1963, Bộ Chính trị ban hành các nghị quyết về phát triển nông nghiệp toàn diện, tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Trong không khí phấn khởi sau thắng lợi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, từ ngày 15 đến ngày 25/3/1961, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ IV được tiến hành tại thị xã Lạng Sơn với 153 đại biểu chính thức, thay mặt cho 5.980 đảng viên trong toàn Đảng bộ tham dự Đại hội.

Đại hội Đảng bộ tập trung thảo luận đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội trong kế hoạch nhà nước 5 năm 1961 - 1965 do Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đề ra. Đại

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.566.

hội Đảng bộ tỉnh dành thời gian thảo luận, thống nhất nhận định về thực trạng tình hình tư tưởng, tổ chức, tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh, để từ đó, xây dựng phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và củng cố Đảng, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tham gia đấu tranh thống nhất nước nhà.

Đại hội đề ra phương hướng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm trước mắt là:

“Ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, chú ý phát triển công nghiệp địa phương để phục vụ nông nghiệp; đẩy mạnh công tác tài chính, tiền tệ, phát triển giao thông vận tải. Tăng cường thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán. Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể, ra sức phát triển, củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Tích cực phát triển nền văn hóa mới phục vụ cho phát triển kinh tế và đời sống. Đẩy mạnh phát triển khoa học kỹ thuật, thanh toán nạn mù chữ, mở rộng bổ túc văn hóa. Đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng. Chú ý bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ dân tộc ít người và cán bộ nữ, động viên tinh thần của nhân dân các dân tộc, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1965)”¹.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV gồm 21 ủy viên chính thức. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Bế Chấn Hưng được bầu giữ chức

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội*, Sđd, tr.31-32.

vụ Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Trịnh Xuân Đức được bầu giữ chức vụ Phó Bí Thường trực Tỉnh ủy.

Xác định rõ tầm quan trọng hàng đầu của công tác tư tưởng đối với quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, từ cuối tháng 3/1961, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chính huấn của tỉnh do đồng chí Trịnh Xuân Đức - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban.

Ngay từ tháng 4/1961, Ban Chỉ đạo chính huấn của tỉnh tiến hành hướng dẫn các cấp, các ngành, chính quyền, đoàn thể tổ chức xem xét, rút kinh nghiệm công tác vận động cải cách dân chủ, tiếp tục có kế hoạch tăng cường, hoàn thành cải cách dân chủ trên phạm vi toàn tỉnh.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành cải cách dân chủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo mở các lớp bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức trong toàn tỉnh. Trong năm 1961, các cấp, các ngành, đoàn thể trong tỉnh tổ chức được gần 10.000 cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức các địa phương trong tỉnh học tập, nghiên cứu đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội cùng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đồng thời, tỉnh tổ chức quán triệt một bước phương hướng, nhiệm vụ cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra.

Cùng với việc tiến hành kiện toàn, củng cố các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có quyết định về việc tiếp tục tiến hành Cuộc vận động cải cách dân chủ ở tất cả các địa phương chưa phát động giảm tô,

trong đó tập trung hoàn thành cải cách dân chủ ở 21 xã vùng cao, trên cơ sở đó từng bước tổ chức, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp định cư, hướng đồng bào vùng cao đi vào con đường làm ăn tập thể.

Ngày 10/11/1961, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là: Tích cực củng cố hợp tác xã nông nghiệp, từng bước mở rộng quy mô sản xuất; mở mang và phát triển nông trường quốc doanh, phấn đấu đạt được các mục tiêu: đảm bảo tự giải quyết lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong tỉnh; hoàn thành nghĩa vụ thuế nông nghiệp đối với Nhà nước. Tận dụng lao động, mở rộng thêm diện tích canh tác, tập trung hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra. Trên cơ sở phát triển kinh tế nông nghiệp, tạo điều kiện cho việc thúc đẩy các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp... cùng phát triển. Nâng cao một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Thực hiện phương châm coi phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn 5 năm phát triển kinh tế - xã hội, từ cuối năm 1961, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các huyện, thị nỗ lực đầu tư công sức thích đáng cho việc củng cố phong trào hợp tác hóa, làm thủy lợi, khai hoang, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Trong phong trào hợp tác hóa, đến năm 1961, hầu hết các xã trong tỉnh đều có hợp tác xã, tỷ lệ hộ gia đình tham gia hợp tác xã đạt trên dưới 80%, một số huyện có tỷ lệ tương đối cao như Cao Lộc đạt 85%; Bình Gia đạt 85,2%; Lộc Bình đạt 86,3%, điển hình nhất là thị xã Lạng Sơn đạt 99,1%. Một số

huyện triển khai xây dựng được hợp tác xã bậc cao, quy mô lớn như Lộc Bình xây dựng được Hợp tác xã Sần Viên (quy mô 122 hộ), Hợp tác xã Tây Nguyên (quy mô 196 hộ).

Đồng thời với việc tiến hành mở rộng quy mô tổ chức hợp tác xã, đưa nhiều hợp tác xã bậc thấp lên bậc cao, ở hầu khắp các nơi trong tỉnh dấy lên phong trào thi đua lao động sản xuất, chống hạn, diệt trừ sâu bọ phá hoại, làm đường giao thông, trồng cây gây rừng, tu bổ và cải tạo rừng, khai hoang mở rộng diện tích gieo trồng... Phong trào lao động sản xuất không chỉ huy động nhân lực trong các hợp tác xã nông nghiệp, các bộ phận nông dân mà còn thu hút hàng vạn lao động từ các đơn vị công, nông, lâm trường, xí nghiệp, trường học tham gia, tạo nên không khí thi đua sôi nổi trong toàn tỉnh. Trong thời gian này, thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh Lạng Sơn tiếp nhận thêm hơn 1.000 hộ nông dân từ hai tỉnh Hà Đông và Nam Hà lên góp sức khai hoang, mở rộng sản xuất, các hộ này được phân bổ tập trung về các huyện Hữu Lũng, Bắc Sơn, Ôn Châu, Bằng Mạc, Tràng Định và Bình Gia, trong đó nhiều nhất là huyện Tràng Định tiếp nhận 281 hộ với 1.356 nhân khẩu.

Nhờ có lực lượng lao động tập trung, đến giữa năm 1963, toàn tỉnh trồng mới được hàng nghìn hecta rừng cây các loại, mở được hàng trăm kilômét đường dân sinh. Các trục đường mới được phát triển trong thời gian này là đường thị trấn Bình Gia đi Vân Mịch, Đồng Mỏ đi Vạn Linh, Mai Pha đi Háng Vĩ. Đặc biệt, Hữu Lũng và Lộc Bình là hai huyện có phong trào mở rộng đường giao thông nông thôn rộng rãi phục vụ sản xuất và đời sống đạt hiệu quả cao nhất.

Các hợp tác xã nông nghiệp có nhiều cố gắng duy trì phong trào sản xuất, điển hình như các hợp tác xã: Nà Pán

(Lộc Bình), Thống Nhất (huyện Văn Uyên), Xuân Mai (huyện Điềm He). Tuy năng suất lúa năm 1962 trong toàn tỉnh có giảm đi so với năm 1960, song do mở rộng được diện tích cây trồng, thâm canh tăng vụ các cây màu ngắn ngày nên năng suất màu quy thóc tăng hơn so với năm 1960. Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ lương thực năm 1961 đạt 5.947 tấn, năm 1963 đạt 8.992 tấn. Tuy vậy, do hạn hán kéo dài, nên từ năm 1961 - 1963, mỗi năm Nhà nước phải cân đối lại cho tỉnh từ 1.000 - 3.000 tấn lương thực.

Ngành chăn nuôi tiếp tục duy trì được sự ổn định cần thiết, khẳng định vai trò ngày càng quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Tổng đàn gia súc đến năm 1963 đạt 115.943 con, trong đó có 17.942 con trâu, bò, 95.549 con lợn.

Cũng trong thời gian này, cùng với việc xây dựng thêm hàng chục hợp tác xã nông nghiệp định cư, đồng bào các xã vùng cao trong tỉnh có nhiều nỗ lực hưởng ứng phong trào lao động sản xuất, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong cung cách sản xuất và sinh hoạt ở vùng cao. Cơ cấu sản xuất bước đầu được hình thành với các vùng khá điển hình là: Vùng chuyên canh ngô, lúa nương kết hợp với chăn nuôi ở Ái Quốc (Lộc Bình); vùng trồng cây lưu niên (hồi, chè, đào...); vùng nuôi ong và tự túc lương thực ở Mẫu Sơn và Công Sơn (2 huyện Cao Lộc và Lộc Bình); vùng định cư phát triển kinh tế đồi rừng và tự túc lương thực ở các xã vùng cao thuộc các huyện Tràng Định, Bình Gia, Bắc Sơn.

Sự phát triển của sản xuất nông nghiệp đặt ra những yêu cầu mới đối với các ngành sản xuất công nghiệp của tỉnh gần hai năm (từ năm 1961 - 1962), ngành cơ khí của tỉnh sản xuất được hàng vạn công cụ cải tiến (xe cải tiến, cào cỏ cải tiến...) phục vụ cho nhu cầu vận chuyển, canh tác. Công

nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp tiêu dùng cung cấp cho nhu cầu xây dựng cơ sở của các hợp tác xã hàng triệu viên gạch, ngói, hàng vạn sản phẩm sành sứ phục vụ sinh hoạt của nhân dân. Tuy vậy, giá trị sản xuất công nghiệp trong những năm 1961 - 1963 không ổn định, năm 1961 đạt 7,392 triệu, năm 1962 đạt 6,12 triệu đồng¹.

Công nghiệp chế biến lâm sản, thực phẩm có thêm hàng chục cơ sở, đáp ứng một bước nhu cầu sản xuất các mặt hàng phục vụ cho xuất khẩu và đời sống trong tỉnh. Ngành thương nghiệp mở mang được hàng trăm điểm cửa hàng tập trung và lưu động ở các xã, đáp ứng nhu cầu mua, bán nông sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng phục vụ nhân dân các dân tộc. Hoạt động cải tạo công thương nghiệp đến năm 1961 cơ bản hoàn thành, 97% số hộ gia đình thợ thủ công và 96% số hộ tiểu thương tại thị xã Lạng Sơn tham gia hợp tác xã ngành nghề và hợp tác xã mua bán.

Với thành tựu đạt được trong giai đoạn cải tạo và khôi phục kinh tế - xã hội, ngành văn hóa tổ chức hàng trăm đội tuyên truyền, chiếu bóng, văn nghệ lưu động phục vụ sinh hoạt tinh thần của nhân dân. Hàng chục bệnh xá mới với hàng trăm giường bệnh được mở mang ở nhiều địa phương, đáp ứng kịp thời công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Đối với ngành giáo dục, riêng năm học 1961 - 1962, các trường phổ thông trong tỉnh thu hút thêm hàng nghìn học sinh tới trường. Đến năm học 1964 - 1965, về cơ bản các huyện, thị đều xây dựng được trường trung học phổ thông.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005)*, Sđd, tr.65.

Đồng thời với một số chuyển biến mới trong sản xuất nông - lâm nghiệp và phát triển văn hóa - xã hội, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, từ năm 1961 đến đầu năm 1963, lực lượng vũ trang tỉnh được tăng cường, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo an ninh địa phương. Lực lượng dân quân đến năm 1962 có 23.082 đồng chí, vượt chỉ tiêu Quân khu đề ra 2.297 đồng chí¹, đến năm 1963 có 24.641 đồng chí.

Ngày 22/6/1961, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 02-CT/TW về việc đối phó với các hoạt động gián điệp, biệt kích Mỹ - ngụy phá hoại miền Bắc nước ta. Trong hơn hai năm, được sự giúp sức của các đơn vị vũ trang địa phương và đông đảo nhân dân các dân tộc, khắp nơi trong tỉnh, lực lượng an ninh tiến hành truy quét, thanh toán được hơn 100 vụ lớn, nhỏ do lực lượng phản động nằm vùng cấu kết với gián điệp, biệt kích từ biên giới vào và từ trong Nam ra, âm mưu lôi kéo, kích động nhân dân chống phá chính quyền, quấy rối trật tự trị an trên địa bàn của tỉnh. Các huyện, thị có nhiều nỗ lực, lập nhiều thành tích trong phong trào bảo vệ trị an xã hội trong thời gian này là Hữu Lũng, Ôn Châu, Lộc Bình, Cao Lộc và thị xã Lạng Sơn.

Năm 1961, lực lượng phản động nổi lên hoạt động với 2 đối tượng cầm đầu là Nông A Lâu và Phan Văn Phúc. Tháng 9/1961, tại nhà đối tượng Sám ở khu Kỳ Lừa, thị xã Lạng Sơn, hai đối tượng Nông A Lâu và Phan Văn Phúc tập hợp đồng bọn, tuyên bố thành lập tổ chức “Đảng Việt Nam dân tộc tự do”, có lá cờ nền đỏ, biểu tượng mặt trăng và lưỡi cày. Trong thời gian ngắn, tổ chức này phát triển được một số

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, Sđd, tr.55.

chân rết, lôi kéo các phân tử hình sự, bất mãn chế độ, phạm vi hoạt động chính trên địa bàn Lạng Sơn, thị trấn Na Sầm và một số xã thuộc các huyện Văn Uyên, Thoát Lãng và Cao Lộc, đồng thời liên kết với tổ chức phản động “Trung Hoa tự do Đảng” bên Trung Quốc. Ngày 08/10/1961, Ty Công an lên kế hoạch triệt phá tổ chức phản động: “Đảng Việt Nam dân tộc tự do”. Ngày 10/10/1961, Công an Lạng Sơn bắt được đối tượng Nông A Lâu, Phan Văn Phúc cùng 5 phân tử cốt cán và nhiều đối tượng khác trên địa bàn thị xã Lạng Sơn, huyện Cao Lộc và thị trấn Na Sầm.

Cũng trong năm 1961, Công an nhân dân vũ trang Lạng Sơn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền và đảm bảo an ninh biên giới, phối hợp cùng Công an nhân dân vũ trang Cao Bằng đã trao trả cho Trung Quốc hơn 300 người xâm nhập trái phép, 100 đối tượng phi, đặc vụ phản cách mạng từ Trung Quốc chạy sang cư trú trên lãnh thổ nước ta. Các đồn, trạm Công an nhân dân vũ trang phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức giáo dục, răn đe và đẩy về nước hàng trăm trường hợp dân Trung Quốc xâm canh, xâm cư, chần thả gia súc, khai thác tài nguyên trái phép trên lãnh thổ nước ta, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh biên giới¹.

Bước sang những năm 1962 - 1963, đế quốc Mỹ tăng cường các hoạt động tung biệt kích, thám báo ra miền Bắc nước ta. Tại Lạng Sơn, ngày 13/4/1963, Mỹ - ngụy tổ chức toán biệt kích gồm các đối tượng Thân Văn Kính, Bành Viết Min, Hứa Viết Coóc, Hoàng Văn Vận, Lương Văn Thế, Hà Văn Thường do đối

1. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng Việt Nam (1959 - 2019)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.86.

tượng Thân Văn Kính làm toán trưởng nhảy dù xuống địa phận Lục Ngạn, Bắc Giang và Hữu Lũng, Lạng Sơn. Quán triệt công điện chỉ đạo của Bộ Công an và Tỉnh ủy Lạng Sơn, các lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn tổ chức phục kích tại các xã Hòa Sơn, Tân Thành, Hòa Thắng của huyện Hữu Lũng. Đến ngày 24/4/1963, toàn bộ toán biệt kích bị tiêu diệt và bắt sống. Chiến công này đã góp phần cùng quân, dân cả nước đánh thắng âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai.

Từ cuối năm 1962 đến đầu năm 1963, phong trào hợp tác hóa chững lại. Nhiều huyện trong tỉnh, tỷ lệ hộ nông dân tham gia hợp tác xã chỉ còn dưới 40% như: Bình Gia 31,5%, Cao Lộc 36,5%, Bắc Sơn 34,5%. Huyện Bình Gia có 107 hợp tác xã thì có 60 hợp tác xã tan vỡ, huyện Bắc Sơn năm 1961 có 100% số xã có hợp tác xã, đến đầu năm 1963, xuất hiện 3 xã trắng hợp tác xã.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm, chỉ ra các nguyên nhân chủ yếu về sự suy giảm của phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp: Một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chưa thực sự đi sâu, đi sát phong trào. Cán bộ ban quản trị hợp tác xã trình độ thấp, lúng túng, buông lỏng quản lý, ngành nghề chưa phát triển, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính đạt thấp dẫn đến thu nhập của xã viên sút kém, đời sống gặp nhiều khó khăn. Việc tổ chức hợp tác xã một cách đồng loạt và vận động bà con nông dân vào làm ăn tập thể cũng như xây dựng hợp tác xã quy mô lớn có lúc nặng về số lượng, bộc lộ rõ tính chất nóng vội, dập khuôn máy móc. Quy mô hợp tác xã ngày càng lớn, trong khi đó trình độ quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ xã, hợp tác xã còn rất nhiều hạn chế nên càng lúng túng.

Từ ngày 11 đến ngày 19/9/1963, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V được tổ chức tại thị xã Lạng Sơn. Tham dự đại hội có 196 đại biểu thay mặt cho 6.720 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội kiểm điểm nghiêm túc tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV và hơn hai năm thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất, Đại hội nhận định: “Về cơ bản, các cấp ủy đảng các địa phương trong tỉnh đã tạo được sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ để động viên khối đoàn kết các dân tộc trong tỉnh, tập trung lực lượng phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, khai thác hàng xuất khẩu và khắc phục thiên tai, phát triển văn hóa giáo dục, trấn áp kịp thời bọn phản động âm mưu bạo loạn, giữ vững chính quyền dân chủ nhân dân, đời sống mọi mặt của nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã được cải thiện một bước”.

Về những tồn tại chủ yếu cần tiếp tục khắc phục, Đại hội chỉ rõ: “Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp bị suy giảm nghiêm trọng. Tình hình sản xuất tuy được đẩy lên một bước, song chưa chú trọng tới việc tăng năng suất lao động. Các cấp ủy đảng cơ sở chưa thật sự làm tốt công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân”.

Từ những đánh giá đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ V đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung trong những năm tiếp theo là¹: “Tăng cường khối đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và trong nội bộ các tầng lớp nhân dân; tiếp tục cải tạo và củng cố quan hệ sản xuất mới; triệt để khai thác mọi khả năng, tiềm lực của địa phương; đẩy mạnh sản xuất,

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội*, *Sđd*, tr.35.

tiến hành tốt công tác thu mua, phân phối hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng, nâng cao một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh”. Nghị quyết Đại hội nêu rõ nhiệm vụ của Cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở “bốn tốt”¹.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V gồm 17 đồng chí ủy viên chính thức và 4 đồng chí ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 9 đồng chí: Nguyễn Đức, Bế Chấn Hưng, La Thăng, Lê Toàn, Phan Mạnh Cư, Trịnh Minh An, Nông Thiệu Minh, Chu Việt Cường, Nông Gia Khánh. Đồng chí Nguyễn Đức được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Bế Chấn Hưng và đồng chí La Thăng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Nhận thức rõ xây dựng các cơ sở đảng là nhiệm vụ quan trọng, có tác dụng quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị do Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra, ngay từ đầu năm 1964, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra chủ trương tăng cường công tác xây dựng Đảng với phương châm chỉ đạo là: tiến hành Cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở “bốn tốt” trong toàn Đảng bộ, đẩy mạnh đấu tranh phê bình và tự phê bình trong nội bộ Đảng, tăng cường đoàn kết, nâng cao tính giai cấp tiên phong, đi đầu gương mẫu của các cơ sở đảng, làm cho chi bộ đảng thực sự là hạt nhân lãnh

1. Chi bộ “bốn tốt”: đảng viên gương mẫu trong mọi công việc, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nội bộ thật sự đoàn kết; chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, lãnh đạo tốt sản xuất và chiến đấu; một lòng một dạ phục vụ nhân dân, thiết thực chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đối với Đảng thì củng cố tốt và phát triển tốt (Dẫn theo Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.27, tr.95).

đạo, quy tụ và động viên được quần chúng thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra.

Để tiến hành tốt công tác tư tưởng trong Đảng bộ, trong năm 1964, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng trong tỉnh lần lượt tổ chức các lớp học tập quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V cho hàng nghìn cán bộ, đảng viên từ tỉnh tới cơ sở. Ngoài việc học tập để nâng cao nhận thức mới, các cơ sở đảng còn tổ chức cho quần chúng tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng, thực hiện mở rộng dân chủ trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, chung sức đoàn kết thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đang đặt ra.

Đồng thời với việc tiến hành công tác tư tưởng, thực hiện chủ trương chỉnh đốn tổ chức do Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, đến cuối năm 1964, các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh tiến hành kiện toàn, bổ sung cán bộ, thay thế những cán bộ kém phẩm chất, thiếu năng lực trong bộ máy Đảng và chính quyền, nâng cao một bước năng lực lãnh đạo, điều hành, quản lý của các cơ quan, ban, ngành từ tỉnh tới cơ sở.

Thực hiện quyết định của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, ngày 28/8/1964, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TĐB về việc hợp nhất và điều chỉnh các huyện Văn Uyên, Thoát Lãng, Bằng Mạc, Ôn Châu, Diêm He thành 3 huyện; ngày 30/8/1964, Ủy ban hành chính tỉnh ban hành Nghị quyết số 1261/UB về việc xét duyệt hợp nhất điều chỉnh địa giới huyện, xã. Theo đó, sáp nhập huyện Văn Uyên và Thoát Lãng thành huyện Văn Lãng;

huyện Ôn Châu sáp nhập 8 xã¹ của huyện Bằng Mạc thành huyện Chi Lăng; huyện Diêm He sáp nhập thêm 6 xã² của huyện Bằng Mạc thành huyện Văn Quan.

Từ năm 1963, phong trào củng cố hoạt động hợp tác xã đạt được những kết quả quan trọng. Huyện Bình Gia thành lập lại được 14 hợp tác xã, thị xã Lạng Sơn có 2 hợp tác xã được công nhận tiên tiến, 5 hợp tác xã đạt loại khá. Huyện Bằng Mạc năm 1963 có Hợp tác xã Nà Cà (xã Y Tịch) được công nhận là điển hình tiên tiến của các hợp tác xã miền núi phía Bắc, vinh dự được Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương về thăm.

Từ năm 1963 đến năm 1964, tỉnh Lạng Sơn tiếp tục tổ chức tốt công tác đón nhận và bố trí nơi ăn ở, sản xuất cho đồng bào các tỉnh miền xuôi lên khai hoang. Tính đến hết năm 1964, toàn tỉnh tiếp đón được 2.166 hộ với 11.150 nhân khẩu, bổ sung lực lượng lớn lao động cho sự nghiệp xây dựng quê hương Lạng Sơn.

Nhờ thành tích trong công tác củng cố hợp tác xã, từ năm 1964 trở đi, sản xuất nông nghiệp của Lạng Sơn có nhiều khởi sắc. Năm 1964 là năm đầu tiên tỉnh Lạng Sơn tự túc được lương thực và hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ lương thực Trung ương giao với 15.507 tấn³. Đàn gia súc đến năm 1964 đạt 123.781 con, đạt mức tăng trên 6% so với năm 1963.

1. 8 xã gồm: Vạn Linh, Y Tịch, Bằng Mạc, Bằng Hữu, Hòa Bình, Thượng Cường, Gia Lộc và Hữu Linh.

2. 6 xã gồm: Yên Phúc, Bình Phúc, Tri Lễ, Hữu Lễ, Tú Xuyên và Lương Năng.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Sđd, tr.64.



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với cán bộ và nhân dân huyện Trảng Định, ngày 21/01/1961



Lãnh đạo tỉnh tham quan triển lãm nông cụ cải tiến năm 1961



Nhân dân Lạng Sơn đón tết Độc lập, năm 1961



Triển lãm nông sản mở đầu phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp tại Lạng Sơn, năm 1961



Hội nghị Đảng, chính quyền ba cấp tỉnh, huyện, xã của Lạng Sơn, năm 1962

Vượt qua những khó khăn, thử thách do thiên tai, địch họa gây ra, với chủ trương đúng đắn, thiết thực của Đảng bộ tỉnh, phát huy truyền thống lao động sản xuất cần cù, sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân Lạng Sơn nỗ lực phấn đấu, giành những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự trị an, toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng hệ thống chính trị góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng miền Bắc vững mạnh và chi viện tích cực cho cách mạng giải phóng miền Nam.

III- XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, CHI VIỆN
CHO CHIẾN TRƯỜNG, CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM,
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965 - 1975)

**1. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu, góp phần cùng
quân và dân miền Bắc đánh thắng chiến tranh phá
hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)**

Năm 1964, trước những thất bại liên tiếp trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam, đế quốc Mỹ điên cuồng đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân gây áp lực để ngăn chặn sự chi viện từ hậu phương miền Bắc với cách mạng miền Nam, ngăn chặn sự chi viện giữa các nước xã hội chủ nghĩa với cách mạng Việt Nam. Với vị trí là tỉnh địa đầu Tổ quốc, nối liền với hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, tỉnh Lạng Sơn là trọng điểm đánh phá của không quân Mỹ, đồng thời là “cảng nổi kiên cường” bảo vệ nguồn hàng viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa qua Trung Quốc theo đường bộ vào nước ta. Từ cuối năm 1964, máy bay địch 15 lần xâm phạm

không phận (6 lần ban ngày và 9 lần ban đêm) để trinh sát và khiêu khích trên bầu trời Lạng Sơn. Chúng thả nhiều truyền đơn và đồ vật xuống địa phận các huyện Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình...

Cuối tháng 3/1965, Hội nghị lần thứ 11 (đặc biệt) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) ban hành Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Nghị quyết đã chỉ rõ: Cả nước có chiến tranh; miền Bắc trở thành hậu phương lớn của tiền tuyến miền Nam trực tiếp đánh Mỹ. Để đánh thắng chiến tranh phá hoại, phải kịp thời chuyển hướng, tăng cường tiềm lực quốc phòng phù hợp với yêu cầu phòng thủ miền Bắc và chi viện cho chiến trường miền Nam¹.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) về việc đưa nền kinh tế - xã hội chuyển từ thời bình sang thời chiến, Tỉnh ủy đề ra phương châm chỉ đạo sát hợp và tích cực lúc này là: Các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể phải thực sự chú trọng công tác tư tưởng và tổ chức, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc nhận rõ vị trí, trách nhiệm xây dựng một tỉnh hậu phương trong bối cảnh và tình hình mới đòi hỏi phát triển sản xuất phải kết hợp với tăng cường củng cố quốc phòng, vừa sản xuất, vừa chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chiến đấu. Nếu địch tiến hành chiến tranh phá hoại trên địa bàn của tỉnh thì quân và dân các dân tộc cần nêu cao quyết tâm đánh thắng địch ngay từ trận đầu. Trong bất cứ tình huống khó khăn nào cũng phải đảm bảo duy trì sản xuất, đảm bảo

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.108.

giao thông vận tải thông suốt, giữ vững trật tự an toàn xã hội... khẩn trương chỉ đạo có kế hoạch để hướng công cuộc phát triển kinh tế và mọi mặt hoạt động của đời sống đi vào nền nếp cho phù hợp với hoàn cảnh thời chiến.

Đồng thời, Tỉnh ủy cũng xác định rõ nhiệm vụ cấp bách, chủ yếu trước mắt là tăng cường củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu khi có tình huống chiến sự, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ cụ thể cho công tác quân sự địa phương lúc này là: Tăng cường củng cố một bước các lực lượng vũ trang và bán vũ trang cả về biên chế cũng như trang bị kỹ thuật, xây dựng nhanh chóng phương án phối hợp tác chiến cụ thể, bố trí lực lượng hợp lý, thường xuyên luyện tập, thường trực, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, trong tháng 5/1965, Tỉnh đội thành lập 2 đại đội pháo cao xạ 37 mm, 1 tiểu đoàn súng phòng không 12,7 mm và một trung đội công binh; chọn Đại đội phòng không 101 làm đơn vị xây dựng điểm, làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu.

Đồng thời với việc tăng cường củng cố các đơn vị bộ đội địa phương, Tỉnh đội có kế hoạch phối hợp với các cấp, các ngành, đoàn thể ở các địa phương trong tỉnh củng cố các đơn vị dân quân tự vệ, đặc biệt chú trọng tới các địa bàn xung yếu như thị xã, thị trấn, các xã lân cận trung tâm huyện, thị và ven các trục đường giao thông huyết mạch. Đến giữa năm 1965, lực lượng dân quân tự vệ của toàn tỉnh lên tới hơn 3.000 người, được trang bị vũ khí đầy đủ và được huấn luyện tác chiến theo phương án tác chiến phối hợp do Tỉnh đội xây dựng.

Việc tăng cường củng cố lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu trước hết có tác dụng tạo ra tiền đề tư tưởng cần

thiết để xây dựng ý chí quyết tâm của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh chủ động sẵn sàng đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ khi chúng đánh tới Lạng Sơn. Đồng thời, cũng chính từ đó đặt ra cho Đảng bộ các cấp, các ngành, đoàn thể và nhân dân thấy được những đòi hỏi bức xúc phải có những hành động thiết thực, kịp thời bắt nhịp vào sự chuyển biến hoàn cảnh từ thời bình sang thời chiến.

Tháng 6/1965, Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa IV) họp kỳ thứ nhất để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và thông qua phương hướng phát triển kinh tế - xã hội trong hai năm 1966 - 1967. Sau khi thảo luận chủ trương của Tỉnh ủy về việc chuyển hướng nền kinh tế - xã hội từ thời bình sang thời chiến, Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra phương hướng chung và nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội trong hai năm 1966 - 1967 của toàn tỉnh là: Tập trung lực lượng ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, đảm bảo lương thực cung cấp đầy đủ và có dự trữ cho dân số địa phương... Ra sức củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong mọi lĩnh vực, phát huy tiềm lực kinh tế với xây dựng lực lượng quốc phòng, xây dựng tỉnh thành một trong những hậu phương vững chắc của cả nước. Một số định hướng cụ thể là:

Trong sản xuất nông - lâm nghiệp, lấy tự giải quyết lương thực làm khâu trung tâm, trên cơ sở đó đẩy mạnh phát triển chăn nuôi và nghề rừng. Phấn đấu năng suất lúa bình quân đạt 4 tấn/ha với cơ cấu hai vụ trên phạm vi toàn tỉnh, tiếp tục tiến hành, tổ chức củng cố hợp tác xã nông nghiệp ở quy mô phù hợp với đặc điểm thực tế ở từng địa phương, đáp

ứng yêu cầu ngày càng khẩn trương của tình hình nhiệm vụ mới, làm tốt công tác thí điểm định canh, định cư vùng đồng bào Dao ở Công Sơn, Mẫu Sơn thuộc địa phận hai huyện Cao Lộc và Lộc Bình.

Trên cơ sở điều kiện, khả năng hoạt động hiện có, ngành công nghiệp tỉnh bố trí kế hoạch sản xuất, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể là: Chế tạo, cải tiến máy công cụ nhỏ và sửa chữa các loại máy công cụ lớn để phục vụ sản xuất nông nghiệp, làm thủy lợi; quy hoạch phát triển mạng lưới điện đảm bảo cho nhu cầu sản xuất và làm thủy lợi; chế biến các loại nông - lâm sản thành mặt hàng có giá trị kinh tế phục vụ đời sống và quốc phòng, trở lại thúc đẩy nông - lâm nghiệp phát triển; từng bước đảm bảo cung cấp nguyên vật liệu cho nhu cầu xây dựng.

Các ngành giao thông vận tải, bưu điện truyền thanh có kế hoạch củng cố, mở rộng mạng lưới và nâng cao hiệu quả hoạt động để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sản xuất, nhiệm vụ an ninh quốc phòng và đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trong hoàn cảnh thời chiến.

Lực lượng quân đội và lực lượng an ninh có phương án cụ thể, phối hợp cùng các ngành, các cấp, đoàn thể làm tốt công tác chuẩn bị lực lượng mọi mặt; cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh trật tự xã hội trong quá trình chuyển hoạt động kinh tế - xã hội từ thời bình sang thời chiến; làm tốt công tác động viên tuyển quân, phục vụ trực tiếp cho yêu cầu chiến đấu trên địa bàn tỉnh và góp phần chi viện lực lượng cho chiến trường.

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ tăng cường lực lượng không quân đánh phá ác liệt miền Bắc. Nhiệm vụ đặt ra lúc này đối với quân và dân miền Bắc là hết sức nặng nề. Dưới sự lãnh

đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, sự hướng dẫn và chỉ đạo của các ngành, đoàn thể trung ương, các phong trào thi đua yêu nước đẩy lên mạnh mẽ khắp nơi.

Hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính tỉnh, các đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh phát động các phong trào thi đua “Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang”, “Ba điểm cao”, “Ba giỏi” và phong trào thi đua xây dựng tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa... trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống từ thị xã, thị trấn tới vùng nông thôn.

Đến giữa năm 1965, các phong trào này thực sự lan tỏa vào cuộc sống, lôi cuốn hàng vạn người tham gia, tạo nên một khí thế cách mạng sôi nổi, khẩn trương hơn bao giờ hết. Riêng Đoàn Thanh niên tỉnh có 21.000 đoàn viên thanh niên đăng ký tham gia phong trào “Ba sẵn sàng”. Ý thức làm chủ, tinh thần chủ động, sáng tạo trong sản xuất và sẵn sàng chiến đấu dâng cao, có tác dụng động viên kịp thời sức người, sức của vào nhiệm vụ chính trị chủ yếu và cấp bách là: Đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại và tăng cường chi viện cho chiến trường miền Nam.

Trong đợt tuyển quân giữa năm 1965, tỉnh Lạng Sơn có 1.918 thanh niên lên đường nhập ngũ. Trong tháng 7/1965, trước yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chiến đấu ở địa phương, hơn 600 thanh niên nam nữ các dân tộc tình nguyện tham gia xây dựng 3 đại đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước của tỉnh, có phiên hiệu N57-571-P24; N57-572-P24 và N57-573-P24. Cả 3 đại đội thanh niên xung phong đều được bố trí ở những địa bàn xung yếu để đảm bảo giao thông thông

suốt trong mọi tình huống. Nhiệm vụ chủ yếu của các đơn vị thanh niên xung phong là: Chiến đấu; lao động sản xuất; học tập văn hóa để nâng cao trình độ.

Ngày 25/8/1965, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 108-CT/TW về Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc ở miền núi. Về yêu cầu của Cuộc vận động, Chỉ thị nêu rõ:

“1. Làm cho cán bộ, xã viên thấy rõ khả năng to lớn và yêu cầu phát triển kinh tế nói chung ở miền núi và yêu cầu phát triển sản xuất của hợp tác xã mình... động viên mọi người hăng hái tham gia xây dựng hợp tác xã, tăng cường đoàn kết dân tộc, ra sức xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp miền núi tiến lên một cách toàn diện và vững chắc.

2. Đưa dần công tác quản lý hợp tác xã vào nề nếp theo phương thức quản lý của một đơn vị kinh tế nông nghiệp tập thể (xã hội chủ nghĩa), sử dụng hợp lý mọi khả năng đất đai, sức lao động và vốn, nâng cao năng suất lao động..., xây dựng nhiều hợp tác xã vững, có kinh tế tập thể phát triển và kinh tế phụ gia đình của xã viên phát triển đúng hướng.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; củng cố tổ chức cơ sở của Đảng, cơ sở Đoàn Thanh niên lao động và lực lượng nòng cốt ở các hợp tác xã”¹.

Chỉ thị cũng nêu rõ mục đích của Cuộc vận động phải đạt được là: “*tăng cường lãnh đạo của cấp ủy đảng, hướng các*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.400.

*hợp tác xã làm theo tiên tiến, trở thành hợp tác xã tiên tiến, tăng cường quan hệ sản xuất mới ở nông thôn và đưa kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp*¹. Về định hướng quy mô và biện pháp củng cố hợp tác hóa, Chỉ thị nêu rõ: “Các hợp tác xã phải căn cứ vào điều kiện đất đai, thời tiết và sự hướng dẫn của tỉnh, huyện mà xác định phương hướng sản xuất và có kế hoạch khai thác, sử dụng một cách hợp lý mọi khả năng đất đai, đồng cỏ, nguồn nước, nguồn phân bón...”². Phương châm khi giải quyết những vấn đề thuộc về chính sách là phải “*bảo đảm đoàn kết dân tộc, dựa trên cơ sở tự giác của mọi người...*”³.

Hưởng ứng Cuộc vận động có ý nghĩa cách mạng sâu sắc này, đầu tháng 9/1965, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức thảo luận đề án và những biện pháp, bước đi cần thiết để chỉ đạo Cuộc vận động cho sát hợp với tình hình và điều kiện thực tế ở Lạng Sơn.

Sau khi xem xét và đánh giá thực trạng hoạt động của phong trào hợp tác hóa trong tỉnh, Hội nghị quyết định triển khai thí điểm cải tiến quản lý ở hơn 40 hợp tác xã tương đối ổn định trên phạm vi toàn tỉnh, trong đó số hợp tác xã được tập trung thí điểm nhiều hơn cả là ở huyện Tràng Định.

Trong những tháng cuối năm 1965, các cấp ủy, các ngành, đoàn thể trong tỉnh khẩn trương triển khai thực hiện Cuộc vận động theo tinh thần chỉ thị của Trung ương và đề án chỉ đạo của Tỉnh ủy.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.400, 402, 407.

Nhằm phát huy vai trò nòng cốt của các cơ sở đảng, Tỉnh ủy xác định công việc đầu tiên là tổ chức quán triệt và củng cố các chi bộ đảng theo tinh thần Cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở “bốn tốt”, lấy chi bộ và đội ngũ đảng viên nêu gương đi đầu để giáo dục, động viên, thu hút quần chúng. Các chi bộ được tổ chức lại, những chi bộ đông đảng viên được tách ra thành những chi bộ mới gắn với quy mô sắp xếp của từng hợp tác xã. Đồng thời với việc tổ chức lại các chi bộ, các tổ chức đoàn thể cơ sở như chi đoàn Thanh niên, chi hội Phụ nữ, tổ đội dân quân cũng được củng cố, sắp xếp phù hợp để làm cơ sở tập hợp và hướng dẫn quần chúng tiến hành các bước cải tiến hợp tác xã. Cùng với công tác sắp xếp lại tổ chức là việc điều hòa lại một bước ruộng đất cho phù hợp với chủ trương đưa một số hợp tác xã nhỏ, phân tán nhân lực thành những hợp tác xã hợp nhất có quy mô lớn hơn, tập trung nhân lực hơn.

Việc thí điểm tạo ra một khí thế mới trong tổ chức điều hành sản xuất, kết quả là vụ mùa năm 1965 thu được sản lượng khá hơn, công tác làm thủy lợi nhỏ được hưởng ứng rộng rãi. Bước đầu những biện pháp khoa học - kỹ thuật như sử dụng máy công cụ nhỏ, cào cỏ cải tiến, kỹ thuật làm giống, làm bèo hoa dâu... được nhiều hợp tác xã áp dụng.

Tuy nhiên, phong trào vẫn còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết cần được tiếp tục tháo gỡ, mà trước hết là các chi bộ và ban chủ nhiệm các hợp tác xã còn có nhiều lúng túng trong quản lý, điều hành, rõ nhất là ở những hợp tác xã hợp nhất có quy mô lớn.

Căn cứ vào tình hình hợp tác hóa, sản xuất nông nghiệp và đòi hỏi ngày càng bức xúc của nhiệm vụ chính trị trước mắt, Tỉnh ủy đánh giá và rút ra nhận định xác đáng là:

Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã ở miền núi do Trung ương phát động là đúng đắn. Chủ trương chỉ đạo tổ chức thí điểm của Tỉnh ủy là cần thiết, phù hợp với tiến trình của cuộc vận động. Sự thống nhất về tư tưởng và tổ chức sẽ làm nền cho các bước đi tiếp theo. Điều cốt lõi ở đây là trình độ chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ sở đảng, của các ban chủ nhiệm hợp tác xã phải được nâng lên. Cần mạnh dạn và tổ chức tốt hơn việc đưa những tiến bộ kỹ thuật và giống mới vào đồng ruộng, cần quy hoạch đất đai canh tác hợp lý hơn, để phù hợp với việc đầu tư mở rộng sản xuất.

Ngày 20/9/1965, máy bay Mỹ chính thức bắn phá các mục tiêu dọc quốc lộ 1A và đường sắt Lạng Sơn - Hà Nội như thị trấn Đồng Mỏ, ga Đồng Mỏ, cầu Sông Hóa, ga Sông Hóa, thị trấn Mẹt...

Do có tinh thần cảnh giác cao và được chuẩn bị chu đáo, Đại đội phòng không 101 pháo cao xạ phối hợp kịp thời với đơn vị phòng không chủ lực của bộ, nổ súng giòn giã bắn rơi một máy bay phản lực Mỹ ngay trên mảnh đất xứ Lạng kiên cường. Chiến công vẻ vang của Đại đội 101 ghi một dấu son chói ngời, mở ra những trang sử chiến công nối tiếp chiến công của các lực lượng vũ trang Lạng Sơn. Chiến công đầu này góp phần cổ vũ tinh thần và củng cố niềm tin đánh thắng giặc cho Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn trước thử thách mới.

Ngày 05/10/1965, máy bay Mỹ lại điên cuồng bắn phá thị xã Lạng Sơn và các mục tiêu xung yếu ở phía nam của tỉnh. Phát huy thắng lợi của chiến công đầu, lưới lửa phòng không pháo cao xạ của bộ đội và của các đơn vị dân quân chiến đấu ở thị xã, Chi Lăng và Hữu Lũng bắn cháy 2 máy bay phản lực của Mỹ (trong đó có chiếc thứ 50 của quân khu).



Phong trào làm thủy lợi tại Lạng Sơn



Phụ nữ huyện Văn Lãng hưởng ứng phong trào “Ba đảm đang”



Hưởng ứng phong trào “Ba đảm đang”, phụ nữ Lạng Sơn vừa chiến đấu giỏi, vừa sản xuất giỏi



Cảnh giới máy bay giặt Mỹ ở huyện Hữu Lũng, năm 1965



Dân quân tự vệ Lạng Sơn bắn máy bay Mỹ



Cờ thường luân lưu cho quân và dân Quân khu Việt Bắc -
Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cho tỉnh Lạng Sơn
về thành tích bắn rơi 4 máy bay Mỹ, ngày 05/10/1965

Trong cuộc chiến đấu quyết liệt này, pháo thủ Hồ Văn Tài nêu cao tấm gương anh dũng, bị thương 2 lần vẫn cương quyết không chịu rời trận địa. Tiểu đội dân quân xã Tân Thành (huyện Hữu Lũng) chỉ với súng trường bắn rơi “Thần sấm” F105.

Trong ba tháng, từ tháng 10 đến tháng 12/1965, máy bay Mỹ liên tiếp mở những đợt bắn phá ác liệt đối với thị xã Lạng Sơn, thị trấn Đồng Mỏ, thị trấn Mẹt và cầu, cống trên hai trục đường 1A và đường sắt, phá hủy nhiều đoạn đường giao thông, làm hư hại nhiều nhà cửa, cầu cống, gây thiệt mạng một số người dân bám trụ sản xuất. Tội ác của giặc Mỹ không hề bẹp được ý chí quyết tâm đánh thắng của quân và dân Lạng Sơn. Ngày 01/12/1965, tiểu đội nữ dân quân xã Quang Lang (huyện Chi Lăng) anh dũng chiến đấu bắn rơi một máy bay phản lực của giặc Mỹ.

Trong những ngày tháng đối đầu với các đợt bắn phá ác liệt của giặc Mỹ, bằng hành động thiết thực và lòng dũng cảm cao độ, các đội thanh niên xung phong và quân chủ lực góp phần công sức không nhỏ vào thành tích chung của quân và dân các dân tộc trong tỉnh. Trong sáu tháng cuối năm 1965, các đội thanh niên xung phong và chủ lực huy động được gần 500.000 ngày công mở rộng và khắc phục giao thông, đóng được 9 phà và làm xong 6 bến phà trên những đoạn đường xung yếu, mở được nhiều đoạn đường tránh ở 8 khu vực có những cây cầu dài trên 10 m, hoàn thành cầu phao bắc qua sông Thương sang thị trấn Mẹt, khai thác được hơn 3.000 m³ đá và hơn 3.000 m³ gỗ để sửa đường, sửa cầu, với gần 20 km đường trên trục đường 1A thuộc địa phận hai huyện Chi Lăng và Hữu Lũng, thường xuyên đảm bảo giao thông thông suốt cho tuyến đường huyết mạch.

Trong năm 1965, lực lượng thanh niên xung phong mở được hơn 200 km đường nông thôn phục vụ sản xuất, lưu thông, đi lại trên các địa điểm sơ tán dân cư, cơ quan, kho tàng, các cửa hàng và hợp tác xã mua bán. Phong trào mở rộng giao thông được triển khai nhanh nhất ở hai huyện Hữu Lũng và Lộc Bình. Đến cuối năm 1965, tổng số đường giao thông nông thôn trong toàn tỉnh có gần 1.500 km.

Các xí nghiệp của tỉnh như xí nghiệp chế biến thực phẩm, xí nghiệp rượu, xí nghiệp dược... vẫn đảm bảo hoạt động đều, không ngừng tạo ra sản phẩm để phục vụ đời sống. Với hơn 120 cửa hàng hợp tác xã mua bán, 30 cửa hàng bách hóa khu vực không chỉ duy trì đủ lượng hàng hóa phục vụ tại chỗ, mà còn bố trí hình thành các tổ lưu động phục vụ trực tiếp đến tận các đơn vị vũ trang chiến đấu, các đơn vị thanh niên xung phong, các đội chủ lực và nhân dân ở những vùng xa xôi hẻo lánh. Việc bố trí các hoạt động này có nền nếp, không chỉ có tác dụng thiết thực phục vụ đời sống mà còn đảm bảo thực hiện được công tác phòng không sơ tán an toàn trong điều kiện có chiến tranh phá hoại.

Thực hiện chủ trương chỉ đạo của Tỉnh ủy “Hợp tác hóa phải đi đôi với thủy lợi hóa”, trong năm 1965, toàn tỉnh huy động được hơn 2 triệu ngày công đào đắp những công trình thủy lợi mới, sửa sang và phát huy hiệu quả của những công trình có phục vụ sản xuất. Trên cơ sở lấy các đội chủ lực làm nòng cốt, các huyện, thị chủ động đảm nhận thi công 11 công trình thủy lợi vừa và nhỏ. Các hợp tác xã Chè Lân (huyện Cao Lộc), Tràng Phái (huyện Văn Quan) là các hợp tác xã huy động nhiều ngày công và đảm bảo thi công xong công trình vượt thời gian quy định. Tỉnh đầu tư thích đáng về vốn,

nhân lực tập trung thi công công trình thủy lợi phục vụ công tác định canh, định cư của đồng bào vùng cao Mẫu Sơn.

Nhờ tăng cường được hệ thống các công trình thủy lợi, nên trong năm 1965, toàn tỉnh đưa diện tích lúa chiêm được tưới tăng từ 1.268 ha (năm 1960) lên 1.428 ha, lúa mùa từ 13.037 ha (năm 1960) lên 22.960 ha. Do được đảm bảo nguồn nước tưới, kết hợp với tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh và giống mới, nên sản lượng lúa, hoa màu cũng được nâng lên rõ rệt. Trong năm 1965, quân và dân các dân tộc trong tỉnh tham gia trồng mới được hơn 3.000 ha cây xanh các loại. Ngoài ra, các lâm trường, trạm trại lâm nghiệp cũng có kế hoạch tu bổ được hàng nghìn hecta rừng cây quy hoạch.

Các ngành bưu điện, truyền thanh, văn hóa thông tin, y tế và giáo dục cũng có nhiều nỗ lực thúc đẩy các hoạt động ngày càng có nhiều hiệu quả.

Trong hai năm 1964 - 1965, ngành bưu điện tiến hành sửa chữa và lắp đặt được 16 trạm máy nói, 343 km đường dây nội tỉnh và 381 km đường dây liên tỉnh phục vụ quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế. Trong hoàn cảnh thời chiến còn nhiều khó khăn, ngành cố gắng tổ chức được hơn 200 trạm bưu chính khu vực để kịp thời tiếp nhận, vận chuyển thư từ, tin tức. Để đáp ứng yêu cầu tuyên truyền, phổ biến thông tin, học tập đến quân và dân trong tỉnh, ngành còn tổ chức được 12 mục truyền thanh có gần 3.000 loa kim với gần 200 km đường dây dẫn.

Ngoài đoàn văn công tỉnh làm nòng cốt, trong năm 1965, được sự giúp đỡ của các cấp, các ngành, đoàn thể, ngành văn hóa thông tin chỉ đạo tổ chức được 120 đội văn nghệ, thông tin tuyên truyền cơ sở, 14 đội chiếu bóng và đèn chiếu lưu

động. Hầu hết hoạt động của các đội văn nghệ, thông tin tuyên truyền đều tập trung vào các nội dung thiết thực, phục vụ chiến đấu và tăng gia sản xuất của quân và dân trong tỉnh. Những tháng cuối năm 1965, ngành tổ chức được nhiều cuộc triển lãm về thành tích chiến đấu, sản xuất của quân và dân trong tỉnh, thu hút hàng vạn lượt người xem. Đoàn văn công tỉnh và các đội văn nghệ quần chúng, chiếu bóng, đèn chiếu lưu động phục vụ được hàng nghìn buổi, đáp ứng nhu cầu của bộ đội và nhân dân.

Thực hiện chức năng bảo vệ sức khỏe nhân dân, ngành y tế tỉnh có nhiều cố gắng trong việc tổ chức công tác khám, chữa bệnh. Đến cuối năm 1965, được sự quan tâm giúp đỡ của Ủy ban hành chính tỉnh, cấp ủy các cấp và các ngành đoàn thể trong tỉnh, ngành y tế xây dựng được 160 trạm y tế cơ sở, trong đó có 12 trạm xá vùng cao, kịp thời khám, chữa bệnh cho hàng nghìn lượt bệnh nhân. Đồng thời, ngành cũng xây dựng được 80 cửa hàng dược khu vực, phục vụ nhu cầu chữa bệnh cho các đơn vị vũ trang và nhân dân trong điều kiện dân cư phân tán, đi lại khó khăn. Trong những ngày tháng xảy ra chiến sự, ngành tổ chức thành lập và huấn luyện được hàng trăm tổ, đội cứu thương bám sát các trận địa, khu vực, phục vụ nhanh chóng bộ đội và nhân dân. Chỉ trong vòng hai năm, được sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, ngành y tế của tỉnh xây dựng thêm được 100 trạm xá với hơn 700 giường bệnh, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được đáp ứng tốt hơn.

Năm học 1964 - 1965, các trường học trong tỉnh thu hút thêm hàng nghìn học sinh tới trường, đưa số học sinh phổ thông trong toàn tỉnh tăng lên hơn 30.000 em. Hầu hết các xã trong tỉnh có trường phổ thông cấp I, II; thị xã củng cố

trường cấp III Việt Bắc; một số huyện như Tràng Định, Bắc Sơn, Hữu Lũng, Văn Quan xây dựng được trường phổ thông cấp III. Bước sang năm học 1965 - 1966, các trường học trong tỉnh thu hút được 36.449 học sinh phổ thông các cấp tới trường. Đồng thời với việc tổ chức tốt nhiệm vụ dạy và học, thầy cô giáo, học sinh các trường phổ thông ở những vùng xảy ra chiến sự còn tham gia tích cực vào các công việc giúp đỡ các đơn vị vũ trang chiến đấu như: Hái lá cây xanh cung cấp cho bộ đội nguy trang trận địa, tặng quà và chăm sóc thương bệnh binh, hưởng ứng tích cực phong trào phòng gian, bảo mật.

Trên cơ sở của những chuyển biến mới về tư tưởng và tổ chức, đến cuối năm 1965, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh giành được những thắng lợi đáng phấn khởi trên tất cả các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội. Phong trào hợp tác hóa được phục hồi và phát triển, đưa tỷ lệ các hộ nông dân trong toàn tỉnh vào hợp tác xã lên hơn 80% (đầu năm 1963 là 47%). Nhờ việc củng cố phong trào hợp tác hóa, trong 2 năm, toàn tỉnh huy động được hàng vạn lượt nhân công hoàn thành hàng chục công trình thủy lợi lớn nhỏ, trồng mới được hàng nghìn hecta rừng cây các loại, mở mang hàng trăm kilômét đường giao thông nông thôn. Các hoạt động lao động sản xuất trở lại ổn định hơn. Những công trình xây dựng mới như bệnh xá, trường học, trạm bưu chính, cửa hàng mua bán, trụ sở ủy ban hành chính xã... làm cho bộ mặt của nông thôn thêm khang trang.

Thông qua các phong trào hành động cách mạng của quần chúng, đến cuối năm 1965, các chi bộ, đảng bộ cơ sở thực sự có bước trưởng thành mới cả về số lượng, năng lực, hiệu lực lãnh đạo; toàn Đảng bộ kết nạp thêm được 1.713

đảng viên mới, bổ sung cho Đảng bộ một lực lượng đảng viên được rèn luyện, trưởng thành, thử thách qua giai đoạn cách mạng có nhiều gian khổ, khó khăn.

Từ đầu năm 1966, sau những thất bại liên tiếp trong các đợt leo thang bắn phá vào ban ngày, giặc Mỹ bắt đầu chuyển chiến thuật đánh phá vào ban đêm với mức độ ác liệt hơn. Tháng 4/1966, địch tăng cường đánh phá ác liệt tỉnh Lạng Sơn, đặc biệt trên địa bàn huyện Chi Lăng và Hữu Lũng. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy ra Nghị quyết chỉ rõ: “Nhiệm vụ công tác quân sự địa phương là phải đẩy mạnh hơn nữa, tăng cường phát động nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết nhất trí cao độ, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Muốn vậy phải tích cực xây dựng lực lượng vũ trang một cách toàn diện, đảm bảo trong sạch về đội ngũ, vững vàng về tư tưởng, mạnh về tổ chức”. Đêm 05/5/1966, từng tốp máy bay phản lực Mỹ thay nhau đánh phá bến phà Na Hoa (huyện Hữu Lũng) làm sạt lở một đoạn đường dẫn xuống bến phà. Ngay sau khi địch rút, cấp ủy và chính quyền xã Hồ Sơn huy động kịp thời hơn 100 người ra san lấp ngay trong đêm. Đến sáng 06/5 đã đảm bảo thông xe an toàn. Chiều 08/5/1966, 2 tốp máy bay F105 của địch tập trung đánh phá cầu đường sắt gần ga Sông Hóa, các đơn vị pháo cao xạ của bộ đội chủ lực phối hợp với các đơn vị súng 12,7 mm của dân quân chiến đấu anh dũng, bắn rơi 1 chiếc F105.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy và hướng dẫn của Ủy ban hành chính tỉnh về việc triệt để phòng không sơ tán, ngay sau những trận đánh phá của địch, một bộ phận dân cư còn lại ở thị xã, thị trấn Đồng Mỏ và Hữu Lũng cùng một số cơ quan, xí nghiệp, kho tàng trên địa bàn phía nam của tỉnh được nhanh chóng di chuyển phân tán vào những nơi cách xa

đường giao thông, xa trung tâm phố, bến phà, nhà ga..., tăng cường đào đắp mạng lưới hầm hố trú ẩn. Các đơn vị chiến đấu nhận lệnh sẵn sàng chiến đấu tuyệt đối.

Đêm 01/6/1966, một tốp máy bay F4 của địch đánh phá cầu Sông Hóa. Do công tác sẵn sàng chiến đấu tốt, các đơn vị phòng không của ta phối hợp nổ súng, bắn rơi tại chỗ 1 máy bay phản lực. Đến sáng 02/6, chúng tăng cường thêm nhiều tốp máy bay F105 ném bom ác liệt khu vực cầu Sông Hóa và mở rộng ra khu vực dân cư của xã Chi Lăng (huyện Chi Lăng), cầu Sông Hóa bị hỏng nặng. Sau khi địch rút, hàng trăm công nhân cầu đường được huy động tập trung sửa chữa, đến chiều 02/6, đảm bảo thông xe an toàn. Nhằm đảm bảo lực lượng công binh cơ động bảo vệ, sửa chữa cầu đường, Tỉnh đội đã thành lập 2 đại đội công binh mang phiên hiệu 815 (đóng tại Kỳ Lừa) và 817 (đóng tại thị trấn Mẹt) và Trung đội 20 thuộc tỉnh¹.

Từ cuối tháng 6/1966, giặc Mỹ tiếp tục huy động máy bay thực hiện nhiều đợt bắn phá ngày càng điên cuồng đối với Lạng Sơn, mục tiêu bắn phá chủ yếu vẫn là các đoạn đường giao thông quan trọng, bến phà, cầu đường sắt, đường bộ trên địa bàn phía nam Lạng Sơn.

Trong các ngày 20 và 21/6 và ngày 05/7/1966, nhiều tốp máy bay phản lực của địch ném bom ác liệt khu vực Sông Hóa và Đồng Bành. Cầu Sông Hóa là mục tiêu chúng tập trung đánh phá dữ dội nhất. Không nao núng trước quân thù, các đơn vị phòng không chiến đấu dũng cảm, bắn rơi 2 máy bay phản lực của địch. Tiếp đó, trong các ngày 08, 11 và

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (1947 - 2002)*, Sđd, tr.63.

14/7/1966, từng tốp phản lực địch thay nhau bắn phá bến phà Na Hoa, ga Phố Vị và thị trấn Mẹt. Riêng trong trận đối đầu quyết liệt ngày 11/7, quân và dân ta bắn rơi 2 máy bay phản lực Mỹ.

Giữa lúc Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn đang cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta ở hai miền Nam - Bắc bước vào giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vô cùng gian khổ, ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Người nói: “Giôn-xơn và bè lũ phải biết rằng: Chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn...”¹.

Thực hiện Thông tri số 183-TT/TW ngày 28/6/1966 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức điều tra tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, ngày 01/9/1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết thành lập Ban Điều tra tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ gây ra ở Lạng Sơn gồm 15 đồng chí, do đồng chí Lưu Bá Thịnh - Ủy viên Ban

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.131.

Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Ban Điều tra tội ác chiến tranh có nhiệm vụ tiến hành sưu tầm, thống kê tội ác do máy bay Mỹ đánh phá gây ra ở Lạng Sơn. Từ đó, hướng dẫn ngành văn hóa thông tin tổ chức trưng bày triển lãm dưới hình thức tập trung và lưu động, qua đó khơi sâu lòng căm thù và nâng cao ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của quân và dân trong tỉnh. Đồng thời, Ban cũng làm nhiệm vụ tập hợp, xác minh thành tích chiến đấu, sản xuất, những tấm gương người tốt, việc tốt của quân và dân trong tỉnh, để biểu dương kịp thời những đóng góp xuất sắc của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn trong sự nghiệp xây dựng, chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc.

Sau những thất bại liên tiếp trên vùng trời Chi Lăng và Hữu Lũng, từ tháng 9/1966, giặc Mỹ bắt đầu mở rộng địa bàn oanh tạc đối với Lạng Sơn. Từ ngày 04 đến ngày 20/9/1966, nhiều tốp máy bay phản lực Mỹ sau khi dội bom xuống địa bàn Chi Lăng và Hữu Lũng đã điên cuồng đánh phá khu ga Đồng Đăng, khu mỏ Na Dương, địa phận hai xã Nam Quan và Lục Thôn (huyện Lộc Bình), gây nhiều thiệt hại về người và của. Một số khu nhà và đoạn đường giao thông bị hư hỏng, hàng chục người bị thương và thiệt mạng, nhiều vật nuôi bị chết, một số cánh đồng hoa màu bị cày xới.

Trước sự tàn bạo của kẻ thù, các đơn vị phòng không chiến đấu của ta bình tĩnh, cương quyết giáng trả chúng những đòn địch đáng, bắn rơi 5 máy bay của địch, trong đó có chiếc thứ 1.400 của giặc Mỹ bị bắn rơi trên miền Bắc. Trong các trận đánh quả cảm này, các tay súng dân quân xã Nhất Tiến (huyện Bắc Sơn) nêu cao tinh thần cảnh giác,

chủ động nổ súng kịp thời bắn rơi một phần lực Mỹ, xứng đáng với truyền thống của quê hương Bắc Sơn anh dũng.

Ngay từ những trận đánh phá ác liệt đầu tiên của giặc Mỹ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời nhận định: “Lúc này địch đã tiến hành đánh phá Lạng Sơn cả ban đêm lẫn ban ngày”, do đó Tỉnh ủy chủ trương: “Toàn tỉnh phải thực hiện triệt để sơ tán đợt 2. Các đơn vị vũ trang nêu cao tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Các ngành, các cấp có kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn việc chấp hành nghiêm chỉnh công tác phòng không, trú ẩn, đưa các hoạt động sản xuất, học tập, sinh hoạt vào khuôn khổ nền nếp thời chiến. Lực lượng an ninh cần tăng cường công tác bảo vệ các mục tiêu xung yếu, bảo vệ tài sản nhà nước, giữ gìn trật tự xã hội, chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên công tác bảo mật, phòng gian”.

Trong bối cảnh máy bay giặc Mỹ điên cuồng đánh phá Thủ đô Hà Nội và các tỉnh ở miền Bắc, từ giữa năm 1966, Lạng Sơn lần lượt đón nhận các cơ quan, trường học ở Trung ương tới sơ tán như: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Trung ương, kho hàng của Bộ Y tế, Nhà máy Dệt Nam Định, Nhà máy Thuốc lá Bắc Sơn, Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Xây dựng, Trường học sinh miền Nam, Tổng kho quân sự của Tổng cục Hậu cần (Bộ Quốc phòng), Trường văn hóa quân đội. Được sự giúp đỡ của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Lạng Sơn, các cơ quan, trường học, kho tàng trung ương được bố trí ở những địa bàn an toàn trên địa phận các huyện Văn Lãng, Tràng Định, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn và Lộc Bình.

Để đánh giá kịp thời quá trình thực hiện Nghị quyết lần thứ 11, 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị

quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, ngày 05/9/1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị để kiểm điểm và đánh giá về Cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ “bốn tốt”. Có hơn 500 đại biểu là cán bộ chủ chốt của các cấp ủy và các chi bộ, đảng bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ về dự.

Các chi bộ, đảng bộ tiêu biểu trong Cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ “bốn tốt” là: Chi bộ xã Quang Lang (huyện Chi Lăng) lãnh đạo sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu; Chi bộ xã Yên Khoái (huyện Lộc Bình) lãnh đạo sản xuất, bảo vệ hậu phương, giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia; Chi bộ ngành cơ khí lãnh đạo sản xuất, phục vụ chiến đấu trong hoàn cảnh phân tán và sơ tán; Chi bộ Đại đội 101 lãnh đạo việc xây dựng, củng cố tinh thần sẵn sàng chiến đấu và quyết tâm chiến thắng; 6 chi bộ, 6 xã thuộc Đảng bộ huyện Tràng Định, lãnh đạo cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã. Qua Cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở “bốn tốt”, nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở trong tỉnh ngày càng phát huy được vai trò và hiệu lực lãnh đạo trên nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Một số chi bộ từ chỗ yếu kém vươn lên trở thành những chi bộ “bốn tốt” như: Chi bộ Quang Lang (Chi Lăng), Chi bộ Yên Khoái (Lộc Bình), Chi bộ Đô Lương (Hữu Lũng), Chi bộ Quảng Lạc (Cao Lộc), Chi bộ Chiêu Vũ (Bắc Sơn), Chi bộ Tân Yên (Văn Lãng), Chi bộ Cấp Kê (Tràng Định)...

Với một số kết quả bước đầu đạt được trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn được Trung ương Đảng biểu dương là một trong những Đảng bộ gương mẫu làm tốt công tác củng cố, xây dựng chi bộ, đảng bộ “bốn tốt”. Tuy nhiên, Hội nghị cũng nhận định trình độ và năng lực lãnh đạo của các cấp ủy và của đội ngũ cốt cán chưa thật đồng

đều. Còn một số chi bộ cơ sở chưa thật sự phát huy được năng lực lãnh đạo, một bộ phận đảng viên còn yếu về năng lực và có biểu hiện kém về phẩm chất, còn tư lợi cá nhân, gây mất đoàn kết, cục bộ bản vị... nên chưa phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu của người đảng viên trước yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng, cũng như trong quá trình vận động, phát động và tổ chức phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Sau khi đánh giá những mặt tồn tại, Hội nghị đề ra phương hướng khắc phục là: “Tiếp tục tiến hành công tác phát triển Đảng theo hướng lựa chọn đảm bảo chất lượng; xem xét công tác kiểm tra tư cách đảng viên; có biện pháp, hình thức xử lý kịp thời và thích đáng đối với một số đảng viên kém phẩm chất; giữ gìn thanh danh của Đảng; giữ gìn lòng tin của quần chúng”.

Để tiếp tục thực hiện Cuộc vận động định canh định cư đối với đồng bào vùng cao theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, ngày 30/9/1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết về việc tổ chức nghiên cứu phát triển kinh tế và văn hóa vùng cao.

Từ ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc cho đến trước khi giặc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại đối với Lạng Sơn, Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh thường xuyên coi trọng công tác vận động định canh, định cư đối với đồng bào vùng cao. Đã có nhiều dự án, kế hoạch giúp đỡ đồng bào vùng cao xây dựng làng xóm định canh, định cư; đầu tư vốn, lao động làm thủy lợi, chăn nuôi và vỡ hoang, từng bước chuyển tập quán canh tác từ phát rừng làm nương sang cấy lúa trên những chân ruộng nước, đầu tư mở trường học, trạm xá... Tuy nhiên, công tác này còn gặp rất nhiều khó khăn trở

ngại, nhất là: Quá trình chuyển biến tư tưởng, tập quán từ làm ăn du canh, du cư sang định canh, định cư; việc rời nhà cửa về nơi cư trú ổn định; vấn đề ổn định ruộng đất canh tác... Vì thế, tỉnh chưa xây dựng được các hợp tác xã nông nghiệp ở vùng cao.

Từ thực tế đó, Tỉnh ủy đề ra chủ trương: “Phải tổ chức tốt việc điều tra, nghiên cứu để xác định cho được phương hướng cụ thể về phát triển kinh tế, văn hóa vùng cao; có phương hướng đúng mới định ra được phương pháp, biện pháp tổ chức thực hiện tốt và mới có kế hoạch đầu tư hợp lý, có hiệu quả”.

Từ cuối năm 1966, Tỉnh ủy cho tiến hành điều tra, nghiên cứu thí điểm ở hai xã Mẫu Sơn và Ái Quốc (huyện Lộc Bình) qua đó khẳng định: Muốn phát triển kinh tế - văn hóa vùng cao có hiệu quả, không thể không tính đến các yếu tố đặc trưng của vùng cao như tập quán làm ăn còn quảng canh manh mún, trình độ dân trí còn thấp và còn bị chi phối nhiều bởi những tập tục lạc hậu. Do đó, nếu tiến hành vận động nóng vội, gượng ép, hời hợt, thiếu điều tra nghiên cứu nghiêm túc, đều không thể đạt được mục tiêu đã định. Đó là bài học để tiếp tục chỉ đạo thực hiện chính sách dân tộc và phát triển kinh tế, văn hóa ở vùng cao.

Trong tháng 11/1966, máy bay địch tập trung đánh phá ác liệt địa bàn hai huyện Chi Lăng và Hữu Lũng, chủ yếu là trên các trục giao thông đường sắt, đường bộ, khu ga Sông Hóa, ga Đồng Mỏ, cầu Sông Hóa, gây cho ta nhiều thiệt hại đáng kể. Các đơn vị pháo cao xạ dững cảm đầy lùi nhiều đợt công kích của địch, bắn rơi tại chỗ 1 máy bay F4H, giữ vững cầu, đường, đảm bảo giao thông thông suốt.

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng và của Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc, tháng 12/1966, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị

tổng kết công tác quân sự địa phương trong hai năm 1965 - 1966. Hội nghị thống nhất nhận định: “Qua hai năm vận dụng đường lối chỉ đạo của Trung ương đối với công tác quân sự địa phương trong tình hình mới, Đảng bộ tập trung chỉ đạo tốt việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị chủ yếu là vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống, vừa đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, từng bước ổn định đời sống trong hoàn cảnh thời chiến, giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội. Đồng thời, Đảng bộ cũng cố gắng phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của một tỉnh hậu phương, góp phần chi viện sức người, sức của cho chiến trường”.

Nét nổi bật của công tác quân sự địa phương trong hai năm 1967 - 1968 là xây dựng và củng cố được hệ thống tổ chức quân sự địa phương (các đơn vị chủ lực và dân quân tự vệ) từ tỉnh tới các xã. Tỉnh duy trì nền nếp công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu ở nhiều ngành, nhiều cấp. Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các địa phương, các ngành trong tỉnh đều chú ý tới công tác xây dựng, củng cố lực lượng quốc phòng, coi đó là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Các cơ sở đảng trong lực lượng vũ trang ngày càng phát huy vai trò lãnh đạo đối với nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Công tác giáo dục ý thức, tác phong quân sự toàn dân đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân. Nhiệm vụ quân sự gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, xây dựng nếp sống văn hóa, tạo nên không khí sôi nổi khẩn trương vừa chiến đấu, vừa sản xuất, vừa bảo đảm đời sống tinh thần ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh.

Các đơn vị vũ trang, bán vũ trang, thanh niên xung phong, thanh niên “Ba sẵn sàng” luôn là lực lượng nòng cốt



Cầu Mệt, thị trấn Hữu Lũng bị bom Mỹ phá hoại, năm 1966



Máy bay Mỹ bị lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn bắn rơi, năm 1966



Tổ dân quân dân tộc Dao, xã Ái Quốc, huyện Lộc Bình bắt phi công Mỹ



Công nhân vận chuyển xây dựng tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước



Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng tỉnh Lạng Sơn năm 1966 tại nơi sơ tán (huyện Văn Lãng)



Thanh niên Lạng Sơn lên đường nhập ngũ



Tiểu đoàn Bắc Sơn tích cực huấn luyện để bổ sung lực lượng cho chiến trường miền Nam

lập nên những thành tích vẻ vang trong chiến đấu bắn rơi máy bay giặc ngay trên vùng trời quê hương, đóng góp hàng vạn ngày công cho giao thông, cho di chuyển, phân tán sơ tán, cho xây dựng các công trình quân sự, công trình phục vụ sản xuất, công trình văn hóa, giáo dục... Mỗi năm, có hàng nghìn lá đơn tình nguyện ra chiến trường, chi viện sức chiến đấu cho tiền tuyến, trong đó có nhiều lá đơn được viết bằng máu, tỏ rõ ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Phát huy truyền thống cách mạng của quê hương xứ Lạng, tỉnh thành lập 2 tiểu đoàn tăng cường, chi viện cho tiền tuyến, có phiên hiệu Bắc Sơn 2 (gồm 623 đồng chí), Bắc Sơn 3 (gồm 648 đồng chí). Các thế hệ cán bộ, chiến sĩ các Tiểu đoàn Bắc Sơn với quyết tâm “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” có mặt ở nhiều chiến trường nóng bỏng, từ Trị - Thiên khói lửa, Khu V trung dũng kiên cường, Tây Nguyên bất khuất, miền Đông gian lao anh dũng đến đồng bằng sông Cửu Long dạn dày, hiên ngang. Trong những năm tháng gian khổ, chiến sĩ của Tiểu đoàn Bắc Sơn chiến đấu anh dũng, lập nên những thành tích vẻ vang. Nhiều chiến sĩ lập công xuất sắc, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Với những kết quả và thành tích bước đầu đạt được, trong hai năm 1965 - 1966, tỉnh Lạng Sơn được Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc tặng Cờ luân lưu khá nhất trong toàn quân khu về công tác quân sự địa phương. Để giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc hăng hái tham gia trên các mặt trận sản xuất, chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, ngày 28/12/1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

ra Nghị quyết về xây dựng nhà Bảo tàng lưu niệm Hoàng Văn Thụ - người chiến sĩ cộng sản kiên trung bất khuất, người con ưu tú của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lạng Sơn.

Nghị quyết của Tỉnh ủy về xây dựng nhà Bảo tàng lưu niệm Hoàng Văn Thụ ngay tại quê hương của đồng chí - xã Văn Thụ, huyện Văn Lãng, là sự biểu thị tình cảm quý trọng, lòng biết ơn sâu sắc theo đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” của Đảng bộ và nhân dân Lạng Sơn đối với người chiến sĩ cách mạng tiền bối, không tiếc máu xương cống hiến trọn đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác thủy lợi đối với việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác thủy lợi năm 1966 nhấn mạnh: “Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, cơ sở đảng, không để chi bộ, đảng viên nào không lãnh đạo, chỉ đạo làm thủy lợi...”. Mặc dù phải tập trung vào công tác chỉ đạo chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, song Tỉnh ủy cũng dành nhiều thời gian nghiên cứu, khảo sát, đề ra nhiều biện pháp tích cực nhằm đẩy mạnh công tác thủy lợi, làm đường giao thông, phủ xanh đồi trọc. Tiếp đó, tỉnh tập trung tăng cường lãnh đạo công tác cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, không ngừng củng cố hợp tác xã nông nghiệp, ra sức mở rộng sản xuất, giải quyết tốt khâu lương thực, đáp ứng nhu cầu đời sống, yêu cầu của chiến đấu, làm tròn nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

Trong năm 1966, toàn tỉnh tiếp tục huy động được hơn 3 triệu ngày công xây dựng và sửa chữa các công trình thủy lợi, đưa diện tích lúa cả hai vụ được tưới tiêu lên thêm hàng

ngàn hécta. Hợp tác xã Chè Lân, xã Hải Yến, huyện Cao Lộc nhận danh hiệu Lá cờ đầu làm tốt công tác thủy lợi của tỉnh. Nhờ làm tốt công tác thủy lợi, trong năm 1966, nhiều hợp tác xã trong tỉnh đạt năng suất lúa 5 tấn/ha, tiêu biểu là các hợp tác xã Thống Nhất, Đội Cung, Cấp Kê (huyện Tràng Định), Khuổi Hẩu, Bản Hún (huyện Bình Gia), Khòn Khẻ (huyện Văn Quan).

Trong hai năm 1965 - 1966, tỉnh bắt đầu chỉ đạo đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bản Quyền (huyện Văn Quan) và Ngả Hai (huyện Bắc Sơn). Ngành lâm nghiệp, ngành giao thông đã chỉ đạo nhân dân trong tỉnh trồng mới được hơn 3.000 ha rừng, mở mang được hàng trăm kilômét đường giao thông nông thôn. Đến cuối năm 1966, toàn tỉnh có 163 xã có đường ô tô đi được đến trung tâm xã, nhờ đó mà các hoạt động lưu thông phân phối, chuyên chở hàng hóa, vật tư bằng xe thô sơ phục vụ sản xuất và đời sống ngày càng được kịp thời và thuận lợi hơn.

Phong trào trồng cây gây rừng và củng cố hệ thống thủy lợi đã góp phần thúc đẩy việc mở mang diện tích gieo trồng. Năm 1966, các hợp tác xã và hộ nông dân trong tỉnh trồng và chăm sóc có kết quả được gần 2.000 ha cây thuốc lá và hàng nghìn hécta cây chè. Riêng huyện Bình Gia trồng được hơn 12 tấn hạt giống chè.

Tận dụng mặt nước hồ, đập thủy lợi, tỉnh quy hoạch, đầu tư xây dựng trại cá giống ở xã Gia Cát, huyện Cao Lộc và các trại cá giống ở các huyện Tràng Định, Hữu Lũng và Lộc Bình, tạo cơ sở cho việc phát triển nghề nuôi cá.

Bước sang năm 1967, quân địch đánh phá Lạng Sơn ngày càng ác liệt. Trong hai ngày 19 và ngày 20/01/1967, nhiều tốp máy bay phản lực của giặc Mỹ lại tiếp tục tập trung đánh

phá khu vực từ ga Bản Thí đến ga Voi Xô và các xã Hòa Thắng, Minh Sơn (huyện Hữu Lũng). Đặc biệt, chúng tập trung đánh phá ga Voi Xô, gây cho ta nhiều thiệt hại. Không nao núng trước sự đánh phá dữ dội của địch, các đơn vị phòng không tập trung hỏa lực, bắn rơi tại chỗ 1 chiếc máy bay F4, buộc chúng ngừng ném bom, chấm dứt đợt đánh phá ác liệt trên quy mô rộng đối với Lạng Sơn. Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng về công tác phòng không nhân dân, ngày 22/3/1967, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị kiểm điểm công tác phòng không nhân dân trong hai năm chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ.

Hội nghị nhận định: Theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy, công tác phòng không nhân dân thực hiện rộng khắp trong toàn tỉnh. Công tác này được thực hiện nghiêm túc ở những nơi thường xuyên bị máy bay địch đánh phá như huyện Hữu Lũng, huyện Chi Lăng và thị xã Lạng Sơn. Đến đầu năm 1967, các địa phương trong tỉnh đào đắp được hàng vạn hầm, hố trú ẩn, những điểm đông người hoạt động như chợ, trường học, cửa hàng mua bán, bến xe, kho tàng tài sản của Nhà nước... được di chuyển đến địa điểm an toàn. Về cơ bản, lực lượng an ninh chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt công tác phòng gian, bảo mật; bảo vệ an toàn tài sản của Nhà nước, tập thể, nhân dân. Do thực hiện nghiêm túc công tác phòng không sơ tán nên trong hai năm, tuy địch đánh phá ác liệt, nhiều địa phương trong tỉnh vẫn duy trì được nền nếp sản xuất; sinh hoạt bình thường, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại về người và của.

Tích cực đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng không sơ tán, đối phó với cường độ đánh phá ngày càng ác liệt của giặc Mỹ đối với Lạng Sơn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị

quyết tăng cường công tác phòng không sơ tán, trong đó nêu rõ: “Các cấp ủy đảng phải coi việc chỉ đạo thực hiện công tác phòng không sơ tán là nhiệm vụ cấp bách, quan trọng. Công tác phòng không sơ tán triệt để lúc này phải được coi là một mệnh lệnh thiết thực để bảo vệ sản xuất, bảo vệ con người, tài sản và đời sống xã hội”.

Từ năm 1967, giặc Mỹ tăng cường đánh phá Lạng Sơn trên quy mô ngày càng rộng lớn từ thị xã Lạng Sơn với nhiều mục tiêu xung yếu như cầu cống, nhà ga, các khu dân cư tập trung trên trục đường sắt Lạng Sơn - Hà Nội đến các trục quốc lộ 1A, 1B, 4A và 4B. Mỗi đợt đánh phá, chúng đều huy động nhiều tốp phản lực thay phiên nhau liên tiếp thả hàng trăm quả bom các loại, có sức hủy diệt lớn, gây cho ta nhiều tổn thất. Tính đến tháng 9/1967, toàn bộ hệ thống nhà ga từ Lạng Sơn đến Voi Xô bị phá hủy hoàn toàn. Các cây cầu quan trọng như cầu Kỳ Cùng (thị xã), cầu Mẹt và cầu Bến Lường (huyện Hữu Lũng), cầu Bản Trại (huyện Tràng Định) và cầu Pò Lọi (huyện Lộc Bình) đều bị hư hỏng nặng. Địch phá hủy 1 nhà thờ, 3 trường học và 623 ngôi nhà, làm 69 người bị chết và 302 người bị thương.

Cùng với sự phá hoại nghiêm trọng của giặc Mỹ là sự khắc nghiệt của thiên tai. Trong hai năm 1966 - 1967, trên phạm vi toàn tỉnh, giá rét và hạn hán làm hỏng hơn 2.000 ha lúa chiêm và làm chết hơn 7.000 trâu, bò cày kéo. Riêng năm 1967, do hạn hán kéo dài, các hồ đập bị cạn, nhiều địa phương chưa làm tốt công tác thủy lợi nên mãi tới tháng 7 mới cấy được 1/3 diện tích lúa mùa; mùa màng vì thế bị thất thu, đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh vô cùng khó khăn. Những tháng cuối năm 1967 và đầu năm 1968, nhiều nơi người dân phải tìm kiếm củ rừng cứu đói.

Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhanh chóng đề ra chủ trương: Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể cần làm tốt công tác tư tưởng để động viên quân và dân bình tĩnh tìm tòi những biện pháp tích cực nhất để tháo gỡ khó khăn; từng bước ổn định đời sống, giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội; tập trung giải quyết tốt việc chống hạn cho cây lương thực ngăn ngừa, tăng cường công tác phòng không; các đơn vị vũ trang bám chắc trận địa, cảnh giác sẵn sàng chiến đấu.

Trước tiên, đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp ủy cơ sở, đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các ngành, các cấp, các đoàn thể phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong mọi công việc; phải chống tư tưởng dao động, chùn bước trước khó khăn, lo thu vén cá nhân, thoái thác nhiệm vụ...

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong hai năm 1966 - 1967, hầu hết các đồng chí cán bộ lãnh đạo từ Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh tới các ngành, các cấp đều thường xuyên có mặt ở những nơi có khó khăn, bức xúc nhất, để cùng cán bộ và nhân dân tìm cách khắc phục thiên tai, khắc phục hậu quả đánh phá của giặc Mỹ, ổn định đời sống, phát triển sản xuất. Nhờ đó, tinh thần đại đoàn kết toàn dân, nghĩa Đảng lòng dân được khơi dậy và phát huy ngày càng mạnh mẽ.

Liên tiếp từ tháng 01 đến tháng 3/1968, giặc Mỹ lại tiếp tục đánh phá ác liệt khu vực từ thị xã, dọc đường sắt và quốc lộ 1A đến địa phận huyện Chi Lăng. Ga Lạng Sơn, cầu Kỳ Cùng, ga và thị trấn Đồng Mỏ là những mục tiêu bị đánh phá ác liệt nhất. Trong những đợt đánh phá này, bom đạn địch gây ra nhiều thiệt hại: Một số nhà dân ở hai khu ga Lạng Sơn, Đồng Mỏ và một số đoạn đường giao thông bị hư hỏng

nặng, hàng chục người bám trụ sản xuất bị thương vong. Những tội ác mới của giặc Mỹ làm cho tình hình sản xuất và đời sống của ta gặp thêm nhiều khó khăn. Nhiệm vụ lúc này là phải khẩn trương và nỗ lực hơn nữa để đảm bảo vừa sản xuất, vừa chiến đấu, tiếp tục chi viện sức người, sức của cho chiến trường.

Thực hiện quyết tâm đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống, ngay khi địch oanh tạc ác liệt cũng như sau khi chúng rút, hàng nghìn thanh niên xung phong và lực lượng chủ lực của tỉnh được huy động bám trụ để kịp thời khắc phục, sửa chữa những đoạn đường hư hỏng, không để giao thông bị ách tắc. Do giá rét và hạn hán kéo dài làm mất mùa liên tục trong hai năm 1966 - 1967, nên những tháng đầu năm 1968, bình quân lương thực của hàng vạn nhân khẩu nông thôn trên địa bàn tỉnh ở dưới mức 13 kg thóc/tháng; có nhiều nơi mức ăn trung bình chỉ từ 7 - 8 kg thóc/tháng. Trước tình hình đó, ngày 29/4/1968, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị “Về công tác phòng đói và chống đói những tháng giáp hạt năm 1968”.

Ngay sau khi có chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ các thị ủy, huyện ủy cùng các ngành, các cấp trong tỉnh triển khai công tác phòng và chống đói tích cực trên phạm vi toàn tỉnh. Trước hết, cấp ủy các huyện, thị cử các đoàn cán bộ tiến hành khảo sát, nắm tình hình lương thực ở từng xã và hợp tác xã, xem xét công tác sản xuất và phân phối đối với nhân dân. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở phân công cán bộ, đảng viên nắm tình hình từng hộ gia đình, trong đó chú trọng tới các gia đình thương binh, liệt sĩ, các gia đình có con em đi bộ đội, đi thanh niên xung phong, các gia đình neo đơn. Ủy ban hành chính tỉnh quyết định bán cho cán bộ nông thôn thiếu

ăn hơn 600 tấn gạo để hỗ trợ đời sống trong những tháng khó khăn nhất. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và các ngành liên quan đề ra kế hoạch thúc đẩy sản xuất, trong đó chú trọng làm tốt công tác thủy lợi, thâm canh, xen canh cây lương thực ngắn ngày, từng bước giải quyết khâu lương thực để ổn định đời sống của nhân dân.

Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng coi trọng các biện pháp kỹ thuật canh tác liên hoàn và toàn diện, thực hiện ba cuộc cách mạng ở nông thôn. Nhiều công trình thủy lợi hư hỏng được sửa chữa kịp thời, phong trào kiến thiết đồng ruộng, làm mương tưới nước, mương tiêu, thực hiện tưới tiêu khoa học. Tỉnh đưa về các hợp tác xã 577 tấn giống lúa mới cho năng suất cao như: Mộc Tuyền, Mộc Khâm, Khe Nam lùn, Bạch Hoa, Chiêu Thắng, Quang Tuyền 3, 127 và Trung Quốc 2... Tỉnh đầu tư xây dựng được thêm 80 điểm cơ khí nhỏ nhằm trang bị công cụ lao động, nông cụ cải tiến cho xã viên các hợp tác xã để cải tiến khâu lao động.

Bên cạnh đó, tỉnh chú ý xây dựng điển hình tiên tiến, vùng 5 tấn được mở rộng. Năm 1967, tỉnh mới có Hợp tác xã Đồng Bục (huyện Lộc Bình) đạt năng suất 5 tấn/ha, 19 hợp tác xã đạt trên 4,3 tấn/ha. Đến năm 1968, toàn tỉnh có 46 hợp tác xã đạt trên 4,3 tấn/ha, trong đó Hợp tác xã Đồng Bục đạt 5,8 tấn/ha¹.

Nhờ sự cố gắng của toàn Đảng bộ và nhân dân, năm 1968, sản xuất nông nghiệp ở Lạng Sơn đạt thành tích tốt. Diện tích lúa cả năm vượt 11,8% kế hoạch và tăng 24,7% so

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Sđd, tr.72-73.

với năm 1967. Dù bị ảnh hưởng bởi thiên tai song sản lượng vẫn đạt kế hoạch và tăng 51% so với năm 1967. Đời sống nhân dân dần đi vào ổn định¹. Cũng từ năm 1968, phong trào trồng cây gây rừng phát triển mạnh ở cả khu vực tập thể, cá thể. Tính chung cả năm, toàn tỉnh trồng được 20.000 ha rừng, vượt kế hoạch 105,2%, tăng gấp 7 lần so với năm 1967.

2. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1968 - 1972)

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, ngày 01/11/1968, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom đánh phá miền Bắc; toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tích cực tham gia đợt động viên chính trị để thực hiện quyết tâm “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Ngày 03/11/1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi cả nước tiến lên đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*. Người nói: “Thế là, sau bốn năm chiến đấu vô cùng anh dũng, quân và dân ta đã giành thắng lợi vẻ vang... Đó là một thắng lợi có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân ta... Thắng lợi đó là thắng lợi của đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta, thắng lợi của lòng yêu nước nồng nàn và của sức mạnh toàn dân đoàn kết quyết chiến, quyết thắng, thắng lợi của chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp. Đó là thắng lợi chung của quân và dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc...”². Người cũng chỉ rõ: “đó mới chỉ là thắng lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005)*, Sđd, tr.72.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.511.

bước đầu”¹, vì vậy, “nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao *tinh thần quyết chiến, quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc*. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi”². Cùng với quân và dân ở miền Bắc, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn ra sức phấn đấu thi đua trong niềm hân hoan phấn khởi vô hạn.

Cuối tháng 11/1968, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn vinh dự được đón đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thăm và làm việc tại Lạng Sơn. Sau khi làm việc với Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh, đồng chí Lê Duẩn tới thăm Đảng bộ, quân và dân các dân tộc huyện Cao Lộc - nơi có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác thủy lợi, trồng cây của tỉnh.

Chuyến thăm và làm việc tại Lạng Sơn của đồng chí Lê Duẩn là nguồn cổ vũ to lớn, tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn bước vào giai đoạn cách mạng mới: Khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng hậu phương vững mạnh, góp phần chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Ngày 26/12/1968, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 185-NQ/TW về tình hình kinh tế hiện nay và nhiệm vụ kinh tế năm 1969. Bộ Chính trị chỉ rõ: “Trước những thử thách nặng nề của chiến tranh, miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã được bảo vệ và vững bước tiến lên trên con đường xã hội chủ nghĩa, đang phát huy mạnh mẽ vai trò, tác dụng của hậu

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.511, 512.

phương lớn đối với tiền tuyến lớn”¹. Bên cạnh những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, chúng ta cũng mắc phải những khuyết điểm về công tác chỉ đạo và quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Những khuyết điểm và nhược điểm của chúng ta đã dẫn đến tình trạng trì trệ, giảm sút trong một số ngành kinh tế và làm nảy sinh một số hiện tượng tiêu cực. Theo đó, Kế hoạch nhà nước năm 1969 cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ:

“1. Tập trung sức bảo đảm đầy đủ và kịp thời yêu cầu tăng cường sức chiến đấu cho tiền tuyến, thực hiện triệt để khẩu hiệu: Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

2. Đẩy mạnh sản xuất và xây dựng, bảo đảm đời sống của nhân dân, tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, xây dựng kinh tế địa phương, ra sức tăng cường giao thông vận tải và những ngành trọng yếu của công nghiệp do Trung ương quản lý, làm cho lực lượng kinh tế miền Bắc thêm lớn mạnh.

3. Tích cực chuẩn bị cho những năm sau và cho việc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh”².

Để tiếp tục nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đối với nhiệm vụ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thực hiện Nghị quyết số 185-NQ/TW của Bộ Chính trị. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tiến hành tổ chức triển khai học tập chính trị đợt 2 từ tháng 11/1968 đến tháng 01/1969, với chủ đề “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” trong toàn Đảng bộ. Trong đợt sinh hoạt chính trị này, các cấp ủy

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.29, tr.567, 572.

đảng, các ngành, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân tập trung học tập Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nghiên cứu, quán triệt có hệ thống những quan điểm cơ bản về đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng, làm cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thấm nhuần tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, nêu cao ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Cũng trong đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng này, các cấp ủy đảng tổ chức cho các ngành, đoàn thể và tầng lớp nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng đối với sự lãnh đạo của Đảng, từ Tỉnh ủy tới các chi bộ, góp ý phê bình đảng viên, nhằm tăng cường hiệu lực, nâng cao tinh thần trách nhiệm, vai trò tiên phong gương mẫu của các cấp ủy đảng cũng như của đội ngũ đảng viên, trong việc tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các chủ trương cụ thể của Đảng bộ về sản xuất, chiến đấu và xây dựng kinh tế - xã hội.

Giữa lúc quân và dân hai miền Nam - Bắc đang đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngày 02/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của Đảng và Nhân dân ta từ trần. Đây là một tổn thất vô cùng to lớn đối với cả dân tộc ta. Trong niềm đau thương vô hạn, ngày 09/9/1969, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn tổ chức lễ truy điệu trọng thể Chủ tịch Hồ Chí Minh tại sân vận động Đông Kinh (thị xã Lạng Sơn).

Biến đau thương thành hành động cách mạng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phát động phong trào học tập và làm theo *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Động viên quân và dân các dân tộc trong tỉnh tích cực hoàn thành tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội trong giai đoạn khôi phục và phát triển kinh tế. Xây dựng tinh hậu phương ngày càng

vững mạnh, góp phần cùng đồng bào miền Bắc chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, thực hiện điều mong ước lớn lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Từ năm 1969, đế quốc Mỹ tăng cường hoạt động chống phá ngấm đấm với miền Bắc. Quán triệt Thông báo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đầu tháng 4/1970, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị bàn công tác giữ gìn trật tự trị an trong địa bàn tỉnh. Hội nghị nhận định: Trước diễn biến của tình hình chung, bọn gián điệp, đặc vụ Mỹ câu kết với tàn quân thổ phỉ phản động, nhất định sẽ tiến hành ẩn nấp hoạt động trên địa bàn Lạng Sơn. Chúng âm mưu chui sâu, leo cao vào nội bộ các cơ quan Đảng và Nhà nước, vào các cơ sở kinh tế và quốc phòng của ta để gây cơ sở, thu thập tin tức tình báo, xuyên tạc đường lối của Đảng, kích động tiêu cực... trong khi Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đang phải khẩn trương tập trung vào thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh có không ít khó khăn, trở ngại, tư tưởng hòa bình chủ nghĩa xuất hiện trong các tầng lớp nhân dân, thậm chí cả trong một số cán bộ, đảng viên. Những khiếm khuyết trong chỉ đạo, trong tổ chức khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội tạo kẽ hở cho một số hiện tượng tiêu cực xuất hiện. Kẻ địch tìm cách lợi dụng những tồn đọng, thiếu sót đó để hoạt động gây rối.

Từ năm 1969, tình hình quan hệ giữa Trung Quốc và ta bắt đầu căng thẳng. Phía Trung Quốc vu khống Việt Nam là “xét lại” và cho người dân sống dọc vùng biên giới xâm canh, xâm cư 3 ha đất thuộc khu vực xã Thanh Lò (huyện Cao Lộc), xã Tú Mịch (huyện Lộc Bình), xã Hoàng Thanh và xã Thụy Hùng (huyện Văn Lãng). Lực lượng công an vũ trang

kiên quyết xử lý kịp thời, đảm bảo chủ quyền quốc gia và tình đoàn kết hữu nghị giữa hai quốc gia¹.

Trước tình hình trên, nhiệm vụ bảo vệ biên giới được đặt ra hết sức cấp thiết và quan trọng. Phương châm tiến hành công tác biên giới là vừa bảo đảm chủ quyền quốc gia, vừa phải giữ vững và duy trì tốt quan hệ hữu nghị với nước láng giềng. Quán triệt tinh thần trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra các biện pháp cụ thể:

- Kiên quyết chống lại mọi âm mưu hoạt động gián điệp và phá hoại của địch; đảm bảo an ninh trong nội bộ và biên giới; bảo vệ và thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế của tỉnh.

- Trên cơ sở thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1970, thực hiện chủ trương củng cố Đảng, chính quyền, đoàn thể; đẩy mạnh phong trào bảo mật phòng gian, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, trường học, bệnh xá an toàn.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ nội bộ Đảng, bảo vệ sản xuất, bảo vệ văn hóa, tư tưởng, bảo vệ quốc phòng và giao thông vận tải.

- Tăng cường giáo dục pháp chế xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh các biện pháp quản lý công khai, kết hợp tốt phong trào lao động sản xuất với bảo vệ trị an xã hội. Giải quyết từng bước có hiệu quả những vấn đề phức tạp trong nội bộ nhân dân các dân tộc.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ tháng 4/1970, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh lần lượt tổ chức quán triệt sâu rộng trong các tầng lớp

1. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn, tập I (1959 - 1995)*, Sđd, tr.100.

nhân dân về công tác bảo vệ trật tự trị an xã hội trong tình hình mới.

Lực lượng an ninh cùng các cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương tiến hành củng cố các đội an ninh nhân dân, đẩy mạnh công tác phòng gian, bảo mật; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát nhân khẩu để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các phần tử phản động móc nối, lợi dụng bọn xấu, lợi dụng tôn giáo, ngăn chặn tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội. Ngành an ninh phối hợp với lực lượng vũ trang phổ biến và triển khai rộng rãi các phương án phòng, chống gián điệp, biệt kích xâm phạm, hoạt động trên địa bàn của tỉnh.

Do nắm bắt và quán triệt kịp thời chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ của Trung ương và sự lãnh đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh nỗ lực vượt lên mọi khó khăn, gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ, đến cuối năm 1970, toàn tỉnh thu được nhiều thành tích đáng kể trên tất cả các mặt, bước đầu tạo đà đưa công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế của tỉnh vận động đúng hướng, ngày càng có hiệu quả. Trong năm 1970, hàng chục công trình thủy lợi lớn nhỏ phát huy hiệu quả phục vụ sản xuất. Diện tích gieo trồng được nâng lên 53.649 ha, sản lượng lương thực đạt hơn 80.000 tấn, tăng 33,2% so với năm 1969. Các huyện có phong trào thâm canh tăng năng suất, sản lượng lương thực và chăn nuôi phát triển tiêu biểu là Tràng Định, Lộc Bình, Văn Quan, Cao Lộc và Bình Gia. Riêng Hợp tác xã Cấp Kê (Tràng Định) đạt 7 tấn/ha, Hợp tác xã Khau Bó (Văn Lãng) đạt 8 tấn/ha.

Ngành công nghiệp xây dựng được hàng chục công trình, sản xuất ra nhiều sản phẩm tiêu dùng phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống. Năm 1970, giá trị tổng sản lượng

ngành công nghiệp tiêu dùng của tỉnh đạt hơn 13.000.000 đồng, tăng 12% so với năm 1969. Công tác xây dựng cơ bản đầu tư được hơn 13.000.000 đồng (gồm cả vốn do Trung ương cấp và vốn của địa phương) cho xây dựng công trình trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, kiến trúc, lâm nghiệp, trong đó quan trọng nhất là xây dựng và hoàn thành 12 công trình thủy điện với công suất 511 kW góp phần đảm bảo yêu cầu phát triển công nghiệp địa phương.

Năm 1970, tỉnh chú trọng nhiều tới việc triển khai thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và công tác tổ chức, động viên tuyển quân. Trong năm, tỉnh đề ra chủ trương trợ cấp thường xuyên cho những gia đình thương binh, liệt sĩ gặp nhiều khó khăn. Cấp ủy, chính quyền các địa phương chú trọng thường xuyên công tác điều hòa nhân lực, điều hòa lương thực, giúp đỡ hàng ngàn gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có con em đi bộ đội, thanh niên xung phong, công nhân quốc phòng. Mặt trận và các ngành, đoàn thể phụ nữ, thanh niên phát động phong trào tình nghĩa, quyên góp, thường xuyên tổ chức gửi thư động viên, thăm hỏi, thông báo tình hình quê nhà, tình hình gia đình tới các chiến sĩ ở chiến trường xa để họ yên tâm cầm chắc tay súng chiến đấu và chiến thắng.

Trong hai đợt tuyển quân năm 1970, hàng nghìn thanh niên các dân tộc tỉnh Lạng Sơn lên đường nhập ngũ, những người con thân yêu của quê hương xứ Lạng có mặt ở hầu hết các nẻo đường ra mặt trận và trên những chiến trường ác liệt. Tự hào và xứng đáng với truyền thống cách mạng của quê hương, họ chiến đấu anh dũng, lập nên nhiều thành tích vẻ vang, góp phần làm nên những thắng lợi ngày càng to lớn

của quân và dân ta trong cuộc chiến đấu “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Đối với yêu cầu phát huy hiệu lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, cuối năm 1970, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra chủ trương triển khai thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 06/3/1970 của Bộ Chính trị về Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, làm cơ sở củng cố chất lượng đảng viên trong toàn Đảng bộ, tiếp tục củng cố các chi bộ, đảng bộ cơ sở “bốn tốt”, làm nòng cốt lãnh đạo công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế trong tình hình mới. Trong đợt kiểm tra phân loại này, Tỉnh ủy và cấp ủy các huyện, thị biểu dương hàng trăm cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tiên phong gương mẫu trong công tác, học tập, tu dưỡng và trong lối sống. Đồng thời, Tỉnh ủy cũng nghiêm khắc thi hành kỷ luật 330 trường hợp đảng viên sa sút phẩm chất, vô trách nhiệm, ý thức kỷ luật kém.

Để tiếp tục củng cố, tăng cường sức mạnh của Đảng và động viên kịp thời phong trào thi đua yêu nước của các tổ chức đoàn thể, của tuổi trẻ các dân tộc trong tỉnh, vào những tháng cuối năm 1970, trong đợt phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, toàn Đảng bộ kết nạp được thêm 259 đảng viên mới, bổ sung cho Đảng bộ một lực lượng trẻ, khỏe, hầu hết có trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước gánh vác những nhiệm vụ cách mạng nặng nề và khó khăn, gian khổ trong tình hình mới.

Từ ngày 15/5 đến ngày 02/6/1971, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ VI được tổ chức long trọng tại Phai Vệ (thị xã Lạng Sơn). Dự Đại hội có 246 đại biểu, thay mặt cho 15.453 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội Đảng bộ lần thứ VI tập trung kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ V, các nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ khóa V được đề ra trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Đồng thời, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội 3 năm 1971 - 1973.

Đại hội biểu dương thành tích chiến đấu của nhân dân các dân tộc trong tỉnh góp phần bắn rơi 66 máy bay Mỹ. Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: “Mặc dù phải thường xuyên đối phó với chiến tranh hủy diệt và thiên tai tàn phá, đời sống của cán bộ và nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, song với tinh thần “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, toàn tỉnh huy động được hàng vạn nhân lực trẻ, khỏe lên đường nhập ngũ, bổ sung cho chiến trường, cho các đơn vị chiến đấu và xây dựng tại chỗ; huy động thuế lương thực hằng năm nhanh, gọn và đầy đủ; đảm bảo giao thông thông suốt, phục vụ kịp thời yêu cầu của sản xuất, chiến đấu và chi viện cho phía trước. Các cấp ủy, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện chính sách hậu phương, góp phần không nhỏ động viên tinh thần, ý chí quyết tâm của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, vượt qua nhiều thử thách, gian nan, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu như Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra”¹.

Đại hội đề ra nhiệm vụ tổng quát về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong 3 năm 1971 - 1973 là: Đưa nền kinh tế lên từng bước cân đối và phát triển hơn những năm trước

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội, Sđd*, tr.47.

chiến tranh, bảo đảm hoàn thành kế hoạch nhà nước để làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, nâng cao đời sống và có tích lũy, có nhiều hàng xuất khẩu. củng cố thêm một bước quan hệ sản xuất mới, đưa trình độ quản lý hợp tác xã lên khá hơn trước, đưa trình độ quản lý kinh tế quốc doanh đi vào hạch toán chặt chẽ; góp phần tích cực vào tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, củng cố hậu phương, sẵn sàng chiến đấu và chi viện đầy đủ cho tiền tuyến đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trên cơ sở không ngừng củng cố và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý kinh tế và quản lý xã hội của chính quyền, phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ tập thể của quần chúng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 21 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đức được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí La Thăng và đồng chí Bế Chấn Hưng được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc về việc tiến hành tổng kết công tác quân sự địa phương, từ ngày 12 đến ngày 14/01/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị tổng kết công tác quân sự địa phương trong 8 năm chống Mỹ, cứu nước (1964 - 1971). Hội nghị lần này tập trung kiểm điểm việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng đối với công tác quân sự địa phương, đánh giá những thắng lợi đạt được, rút ra những bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, tổ chức triển khai của Đảng bộ đối với công tác quân sự, chủ yếu từ khi giặc Mỹ tiến hành chiến tranh bắn phá Lạng Sơn, đến trước Đại hội Đảng bộ lần thứ VI.

Thực tế Lạng Sơn là một trong nhiều minh chứng cụ thể và sinh động cho đường lối quân sự của Đảng về xây dựng

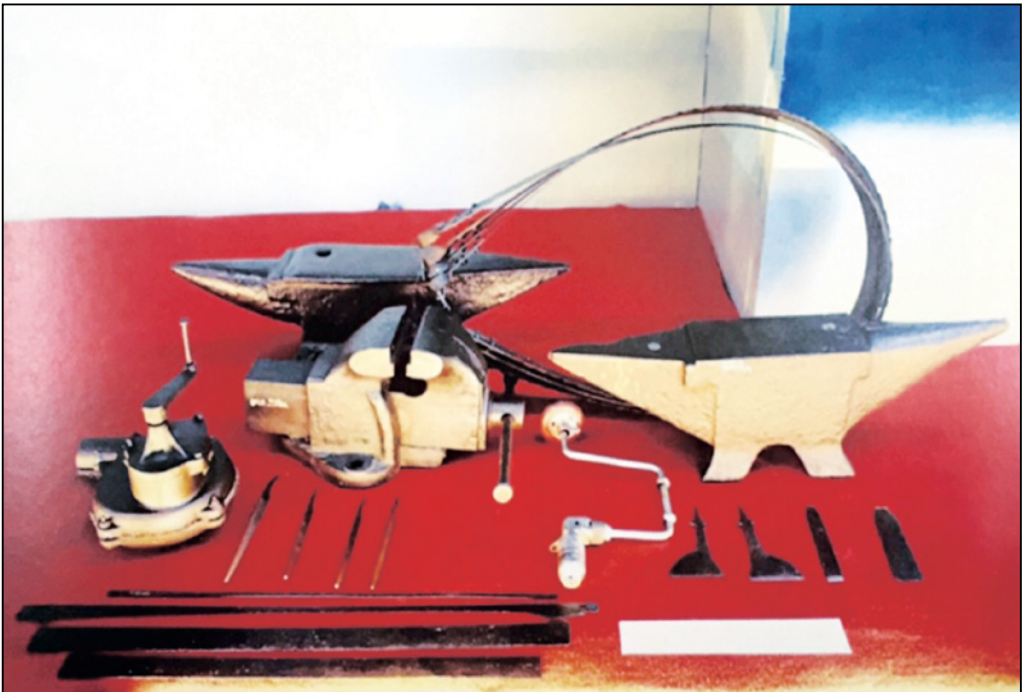
thế trận chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Quán triệt nhiệm vụ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ chính trị trung tâm hàng đầu “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, công tác quân sự của tỉnh đạt được những thắng lợi cơ bản. Ngay ở thời điểm giặc Mỹ bắt đầu đánh phá (tháng 9/1965), Lạng Sơn đã củng cố được hệ thống các cơ quan tham mưu, chỉ huy quân sự từ tỉnh tới xã, các đơn vị vũ trang chính quy chiến đấu được tăng cường, đảm bảo sẵn sàng đánh trả địch ngay trên vùng trời quê hương.

Đồng thời với việc củng cố các đơn vị vũ trang địa phương, tỉnh còn thực hiện phương châm: “Đâu có dân là ở đó có dân quân, tự vệ”. Đến đầu năm 1966, hầu hết các xã, các cơ quan trong tỉnh tổ chức được một lực lượng dân quân tự vệ đông đảo với hàng nghìn tay súng được huấn luyện thường xuyên. Lực lượng vũ trang không những được củng cố, tăng cường về số lượng mà ngày càng được nâng cao về chất lượng. Đến năm 1971, các đơn vị vũ trang chủ lực của tỉnh đều xây dựng và củng cố được các chi bộ đảng vững mạnh, tỷ lệ đảng viên là cán bộ chỉ huy quân sự cấp xã chiếm 76,8%, là chỉ huy các đội dân quân, tự vệ chiếm 92,3%.

Trong thời gian có chiến tranh phá hoại, mặc dù phải tập trung vào nhiệm vụ hàng đầu là lãnh đạo cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc và chỉ viện cho tiền tuyến lớn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy vẫn chú trọng tới việc xây dựng các phương án phòng thủ của tỉnh, đặc biệt là ở các địa bàn vùng núi biên giới, trong đó có các khu phòng thủ chiến đấu ở xã Xuất Lễ (huyện Cao Lộc), các xã Chi Lăng, Mai Sao, Bắc Thủy, Nhân Lý (huyện Chi Lăng) và các xã Lợi Bác, Đông Quan, Ái Quốc (huyện Lộc Bình). Phương án phòng thủ



Đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
về thăm hồ chứa nước Nà Sản, huyện Cao Lộc, cuối năm 1968



Bộ đồ mộc và đồ rèn Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi tặng nhân dân xã Đô Lương (huyện Hữu Lũng) vì đã có thành tích trồng rừng và làm nghề rừng giỏi, năm 1969



Đoàn đại biểu Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh Lạng Sơn
túc trực bên linh cữu Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội trường Ba Đình,
tháng 9/1969



Anh hùng Nông Văn Nghi và trợ lý công binh Nguyễn Xuân Tập (Tỉnh đội Lạng Sơn) phá bom máy bay Mỹ ném xuống đường sắt gần ga Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng



Thanh niên xung phong N67 của Lạng Sơn sửa chữa đường, đảm bảo giao thông suốt thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ

được phổ biến trên địa bàn toàn tỉnh là: bố trí lực lượng chống biệt kích đổ bộ đường không, xâm nhập đường bộ; chống bạo loạn từ bên ngoài vào, từ bên trong ra... Các phương án này thường xuyên được các cơ quan quân sự bổ sung, điều chỉnh và tổ chức diễn tập để ngày càng hợp lý hơn với thực tế của từng vùng, từng địa bàn dân cư khác nhau trong tỉnh.

Thành tích nổi bật của các lực lượng vũ trang trong những năm trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ là tổ chức được lực lượng sẵn sàng chiến đấu kịp thời và chiến đấu thắng lợi, bắn rơi 66 máy bay các loại. Đồng thời với việc tổ chức hiệp đồng tác chiến cùng các đơn vị phòng không chủ lực, lực lượng dân quân tự vệ phối hợp chặt chẽ cùng các đơn vị thanh niên xung làm công tác phân tán, sơ tán và di chuyển được hàng nghìn tấn hàng, tài sản của Nhà nước, tập thể, bố trí được hàng vạn dân cư tới những địa điểm sơ tán an toàn, huy động được hàng vạn ngày công để mở đường và xây dựng trận địa, đào đắp được hàng nghìn hầm hố trú ẩn, khắc phục sửa chữa được hàng trăm kilômét đường giao thông và hàng chục cây cầu bị bom đạn địch đánh phá hư hỏng. Đồng thời, lực lượng vũ trang và bán vũ trang của tỉnh đóng vai trò nòng cốt trong công tác an ninh, triển khai thực hiện tốt công tác phòng gian bảo mật, làm trong sạch địa bàn ở những vùng xung yếu, trọng điểm như ven các trục đường giao thông huyết mạch, vùng đông dân cư tập trung, vùng biên giới, ngăn ngừa và trừng trị kịp thời tội phạm an ninh, tội phạm hình sự, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện chủ trương kết hợp củng cố quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội, các lực lượng vũ trang huy động

được hàng vạn ngày công cho xây dựng, củng cố các công trình thủy lợi, mở rộng và sửa chữa hàng trăm kilômét đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất và đời sống, trồng mới được hàng nghìn hécta rừng, thúc đẩy kinh tế đồi rừng phát triển. Đây chính là cơ sở chủ yếu để xây dựng, củng cố hậu phương ngày càng vững chắc, góp phần chi viện kịp thời sức người, sức của cho tiền tuyến. Các huyện có nhiều thành tích trong việc kết hợp củng cố quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian này là Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Quan, Lộc Bình và Cao Lộc.

Trong thời gian có chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, mỗi năm toàn tỉnh có hàng nghìn thanh niên nhập ngũ và tham gia chiến đấu. Đó là những việc làm tiêu biểu cho ý chí “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, mãi mãi là niềm tự hào của nhân dân các dân tộc Lạng Sơn đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta. Các huyện, thị có phong trào tuyển quân tốt thời gian này là: Tràng Định, Bắc Sơn, Bình Gia và thị xã Lạng Sơn. Đến cuối năm 1971, toàn tỉnh có 4.694 hộ gia đình có con em tham gia trực tiếp chiến đấu ở chiến trường B; 320 hộ có con em tham gia trực tiếp chiến đấu ở chiến trường C, trong đó có 128 hộ gia đình có 2 con nhập ngũ, 17 hộ có 3 con nhập ngũ và 4 hộ có 4 con nhập ngũ.

3. Tham gia tiến công chiến lược năm 1972, góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ

Từ tháng 4/1972, để cứu vãn tình thế ngày càng bi thảm ở chiến trường miền Nam, giặc Mỹ huy động một lực lượng lớn không quân và hải quân đánh phá trở lại miền

Bắc nước ta với mức độ và cường độ ngày càng ác liệt hơn. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho cơ quan quân sự tỉnh nhanh chóng củng cố Tiểu đoàn 54A pháo cao xạ 37 ly, các đại đội, trung đội súng máy phòng không 14,5 mm, 12,7 mm gấp rút huấn luyện, thường trực sẵn sàng chiến đấu.

Ngày 11/5/1972, máy bay Mỹ đánh phá các địa bàn thuộc khu vực phía nam tỉnh Lạng Sơn. Trong trận đánh phá này của địch, nhiều nhà ga, cầu trên tuyến đường sắt và quốc lộ 1A bị hỏng nặng.

Trước diễn biến nhanh chóng của tình hình, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị: “Địch có thể sẽ tiến hành đánh phá tỉnh ta trên quy mô rộng hơn, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể các địa phương cần gấp rút đề ra phương án bảo vệ và duy trì sản xuất, thực hiện phòng không, sơ tán triệt để trên phạm vi toàn tỉnh. Chuẩn bị lực lượng hỗ trợ, phục vụ chiến đấu; tăng cường công tác an ninh để kịp thời đối phó với mọi tình huống xảy ra. Công việc trung tâm đặt ra đối với Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn là phải bảo quản và vận chuyển tốt hàng hóa, bảo đảm giao thông thông suốt trong mọi tình huống”.

Chủ động trước yêu cầu mới, ngày 12/5/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Giải tỏa hàng hóa và điều hòa vận tải của tỉnh; phân công đồng chí Chu Việt Thắng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh làm Trưởng ban. Trong khi Trung ương chưa có chủ trương chính thức về công tác này thì quyết định của Tỉnh ủy Lạng Sơn là sự thể hiện tinh thần cách mạng, sáng tạo, nhạy bén, đầy trách nhiệm, trước yêu cầu khẩn trương của tình hình.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngay trong tháng 5/1972, hàng nghìn cán bộ, bộ đội, thanh niên xung phong và nhân dân các địa phương trong tỉnh được huy động để vận chuyển, giải tỏa hàng hóa đến các địa bàn an toàn, trước khi địch tiến hành đánh phá trên quy mô lớn. Trong những ngày nóng nực của mùa hè năm 1972, công việc vận chuyển, sơ tán cất giấu hàng hóa của hàng nghìn cán bộ, bộ đội, thanh niên xung phong và nhân dân diễn ra hết sức khẩn trương và tấp nập, ở các kho ga, từ ga Đồng Đăng tới ga Sông Hóa đến những thung lũng an toàn của các vùng quê Văn Lãng, Văn Quan, Cao Lộc, Lộc Bình, Tràng Định, Bình Gia, Bắc Sơn và các xã vùng sâu của Chi Lăng, Hữu Lũng. Hằng ngày, có tới hàng nghìn lượt người, xe cơ giới, xe thô sơ đi lại làm việc.

Đến cuối tháng 5/1972, toàn tỉnh giải tỏa được gần 30.000 tấn hàng hóa các loại ở các kho hàng của Trung ương tới các địa điểm an toàn, tiện lợi cho bảo quản và vận chuyển. Lực lượng an ninh, bộ đội và dân quân tự vệ phối hợp tuần tra, canh gác, bảo vệ tốt các kho hàng ở nơi sơ tán.

Cùng thời gian này, các cấp ủy đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể trong tỉnh tổ chức cho cán bộ và nhân dân sơ tán nhanh chóng được hơn 10.000 tấn hàng hóa, tài sản, vật tư của tỉnh, từ các trọng điểm thị xã, thị trấn, ven trục đường quốc lộ về nơi cất giấu an toàn; đào đắp mới và sửa chữa được hàng nghìn hầm hố trú ẩn trên nhiều địa điểm, địa hình khác nhau.

Ngày 06/6/1972, máy bay địch tập trung đánh phá khu vực thị trấn, ga Đồng Mỏ và xã Mai Sao (huyện Chi Lăng), làm hư hỏng một đoạn đường giao thông trên tuyến quốc lộ 1A. Ngay sau khi địch rút, cán bộ, dân quân tự vệ và nhân dân xã Mai

Sao huy động hơn 40 người nhanh chóng san lấp, đảm bảo thông xe ngay ngày hôm sau.

Ngày 09/6/1972, máy bay địch lại đánh phá địa bàn thị xã Lạng Sơn. Trong trận chiến đấu quyết liệt này, Tiểu đoàn pháo cao xạ 54A hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị phòng không Sư đoàn 375, tổ chức các trận đánh trả kiên cường, thể hiện ý chí quyết thắng của bộ đội ta. Ngay khi địch vừa tiếp cận vùng trời thị xã, các đơn vị pháo cao xạ đồng loạt tấn công, cùng lúc các đơn vị công binh bắn hỏa mù dày đặc trùm lên nhiều mục tiêu quan trọng, làm cho địch không những không xác định rõ được mục tiêu mà còn hoang mang hoảng hốt phải tháo chạy. Ngay khi khói đạn và hỏa mù chưa tan hẳn, lực lượng giải tỏa hàng hóa ở ga Lạng Sơn kịp thời phân tán hàng trăm tấn hàng ra khỏi trọng điểm đem đi cất giấu ở những nơi an toàn.

Trung tuần tháng 6/1972, Đảng và Chính phủ quyết định thành lập Ban Điều hòa vận tải của Trung ương đóng tại Lạng Sơn do đồng chí Hồng Xích Tâm làm Trưởng ban. Đồng thời, Trung ương cũng giao nhiệm vụ chính thức cho Lạng Sơn: bố trí, huy động lực lượng chủ yếu, để hỗ trợ kịp thời cho yêu cầu ngày càng cấp bách của công tác này. Phó Thủ tướng Đỗ Mười thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ trao nhiệm vụ cho Tỉnh ủy và nhân dân tỉnh Lạng Sơn: “Đây là vấn đề quan trọng, làm xấu, làm tốt đều tác động rất nhiều đến cả hai miền Nam - Bắc, đến nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng của cả hai miền”.

Ngay sau khi nhận được nhiệm vụ chính thức của Trung ương, hàng nghìn nhân lực từ các tỉnh miền xuôi được điều động lên Lạng Sơn làm nhiệm vụ giải tỏa hàng hóa. Lực lượng giải tỏa của Trung ương đảm nhận chủ yếu việc giải

tỏa, bốc xếp hàng hóa ở các kho ga. Một bộ phận lực lượng giải tỏa với hơn 30 xe cơ giới, xe thô sơ các loại của tỉnh hỗ trợ thường xuyên ở các trọng điểm có hàng hóa của Trung ương. Bộ phận còn lại làm nhiệm vụ giải tỏa tài sản và hàng hóa của tỉnh cũng như tiếp nhận, vận chuyển, phân phối hàng hóa đưa từ các tỉnh đồng bằng lên phục vụ đời sống, phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh và cho sinh hoạt của các cơ quan trung ương đóng tại tỉnh. Tỉnh ủy chỉ thị cho ngành giao thông cùng với các cấp ủy, chính quyền địa phương tiến hành thi công thêm các cầu phụ trên các đoạn đường xung yếu để đảm bảo giao thông thông suốt trong bất kỳ tình huống nào.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngay từ tháng 6/1972, ngành giao thông phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy đảng, chính quyền các huyện, thị lần lượt tổ chức thi công các công trình cầu phao, tôn cầu phao Gốc Hồng (huyện Hữu Lũng), cầu Khánh Khê, cầu phao Đức Hình (huyện Văn Quan), cầu cáp (thị xã Lạng Sơn)... Trong những ngày thi công khẩn trương các công trình này, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy cùng các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh thường xuyên luân phiên có mặt trên các công trường để động viên, khuyến khích cán bộ, công nhân và nhân dân vượt qua mọi khó khăn, không quản ngày đêm để hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời với việc thi công thêm các công trình cầu phụ, cán bộ, bộ đội, thanh niên xung phong và nhân dân các địa phương còn tiến hành đào đắp, sửa chữa hàng nghìn hầm, hố trú ẩn ven các trục quốc lộ 1A, 1B để đảm bảo an toàn cho người, hàng hóa và các phương tiện vận tải.

Ngày 05/7/1972, máy bay địch đánh phá khu vực xã Mai Sao (huyện Chi Lăng) làm hỏng một đoạn đường giao thông

trên trục quốc lộ 1A. Ngay sau khi địch rút, chính quyền và nhân dân xã Mai Sao huy động hàng trăm nhân lực tích cực san lấp, khắc phục nhanh chóng để thông đường ngay từ ngày 06/7/1972. Ngày 10/7/1972, máy bay địch tập trung đánh phá địa phận trung tâm huyện Hữu Lũng, làm cho cầu Mẹt bị hư hỏng nặng. Ngay sau đó, Ủy ban hành chính huyện huy động hơn 400 người thuộc các xã Đồng Tân, Cai Kinh, phố Mẹt tham gia san lấp hố bom, mở đường phụ cho xe qua.

Thực hiện nhiệm vụ do Trung ương giao về việc xây dựng đường ống tiếp nhận dầu từ cửa khẩu vào nội địa, đầu tháng 7/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tổ chức công trường thi công lắp đặt đoạn đường ống dẫn dầu dài 110 km, nằm trên địa bàn của tỉnh, công trường mang phiên hiệu 274 do đồng chí Hoàng Thoại, Tỉnh ủy viên được phân công làm Chỉ huy trưởng công trường.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các huyện, thị, các cơ quan, ban, ngành huy động 3.352 nhân lực, với 100.000 ngày công tập trung cho công trường thi công này¹. Vượt qua những khó khăn về đời sống, hiểm nguy về tính mạng, gian khổ về công việc khi phải lắp đặt đường ống trên nhiều địa hình phức tạp, với ý chí quyết tâm, tinh thần trách nhiệm và nỗ lực vượt bậc của cán bộ và công nhân, đến ngày 06/8/1972, công trường 274 lắp đặt xong đường ống dẫn dầu, đưa vào hoạt động có hiệu quả, kịp thời phục vụ chiến đấu.

1. Huyện Tràng Định có 441 người; huyện Văn Lãng có 322 người; huyện Văn Quan có 286 người; huyện Cao Lộc có 495 người; huyện Lộc Bình có 401 người; huyện Bình Gia có 430 người; huyện Bắc Sơn có 401 người; huyện Hữu Lũng có 440 người; huyện Chi Lăng có 410 người; các cơ quan tỉnh có 16 người.

Ngày 25/8/1972, máy bay địch tiếp tục đánh phá dữ dội thị xã. Các mục tiêu chúng tập trung ném bom là ga Lạng Sơn, cầu Kỳ Cùng. Không nao núng trước bom đạn ác liệt, các đơn vị phòng không phát huy tinh thần chiến đấu dũng cảm, phối hợp nhịp nhàng, nổ súng bắn rơi 1 máy bay F4H của địch, bắt sống giặc lái.

Thực hiện nhiệm vụ được Trung ương giao, trong thời gian ngắn, từ tháng 5 đến tháng 8/1972, toàn tỉnh huy động được hơn 40 vạn ngày công cho đảm bảo giao thông thông suốt, cho giải tỏa hàng vạn tấn hàng hóa, khai thác hàng vạn cây gỗ, tre, vầu, hơn 30.000 thanh tà vẹt, gần 4.000 tấn ván cầu xây dựng bến, bãi, kho tàng, sửa chữa cầu, đường sắt, đường bộ; tu sửa, đào mới hàng nghìn hầm hố trú ẩn và xây dựng công trình đường ống dẫn dầu. Trong đó riêng hai đơn vị là đội cầu và đội bảo dưỡng đường bộ thuộc Ty Giao thông huy động được hơn 7 vạn công sửa chữa được nhiều đoạn đường hư hỏng với tổng chiều dài hơn 300 km, làm mới được hàng chục cầu phao, cầu cáp qua sông, suối...

Sau khi đế quốc Mỹ bắn phá miền Bắc bằng máy bay lần thứ hai (năm 1972), do các cảng biển bị quân Mỹ phong tỏa nên cửa khẩu Lạng Sơn lúc này có vị trí cực kỳ quan trọng. Hàng hóa của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và của bạn bè quốc tế được đưa vào Việt Nam qua cửa khẩu Hữu Nghị là chủ yếu. Lúc này Lạng Sơn không chỉ làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông mà còn phải thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và giải tỏa hàng hóa nhập khẩu đang để tạm trên vùng đất Lạng Sơn. Lúc này, Lạng Sơn có vai trò như một cảng nổi.

Phối hợp với lực lượng vận tải hàng hóa của Trung ương, lực lượng giải tỏa hàng của tỉnh không quản ngày đêm và

bom đạn giải tỏa, bảo quản và tham gia vận chuyển về xuôi được 80.000 tấn hàng các loại, tổ chức đón nhận từ cửa khẩu vào hai tuyến đường sắt và đường bộ được hơn 300.000 tấn hàng, trong đó có 40.000 tấn hàng quân sự, vũ khí đạn dược, quân trang. Cũng trong thời gian này, các đơn vị vận tải quân sự Trung Quốc giúp vận chuyển được hơn 90.000 tấn hàng theo hai trục quốc lộ 1A và 1B.

Ngày 12/9/1972, địch tiếp tục đánh phá ác liệt thị xã Lạng Sơn. Trong trận chiến đấu quyết liệt để bảo vệ các trọng điểm trong những ngày giải tỏa hàng hóa cao điểm nhất, các đơn vị phòng không anh dũng bắn tan xác một máy bay phản lực của địch, buộc chúng phải tháo chạy, bảo vệ an toàn ga Lạng Sơn và cầu Kỳ Cùng. Đây là chiếc máy bay thứ 3.900 bị bắn rơi trên miền Bắc.

Từ tháng 10/1972, máy bay địch đồng loạt bắn phá nhiều điểm ở Lạng Sơn với quy mô rộng và ác liệt hơn, nhất là ở các trọng điểm như nhà ga, cầu, đường sắt, đường bộ, quốc lộ 1A, 1B và đường sắt Lạng Sơn - Hà Nội. Các trận đánh phá của địch gây cho chúng ta nhiều tổn thất, làm ách tắc tuyến đường sắt Đồng Đăng - Bắc Giang trong 3 ngày, 3 xe vận tải quân sự bị hỏng, 2 chiến sĩ vận tải và 5 nhân viên đường sắt hy sinh, 10 người dân bị thương nặng.

Thực hiện mưu đồ phong tỏa các tuyến đường giao thông của ta, lợi dụng địa hình phức tạp, máy bay địch thường xuyên bay thấp tập trung cả ngày lẫn đêm đánh phá khu vực Ngả Hai (huyện Bắc Sơn), nơi có đèo Bò Đái rất hiểm trở, hòng tập kích các đoàn xe vận tải của ta vận hành trên đường 1B.

Trước tình huống đó, Tỉnh ủy chỉ thị cho cơ quan quân sự tỉnh cùng cấp ủy, chính quyền huyện Bắc Sơn nhanh chóng

triển khai kế hoạch đánh trả địch để bảo vệ giao thông, bảo vệ hàng hóa vận chuyển trên tuyến đường này.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy, chấp hành nhiệm vụ do cơ quan quân sự tỉnh giao cho, ngày 22/10/1972, Đại đội 3, Tiểu đoàn pháo cao xạ 54A cùng 2 trung đội súng phòng không 12,7 mm hành quân nhanh chóng, gấp rút bố trí trận địa tại Ngả Hai (xã Vũ Lễ), đón lõng và tạo những đòn bất ngờ giáng trả kẻ thù, bảo vệ mục tiêu, đảm bảo cho giao thông thông suốt. Chỉ trong một thời gian ngắn, được sự giúp đỡ trực tiếp của cấp ủy, chính quyền và nhân dân xã Vũ Lễ (huyện Bắc Sơn), cán bộ, công nhân viên lâm trường Bắc Sơn, đến đêm 22/10/1972, đơn vị phòng không của tỉnh chiếm lĩnh xong trận địa. Trung đội tự vệ lâm trường Bắc Sơn được cấp ủy, chính quyền huyện Bắc Sơn giao nhiệm vụ trực chiến hiệp đồng chiến đấu với đơn vị phòng không của tỉnh, khi có chiến sự xảy ra.

Xuất phát từ yêu cầu ngày càng khẩn trương của công việc vận chuyển và giải tỏa hàng hóa, đầu tháng 12/1972, Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp, các ngành trong tỉnh, huy động thêm nhân lực, phương tiện để tập trung hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian này.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy, ngay từ những ngày đầu tháng 12/1972, các ngành, các địa phương trong tỉnh huy động được hàng nghìn nhân lực tới các trọng điểm tiếp nhận và giải tỏa hàng hóa ở ga Đồng Đăng, thị trấn Đồng Đăng, ga Lạng Sơn, ga Đồng Mỏ... Đồng thời, Ty Giao thông cũng điều thêm hơn 60 xe cơ giới các loại tới hỗ trợ vận chuyển hàng hóa về các tỉnh Bắc Thái, Hà Bắc, Hà Nội...

Với tinh thần làm việc khẩn trương và tích cực, trong gần 20 ngày đầu tháng 12/1972, các lực lượng tiếp nhận, vận tải

giải tỏa của tỉnh tham gia tiếp nhận được hơn 120.000 tấn hàng hóa các loại theo hai tuyến đường sắt và đường bộ, vận chuyển theo tuyến đường sắt về đồng bằng được gần 100.000 tấn hàng các loại. Đội xe vận tải của tỉnh trực tiếp vận chuyển về Thái Nguyên, Kép, Bắc Giang, Hà Nội và lên các tỉnh Tây Bắc được gần 12.000 tấn hàng quân sự.

Từ ngày 18/12/1972, không quân Mỹ tiếp tục tiến hành cuộc tập kích bằng máy bay B.52 đối với miền Bắc. Thực hiện lời kêu gọi của Trung ương Đảng, quân và dân miền Bắc nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, dũng cảm, kiên cường, bước vào trận quyết chiến chiến lược, đánh bại cuộc chiến tranh leo thang bằng không quân của giặc trong tâm thế tự tin và quyết thắng.

Cùng với quân và dân miền Bắc, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn bình tĩnh, vững vàng, tập trung mọi lực lượng, vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ vinh quang của “cảng nổi” kiên cường, tiếp nhận, vận chuyển kịp thời hàng hóa, đặc biệt là vũ khí, khí tài, đạn dược, cung cấp kịp thời cho yêu cầu khẩn cấp của cuộc chiến đấu quyết liệt với quân thù.

Ngay đêm 19/12/1972, trước sự đánh phá điên cuồng của máy bay địch, các đơn vị phòng không và trung đội dân quân lâm trường Bắc Sơn ở khu vực Ngả Hai chiến đấu kiên cường, cương quyết đánh trả địch, làm cho chúng không thực hiện được mưu đồ hủy diệt các trọng điểm giao thông quan trọng của ta ở đây, giữ vững giao thông, đảm bảo các đoàn xe vận tải chở vũ khí, đạn dược vẫn được vận hành tới phía trước, cung cấp kịp thời cho lực lượng phòng không của ta ở Thái Nguyên, đánh trả địch, bảo vệ khu Gang Thép.

Trong các ngày 23, 27, 28 và 29/12/1972, máy bay B.52 của Mỹ đánh phá dữ dội khu vực Mỏ Chèo, ga Đồng Mỏ, thị trấn Đồng Mỏ (huyện Chi Lăng). Bom đạn địch làm cho nhiều đoạn đường giao thông (đường sắt, đường bộ), nhiều khu nhà của xí nghiệp sản xuất đá và nhà dân bị hư hỏng nặng, làm bị thương và giết hại hàng chục người dân. Các đơn vị phòng không và dân quân Chi Lăng, Đồng Mỏ với súng trường anh dũng đánh trả địch, bắn rơi 2 máy bay của chúng.

Trong năm 1972, với phương châm vừa chiến đấu vừa sản xuất, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ giải tỏa hàng hóa, đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống, đồng thời không để cho sản xuất và các mặt hoạt động xã hội bị ngừng trệ. Đến cuối năm 1972, ngành giao thông của tỉnh tiến hành rải nhựa, sửa sang thêm được hơn 60 km đường quốc lộ. Ngành bưu điện lắp đặt thêm được 300 km đường dây hữu tuyến, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chiến đấu và sản xuất. Ngành thương nghiệp tỉnh mở thêm được hơn 100 điểm mua bán khu vực và lưu động, phục vụ công tác phân phối hàng tiêu dùng cho cán bộ, bộ đội, nhân dân các dân tộc ở trong tỉnh và hơn 3 vạn cán bộ, công nhân các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Ngành công nghiệp của tỉnh cố gắng tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ sản xuất và đời sống. Đông đảo xã viên các hợp tác xã nông nghiệp tích cực và khẩn trương làm cả hai vụ lúa trong năm trên diện tích hơn 30.000 ha gieo trồng.

Thực hiện vai trò của một tỉnh hậu phương cung cấp sức người, sức của cho yêu cầu ngày càng khẩn trương của chiến

trường, trong hai đợt tuyển quân năm 1972, toàn tỉnh động viên được 3.300 thanh niên lên đường nhập ngũ (trong đó có 259 nữ). Ngoài ra, tỉnh còn tuyển thêm được 800 công nhân quốc phòng, thành lập thêm được 3 đội thanh niên xung phong, bổ sung cho yêu cầu phục vụ chiến đấu và giải tỏa hàng hóa trên địa bàn của tỉnh.

Năm 1972 là năm Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn huy động tới mức tối đa mọi khả năng, ý chí, nghị lực và công sức nhằm hoàn thành nhiệm vụ, xứng đáng với sự tin yêu của cả nước.

Trong những ngày, tháng đầy gian truân thử thách này, chủ nghĩa anh hùng cách mạng được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Qua trực tiếp chiến đấu, lao động sản xuất, phân lớn cán bộ, đảng viên của Đảng bộ thể hiện được phẩm chất cách mạng cao đẹp, không ngại gian khổ hy sinh, gương mẫu trong mọi công việc. Các đồng chí cán bộ lãnh đạo từ Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh, đến lãnh đạo các cấp ủy, ban, ngành, chính quyền các cấp phát huy bản lĩnh vững vàng, bình tĩnh, sáng tạo và kiên quyết trong mọi tình huống, kiên cường bám trụ để chỉ đạo công việc. Tập thể các cấp ủy phát huy được tinh thần đấu tranh xây dựng nội bộ Đảng, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo thống nhất, đoàn kết trong lãnh đạo, chỉ đạo và hành động. Nhờ chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, giữ nghiêm kỷ luật, nêu cao đạo đức cách mạng nên Đảng bộ tỉnh được quần chúng tin yêu và mến phục.

Cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở “bốn tốt” do Đảng bộ chỉ đạo từ năm 1963 có một ý nghĩa cách mạng hết

sức quan trọng trong nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Qua Cuộc vận động, đội ngũ cán bộ cốt cán của các cơ sở đảng không ngừng lớn mạnh và trưởng thành về mọi mặt, ngày càng phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng của quần chúng.

Ngày 26/10/1971, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 192-CT/TW về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh. Chỉ thị nêu rõ: “Ở miền núi, nhất là nơi có các dân tộc ít người, nhân dân nói chung chất phác, trình độ giác ngộ cách mạng và sự hiểu biết về Đảng của đảng viên và quần chúng còn đơn giản. Do đó, các khu ủy, tỉnh ủy cần nghiên cứu vận dụng các chính sách, phương châm, phương pháp xử trí đảng viên cho thật thích hợp. Nguyên tắc là một mặt phải nghiêm túc chấp hành chủ trương của Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên để làm cho tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nhằm tăng cường sức chiến đấu của Đảng; mặt khác phải hết sức thận trọng, không thể máy móc, rập khuôn như vùng xuôi; thực hiện cho sát đúng với tình hình, đề phòng các khuynh hướng hữu, tả, dè dặt, nể nang, hoặc khắt khe thành kiến”¹.

Thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW, Tỉnh ủy Lạng Sơn có kế hoạch chỉ đạo thí điểm ở 3 đơn vị là xã Văn Thụ (huyện Bình Gia), xã Bắc Sơn (huyện Bắc Sơn) và Đảng ủy Ty Văn hóa. Đồng thời, Tỉnh ủy phối hợp với các ban, ngành Trung ương chỉ đạo điểm thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW ở hai xã

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.32, tr.447.

Quang Lang và Bắc Thủy (huyện Chi Lăng). Trên cơ sở chỉ đạo thí điểm ở các đơn vị trên, từ giữa năm 1972, Tỉnh ủy triển khai thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW trên diện rộng trong phạm vi toàn tỉnh.

Trong công tác phát triển Đảng, Đảng bộ không ngừng bồi dưỡng, lựa chọn, kết nạp hàng nghìn đảng viên mới, tăng cường sức mạnh cho Đảng bộ. Đảng bộ cũng cương quyết thi hành kỷ luật, đưa ra khỏi Đảng những đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức cách mạng, làm giảm uy tín của Đảng và lòng tin của quần chúng đối với Đảng, qua đó từng bước đảm bảo sự trong sạch trong hàng ngũ của Đảng.

Do thắng lợi của quân và dân Việt Nam ở cả hai miền Nam - Bắc, trong đó, có đóng góp quan trọng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lạng Sơn, buộc đế quốc Mỹ phải chấp nhận ký Hiệp định Pari ngày 27/01/1973. Sau Hiệp định Paris, cách mạng nước ta chuyển sang một giai đoạn mới: Đấu tranh giữ vững hòa bình, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

Ngày 20/02/1973, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 225-NQ/TW về công tác cán bộ trong giai đoạn mới. Nghị quyết chỉ rõ: “Miền Bắc phải phát huy đến mức cao nhất những điều kiện thuận lợi chưa từng thấy để đẩy nhanh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, mau chóng tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, làm tròn nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng trong cả nước. Toàn bộ hoạt động kinh tế, chính trị, quốc phòng, văn hóa, xã hội của miền Bắc - trước hết là sự lãnh

đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước - phải chuyển nhanh và mạnh cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới”¹.

Quán triệt chủ trương của Đảng về yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, cuối năm 1973, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá và nhận định về thực trạng tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng của Lạng Sơn trải qua hai cuộc chống chiến tranh phá hoại trong những năm 1965 - 1972 là:

Những thành tích đạt được dù là cơ bản, quan trọng song mới chỉ là kết quả ban đầu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống đế quốc Mỹ, tiến tới thống nhất nước nhà. Do đó, khi bước vào thời kỳ hòa bình và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, trước yêu cầu mới được đặt ra làm bộc lộ nhiều khó khăn, tồn tại đòi hỏi Đảng bộ cần khắc phục. Điển hình như việc Lạng Sơn là tỉnh có nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, nhưng trong những năm 1965 - 1972, năng suất, sản lượng cây trồng hàng năm giảm trung bình 0,5 - 1%. Trong khi dân số toàn tỉnh hàng năm tăng trung bình 3,6% làm cho bình quân lương thực tính theo đầu người giảm từ 390 kg (năm 1965) xuống còn 230 kg (năm 1972). Phong trào cải tiến quản lý hợp tác xã tuy được triển khai thường xuyên, mạnh mẽ song phần lớn hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh vẫn còn những mặt yếu kém, không ổn định, tổ chức lỏng lẻo, không phát huy được tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển. Đến đầu năm 1973, nhiều hợp tác xã tan vỡ, toàn tỉnh chỉ còn 61,5% số hộ nông dân ở lại hợp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.34, tr.29.

tác xã. Điển hình như huyện Văn Quan, số hộ nông dân trong hợp tác xã chỉ còn 33%.

Ngoài những tồn tại của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, quá trình xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội cũng bộc lộ nhiều khiếm khuyết như công tác điều tra cơ bản và quy hoạch ban đầu còn sơ lược, thiếu căn cứ khoa học, do đó việc định ra kế hoạch mục tiêu sản xuất thiếu cụ thể và chính xác; kế hoạch xây dựng còn phân tán, thiếu đồng bộ, kém hiệu quả.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ chỉ rõ những hạn chế, yếu kém còn tồn tại là:

Trình độ lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ của phần lớn đảng viên trong Đảng bộ còn thấp. Điều đó làm hạn chế nhiều đến việc tiếp thu, vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đến khả năng phân tích, phát hiện, giải quyết từng nhiệm vụ cụ thể nảy sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Trải qua thực tiễn hoạt động, chỉ đạo phong trào quần chúng vừa chiến đấu, vừa xây dựng trong những năm chống chiến tranh phá hoại, đội ngũ cán bộ, đảng viên, cốt cán ít nhiều được rèn luyện thử thách, tích lũy được những kinh nghiệm nhất định trong điều hành, quản lý. Song nhìn chung, trước yêu cầu của nhiệm vụ mới, năng lực, kinh nghiệm quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tổ chức đời sống của các cấp ủy địa phương còn yếu và thiếu.

Sau khi xem xét các mặt, Tỉnh ủy nêu ra những nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình hình đó là: “Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp sau khi tổ chức nông dân vào hợp tác xã rồi thì có phần chủ quan, thỏa mãn, thiếu chăm

lo tối công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho nhân dân, thiếu biện pháp hướng dẫn việc ngăn chặn, bài trừ phong tục tập quán lạc hậu, thói quen làm ăn nhỏ lẻ, phân tán trong nhân dân. Chưa quan tâm thấu đáo tới việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, thiếu kiên trì và chưa có biện pháp tích cực để nâng cao trình độ quản lý, trình độ khoa học kỹ thuật cho cán bộ chỉ đạo phong trào, cán bộ trực tiếp quản lý, chỉ đạo sản xuất ở hợp tác xã. Bộ máy quản lý hợp tác xã chưa kịp thời được củng cố phù hợp với yêu cầu thực tế của từng hợp tác xã. Cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa chú ý tới việc xây dựng phương hướng sản xuất cụ thể cho hợp tác xã. Trong khi đó, tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi còn bộc lộ mặt yếu kém: ở một số cán bộ, đảng viên thiếu tiên phong gương mẫu, ngại học tập, ngại lao động, thậm chí còn biến thủ, tham ô công quỹ của hợp tác xã, có nhiều biểu hiện quan liêu làm cho quần chúng kém tin tưởng, kém phấn khởi. Trong khi đó, sự lãnh đạo của một số cấp ủy địa phương còn phân tán, thiếu tập trung. Do thiếu sâu sát nên chưa có biện pháp kịp thời để uốn nắn những biểu hiện lệch lạc của cán bộ, nhân dân trong quá trình cải tiến quản lý, củng cố phong trào hợp tác hóa. Có cấp ủy huyện còn thiếu thống nhất trong việc chỉ đạo khắc phục, còn bộc lộ tư tưởng hữu khuynh, né tránh, hoặc khoán trách nhiệm cho cấp dưới, cho đội ngũ cán bộ cơ sở ở hợp tác xã tự tháo gỡ, khắc phục”.

Cùng với những khó khăn mới nảy sinh trong quá trình củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, tình hình trật tự trị an xã hội và an ninh biên giới cũng bắt đầu có những diễn biến phức tạp. Trên địa bàn một số xã biên giới thuộc các huyện Cao Lộc, Văn Lãng, Lộc Bình xuất hiện ngày càng

nhiều hiện tượng vượt biên, xâm canh. Trong số những người vượt biên trái phép có nhiều phân tử phản động trà trộn vào âm mưu kích động gây mất đoàn kết, gây rối trật tự trị an vùng biên giới.

Tỉnh ủy có chủ trương và đề ra nhiều biện pháp để đối phó với tình hình phức tạp đang diễn ra trên cơ sở quán triệt phương châm kết hợp chặt chẽ giữa chống và xây. Trong đó, lấy xây làm chính, chống các âm mưu và hành động phá hoại, gây rối của các thế lực thù địch, chống các hành động xâm lấn trái phép, đồng thời đẩy mạnh xây về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, xây tình đoàn kết giữa các dân tộc, mà đặc biệt là xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Xuất phát từ thực trạng vừa phân tích, Đảng bộ tỉnh chủ trương: Đẩy mạnh mọi mặt để khôi phục và phát triển kinh tế của tỉnh, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng - cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa, trong đó lấy cách mạng khoa học - kỹ thuật làm then chốt. Lấy sản xuất nông - lâm nghiệp làm trọng tâm để phát triển sản xuất công nghiệp địa phương và các ngành kinh tế khác. Gắn phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, tăng cường công tác quân sự địa phương, tăng cường công tác bảo vệ an ninh biên giới, bảo đảm trật tự trị an xã hội, cảnh giác sẵn sàng đối phó với âm mưu và hành động phá hoại của địch, sẵn sàng chi viện kịp thời cho yêu cầu ngày càng lớn của tiền tuyến.

Để thực hiện tốt chủ trương đó, cần tập trung tăng cường công tác xây dựng, củng cố Đảng bộ, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tăng

cường củng cố chính quyền các cấp, củng cố Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, phát huy vai trò quản lý, điều hành của chính quyền, vai trò làm chủ của đông đảo nhân dân các dân tộc, động viên được quần chúng hăng hái đóng góp trí tuệ, công sức vào công việc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Năm 1973, Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai hiệu quả học tập và kiểm điểm theo tinh thần Chỉ thị số 192-CT/TW. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra phương châm tiến hành: kết hợp giữa học tập nâng cao nhận thức về đường lối của Đảng với việc quán triệt thấu đáo các nguyên tắc, tiêu chuẩn phát triển Đảng, nguyên tắc phân loại xử lý đối với đảng viên; kết hợp chặt chẽ giữa ý thức tự giác của mỗi đảng viên với đóng góp của quần chúng và nhận xét, đánh giá của tập thể trên tinh thần khách quan, cụ thể, xây dựng.

Đến cuối năm 1973, toàn tỉnh có 49 đơn vị tiến hành kiểm điểm. Trong đó, huyện Cao Lộc 4 xã; huyện Bình Gia 5 xã; huyện Chi Lăng 5 xã; huyện Bắc Sơn 4 xã; huyện Văn Quan 4 xã; huyện Hữu Lũng 4 xã; huyện Tràng Định 4 xã và 1 thị trấn; huyện Văn Lãng 4 xã; thị xã 2 xã, hợp tác xã và 1 cơ quan; huyện Lộc Bình 3 xã, 4 cơ quan thuộc Ủy ban hành chính là Ty Văn hóa, Ty Y tế, Ty Lương thực và Ty Giáo dục. Trong quá trình kiểm điểm, xử lý đảng viên, thực hiện chủ trương chung, các cấp ủy đảng cơ sở chỉ đạo kết hợp tiến hành kiện toàn cấp ủy, chi ủy, phân công, phân nhiệm đảng viên gắn với nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị. Toàn tỉnh có 114 trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật, đưa ra khỏi Đảng 75 trường hợp (khai trừ 60 trường hợp, cho tự nguyện xin ra Đảng và xóa tên đảng viên 15 trường hợp).

Qua Cuộc vận động thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW, nhiều đơn vị và địa phương khôi phục, củng cố được phong trào hợp tác hóa nông nghiệp sau một thời gian bị gián đoạn và tan vỡ, bước đầu khôi phục được sản xuất; năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi tăng lên rõ rệt ở các xã như: Thiện Hòa, Văn Thụ (huyện Bình Gia), Bắc Sơn (huyện Bắc Sơn), Hữu Lễ (huyện Văn Quan), Bắc Thủy, Quang Lang (huyện Chi Lăng), Tân Liên, Gia Cát (huyện Cao Lộc), Minh Sơn (huyện Hữu Lũng), Đề Thám (huyện Tràng Định).

Bên cạnh những kết quả đạt được, Cuộc vận động xây dựng Đảng theo tinh thần Chỉ thị số 192-CT/TW trên phạm vi toàn tỉnh tồn tại một số vấn đề hạn chế: Nhiều đơn vị tiến hành kiểm điểm chưa thực sự gắn với việc định ra phương hướng hành động của đơn vị mình mà chủ yếu vẫn là tập trung giải quyết vấn đề xử lý với cá nhân đảng viên. Do đó, tác dụng của Cuộc vận động đối với nhiệm vụ củng cố, khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội còn thấp so với yêu cầu. Đồng thời, việc kiểm điểm, xử lý đảng viên ở một số đơn vị chưa thật nghiêm túc, chính xác và kỹ lưỡng. Có trường hợp nêu lên nhưng không được xử lý đúng mức, hoặc để tình trạng dây dưa kéo dài, gây ảnh hưởng không tốt đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, ảnh hưởng tới phong trào.

Trên cơ sở bước đầu kiểm điểm việc thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW trên phạm vi toàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra chủ trương cho hai năm 1974 - 1975 là tiếp tục tiến hành Cuộc vận động xây dựng Đảng bộ theo tinh thần Chỉ thị số 192-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 90-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ Đảng. Thực hiện chủ trương cùng phương hướng chỉ đạo của Tỉnh ủy, các

cấp ủy đảng, các ngành, các địa phương trong tỉnh nỗ lực tiến hành Cuộc vận động gắn với việc ra sức đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, từng bước mang lại những kết quả thiết thực đối với tất cả các mặt hoạt động trong tỉnh.

Kết quả của công tác xây dựng Đảng tác động tích cực đến việc củng cố hệ thống chính quyền các cấp, các đoàn thể quần chúng, phong trào hợp tác hóa... Một số hợp tác xã có bước tiến mới trong quản lý sản xuất, từng bước xác định rõ cơ cấu mùa vụ thích hợp với đặc điểm vùng, địa phương, mạnh dạn áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để nâng cao năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi; thực hiện công bằng trong phân phối; phát huy được quyền làm chủ của xã viên trong quản lý ruộng đất, cơ sở vật chất, tiền vốn...

Trong lĩnh vực xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, Tỉnh ủy lãnh đạo các ngành thủy lợi, kế hoạch, giao thông, nông nghiệp, lâm nghiệp, thương nghiệp tích cực phối hợp và triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng, củng cố các trạm trại kỹ thuật, kho tàng, chuồng trại chăn nuôi, cửa hàng cung ứng vật tư kỹ thuật, trạm thủy điện, đường giao thông nông thôn phục vụ cho sản xuất nông - lâm của các hợp tác xã và các nông - lâm trường trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian này, tỉnh có kế hoạch rà soát lại công tác điều tra cơ bản về thổ nhưỡng, tài nguyên rừng, đo đạc ruộng đất, tính toán các điều kiện thời tiết, khí hậu để tạo cơ sở từng bước phân vùng sản xuất, xác định cơ cấu cây trồng vật nuôi sát hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng, từng địa phương.

Được sự quan tâm đầu tư của tỉnh, hầu hết các huyện, thị trong tỉnh xây dựng được các lâm trường với quy mô sản xuất khá lớn. Hoạt động của công tác khảo sát quy hoạch trồng

rừng, tu bổ rừng của các lâm trường, bước đầu giúp tỉnh tổng kết được vấn đề xác định phân vùng đất đai, cùng cơ cấu cây trồng thích hợp hơn, tạo cơ sở cho kế hoạch phát triển trồng rừng “phủ xanh đồi trọc” trên phạm vi toàn tỉnh.

Những nỗ lực nhiều mặt của các ngành, các cấp trong tỉnh đưa lại nhiều kết quả. Đến cuối năm 1974, sản lượng lương thực tăng 7% so với năm 1972, phong trào thâm canh, xen canh, tăng vụ lúa, hoa màu được nhân rộng, phát triển tới cả những vùng cao hẻo lánh. Đàn trâu, bò cày kéo trong toàn tỉnh sau nhiều năm suy giảm do bị dịch bệnh và giá rét nay hồi phục số lượng bằng năm 1965. Trong thời gian này, xuất hiện nhiều hợp tác xã có phong trào chăn nuôi trâu, bò tốt, điển hình là Hợp tác xã Thiện Thuật (huyện Bình Gia). Các hợp tác xã và các lâm trường tích cực trồng mới được 22.000 ha rừng tập trung và tu bổ được 12.000 ha rừng cây đã khép tán, chủ yếu là các rừng cây bạch đàn, thông. Giá trị tổng sản lượng nông - lâm nghiệp toàn tỉnh đạt được năm 1974 là 96,289 triệu đồng, vượt xấp xỉ 40 triệu đồng so với năm 1965.

Cùng với những thành quả bước đầu đạt được trong phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, trong hai năm 1973 - 1975, công tác giáo dục đào tạo trong tỉnh cũng có những chuyển biến mới. Đến đầu năm 1975, hệ thống trường phổ thông cơ sở được xây dựng, củng cố ở hầu hết các xã trong tỉnh. Việc dạy và học có nền nếp hơn. Đến đầu năm 1975, toàn tỉnh đã có 2.975 cán bộ trung cấp, 1.625 cán bộ đại học đang công tác ở các ngành, các cấp trong tỉnh. Toàn tỉnh gửi đi đào tạo ở các trường Trung ương, trường khu được 3.375 cán bộ trung, sơ cấp chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng được 19.930 lượt cán bộ chính trị từ tỉnh tới cơ sở. Ngoài ra, các trường chuyên

ng nghiệp trong tỉnh bồi dưỡng được 2.536 cán bộ trung cấp và 6.876 cán bộ sơ cấp.

Tuy đạt được những kết quả đáng khích lệ trên, song chất lượng giảng dạy, học tập và cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các trường phổ thông nhìn chung vẫn còn yếu và thiếu. Hệ thống các lớp mẫu giáo, vỡ lòng còn mỏng nên còn nhiều trẻ em đến tuổi đi học vẫn chưa được tới trường. Ngành giáo dục còn thiếu một đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực tổ chức, điều hành, quản lý các trường. Chất lượng học sinh ở các trường chuyên nghiệp trong tỉnh còn thấp. Do công tác quy hoạch ban đầu chưa sát và chặt chẽ nên cán bộ, công nhân được đào tạo ra chưa thật đồng bộ, ngành nghề chưa phù hợp với yêu cầu thực tế của công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh, vì vậy, khi bố trí sử dụng chưa phát huy được hết khả năng của cán bộ chuyên môn nghiệp vụ.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về công tác bảo vệ an ninh biên giới và bảo vệ trật tự trị an xã hội, từ cuối năm 1973, cấp ủy và chính quyền địa phương các huyện có đường biên giới như Cao Lộc, Lộc Bình, Văn Lãng, Tràng Định phối hợp chặt chẽ với Công an nhân dân vũ trang và lực lượng an ninh của tỉnh, thường xuyên tiến hành giáo dục cho nhân dân vùng biên về ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia, nắm được nội dung các quy định và hiệp định biên giới, tổ chức quần chúng đấu tranh có lý, có tình trên cơ sở đảm bảo chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc làm cơ sở tích cực ngăn chặn hàng trăm trường hợp nhập cư trái phép, cùng các âm mưu tuyên truyền, quấy rối của lực lượng phản động vào nội địa.

Từ sau năm 1973, phía Trung Quốc tăng cường hoạt động vượt biên buôn lậu và xâm canh xâm phạm vào lãnh thổ nước ta. Bất chấp thiện chí của ta, phía Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền luận điệu vu khống “Việt Nam xét lại theo Liên Xô”, lực lượng biên phòng Trung Quốc ngang nhiên tuần tra sâu vào khu vực đồn Hữu Nghị, vi phạm chủ quyền Việt Nam. Nghiêm trọng hơn, năm 1974, phía Trung Quốc đánh trọng thương một số cán bộ chiến sĩ tại đồn Hữu Nghị và người dân tham gia bảo vệ chủ quyền tại xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc. Lực lượng Công an nhân dân vũ trang Lạng Sơn với phương châm “Kiên trì nhẫn nại, đấu tranh có lý lẽ, lấy thuyết phục làm chính, đảm bảo được độc lập chủ quyền dân tộc”, tăng cường tổ chức kiểm tra, kiểm soát, kiên quyết đấu tranh với các vi phạm của phía Trung Quốc, bắt và trao trả cho phía Trung Quốc hàng chục người vượt biên¹.

Cùng với những nỗ lực giải quyết tốt công tác an ninh biên giới, lực lượng an ninh của tỉnh có nhiều cố gắng trong việc trấn áp các tội phạm hình sự hoạt động lưu manh, quấy rối trật tự trị an ở nhiều nơi. Đồng thời, Tỉnh ủy còn chỉ đạo ngành văn hóa, các huyện, thị tiến hành nhiều đợt giáo dục đối với các đối tượng hoạt động mê tín dị đoan hoặc lợi dụng mê tín dị đoan để tuyên truyền xuyên tạc đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, kích động chống đối chính quyền, chống phá hợp tác xã.

Đầu năm 1975, những chiến thắng vang dội của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975

1. Xem Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ đội biên phòng tỉnh Lạng Sơn, tập I (1959 - 1995)*, Sdd, tr.147.

ở chiến trường miền Nam làm nức lòng Đảng bộ, quân và dân cả nước. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đông đảo nhân dân các dân tộc trong tỉnh chăm chú theo dõi từng giờ tin thắng trận. Ngày 30/4/1975, hòa trong niềm hân hoan chung của cả nước, Đảng bộ, quân và dân Lạng Sơn đón nhận tin giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc trong niềm phấn khởi vô hạn.

Thời kỳ 1954 - 1975 là chặng đường đấu tranh cách mạng đầy khó khăn, gian khổ, bền bỉ của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Hơn 20 năm vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa thực hiện nhiệm vụ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ Lạng Sơn có bước trưởng thành về mọi mặt cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị địa phương, đồng thời tích lũy được những kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*Chương IV***ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
(1975 - 1985)****I- KHÔI PHỤC KINH TẾ - XÃ HỘI (1975 - 1978)**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) kết thúc thắng lợi, hòa bình được lập lại, đất nước độc lập thống nhất về mặt lãnh thổ, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng ở mỗi miền lại có một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau, có nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn. Về thuận lợi, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975) đã đạt những kết quả to lớn và toàn diện, xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội; miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất. Về khó khăn, ở miền Bắc: hai cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ đã tàn phá nặng nề, sản xuất nhỏ còn phổ biến, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu; đối với miền Nam: hậu quả của 30 năm chiến tranh (1945 - 1975) hết sức nặng nề; những tàn dư của chế độ thực dân mới còn rất lớn; sản xuất nhỏ là phổ biến. Nhiệm vụ đặt ra lúc này là hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, khắc phục hậu quả của chiến

tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở hai miền Nam - Bắc.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn tự hào đóng góp một phần sức người, sức của đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc đến thắng lợi cuối cùng. Sau ngày đất nước thống nhất, giống nhiều địa phương khác trên cả nước, tỉnh có những thuận lợi và khó khăn nhất định.

Về thuận lợi, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh có truyền thống yêu nước, cách mạng vẻ vang sẽ tiếp tục phát huy mạnh mẽ trong thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đất nước được hòa bình, thống nhất là tiền đề quan trọng để địa phương tập trung vào nhiệm vụ tái thiết, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển kinh tế - xã hội; Đảng bộ được rèn luyện và trưởng thành, tổ chức và lãnh đạo của các cấp ủy đảng được tăng cường, đội ngũ cán bộ chính trị, quản lý, khoa học kỹ thuật và một số hệ thống tổ chức các đoàn thể đã được thử thách qua khói lửa chiến tranh và thực tiễn cách mạng. Bên cạnh một số thuận lợi, tỉnh cũng đối diện với nhiều khó khăn, thách thức: Lạng Sơn là một tỉnh miền núi giáp biên, cơ sở vật chất kỹ thuật nhiều địa phương trong tỉnh còn thiếu thốn, nghèo nàn, lạc hậu, trong chiến tranh lại bị bom đạn tàn phá nặng nề, hầu như đã bị hỏng hóc hoặc xuống cấp nghiêm trọng; kinh tế phát triển chậm, quy mô nhỏ bé, sức sản xuất thấp, chưa vững chắc và sản xuất chưa đảm bảo nhu cầu đời sống và cho tích lũy trong tỉnh. Công tác tổ chức quản lý kinh tế, quản lý đời sống, quản lý xã hội còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo và thiếu sót. Trong công tác lãnh đạo và quản lý nhà nước, quản lý kinh tế; công tác tư tưởng, công tác tổ chức

và cán bộ còn biểu hiện hữu khuynh, bảo thủ, thiếu tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, thiếu quyết tâm sửa chữa... Những khó khăn đã đặt ra thách thức không hề nhỏ cho Tỉnh ủy Lạng Sơn trong công tác lãnh đạo thực hiện và hoàn thành những nhiệm vụ địa phương trong những năm sau đất nước thống nhất.

Ngày 29/9/1975, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 247-NQ/TW Về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Nghị quyết nêu rõ: “*Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*”¹.

Ngay sau khi có Nghị quyết trên, Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị quán triệt, đồng thời kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 Ban Chấp hành Trung ương. Thông qua việc quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng về nhiệm vụ chung của cả nước trong giai đoạn mới, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã triển khai các nhiệm vụ cấp bách là tăng cường phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất nông - lâm phát triển, chuẩn bị mọi mặt cho đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV. Nhờ đó đến hết năm 1975,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.36, tr.397.

toàn tỉnh đã giành được những kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Giá trị tổng sản lượng công - nông - lâm nghiệp đạt 116,924 triệu đồng, tăng 21,4% so với năm 1974.

Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị (khóa III) ra Nghị quyết số 245-NQ/TW về việc bỏ khu, hợp tỉnh. Nghị quyết nêu rõ: “Việc hợp các tỉnh nhỏ hiện nay thành những tỉnh mới là nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước; đồng thời cũng để giảm bớt trung gian, giảm bớt đầu mối trực thuộc Trung ương”¹. Bộ Chính trị quyết định hợp nhất 21 tỉnh, trong đó có Cao Bằng và Lạng Sơn. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, tại kỳ họp thứ hai, ngày 27/12/1975, Quốc hội khóa V quyết định hợp nhất hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Từ giữa năm 1976, các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể ở Lạng Sơn nhanh chóng sáp nhập với các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể ở Cao Bằng, kiện toàn thành các cơ quan thống nhất để lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh hợp nhất Cao Lạng. Tháng 4/1976, hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn chính thức sáp nhập thành tỉnh Cao Lạng với diện tích 13.781 km², số dân 871.000 người. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Lạng đặt tại thị xã Cao Bằng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.36, tr.437.



Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm và làm việc
với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đình Lập, tháng 01/1976

Ngày 25/4/1976, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Cao Lạng nô nức, phấn khởi tham gia ngày hội lớn: Tiến hành tổng tuyển cử trong cả nước, bầu Quốc hội thống nhất - cơ quan quyền lực cao nhất của cả nước.

Bên cạnh nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân củng cố hệ thống chính trị, trước những diễn biến phức tạp của tình hình biên giới, Tỉnh ủy Cao Lạng chú trọng lãnh đạo công tác củng cố lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Lực lượng bộ đội địa phương đến cuối năm 1976 có hai Trung đoàn (Trung đoàn 123 và 567); 5 đại đội, 31 trung đội bộ đội địa phương. Lực lượng dân quân năm 1977 có 1.048 trung đội, 1.732 tiểu đội dân quân, 65 đại đội, 169 trung đội và 117 tiểu đội tự vệ chiến đấu, trong đó có 55 trung đội dân quân cơ động. Tổng quân số dân quân tự vệ có 57.868 người, chiếm 14,32% lực lượng lao động toàn tỉnh. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cũng tiến hành thành lập Trường Quân sự tỉnh tại Hang Dê - thị xã Lạng Sơn với nhiệm vụ đào tạo hạ sĩ quan, tiểu đội trưởng bộ binh, dân quân, khẩu đội trưởng hỏa lực mang vác¹. Ty Công an tỉnh Cao Lạng sau khi chấn chỉnh biên chế có 1.127 cán bộ chiến sĩ, tổ chức thành 19 phòng, ban, trường, trại, công an 18 huyện, 2 thị xã và 2 đồn độc lập².

Từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976, Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV tại Thủ đô

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, Sđd, tr.75.

2. Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1975 - 1996)*, Sđd, tr.11.

Hà Nội, với 1.008 đại biểu thay mặt hơn 1.550.000 đảng viên trong cả nước về dự. Đại hội đã đánh giá thắng lợi vĩ đại và tổng kết những kinh nghiệm có ý nghĩa lịch sử to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta; đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong giai đoạn mới; quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980); quyết định đường lối xây dựng Đảng để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới; đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội đã thông qua *Điều lệ Đảng* (sửa đổi), đặt chức danh Tổng Bí thư thay chức danh Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư.

Từ ngày 31/3 đến ngày 08/4/1977, Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Lạng lần thứ I được tổ chức tại thị xã Cao Bằng. Dự Đại hội có 340 đại biểu đại diện cho 34.276 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đề ra chủ trương cùng những yêu cầu lớn về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Lạng trong kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 1976 - 1980:

“- Phát huy đầy đủ mọi năng lực sản xuất hiện có và đẩy nhanh tốc độ xây dựng các cơ sở vật chất - kỹ thuật mới trên cơ sở hoàn thành gấp phân vùng, quy hoạch vùng và quy hoạch các ngành, tổ chức lại sản xuất để phát huy nhanh chóng các ưu thế to lớn của nền kinh tế công - lâm - nông nghiệp trong tỉnh. Đảm bảo gấp những nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân, nhất là lương thực, thực phẩm, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu và có tích lũy để tái sản xuất mở rộng.

- Nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân các vùng dân tộc trong tỉnh.

- Phấn đấu đóng góp ngày càng lớn cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà và phục vụ tốt các xí nghiệp và công trình xây dựng của trung ương tại địa phương.

- Ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh về cả ba mặt: Về đường lối, quan điểm của Đảng, về năng lực tổ chức và quản lý và về phẩm chất cách mạng. Trước hết phải xây dựng cho được một đội ngũ cốt cán và cán bộ chủ chốt lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở có quan điểm vững vàng và có tính nguyên tắc cao... kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, ỷ lại; ngăn ngừa chủ nghĩa cơ hội, bè phái; khắc phục tư tưởng gia trưởng phong kiến; chống tệ nói dối, thiếu trung thực, chống tác phong quan liêu, xa rời quần chúng, tự do, tùy tiện; đề cao tính tổ chức và kỷ luật, ý thức trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu trong việc chấp hành các nhiệm vụ của Đảng. Ra sức kiện toàn và tăng cường bộ máy của Đảng, của Nhà nước và của đoàn thể quần chúng ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở...”¹.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng khóa I gồm 35 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết.

Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí: Hoàng Trường Minh, Bế Chấn Hưng, Nông Quốc Long, Đào Đình Bảng, Nông Trọng Bình, Vương Dương Tường, Nguyễn Trương, Hoàng Văn Thạch, Đàm Ngọc Côn, Lương Ích Lập, Hoàng Lâm. Đồng chí Hoàng Trường Minh được bầu làm Bí

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội*, Sđd, tr.58-60.

thư Tỉnh ủy, đồng chí Bé Chấn Hưng được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Thực hiện Kế hoạch nhà nước 5 năm 1976 - 1980 và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Lạng lần thứ I, trong hai năm 1977 - 1978, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Cao Lạng ra sức nỗ lực phấn đấu đảm bảo ổn định cơ cấu kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, quốc phòng địa phương.

Việc phát triển kinh tế trong thời gian này gặp nhiều khó khăn. Dù có nhiều cố gắng song tính đến năm 1978, tổng sản phẩm xã hội toàn tỉnh đạt 383 triệu đồng, chỉ tăng khoảng 0,7%/năm, trong khi mức tăng dân số trên 2%. Giá trị sản lượng nông - lâm - công nghiệp đạt 120 triệu đồng, sản lượng lương thực đạt 114 nghìn tấn, bình quân lương thực đầu người năm 1977 chỉ đạt 12 kg/tháng (so với năm 1976 là 13,2 kg), đời sống nhân dân suy giảm, cán bộ, công nhân viên chức chỉ được nhận mức cung cấp thực phẩm tương đương 50% năm 1975.

Trong điều kiện kinh tế có nhiều khó khăn, đồng thời, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn định an ninh - quốc phòng, Tỉnh ủy chỉ đạo tăng cường công tác xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt quan tâm đến công tác bồi dưỡng cán bộ và phát triển đảng viên. Trong ba năm 1976 - 1978, toàn tỉnh đã tổ chức cho 10.602 đảng viên đi bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ, cử được 217 cán bộ đi học quản lý kinh tế, đồng thời toàn Đảng bộ kết nạp được 871 đảng viên mới (trong đó đảng viên nữ chiếm 24%). Bên cạnh đó, Đảng bộ cũng kiên quyết xử lý 1.015 đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, trong đó có một số trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng để giữ nghiêm kỷ luật của Đảng.

Từ giữa năm 1978, tình hình an ninh biên giới Việt - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Từ tháng 5/1978, do bị kích động, lôi kéo, nhiều người Hoa sinh sống tại Lạng Sơn tổ chức các cuộc vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Trước tình hình đó, để giữ gìn an ninh biên giới và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, thực hiện chủ trương chỉ đạo của Trung ương, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Cao Lạng, đơn Công an nhân dân vũ trang Hữu Nghị đặt vấn đề và thống nhất với chính quyền Trung Quốc để người Hoa được trở về Trung Quốc theo đường cửa khẩu. Đơn biên phòng Hữu Nghị nhanh chóng làm đầy đủ thủ tục, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản cho số người Hoa qua cửa khẩu Hữu Nghị sang bên kia biên giới được thuận lợi.

Tuy vậy, tình hình sau đó trở nên căng thẳng hơn do ý đồ của phía Trung Quốc. Tháng 7/1978, phía Trung Quốc bắt ngừng đóng cửa biên giới khiến hàng vạn người Hoa bị kẹt lại ở cửa khẩu Hữu Nghị. Lính Trung Quốc thường xuyên vượt biên hành hung cán bộ, chiến sĩ và nhân viên y tế của ta đang chăm sóc số người Hoa bị kẹt lại ở cửa khẩu. Tỉnh ủy và Bộ Tư lệnh Công an nhân dân vũ trang thống nhất chỉ đạo nhanh chóng điều động thêm lực lượng cho đơn Hữu Nghị 2 đại đội của Trung đoàn 12 Công an nhân dân vũ trang (đoàn Thanh Xuyên) lên tăng cường bảo vệ khu vực cửa khẩu. Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng cũng tiến hành bàn giao Sư đoàn 3 (đoàn Sao Vàng) từ Quân khu III về Quân khu I, đứng chân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biên giới. Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 17/6/1978 của Bộ Chính trị Về việc thành lập bộ chỉ huy quân sự thống nhất ở các tỉnh và thành phố, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

quyết định thành lập bộ chỉ huy quân sự thống nhất cấp tỉnh và cấp huyện. Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất tỉnh Cao Lạng bao gồm: Đồng chí Hoàng Trường Minh - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy được phân công làm Chính ủy, đồng chí Bế Chu Lang làm Phó Chính ủy, đồng chí Hoàng Cao Ngôn làm Chỉ huy trưởng. Sau khi được kiện toàn, Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất đã nhanh chóng chỉ đạo các cơ quan đơn vị thực hiện kế hoạch huấn luyện, điều chỉnh bổ sung trang bị, chuyển một số đại đội của huyện thành tiểu đoàn chủ lực của huyện, các đại đội thường trực của tỉnh được nâng cấp thành các tiểu đoàn trinh sát đặc công, tiểu đoàn pháo cao xạ 37 ly, tiểu đoàn pháo binh hỗn hợp, tiểu đoàn quân y, tiểu đoàn thông tin và các đại đội công binh vận tải.

Ngày 20/8/1978, Ban đấu tranh giữ đất, Ban giải tỏa người Hoa tỉnh Cao Lạng được thành lập đã nhanh chóng tổ chức cuộc họp đặc biệt. Sau khi đánh giá tình trạng người Hoa bị ùn tắc ở cửa khẩu, xác định khả năng diễn biến của tình hình, cuộc họp thống nhất chủ trương, nhiệm vụ cấp bách của cán bộ, chiến sĩ đồn Hữu Nghị và các lực lượng liên quan cùng thực hiện kế hoạch giải tỏa:

- Sử dụng, tăng cường lực lượng Công an vũ trang, bộ đội, Công an nhân dân, dân quân địa phương ở thị trấn Đồng Đăng, xã Bảo Lâm cùng tham gia chiến dịch giải tỏa người Hoa tại khu vực cửa khẩu Hữu Nghị và sẵn sàng chiến đấu, đối phó với âm mưu, hành động gây rối, khiêu khích vũ trang của đối phương.

- Tuyên truyền vận động nhân dân các địa phương cùng các đoàn thể như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Mặt trận cùng tham gia chiến dịch giải tỏa người Hoa.

- Vận động, giải thích cho người Hoa hiểu rõ âm mưu phản động của phía Trung Quốc; vạch rõ đường lối chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với người Hoa cư trú trên lãnh thổ Việt Nam, động viên họ sớm tỉnh ngộ, trở về nơi cư trú ổn định đời sống.

- Bằng mọi biện pháp, các cơ quan, đoàn thể và lực lượng vũ trang tuyến sau phải ngăn chặn, hạn chế số người Hoa các nơi tiếp tục kéo đến khu vực Đồng Đăng - cửa khẩu Hữu Nghị.

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch giải tỏa số người Hoa ở cửa khẩu Hữu Nghị, Tỉnh ủy Cao Lạng phân công đồng chí Hoàng Thạch - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng chí Nguyễn Kim Tiên - Phó ty Công an trực tiếp về huyện Văn Lãng tập trung chỉ đạo theo kế hoạch đã định¹. Sáng ngày 25/8/1978, giữa lúc đoàn cán bộ Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cao - Lạng, tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hà Nội cùng các bác sĩ đang thăm hỏi, động viên, chăm sóc sức khỏe bà con người Hoa, bất ngờ phía Trung Quốc huy động gần 200 người gồm công an, dân binh - hầu hết là những tên côn đồ hung hãn và những phần tử xấu với gậy gộc, đá, dao quắm trong tay tràn qua khu vực Km số 0,

1. Tham gia chiến dịch giải tỏa có đơn vị lực lượng Công an nhân dân vũ trang đồn Biên phòng Hữu Nghị, Đại đội cơ động Công an nhân dân vũ trang Cao Lạng, Sư đoàn 3 (Đoàn Sao vàng), Đại đội I cảnh sát cơ động, Ty Công an Cao - Lạng. Ngày 22/8/1978, sau khi tham mưu giúp Tỉnh ủy thông qua phương án giải tỏa, đồng chí Trịnh Trân - Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Công an nhân dân Vũ trang điện báo cáo Bộ Tư lệnh về kế hoạch hành động, đồng thời “đề nghị Bộ Tư lệnh cho sử dụng lực lượng của Trung đoàn 12 vào nhiệm vụ giải tỏa người Hoa và sẵn sàng đối phó với bọn côn đồ”.

đội Pò Cốc Phung, dàn thành hàng ngang, hung hãn xông vào lãnh thổ Việt Nam chiếm giữ một số điểm cao, khống chế đoạn đường Km số 0, ngăn cản lực lượng ta thi hành nhiệm vụ với dã tâm tạo tình hình lộn xộn không thể kiểm soát, để đẩy hàng ngàn người Hoa trở lại Việt Nam, làm cho tình hình ở khu vực cửa khẩu Hữu Nghị vốn đã căng thẳng lại càng thêm căng thẳng.

Cuộc đấu tranh giữa ta với phía Trung Quốc diễn ra quyết liệt, nhất là địa bàn sườn đồi Pò Cốc Phung, cửa khẩu Hữu Nghị. Các lực lượng bảo vệ đồn Hữu Nghị, Đại đội 6 cơ động thuộc Trung đoàn 12 công an vũ trang được lệnh nhanh chóng triển khai đội hình, kiên quyết chặn đứng hành động bạo ngược, côn đồ, bảo vệ và giải vây cho đoàn cán bộ tuyên truyền nhân đạo của ta. Với tinh thần quyết tâm giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, các chiến sĩ biên phòng Việt Nam đã dũng cảm, mưu trí, gan dạ dùng vũ thuật đánh gục hàng chục đối tượng côn đồ hung hãn. Trong cuộc chiến đấu anh dũng, đồng chí trung sĩ Lê Đình Chinh - Tiểu đội trưởng thuộc Đại đội 6, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 12 Công an nhân dân vũ trang đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Liệt sĩ Lê Đình Chinh đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Đến chiều 25/8/1978, các mũi tấn công của ta đánh thẳng vào các chốt do các đối tượng côn đồ chiếm giữ trái phép, buộc chúng phải tháo chạy, kéo theo toàn bộ số người Hoa bị ùn tắc chạy sang phía bên kia biên giới. Cuộc đấu tranh giải tỏa người Hoa ở cửa khẩu Hữu Nghị kết thúc thắng lợi. Ý đồ tập trung người Hoa và bọn người xấu gây rối khu vực cửa

khẩu của phía Trung Quốc bị thất bại. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang đồn Hữu Nghị và Trung đoàn 12 Công an nhân dân vũ trang (đoàn Thanh Xuyên) đã nêu cao ý chí kiên cường, dũng cảm, lập công xuất sắc, xứng đáng với sự tin cậy và yêu mến của nhân dân. Với chiến công đó, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 12 Công an nhân dân vũ trang, đồn Biên phòng Hữu Nghị (Đồn 193) được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Sau sự kiện ở cửa khẩu Hữu Nghị, từ tháng 9/1978, phía Trung Quốc liên tục điều động, tập trung quân áp sát toàn tuyến biên giới phía Bắc. Chúng tăng cường lực lượng vũ trang áp sát biên giới chuẩn bị chiến tranh xâm lược nước ta, đồng thời tung các lực lượng trà trộn, xâm nhập biên giới để gây rối an ninh khu vực biên giới, gây tình hình căng thẳng. Để bảo vệ vững chắc biên giới của Tổ quốc, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Lạng chủ trương rào biên giới nhằm ngăn chặn âm mưu đẩy hàng loạt người Hoa trở lại gây khó khăn cho ta; tung gián điệp, biệt kích vào nội địa để hoạt động tình báo; cấu kết với bọn phản động thực hiện âm mưu “nội công ngoại kích”, phá hoại trật tự, an ninh địa phương. Để đảm bảo khép kín được tuyến biên giới, Tỉnh ủy chủ trương tận dụng nguyên liệu tại chỗ, dùng các loại vật liệu thô sơ và hiện đại để xây dựng: rào bằng dây thép gai, cắm chông, xây đường đá, hầm hào kết hợp với gài các loại mìn. Đồng thời tăng cường công tác tuần tra canh gác, chốt giữ để bảo vệ và đấu tranh chống kẻ thù phá hoại bằng chính trị, quân sự và ngoại giao. Kết quả, đến tháng 10/1978, toàn tỉnh đã rào được 102 km, trong đó có 12 km dây thép gai; cắm trên 10 triệu chông tre ở 108 điểm, 9.700 bản chông sắt

và gài gần 2.000 quả mìn các loại. Cùng với đó, ta xây dựng được 150 chốt giữ ở những vùng xung yếu, tổ chức tuần tra, canh gác ngày đêm để bảo vệ. Thông qua đợt rào biên giới, đã phát huy được truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, biểu dương được ý chí chiến đấu kiên quyết đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân và các lực lượng vũ trang tỉnh Cao Lạng¹.

Trước yêu cầu mới của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, ngày 29/12/1978, kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa VI ban hành Nghị quyết chia tách tỉnh Cao Lạng, tái lập tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn; đồng thời sáp nhập huyện Đình Lập (tỉnh Quảng Ninh) vào tỉnh Lạng Sơn. Ngày 06/02/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 672-NQ-NS/TW về việc chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn gồm 21 ủy viên chính thức. Chỉ định Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí: Hoàng Trường Minh - Bí thư Tỉnh ủy, La Thăng - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Bế Chu Lang - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các đồng chí Nông Trọng Bình (Trưởng Ban Tuyên giáo), Lê Sơn (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự), Đào Đình Bằng (Trưởng ty Công an), Hoàng Văn Thạch (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh). Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn sau khi tái lập có 18.643 đảng viên.

Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lạng Sơn tập trung thực hiện sau khi tái lập tỉnh

1. “Báo cáo sơ kết công tác rào biên giới từ ngày 25/8 đến ngày 30/10/1978”, Phòng Lạng Sơn, hộp 28, hồ sơ 442, Kho Lưu trữ Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

là nhanh chóng tăng cường lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu. Bộ đội địa phương tỉnh lúc này có Trung đoàn bộ binh 123, Trung đoàn bộ binh 199¹, các huyện biên giới đều có 1 tiểu đoàn bộ binh sẵn sàng chiến đấu. Lực lượng Công an nhân dân tỉnh có gần 1.000 cán bộ, chiến sĩ, tổ chức thành 18 phòng, ban và 11 công an huyện, thị², Công an nhân dân vũ trang có 10 đồn biên phòng, 14 trạm kiểm soát biên giới. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, hoàn thiện, mỗi xã biên giới có 1 trung đội đến 1 đại đội dân quân mạnh, trang bị vũ khí tốt, toàn tuyến biên giới tổ chức được 57 chốt dân quân. Các đơn vị cơ quan, xí nghiệp đều tổ chức được lực lượng tự vệ, riêng mỏ than Na Dương (huyện Lộc Bình) hình thành được trung đoàn tự vệ, nông trường Thái Bình (huyện Đình Lập) thành lập được tiểu đoàn tự vệ. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã nhanh chóng chỉ đạo lực lượng vũ trang trong tỉnh xây dựng phương án phòng thủ; phối hợp với lực lượng Sư đoàn 3 tổ chức phòng thủ địa bàn các huyện Văn Lãng, Cao Lộc, thị xã Lạng Sơn, phía đông huyện Văn Quan và phía bắc huyện Chi Lăng, phối hợp với lực lượng Sư đoàn 338 tổ chức phòng thủ địa bàn huyện Đình Lập và phía đông huyện Lộc Bình.

Đầu năm 1979, toàn bộ lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn được đặt trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược.

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, Sđd, tr.79.

2. Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1975 - 1996)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2001.

II- PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1979 - 1985)

Bước sang đầu năm 1979, phía Trung Quốc ngày càng ráo riết chuẩn bị chiến tranh. Ngày 10/01/1979, Trung Quốc tung trình sát thám báo sang địa bàn các xã Yên Khoái, Tú Mịch phục kích bắn chết đồng chí Xã đội trưởng Yên Khoái và bắt cóc 1 dân quân để khai thác thông tin. Ngày 10/02/1979, mốc 25 thuộc xã Thanh Lòa huyện Cao Lộc bị Trung Quốc đánh chiếm, trong các ngày từ 10 đến ngày 14/02/1979, lính Trung Quốc dùng hỏa lực súng cối, súng máy liên tục bắn khiêu khích thăm dò các đồn biên phòng của ta. Ngày 15/02/1979, xã Cao Lâu (huyện Cao Lộc) bị Trung Quốc tấn công, đào công sự lún sâu 300 m; mốc 15 thuộc xã Tân Thanh (huyện Văn Lãng) bị Trung Quốc đào công sự lún sâu sang phía ta 200 m, xã Quốc Khánh huyện Tràng Định bị lún sâu 800 m.

Ngày 15/02/1979, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp phiên đầu tiên để nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ cấp bách cho Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn. Sau khi nhận định về tình hình căng thẳng ở khu vực biên giới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định: “Các ngành, các cấp phải tăng cường cảnh giác sẵn sàng chiến đấu. Các lực lượng vũ trang, bộ đội thường trực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ và công an vũ trang ở các huyện biên giới phải luôn luôn nắm vững tình hình địch và phương án đã được chuẩn bị trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao nhất, sẵn sàng nổ súng tiêu diệt địch ngay từ trận đầu, bảo vệ biên cương Tổ quốc”¹.

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Lạng Sơn trong thời kỳ xây dựng và Bảo vệ Tổ quốc (1976 - 1980)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2001, tr.41.

Ngày 17/02/1979, phía Trung Quốc huy động 60 vạn quân gồm 30 sư đoàn của 9 quân đoàn chủ lực, hàng ngàn xe tăng, xe bọc thép ồ ạt tấn công nước ta trên toàn tuyến biên giới phía Bắc từ huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu đến Móng Cái tỉnh Quảng Ninh. Tại Lạng Sơn, từ 5 giờ sáng ngày 17/02, hàng loạt pháo của Trung Quốc đã bắn phá dữ dội vào địa phận dọc tuyến biên giới từ xã Bắc Xa, huyện Đình Lập đến xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định. Sau các đợt pháo kích, nhiều trung đoàn bộ binh Trung Quốc có pháo binh và xe tăng yểm trợ tiến vào Lạng Sơn theo các hướng chính: hướng Đồng Đăng huyện Cao Lộc, hướng Chi Ma huyện Lộc Bình, hướng Bảo Lâm, Tân Thanh, Tân Yên huyện Văn Lãng và hướng Bắc Xa huyện Đình Lập.

Ngay trong ngày 18/02/1979, Thường vụ Tỉnh ủy đã phân công làm hai bộ phận: Một bộ phận do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và các đồng chí phụ trách quân sự ở lại thị xã Lạng Sơn lãnh đạo quân và dân các huyện, thị trực tiếp chiến đấu, một bộ phận do đồng chí Phó Bí thư Thường trực và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các cơ quan chuyên môn về Đồng Mỏ (Chi Lăng) để lãnh đạo các đơn vị phục vụ chiến đấu và triển khai tiếp nhận, hỗ trợ các cơ quan, nhà trường và nhân dân từ biên giới sơ tán¹.

Ở hướng Đồng Đăng - thị xã Lạng Sơn, quân Trung Quốc tập trung đánh chiếm thị trấn Đồng Đăng và các khu vực Tam Lung, Khòn Làng và Tân Yên. Khi quân Trung Quốc

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Báo cáo kiểm điểm cuộc chiến đấu chống quân Trung Quốc xâm lược*, tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

tiến đánh đến Đông Dăng, các chiến sĩ Đồn Công an nhân dân vũ trang 193 phối hợp với Đại đội cơ động Công an tỉnh, Đại đội công binh Trung đoàn 12 (Đoàn Sao Vàng) cùng lực lượng dân quân xã Bảo Lâm kịp thời nổ súng. Ở khu vực hai xã Tân Yên và Tân Thanh, các đơn vị vũ trang chiến đấu Văn Lãng phối hợp cùng Công an nhân dân vũ trang và Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 12 đánh trả quyết liệt, bắn cháy 2 xe tăng, đẩy lùi cuộc tiến công. Các đơn vị dân quân hai xã Mỹ Cao¹ và Hồng Phong (Cao Lộc) nêu cao tinh thần quả cảm, đẩy lùi nhiều đợt tiến công của quân xâm lược vào hang Khòn Khoang, giải vây được 400 người dân trú trong hang, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Tại ngã ba Tam Lung, Tiểu đoàn 11 bộ đội địa phương thị xã phối hợp với các đơn vị chiến đấu của Đoàn Sao Vàng (Sư đoàn 3) đã chặn đánh quân Trung Quốc buộc chúng phải dừng lại không tiến thêm được. Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Cao Lộc đã chặn đánh 1 trung đoàn quân Trung Quốc, tiêu diệt tại chỗ nhiều đối tượng. Đồng thời, đơn vị dân quân các xã Thanh Lò, Cao Lâu và Xuất Lễ phối hợp với bộ đội biên phòng bẻ gãy nhiều mũi tiến công của đối phương vào Cao Lâu, Xuất Lễ. Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 12 (Sư đoàn 3) phối hợp với lực lượng bộ đội địa phương chiến đấu tập kích một tiểu đoàn quân Trung Quốc tại điểm cao 661. Tiểu đoàn 4 và Tiểu đoàn 6 thuộc Trung đoàn 12 phản kích quyết liệt đẩy lùi quân Trung Quốc, làm chủ trận địa phía bắc Tam Lung, ngăn chặn làm chậm bước tiến quân của chúng vào thị xã Lạng Sơn.

1. Năm 1981, xã Tân Uyên và xã Mỹ Cao sáp nhập thành xã Tân Mỹ.

Tại hướng Chi Ma - Lộc Bình, Trung Quốc dùng nhiều trung đoàn có xe tăng yểm trợ tiến công ồ ạt vào Đồn Biên phòng Chi Ma. Ngay trong những giờ đầu tiên của cuộc chiến, các chiến sĩ Đồn Biên phòng Chi Ma đã anh dũng chiến đấu, loại khỏi vòng chiến hơn 100 tên, bảo vệ nhân dân sơ tán an toàn. Trước chênh lệch lực lượng quá lớn, bộ đội biên phòng phải tạm rút khỏi đồn, phối hợp cùng dân quân xã Tú Mịch, Yên Khoái và Tiểu đoàn 1, Trung đoàn bộ binh 123 đóng tại Lộc Bình triển khai đội hình, rút về Mẫu Sơn xây dựng trận địa, tổ chức chiến đấu.

Tại hướng Tràng Định, Công an nhân dân vũ trang cùng dân quân các xã Quốc Khánh, Tri Phương, Đội Cận phối hợp với Trung đoàn 199 bộ đội tỉnh tổ chức đánh trả quyết liệt suốt 6 giờ liên tục, bẻ gãy nhiều mũi tiến công, tiêu diệt hàng trăm tên, đẩy lùi đợt tiến công với quy mô lớn của quân Trung Quốc.

Tại hướng Đình Lập, các đơn vị bộ đội và dân quân địa phương đã sát cánh cùng các chiến sĩ Đồn Biên phòng Bắc Xa tiến công, đánh bại quân đối phương giành lại điểm cao 899 Chè Mừng, gây cho địch nhiều tổn thất; Trung đoàn bộ đội chủ lực 460, Đại đội tự vệ Nông trường Thái Bình và Đại đội súng cối 82 Lâm trường Đình Lập đánh bật quân đối phương khỏi điểm cao 538 Bản Chắt, buộc quân đối phương phải rút chạy về bên kia biên giới.

Sau 5 ngày đêm chiến đấu ác liệt, trước sự bám trụ kiên cường của các đơn vị vũ trang chiến đấu của ta trên tất cả các hướng, đến ngày 21/02/1979, Trung Quốc buộc phải tạm ngừng tiến công để bổ sung quân và tìm cách tổ chức kế hoạch tiến công mới.

Nhằm kịp thời động viên khí thế chiến đấu, ngày 22/02/1979, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 01-CT/TU biểu dương những thành tích của quân và dân các huyện biên giới, các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã đánh thắng ngay từ những trận đầu. Chỉ thị đã nêu lên những nhiệm vụ cấp bách là: Các ngành, các cấp, các đơn vị lực lượng vũ trang phải tranh thủ rút kinh nghiệm đợt chiến đấu vừa qua, kiên quyết bám trụ chiến đấu bảo vệ biên cương Tổ quốc..., nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Các cấp chính quyền phải nắm chắc tình hình, đi sát cơ sở, giải quyết kịp thời những yêu cầu và khó khăn ở tuyến đầu cũng như ở hậu phương. Các huyện cần nhanh chóng tổ chức sơ chỉ huy tiền phương,... tổ chức lực lượng chiến đấu. Đồng thời, tranh thủ sản xuất ở những nơi có thể sản xuất và hết sức chi viện cho tiền tuyến. Các huyện có đồng bào sơ tán cần có kế hoạch nắm lại tổ chức đảng, chính quyền, dân quân tự vệ từng xã, nhanh chóng tổ chức từng đơn vị trở lại địa phương tìm quân lẩn chiếm mà đánh, giành quyền làm chủ.

Các cơ quan đã sơ tán lui về phía sau, cần nhanh chóng ổn định tình hình, giải quyết kịp thời các yêu cầu về đời sống. Tổ chức việc học hành cho con em đồng bào sơ tán...

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, trên 4 vạn đồng bào từ huyện biên giới và gần 7.000 cán bộ, công nhân các cơ quan trong tỉnh sơ tán về tuyến sau. Các huyện tuyến sau đã tích cực ổn định nơi ăn ở, làm việc của đồng bào sơ tán và cơ quan Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh, nhanh chóng nắm lại tình hình, chỉ đạo chiến tranh. Tại huyện Chi Lăng, dân quân trấn Chi Lăng, dân quân xã Vân An, xã Chiến Thắng,

Lâm trường Chiến Thắng lĩnh hội nhiệm vụ bốc dỡ hàng hóa sơ tán, vận chuyển thương binh, tiếp tế lương thực, vũ khí cho mặt trận. Huyện Bắc Sơn tiếp nhận 2.125 hộ gia đình từ hai huyện Tràng Định và Văn Lãng sơ tán đến. Tại huyện Bình Gia, Ban tiếp nhận đồng bào sơ tán động viên nhân dân trong huyện bố trí, đón nhận khoảng 2 vạn đồng bào sơ tán ở xen kẽ trong các làng bản ở các xã trên địa bàn huyện. Phát huy tinh thần yêu thương, đùm bọc lẫn nhau lúc khó khăn, hoạn nạn, nhân dân các dân tộc Bình Gia đã quyên góp được 60 tấn gạo, hàng nghìn bộ chăn màn, quần áo giúp đồng bào sơ tán.

Từ ngày 22/02/1979, Trung Quốc tiếp tục huy động thêm nhiều sư đoàn bộ binh có pháo binh và xe tăng yểm trợ, ồ ạt tiến công trên các hướng từ Đồng Đăng tới Hồng Phong, từ Cao Lâu tiến ra, hướng chính là từ Đồng Đăng tiến qua Tam Lung vào thị xã Lạng Sơn. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo tác chiến trên các hướng, Sở Chỉ huy tiền phương Quân khu I tập kết về xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng. Ngày 24/02/1979, Đảng ủy Quân khu I quyết định thành lập Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Mặt trận Lạng Sơn. Đồng chí Thiếu tướng Hoàng Đan - Phó Giám đốc Học viện Quân sự cao cấp làm Tư lệnh, đồng chí Hoàng Trường Minh - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn làm Chính ủy. Các đồng chí Lê Thanh (Phó Tư lệnh Quân khu); đồng chí Bé Chu Lang (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh); đồng chí Đại tá Lê Sơn (Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh) được bổ nhiệm làm Phó Tư lệnh; đồng chí Đại tá Phí Triệu Hàm làm Phó Chính ủy¹.

1. *Lịch sử Đảng bộ Quân khu I (1945 - 2005)*, tr.342.

Đến ngày 25/02/1979, sau khi tiếp tục mở nhiều cuộc tiến công xâm lược, quân đối phương đã chiếm được Đồng Đăng, Thất Khê, một số điểm cao dọc tuyến biên giới thuộc huyện Cao Lộc, Lộc Bình và ngoại vi thị xã Lạng Sơn. Để kịp thời chỉ đạo các trận chiến đấu chống quân xâm lược, Sở chỉ huy tiền phương Quân khu I và Bộ Tư lệnh Mặt trận Lạng Sơn, từ xã Gia Lộc chuyển lên xã Mai Sao, huyện Chi Lăng. Bộ Tư lệnh tiền phương đóng tại xã Tân Thành đã khẩn trương điều chỉnh lực lượng bảo vệ thị xã Lạng Sơn. Đảng bộ Mặt trận Lạng Sơn thống nhất chỉ đạo tổ chức lực lượng chiến đấu trên toàn mặt trận gồm 5 khu vực: Khu vực 1 gồm huyện Đình Lập và huyện Lộc Bình; Khu vực 2 thuộc huyện Cao Lộc; Khu vực 3 gồm huyện Tràng Định và huyện Văn Lãng; Khu vực 4 gồm thị xã Lạng Sơn và huyện Chi Lăng; Khu vực 5 thuộc huyện Văn Quan. Lực lượng chủ yếu là bộ đội địa phương, một phần bộ đội chủ lực của quân khu phối hợp với dân quân chiến đấu của các huyện. Đồng thời, Bộ Chỉ huy Mặt trận Lạng Sơn ra mệnh lệnh cho Sư đoàn 327 chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, đón nhận Trung đoàn 197 Bắc Thái lên phòng ngự phía bắc cầu Khánh Khê, tăng cường tiểu đoàn xe tăng cho Trung đoàn 42 bảo vệ thị xã Lạng Sơn.

Ngày 26/02/1979, Trung Quốc tiếp tục tăng cường thêm lực lượng tại hướng Lạng Sơn, quân Trung Quốc lúc này có 3 quân đoàn, 9 sư đoàn, nhiều trung, tiểu đoàn độc lập (khoảng gần 200.000 tên, chiếm 1/3 tổng quân số trên toàn biên giới), có hàng trăm pháo lớn và xe tăng yểm trợ. Sáng 27/02/1979, Trung Quốc huy động lực lượng tiến đánh thị xã Lạng Sơn nhưng gặp phải sức kháng cự quyết liệt của quân ta. Các Sư đoàn 3, 337 và lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn phối hợp chiến đấu, chặn đánh đối phương tại khu vực cầu Khánh Khê.

Ngày 28/02/1979, quân Trung Quốc chia làm ba mũi tiến công vào thị xã Lạng Sơn. Lực lượng vũ trang thị xã đã hiệp đồng chặt chẽ với Trung đoàn 2, Trung đoàn 141, Trung đoàn 42, tiểu đoàn xe tăng vừa được tăng cường tới chặn đánh quyết liệt, đẩy lùi nhiều đợt tấn công, bắn cháy 6 xe tăng, tiêu diệt nhiều lực lượng đối phương. Ngày 02/3/1979, Trung đoàn 2, Sư đoàn 3 hiệp đồng với đơn vị thiết giáp cùng bộ đội địa phương của tỉnh và thị xã đánh trả nhiều đợt tiến công của đối phương, tiêu diệt nhiều sinh lực của chúng, bắn cháy 3 xe tăng của đối phương, giữ vững khu vực Tam Thanh, thị xã Lạng Sơn. Đến 18 giờ cùng ngày, quân Trung Quốc tiến vào phố Kỳ Lừa, toàn bộ lực lượng của ta rút về phòng ngự phía nam quốc lộ 1B, tổ chức lực lượng phối hợp với Sư đoàn 337, Trung đoàn 197, bộ đội chủ lực tỉnh Bắc Thái, lực lượng dân quân xã Bình Trung đánh lui nhiều đợt tấn công của đối phương ở phía bắc cầu Khánh Khê. Với lực lượng được tăng cường, ngày 04/3/1979, quân Trung Quốc chiếm điểm cao 391 và 403, khu vực nam sông Kỳ Cùng và các khu phố trong thị xã Lạng Sơn. Lực lượng của ta rút khỏi thị xã, chốt giữ các điểm cao chuẩn bị cho đợt chiến đấu mới.

Ngày 02/3/1979, Bộ Chính trị ban hành quyết định thành lập Quân đoàn 5 (Binh đoàn Chi Lăng, sau đổi thành Quân đoàn 14) thuộc Quân khu I phụ trách chiến đấu tại Lạng Sơn. Lực lượng Quân đoàn có 5 sư đoàn bộ binh (3 sư đoàn tại chỗ, 2 sư đoàn bổ sung từ Quân khu IV), 6 lữ đoàn, trung đoàn binh chủng, tổng quân số lên đến hơn 70.000 người, trong đó có hàng nghìn con em đồng bào các dân tộc tỉnh Lạng Sơn. Đồng thời, một số đơn vị của Quân đoàn 1

(Binh đoàn Quyết Thắng) như: Sư đoàn 320, Trung đoàn 209 - Sư đoàn 312 tập kết ở Đồng Mỏ (Chi Lăng). Toàn bộ lực lượng Quân đoàn 2 (Binh đoàn Hương Giang) có 3 sư đoàn bộ binh tinh nhuệ, 6 lữ đoàn, trung đoàn binh chủng với gần 40.000 người cũng tập kết tại Bắc Giang, sẵn sàng cùng Quân đoàn 5, Quân đoàn 1 và lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn phản công chiến lược. Quân và dân các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Văn Quan, Chi Lăng và Hữu Lũng đã huy động hàng ngàn chiến sĩ tự vệ chiến đấu, thành lập mỗi huyện 1 tiểu đoàn tự vệ bổ sung cho mặt trận, góp phần chặn đứng nhiều mũi tiến quân của đối phương tại Khánh Khê¹, Thất Khê, Cao Lộc, Lộc Bình, thị xã Lạng Sơn và Đình Lập.

Ngày 04/3/1979, Ban Chấp hành Trung ương ra Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước bảo vệ Tổ quốc. Ngày 05/3/1979, Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng công bố Lệnh Tổng

1. Cầu Khánh Khê nằm tiếp giáp giữa hai huyện Văn Quan và Cao Lộc (tỉnh Lạng Sơn), ở giữa là con sông Kỳ Cùng. Đây là vị trí cực kỳ quan trọng với ý đồ của đối phương là vượt sông Kỳ Cùng, vu hồi về điểm cao Sài Hồ - Đồng Mỏ để bao vây, cô lập thị xã Lạng Sơn. Chính vì vậy, Trung Quốc huy động hàng quân đoàn với hàng trăm pháo các loại cùng dân binh với thế “biển người” đánh chiếm các điểm cao do Sư đoàn 337 trấn giữ. Trong suốt 12 ngày đêm (từ ngày 28/02 đến ngày 05/3/1979) với quân số áp đảo, Trung Quốc đã mở nhiều cuộc tấn công một mất một còn nhằm vượt sông đều bị ta đánh bật trở lại. Trải qua 18 trận đánh chống sự xâm chiếm lãnh thổ tại tuyến phòng thủ này, ước tính đã có 2.000 quân đối phương bị tiêu diệt, 8 xe tăng của đối phương bị phá. Quan trọng hơn cả, Sư đoàn 337 đã hoàn thành nhiệm vụ, đập tan ý đồ bao vây chia cắt Lạng Sơn của đối phương. Trong 12 ngày đêm ấy, có hơn 650 người lính của Sư đoàn 337 đã ngã xuống. Sư đoàn 337 sau đó được mang danh hiệu Đoàn Khánh Khê vì thành tích chiến đấu chống xâm lược ở Khánh Khê.

động viên quân dân cả nước. Ngay trong ngày 05/3/1979, Trung Quốc lần lượt rút khỏi toàn tuyến biên giới.

Trong cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, với ý chí kiên cường, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã lập nên những chiến công xuất sắc. Lực lượng vũ trang Lạng Sơn đã phối hợp với các đơn vị Quân khu I, Quân đoàn 5 loại khỏi vòng chiến đấu 19.000 lính Trung Quốc, phá hủy 76 xe tăng, thiết giáp và 52 xe quân sự, 95 khẩu pháo - cối và giàn phóng hỏa tiễn, tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 3 trung đoàn, 4 tiểu đoàn. Với thành tích chiến đấu anh dũng, nhiều đơn vị của lực lượng vũ trang tỉnh vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: Đội Cảnh sát cơ động (Công an tỉnh Lạng Sơn), Đồn Biên phòng Hữu Nghị (được phong tặng lần 2), Đồn Biên phòng Pò Mã (Đồn 187), Đại đội 5 cơ động Công an nhân dân vũ trang (Bộ đội biên phòng) tỉnh Lạng Sơn. Nhiều cá nhân được Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Tuy nhiên, những tổn thất từ cuộc chiến tranh biên giới năm 1979 hết sức nặng nề, gần như toàn bộ các cơ sở công nghiệp, trường học, bệnh viện, kho tàng, công sở, nhà cửa đều bị tàn phá. Riêng về cơ sở công nghiệp, 25 nhà máy xí nghiệp, 3 nhà máy thủy điện, 34 máy phát điện, toàn bộ hệ thống đường điện cao thế, hạ thế bị phá hỏng. Về nông nghiệp, hàng vạn gia súc, gia cầm bị cướp, bị giết, nhiều cánh đồng của các huyện, thị biên giới bị tàn phá. Khi rút lui, quân Trung Quốc còn tiến hành phá các tuyến đường giao thông, cài lại rất nhiều bom mìn tại những nơi chúng từng đóng quân.

Ngay sau khi chiến tranh biên giới kết thúc, nhân dân các huyện, các xã biên giới bị tàn phá đã nhanh chóng được tổ chức trở lại bản làng để khôi phục sản xuất, ổn định đời sống và bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ xây dựng các xã thành tuyến phòng thủ quốc phòng và an ninh để bảo vệ lãnh thổ biên giới quốc gia. Lực lượng công binh Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tích cực phối hợp với Trung đoàn 4 - Sư đoàn 337, Quân đoàn 14 tiến hành dò, gỡ mìn, bảo vệ an toàn cho cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân ta khôi phục và phát triển sản xuất¹. Tỉnh ủy chỉ đạo các địa phương tích cực phối hợp với Quân đoàn 14 tiến hành khôi phục, xây dựng mới hệ thống cầu đường. Trong năm 1979, tỉnh xây dựng mới gần 1.000 m cầu và mở được trên 100 km đường mới, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phục vụ quốc phòng và sản xuất.

Lực lượng vũ trang, nhất là lực lượng phòng thủ sẵn sàng chiến đấu ở các xã, các huyện biên giới được tăng cường củng cố về quân số, vũ khí, trang bị. Phương án chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu giữa ba thứ quân được triển khai tập dượt thường xuyên trên địa bàn các xã trong toàn tỉnh.

Lực lượng bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, lực lượng an ninh của tỉnh được củng cố, tăng cường về mọi mặt để không ngừng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ biên giới. Thực hiện sự chỉ đạo Quân khu, tháng 4/1979 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiến hành bàn giao các Trung đoàn 123, 199 về Sư đoàn 347, góp phần tăng cường lực lượng chiến đấu của Quân đoàn 14². Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành đã tổ chức phát động phong trào Toàn dân tham gia xây dựng

1, 2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2002)*, Sđd, tr.82, 83.

lực lượng vũ trang, xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

Lực lượng Công an nhân dân được điều chỉnh, tinh giản gọn nhẹ các đơn vị trực thuộc, tăng cường các đơn vị chiến đấu. Số phòng, ban chuyên môn từ 23 đơn vị giảm xuống còn 13 đơn vị, hàng chục cán bộ lãnh đạo các phòng, ban có chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị tốt được điều động tham gia xây dựng, củng cố công an các huyện biên giới¹. Công an Lạng Sơn đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 02-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cuộc vận động “Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 05/8/1980 của Tỉnh ủy Lạng Sơn chỉ đạo các cấp, các ngành từ tỉnh đến các huyện, thị phát động phong trào rộng lớn trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhằm đẩy mạnh công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh².

Công an tỉnh Lạng Sơn đã bám chắc địa bàn, kịp thời phát hiện, triệt tiêu các hoạt động phá hoại trật tự trị an, các tổ chức phản động. Trong đó, điển hình nhất là chiến công phá chuyên án gián điệp mang bí số TP12, bắt mạng lưới gián điệp do hai đối tượng Chu Minh Phương, Vi Văn Tú cầm đầu và chiến công triệt phá tổ chức phản động tự xưng danh là “Đảng Cộng sản Hồ Chí Minh” do đối tượng Lâm Văn Công đứng đầu³. Các địa phương trong tỉnh chú trọng xây

1, 2, 3. Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1975 - 1996)*, Sđd, tr.33, 35, 37.

dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ ở hầu hết các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, trường học, bệnh viện; thường xuyên luyện tập, tuần tra canh gác, bảo vệ trật tự trị an xã hội, giữ vững an ninh chính trị và thường trực trong nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên giới của Tổ quốc. Các huyện trong tỉnh đều cử một tiểu đoàn dân quân bổ sung lực lượng cho các huyện biên giới. Đồng thời, nhằm tăng cường lực lượng lao động đảm bảo an ninh - quốc phòng địa phương, trong năm 1979, tỉnh Lạng Sơn tiếp nhận thêm 5.000 nhân khẩu từ tỉnh Hà Bắc¹.

Do hậu quả tàn phá của chiến tranh, đồng thời tâm lý lo ngại chiến tranh kéo dài của một bộ phận nhân dân, sản xuất lương thực năm 1979 chỉ đạt 82% so với năm 1978, phần lớn các huyện đều không đạt chỉ tiêu sản xuất, bình quân lương thực đầu người chỉ đạt 175 kg, tình trạng thiếu lương thực ngày càng trầm trọng. Trước tình hình đó, cuối năm 1979 Tỉnh ủy Lạng Sơn chủ trương: Phải thực sự dồn sức vào nông nghiệp, dành ưu tiên số một cho nông nghiệp, tinh thần này không chỉ quán triệt trong năm 1980 mà cả những năm tới. Trong nông nghiệp tập trung vào lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp và xuất khẩu. Dành vốn, vật tư cho việc hoàn chỉnh các công trình thủy lợi đảm bảo nước tưới ngay trong năm 1980, đồng thời Phát động phong trào toàn dân làm lương thực. Cán bộ, công nhân viên nhà nước cũng phải sản xuất tự túc, kiên quyết đưa một số người chưa có công ăn việc làm ở thị xã, thị trấn đi vào sản xuất nông nghiệp.

1. Nay là tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang.

Nhờ những cố gắng to lớn của toàn thể Đảng bộ và nhân dân, sản xuất lương thực năm 1980 đã đạt mức năm 1978, bình quân lương thực đầu người đạt 214 kg. Về chăn nuôi, đến năm 1980, đàn trâu có 135.492 con, đàn bò có 15.085 con, đàn lợn có 135.264 con, cơ bản giữ vững so với các giai đoạn trước đó. Tuy nhiên, do dân số tăng nhanh, đồng thời, trong thời gian này, tỉnh Lạng Sơn được Trung ương giao nhiệm vụ đảm bảo hậu cần tại chỗ cho Quân đoàn 14 và toàn bộ lực lượng vũ trang trong tỉnh, yêu cầu thu mua lương thực, thực phẩm chưa phù hợp với năng lực sản xuất nông nghiệp, nhu cầu lương thực khu vực nhà nước và phi nông nghiệp năm 1980 lên đến 41.600 tấn (chiếm 25% tổng nhu cầu lương thực toàn tỉnh). Do vậy, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên chưa được cải thiện so với năm 1977 - 1978.

Cơ sở vật chất sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp bị tàn phá nặng nề. Cuối năm 1979, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án giao cho các ngành, các huyện khôi phục cơ sở cũ và tiếp tục xây dựng một số cơ sở khác. Được sự quan tâm tích cực của các ngành, các cấp, với nỗ lực của cán bộ, công nhân và nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh, đến cuối năm 1980, nhiều cơ sở công nghiệp của tỉnh như trạm điện, nước, xí nghiệp chế biến lương thực, xí nghiệp vật liệu xây dựng nhanh chóng được khôi phục và đi vào sản xuất. Tuy vậy, do tình hình thiếu thốn nguyên liệu, vật tư, hàng hóa, xăng dầu, phương tiện vận tải kinh phí Nhà nước cấp cho Lạng Sơn năm 1980 đều thấp hơn mức năm 1979 nên nhiều nhà máy, xí nghiệp chỉ đạt 40 - 50% sản lượng của năm 1976.

Hoạt động giáo dục địa phương nhanh chóng được khôi phục và đi vào nền nếp. Năm học 1980 - 1981, toàn tỉnh có 142.880 học sinh, tăng 6,3% so với năm 1979. Cùng với những nỗ lực của ngành giáo dục, ngành y tế đã có nhiều cố gắng trong việc khôi phục cơ sở bị chiến tranh tàn phá, tăng cường trang thiết bị y tế, tăng cường cán bộ cho các trạm xá, bệnh xá và bệnh viện, khôi phục nền nếp khám, chữa bệnh, công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc ở các huyện, xã biên giới, góp phần ổn định đời sống của đồng bào trong những ngày tháng còn nhiều khó khăn thiếu thốn. Tính đến năm 1980, tỉnh Lạng Sơn có 453 bác sĩ, đạt tỷ lệ 9 y, bác sĩ, 23 giường bệnh/vạn dân¹.

Trong hai năm 1979 - 1980, Đảng bộ chú trọng chỉ đạo các cấp ủy đảng, các ngành, các đoàn thể trong tỉnh thực hiện củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở.

Qua việc tổ chức đại hội đảng bộ từ cơ sở, các cấp ủy đảng được kiện toàn một bước về tổ chức, những cán bộ thiếu năng lực, kém phẩm chất được thay thế. Đối với cấp cơ sở, Tỉnh ủy chỉ đạo coi trọng kiện toàn 4 chức danh chủ chốt của cấp ủy - chính quyền: bí thư, chủ tịch, xã đội trưởng, trưởng công an. Đến đầu năm 1980, toàn tỉnh đã thay mới 50% số cán bộ chủ chốt cấp cơ sở, đảm bảo độ tin cậy chính trị. Với cấp đảng bộ trên cơ sở, Tỉnh ủy chỉ đạo các đơn vị

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005), Sđd, tr.112.

xây dựng đề án tăng cường thêm 173 cấp ủy viên (tăng 48,8%) so với giai đoạn trước¹.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng năm 1980 là tổ chức xét và phát thẻ đảng viên theo Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát thẻ đảng viên. Hai đợt phát thẻ Đảng ngày 03/02 và 19/5/1980, toàn tỉnh triển khai phát tại 200 đảng bộ cơ sở và 4.448 đảng viên (chiếm 24,2%). Qua các phong trào cách mạng, nhiều quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, bổ sung cho Đảng bộ một lớp cán bộ mới đã qua rèn luyện, thử thách trong cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ biên giới. Đến tháng 3/1980, toàn Đảng bộ có 18.503 đảng viên, sinh hoạt tại 667 chi bộ và đảng bộ cơ sở.

Hai năm 1979 - 1980, Đảng bộ, quân và dân toàn tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và ổn định sản xuất, đời sống, đưa các hoạt động xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục đi vào nền nếp; xây dựng thế trận phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biên giới, tạo bước chuyển biến cho việc tiếp tục phát triển nền kinh tế - xã hội của tỉnh theo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của kế hoạch nhà nước 1981 - 1986.

Từ ngày 15 đến ngày 17/9/1980, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ VIII được tiến hành trọng thể tại Đồng Bành², huyện Chi Lăng với 240 đại biểu tham dự.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: “Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn khóa VIII”, Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

2. Nay là thị trấn Đồng Bành, huyện Chi Lăng.

Đại hội biểu dương những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu của quân và dân các dân tộc trong tỉnh Lạng Sơn, nhất là quân và dân các xã, huyện biên giới đã góp phần to lớn trong nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới của Tổ quốc.

Đánh giá tình hình các mặt, Đại hội nhận định: “Thông qua việc tiến hành nhiệm vụ chính trị trong hoàn cảnh gay go ác liệt của chiến tranh và khắc phục hậu quả chiến tranh, tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp đã được củng cố và kiện toàn một bước từ tỉnh tới cơ sở, tạo nòng cốt phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đảm bảo yêu cầu chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị và an toàn xã hội. Quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã nêu cao tinh thần yêu nước, cách mạng, tinh thần chủ động, tự lực, đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau trong chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, trong khôi phục, phát triển sản xuất và ổn định đời sống. Cùng với những nỗ lực trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, quân và dân các địa phương trong tỉnh đã khẩn trương xây dựng được lực lượng sẵn sàng chiến đấu, xây dựng phòng tuyến biên giới, củng cố lại thế trận chiến tranh nhân dân, bảo vệ Tổ quốc”¹.

Về những hạn chế, yếu kém, Đại hội chỉ rõ: “Nhìn chung nền kinh tế của tỉnh còn mất cân đối nghiêm trọng; sản xuất chưa được phục hồi lại bằng trước chiến tranh, sản xuất nhỏ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội*, Sđd, tr.66-67.

và phân tán còn phổ biến. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa được củng cố, nhịp độ phát triển kinh tế còn thấp so với nhu cầu tăng nhanh của đời sống xã hội. Quản lý kinh tế và quản lý xã hội còn nhiều mặt bị buông lỏng, các hiện tượng, việc làm tiêu cực trong kinh tế - xã hội chưa được ngăn chặn kịp thời, có phần phát sinh nhiều hơn. Còn nhiều biểu hiện mất cảnh giác trong quản lý, bảo vệ biên giới”¹.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ là: “Xây dựng Lạng Sơn thành tuyến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc thêm vững chắc cả về chính trị, quân sự, an ninh, củng cố khối đoàn kết dân tộc; đẩy mạnh sản xuất làm ra nhiều lương thực, thực phẩm, nông - lâm sản, hàng hóa cho tiêu dùng và xuất khẩu, sắp xếp ổn định một bước đời sống của nhân dân, xây dựng Đảng bộ vững mạnh, trong sạch; kiện toàn Đảng bộ và cải tiến một bước bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy và quản lý; kiên quyết khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong kinh tế và đời sống xã hội, chuẩn bị cho bước phát triển mới”².

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII gồm 39 ủy viên chính thức và 2 Ủy viên dự khuyết.

Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí: Hoàng Trường Minh, La Thăng, Bé Chu Lang, Đào Đình Bảng, Lê Sơn, Trần Rỹ, Bùi Xuân, Đường Thị Kim, Nguyễn Minh Quát, Triệu Việt Hương, Phương Mai. Đồng chí Hoàng Trường Minh được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí La Thăng

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội, Sđd*, tr.68, 68-69.

làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Bé Chu Lang được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Ngày 24/4/1982, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 59-QĐ-NS/TW, phân công đồng chí La Thăng làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Hoàng Trường Minh đi nhận nhiệm vụ khác.

Thực hiện phương hướng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII đề ra, quán triệt phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1981 - 1985, từ đầu năm 1981, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn đã bắt tay vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương trong hoàn cảnh vẫn còn không ít khó khăn về kinh tế và đời sống, cũng như nhiều diễn biến phức tạp về an ninh biên giới.

Từ năm 1981 đến năm 1983, cùng lúc, Đảng bộ, quân và dân Lạng Sơn phải thực hiện các nhiệm vụ cơ bản, tập trung xây dựng phòng tuyến biên giới bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn các xã biên giới, khôi phục nền kinh tế nông - lâm nghiệp còn gặp nhiều khó khăn; trong đó, ngoài việc tiếp tục khôi phục phong trào hợp tác hóa nông nghiệp sau chiến tranh, còn tăng cường xây dựng cấp huyện thành cấp quản lý kinh tế của địa phương...

Nhiệm vụ cơ bản, cấp bách nổi lên trong giai đoạn này mà Đảng bộ thường xuyên chú trọng chỉ đạo các cấp, các ngành là tập trung thực hiện xây dựng phòng tuyến biên giới để kịp thời đối phó với mọi tình huống phức tạp có thể xảy ra.

Trước tình hình trên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra chủ trương: “Các cấp, các ngành thực hiện từng bước việc

động viên, vận động đồng bào các làng, bản ở giáp biên giới rời làng sâu vào nội địa, khoanh vùng địa bàn, tạo ra vành đai biên giới để tạo cơ sở cho công tác quản lý an ninh, trật tự khu vực biên giới. Tranh thủ sự viện trợ của Trung ương và các tỉnh bạn, tỉnh đã thực hiện đầu tư, xây dựng các công trình công sự phòng tuyến, đường giao thông, trường học, bệnh xá, đầu tư hỗ trợ sản xuất, từng bước lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, đời sống, trong bối cảnh vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu”.

Trong ba năm 1981 - 1983, Tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành nhiều biện pháp nhằm củng cố khối đoàn kết nhân dân các dân tộc và các lực lượng vũ trang, từ đó, thế trận chiến tranh nhân dân tiếp tục được xây dựng theo hướng toàn diện, đi vào chiều sâu. Công tác xây dựng xã biên phòng, huyện pháo đài đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỉnh hình thành được dải biên phòng và dải tác chiến phía trước, tại các xã biên giới thành lập được trung đội dân quân chiến đấu tập trung¹, sát cánh cùng các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, biên phòng, công an đánh trả các hành động xâm phạm, lấn chiếm của đối phương và đảm bảo trật tự, trị an vùng biên. Các xã có phong trào xây dựng phòng tuyến, bảo vệ an ninh biên giới tốt trong thời gian này là xã Yên Khoái (huyện Lộc Bình), xã Quốc Khánh (huyện Tràng Định). Đặc biệt, xã Lộc Thanh (huyện Cao Lộc) đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu “Đơn vị Anh hùng Lực lượng

1. Các đơn vị này được hưởng phụ cấp do ngân sách địa phương chi trả.

vũ trang nhân dân” do có nhiều thành tích trong công tác giữ gìn an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Lực lượng vũ trang địa phương trong ba năm 1981 - 1983 được củng cố, tăng cường cả về số lượng và chất lượng, trong đó dân quân tự vệ đến năm 1983 có 101.505 chiến sĩ, chiếm 20,9% dân số toàn tỉnh.

Thực hiện kế hoạch phòng thủ đã đề ra, liên tiếp từ năm 1980 đến năm 1983, Tỉnh ủy chỉ đạo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiến hành điều chỉnh và bố trí lại nhiệm vụ cho một số đơn vị lực lượng vũ trang địa phương tham gia phòng thủ biên giới: Tiểu đoàn 6 huyện Tràng Định đứng chân ở điểm cao 583 và 558 đối diện với mốc 11-13 tây, Tiểu đoàn 7 huyện Văn Lãng bảo vệ các điểm cao 370, 250 và 343; Tiểu đoàn 8 huyện Cao Lộc đóng quân ở Bản Đon và Pác Cuông; Tiểu đoàn 9 huyện Lộc Bình đóng quân ở Tú Mịch và Mẫu Sơn trên các điểm cao 522, 530, 473 và 400; Tiểu đoàn 11 thị xã Lạng Sơn bảo vệ điểm cao 1.820 Mẫu Sơn và xây dựng thêm 1 đồn biên phòng ở xã Tân Minh huyện Tràng Định. Sau khi được bố trí lại và giao nhiệm vụ cụ thể, các đơn vị đã nhanh chóng triển khai xây dựng trận địa, phối hợp cùng các trung đoàn, sư đoàn chủ lực, các đồn biên phòng, các trung đội dân quân tập trung của các xã biên giới, hình thành dải tác chiến phía trước của ba thứ quân. Trong dải tác chiến phía trước xây dựng xen kẽ thế trận bám trụ của bộ đội địa phương huyện và nhân dân xã biên giới tạo nên thế trận liên hoàn, chạy dài suốt dọc biên giới của 5 huyện Tràng Định, Văn Lãng, Cao Lộc, Lộc Bình và Đình Lập. Đồng thời Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cùng Quân đoàn 14

đã tiến hành thành lập Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất. Tiếp đó các huyện cũng thành lập ban chỉ huy quân sự thống nhất trên địa bàn của mình đảm nhiệm và xây dựng ban chỉ huy cụm chiến đấu, tạo thành hệ thống chỉ huy thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

Đối với công tác củng cố lực lượng chuyên trách thực hiện đảm bảo công tác biên phòng, thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/10/1979 của Bộ Chính trị về việc chuyển giao nhiệm vụ và lực lượng Công an nhân dân vũ trang từ Bộ Nội vụ sang Bộ Quốc phòng, ngày 17/3/1980, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TU “Về việc giải thể Đảng bộ Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lạng Sơn, chuyển giao đảng viên và tổ chức đảng về Đảng bộ Quân sự tỉnh”. Công an nhân dân vũ trang Lạng Sơn được sắp xếp, tổ chức theo biên chế mới. Đảng ủy và Ban Chỉ huy Công an nhân dân vũ trang giải thể nhập vào Đảng ủy và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thành lập thêm Phòng Biên phòng, các đồn biên phòng thuộc quyền chỉ huy của Ban Chỉ huy Quân sự huyện. Sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành Chỉ thị số 85/CT-TM về “Chấn chỉnh và kiện toàn tổ chức, tăng cường chỉ đạo, chỉ huy đối với bộ đội biên phòng”. Thực hiện Chỉ thị số 85/CT-TM, Bộ đội biên phòng tỉnh Lạng Sơn được kiện toàn lại mang phiên hiệu Trung đoàn 695 có quân số 1.157 cán bộ, trực tiếp chỉ đạo các đồn biên phòng.

Trong ba năm 1980 - 1983, các lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn phối hợp cùng Quân đoàn 14 đã giáng trả 1.043 vụ

khiêu khích vũ trang của phía Trung Quốc. Trong năm 1981, lực lượng bộ đội địa phương, dân quân huyện Cao Lộc đã tham gia cùng Sư đoàn 337, Quân đoàn 14 chiến đấu anh dũng tại bình độ 400, buộc chúng phải rút lui về phía bên kia biên giới.

Từ sau chiến tranh biên giới, Trung Quốc với âm mưu, thủ đoạn mới đã thành lập các tổ chức phản động. Trong đó có tổ chức phản động “Thanh niên cách mạng Hoàng Văn Hoan” tại hai xã Tân Thanh, Tân Yên (huyện Văn Lãng) do Công an Trung Quốc lập ra nhằm lôi kéo thanh niên gần biên giới Việt - Trung. Ngày 10/12/1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Công an, Biên phòng Lạng Sơn và huyện Văn Lãng tổ chức cho thanh niên làm lễ học tập, tự kiểm điểm, qua đó vạch trần bộ mặt thật, âm mưu thủ đoạn của Công an Trung Quốc¹.

Tháng 01/1982, Công an Lạng Sơn phát hiện hai đối tượng Lộc Viết Văn, Hứa Viết Năm ở xã Thanh Long, huyện Văn Lãng lén lút sang Trung Quốc buôn bán bị Trung Quốc mua chuộc làm gián điệp. Với quyết tâm đấu tranh làm rõ và bóc dỡ cơ sở, làm thất bại âm mưu thâm độc của đối phương, Công an Lạng Sơn lập chuyên án mang bí số VN82. Tháng 5/1982, các đối tượng Lộc Viết Văn, Hứa Viết Năm lôi kéo thêm các đối tượng Hoàng Minh Đức, Hoàng Kiên Cường, Phương Văn Thiệu ở thị trấn Na Sầm và đối tượng Cam Văn Búp ở Trung đoàn 123, Quân đoàn 14. Các đối tượng đã cung

1. Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1975 - 1996)*, Sđd, tr.49.

cấp tình hình hoạt động của công an, bộ đội ở dọc tuyến biên giới, sơ đồ các cơ quan quan trọng và Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng, lôi kéo và tổ chức nhiều người vượt biên.

Ngày 06/6/1982, Công an Lạng Sơn đã tiến hành bắt khẩn cấp các đối tượng Lộc Việt Văn, Hứa Việt Nam, Hoàng Minh Đức, Hoàng Kiên Cường. Phòng Hình sự Quân đoàn 14 bắt đối tượng Cam Văn Búp vì tội làm gián điệp cho nước ngoài, phản bội Tổ quốc. Từ kết quả đấu tranh chuyên án VN82, Công an Lạng Sơn tiếp tục lập chuyên án đấu tranh phá tan tổ chức phản động “Hội thanh niên sao đỏ” do đối tượng Phạm Công Lộc cầm đầu ở thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, mưu toan hoạt động gián điệp cho công an Trung Quốc¹.

Với tinh thần cả nước hướng về tuyến đầu Tổ quốc, Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Hà Bắc, Hà Sơn Bình, Hà Nam Ninh, các trường đại học, trung học chuyên nghiệp ở Hà Nội, Bắc Thái đã cử hàng nghìn lượt người tham gia cùng quân và dân Lạng Sơn xây dựng phòng tuyến biên giới; tổ chức các hoạt động kết nghĩa, chi viện sức người, sức của giúp xây dựng lại trường học, trụ sở, trạm xá ở các huyện, xã biên giới. Nhiều tỉnh phía nam đã cử các đoàn cán bộ đến thăm hỏi động viên, tặng quà cho bộ đội, dân quân các xã vùng giáp biên.

Những việc làm đó đã góp phần động viên, cổ vũ xây dựng khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết quân dân, giúp cho lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Lạng Sơn tăng

1. Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1975 - 1996)*, Sđd, tr.50-51.

thêm lòng tin và sức mạnh, sẵn sàng chiến đấu giữ vững tuyến phòng thủ biên giới.

Cùng với việc tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố phòng tuyến biên giới, trong thời gian này, thực hiện chủ trương của tỉnh, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, địa phương trong tỉnh đã tập trung củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp theo tinh thần Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp” (gọi tắt là khoán 100). Khoán 100 nhằm mục đích cải tiến hình thức khoán thông qua cách chuyển từ khoán việc sang khoán sản phẩm, từ khoán đội đến khoán hộ gia đình. Bước đầu khôi phục quyền tự chủ trong đất đai, làm cho người lao động quan tâm hơn tới kết quả cuối cùng trong quá trình sản xuất, phát huy tính sáng tạo, nhiệt tình trong lao động và củng cố hợp tác xã. Chỉ thị 100 hướng đến cách khoán “5 khâu, 3 khâu”, trong đó hợp tác xã vẫn đảm nhận khâu: làm đất, cung cấp nước, giống, thuốc bảo vệ thực vật; xã viên đảm nhận việc: cấy, chăm sóc và thu hoạch. Ngoài được tính công điểm, xã viên còn được nhận số hoa lợi dôi ra nếu đạt mức khoán. Đây là điểm thay đổi lớn nhất của Chỉ thị 100.

Trên cơ sở Chỉ thị của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn ban hành Chỉ thị số 05-CT/BT ngày 10/3/1981 “Về phương hướng và chủ trương khoán sản phẩm trong thời gian tới”. Trong đó, phương hướng được tỉnh đưa ra là: Mở rộng khoán từ vụ đông xuân năm 1981 - 1982.

Các hợp tác xã không phân biệt khá, trung bình, yếu, kể cả những hợp tác xã mới được khôi phục hoặc mới xây dựng ở vùng thấp cũng như vùng cao đều có thể tiến hành áp dụng cả hai hình thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Việc khoán sản phẩm cho nhóm lao động, người lao động theo 5 khâu hay 3 khâu phải căn cứ vào: Điều kiện công tác của cơ sở; yêu cầu kỹ thuật của cây trồng; yêu cầu lao động cho từng loại công việc mà cây trồng đòi hỏi. Không nhất thiết tập trung làm 5 khâu chung như trong Chỉ thị đã nêu mà đòi hỏi sự vận động của từng hợp tác xã sao cho đúng với mục đích, yêu cầu của Chỉ thị số 100-CT/TW đã đề ra. Trên cơ sở chủ trương, hướng dẫn của tỉnh, các huyện ủy ban hành các văn bản chỉ đạo địa phương mình nhanh chóng triển khai thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương, báo cáo kết quả và rút kinh nghiệm trong thực tế triển khai.

Trong quá trình củng cố phong trào hợp tác hóa, áp dụng hình thức quản lý mới, việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã tác động khá mạnh đến quá trình chuyển biến về tư tưởng, tâm lý của người lao động, ở những địa phương, hợp tác xã vận dụng tốt Chỉ thị số 100-CT/TW như Hữu Lũng, Bình Gia, người lao động quan tâm và đầu tư thích đáng hơn đối với sản xuất, việc sử dụng sức lao động, áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác, sử dụng đất đai canh tác cũng có hiệu quả hơn, tạo ra được năng suất cao hơn, qua đó phong trào hợp tác hóa được củng cố hơn so với trước đó. Đến năm 1983, toàn tỉnh đã đưa số hợp tác xã được củng cố từ 62% (năm 1981) lên 84,5%. Vụ mùa năm 1983, toàn tỉnh đã có hàng chục hợp tác xã nông nghiệp

đạt năng suất 4 - 4,5 tấn thóc/ha/2 vụ. Tổng sản lượng lương thực năm 1983 của tỉnh đạt 119.600 tấn, đưa mức ăn trung bình trong năm của nông dân từ 115 kg thóc (1981) lên 220 kg thóc (1983).

Trong những năm 1981 - 1983, hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của tỉnh đã phục hồi và ổn định sản xuất. Việc triển khai thực hiện cơ chế quản lý mới đã kích thích được ý thức lao động, phát huy được quyền làm chủ của người lao động, đưa năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao hơn. Ở các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, người lao động yên tâm, gắn bó hơn với sản phẩm cuối cùng.

Trong thời gian này, tỉnh cũng đã chỉ đạo đầu tư khôi phục, làm mới một số công trình thủy lợi, cơ quan, kho tàng, trường học, đường dây thông tin; khôi phục, làm mới cầu cống và một số đoạn trên trục quốc lộ 4A và 4B. Được sự hỗ trợ đầu tư của Trung ương, tỉnh đã chỉ đạo sửa chữa, mở thông đường dân sinh từ thị trấn Bình Gia đi Pắc Khuông sang huyện Na Rì (tỉnh Bắc Thái)¹, mở thêm đường giao thông tới các xã vùng sâu, vùng xa phía tây của tỉnh.

Công tác y tế - giáo dục được phục hồi và phát triển. Từ năm 1981 - 1983, toàn tỉnh đã xây dựng mới được 5 cơ sở y tế điều trị và chữa bệnh với 200 giường bệnh, xây thêm 140 phòng học phổ thông các cấp, khôi phục việc dạy và học của các trường phổ thông cơ sở ở các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa trong tỉnh. Hoạt động của ngành giáo dục và y tế trở lại nhịp độ trước chiến tranh biên giới tháng 02/1979.

1. Nay là tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên.

Đứng trước yêu cầu mới của việc chuyển đổi cơ chế quản lý, vấn đề cấp bách đặt ra là phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ đã mở Cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Phát huy những mặt đạt được trong thời gian tiến hành Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và Nghị quyết của Bộ Chính trị, trong gần ba năm từ 1981 - 1983, thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các chi bộ và đảng bộ trong tỉnh tiếp tục tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị theo tinh thần các chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng. Đến đầu năm 1983, toàn Đảng bộ đã tiến hành phát thẻ đảng viên cho 11.112 đảng viên tại 488/643 cơ sở đảng.

Qua các đợt sinh hoạt chính trị và xử lý nghiêm khắc đảng viên ở các cơ sở đảng, công tác kiểm tra của Đảng bộ được tăng cường thêm một bước. Đảng bộ đã có thái độ kiên quyết hơn trong việc xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước, xử lý kỷ luật và đưa ra khỏi Đảng trên 1.000 trường hợp không đủ tư cách đảng viên để giữ nghiêm kỷ luật Đảng. Song song với việc xử lý những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước, trong gần 3 năm từ 1980 - 1983, toàn Đảng bộ đã phát triển thêm được 2.000 đảng viên mới trẻ tuổi, có trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần làm chuyển biến bước đầu về cơ cấu lứa tuổi trong Đảng bộ.

Từ ngày 03 đến ngày 05/02/1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ IX đã được tổ chức trọng thể tại Đồng Bành huyện Chi Lăng với 400 đại biểu thay mặt cho 18.140 đảng viên tham gia Đại hội. Nhận định về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trong giai đoạn thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đã nhận thấy qua tiến hành lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ chính trị, về cơ bản, Đảng bộ đã tạo ra được sự thống nhất về tư tưởng, chính trị của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể quần chúng trong tỉnh. Bộ máy tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể đã được củng cố, kiện toàn thêm và bước đầu đã có chuyển biến trong quản lý và điều hành kinh tế - xã hội, giữ vững được an ninh chính trị và trật tự trị an xã hội.

Tuy còn có nhiều khó khăn, nhưng qua thực hiện và vận dụng chính sách đổi mới cơ chế quản lý của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế của tỉnh bắt đầu có sự chuyển đổi đúng hướng. Đã xuất hiện những nhân tố mới năng động, sáng tạo ở nhiều đơn vị cơ sở, ở nhiều ngành, địa phương. Tuy nhiên, những chuyển biến tích cực vừa nêu về cơ bản mới chỉ ở bước đầu, còn nhỏ nhoi, nền kinh tế của tỉnh vẫn nằm trong tình trạng mất cân đối nghiêm trọng, an ninh biên giới vẫn chưa được củng cố vững chắc.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX nhấn mạnh: “Tiếp tục củng cố, xây dựng phòng tuyến biên giới vững chắc để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đảm bảo an ninh chính trị, củng cố khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân, ra sức phát triển kinh tế tương đối toàn diện, trọng tâm là sản xuất

lương thực, thực phẩm, nông lâm sản, hàng hóa, từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Kiên quyết cải tiến công tác quản lý kinh tế, củng cố một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Giải quyết tốt hơn về nhu cầu ăn, mặc, ở, học tập, chữa bệnh và đời sống văn hóa của nhân dân các dân tộc. Củng cố các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đưa các hoạt động kinh tế - xã hội vào trật tự kỷ cương xã hội, tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động kinh tế - xã hội”¹.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 41 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết.

Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí: La Thăng, Trần Rỹ, Bế Chu Lang, Bùi Xuân, Nguyễn Minh Quát, Đào Đình Bảng, Đoàn Độ, Vũ Ngọc Chương, Hoàng Ngôn, Hà Hạp, Chu Hạp, Vy Xuân Thanh, Hoàng San. Đồng chí La Thăng được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Rỹ được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Bế Chu Lang được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong tình hình mới, Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan tỉnh trở lại thị xã Lạng Sơn, ổn định nơi đứng chân, kịp thời lãnh đạo công tác xây dựng tuyến phòng thủ biên giới vững

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội*, Sđd, tr.76.

mạnh và phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện Chỉ thị số 112-CT/TW của Ban Bí thư và Nghị quyết số 03-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng tuyến phòng thủ biên giới, tỉnh Lạng Sơn và các tỉnh biên giới phía Bắc được xác định là tuyến phòng thủ quốc gia, các huyện biên giới là tuyến trước, các huyện phía sau là hậu phương trực tiếp chi viện cho tuyến trước, các xã giáp biên được xác định là tuyến trước, xã phía sau là hậu phương trực tiếp của xã giáp biên, trong xã giáp biên cũng xác định tuyến trước và tuyến sau tạo thành tuyến phòng thủ biên giới vững mạnh toàn diện có chiều sâu.

Cuối tháng 12/1983, Tỉnh ủy tổ chức rút kinh nghiệm về xây dựng tuyến phòng thủ biên giới. Tỉnh ủy xác định: Xây dựng thái độ kiên quyết và dứt khoát đấu tranh triệt để với địch; xác định lại vùng biên giới, dải biên giới và dải đất cấm, ban hành quy chế tạm thời về biên giới; tiếp tục điều chỉnh lại làng bản trên tuyến biên giới cho hợp lý, vừa thuận lợi cho bảo vệ dân và chiến đấu chống địch phá hoại có hiệu quả; phát huy sức mạnh của dân, đồng thời tranh thủ sự đầu tư của Nhà nước xây dựng thêm các công trình giao thông, thủy lợi, trạm xá, nhà trường... ổn định cuộc sống cho nhân dân biên giới; tăng cường xây dựng hệ thống chính trị và lực lượng dân quân các xã biên giới. Nhờ những biện pháp quyết liệt, trong các năm 1983 - 1984, thế trận an ninh chính trị và trật tự trị an tại các xã biên giới ngày càng phát huy hiệu quả, góp phần làm thất bại các hoạt động chiến tranh phá hoại nhiều mặt của Trung Quốc, phối hợp với các lực lượng vũ trang chính quy và địa phương đánh thắng các đợt tiến

công của quân Trung Quốc tại cao điểm 820 và 636 của huyện Tràng Định. Kết quả trong xây dựng tuyến phòng thủ biên giới ở Lạng Sơn những năm này đã có hiệu quả rất lớn trong công tác chống lấn chiếm, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ những năm về sau¹.

Cùng với việc chỉ đạo sát sao công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố tuyến phòng thủ biên giới, Tỉnh ủy có kế hoạch chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh nỗ lực thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, tăng cường củng cố quan hệ sản xuất, đầu tư thúc đẩy sản xuất nông - lâm nghiệp phát triển, trên cơ sở đó, đẩy mạnh hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cùng phát triển.

Trong hai năm 1984 - 1985, Tỉnh ủy chú trọng chỉ đạo công tác điều tra cơ bản, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành nghề làm cơ sở cho việc định rõ dần cơ cấu sản xuất nông - lâm - công nghiệp trên địa bàn tỉnh và cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi, sản phẩm cụ thể của địa phương, ngành, hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, nông trường, xí nghiệp công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Ở một số hợp tác xã, một số địa phương trong tỉnh bước đầu đã có mô hình kinh tế kết hợp giữa trồng trọt cây lương thực, chăn nuôi với trồng cây công nghiệp có hiệu quả, tăng thu nhập của người lao động. Những nơi này, người lao động quan tâm tới sản xuất hơn, ý thức làm chủ, tinh thần lao động sáng tạo, năng động được thể hiện rõ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: “Báo cáo tổng kết năm 1984”, Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

hơn. Nhờ đó, sản xuất có tiến bộ, sản lượng lương thực tăng, chăn nuôi nhanh chóng được khôi phục và phát triển, thế mạnh của tỉnh từng bước được khai thác. Tính đến năm 1985, tổng diện tích gieo trồng đạt 71.345 ha, trong đó cây lương thực đạt 60.216 ha, năng suất lúa vụ đông xuân đạt 30,6 tạ/ha (tăng 22,4% so với năm 1984). Sản lượng lương thực quy thóc năm 1985 đạt 135.000 tấn, tăng 23,5% so với năm 1984. Bên cạnh đó, một số cây công nghiệp ngắn ngày và hoa màu như thuốc lá, mía, đỗ tương được quan tâm phát triển. Về chăn nuôi đến năm 1985 có 157.000 con lợn, 165.900 trâu, bò.

Bên cạnh các cơ sở công nghiệp đã khôi phục, tỉnh xây dựng mới thêm được Nhà máy xi măng Pò Mỏ, Xí nghiệp gạch ngói Hợp Thành, Xí nghiệp giấy Nà Me. Nhưng nhìn chung, tốc độ khôi phục và phát triển công nghiệp chậm. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 1985 chỉ đạt 19,3 triệu đồng, tăng 12,2% so với năm 1984 nhưng chỉ đạt 64,4% nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Tính đến năm 1985, tổng sản phẩm xã hội của tỉnh đạt 995.959.000 đồng. Nhìn chung, mức sống của nhân dân tuy có tăng so với các năm trước, song các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm lần thứ 3 (1981 - 1985) đều không đạt được.

Được sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư của tỉnh, trong hai năm 1984 - 1985, các ngành y tế, giáo dục và đào tạo cũng đã có bước chuyển biến mới. Hệ thống các trường học, bệnh xá, bệnh viện đã được nâng cấp. Đến năm 1985, số người được đi học của tỉnh đã tăng, số giường bệnh trong các bệnh xá, bệnh viện cũng nhiều hơn. Bình quân 1 vạn dân đã có 1.200 người

được đi học. Các bệnh xá, bệnh viện trong tỉnh đã có 1.976 giường bệnh.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục củng cố tổ chức đảng để nâng cao năng lực lãnh đạo, trong hai năm 1984 - 1985, các cấp ủy đảng trong tỉnh đã triển khai học tập quán triệt các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

Đối với Cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch vững mạnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung vào các nội dung: đổi mới phong cách làm việc, giữ vững nguyên tắc tổ chức, nguyên tắc sinh hoạt Đảng, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, chống tiêu cực trong Đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Cụ thể hóa chủ trương tăng cường công tác xây dựng Đảng, ngày 18/8/1984, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 19-CT/TU về việc tiếp tục Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên mới và xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 75 ngày sinh đồng chí Hoàng Văn Thụ.

Trong hai năm 1984 - 1985, thực hiện cuộc vận động, đã có 6 đảng bộ huyện và 299 chi bộ, đảng bộ cơ sở khác trong toàn tỉnh đạt tiêu chuẩn chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, trong đó nổi bật là Đảng bộ huyện Tràng Định, Đảng bộ huyện Hữu Lũng, Đảng bộ huyện Đình Lập, Đảng bộ huyện Bình Gia, Đảng bộ huyện Văn Quan, Đảng bộ thị xã Lạng Sơn. Trong công tác kiểm tra Đảng, từ năm 1983 - 1985, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã tổ chức tập huấn về công tác kiểm

tra cho 739 cán bộ, trong đó có 611 cán bộ cơ sở của 389/642 Đảng bộ, chi bộ cơ sở, tiến hành kiểm tra xử lý 2.892/19.000 lượt đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, kiểm tra tài chính được 14/17 đơn vị, giải quyết được 223/288 thư tố cáo; 86/92 thư khiếu nại của đảng viên, xử lý 951 đảng viên¹. Trong hai năm 1984 - 1985, toàn Đảng bộ đã kết nạp được 1.700 đảng viên “Lớp đảng viên Hoàng Văn Thụ”, góp phần tăng cường sức mạnh của Đảng bộ về cả số lượng và chất lượng.

Mười năm sau ngày đất nước thống nhất, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn gian khổ, đánh thắng chiến tranh xâm lược, chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, từng bước phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, cùng toàn Đảng, toàn dân ta bước sang giai đoạn cách mạng mới: thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

1. Ủy ban Kiểm tra tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử ngành Kiểm tra của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1948 - 1995)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1998, tr.57-58.



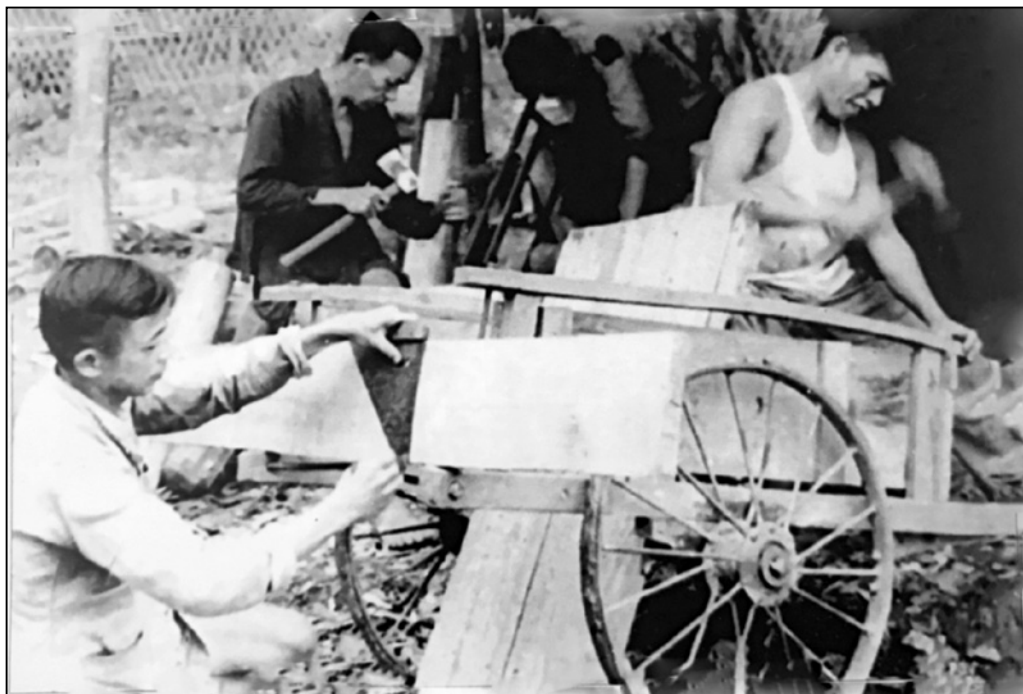
Chiến đấu ở cột mốc số 0



Bộ đội giúp nhân dân thu hoạch lúa tại xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc, năm 1979



Công an xã Lộc Thanh, huyện Cao Lộc đón nhận danh hiệu
Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân



Sửa chữa nông cụ Hợp tác xã Tàng Chang (huyện Trảng Định) -
điển hình tiên tiến của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp



Tiếp nhận hàng viện trợ của các tỉnh dành cho Lạng Sơn, năm 1982



Bảo tàng Bắc Sơn - khởi công xây dựng năm 1985



Đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước trồng cây lưu niệm tại Bảo tàng Bắc Sơn, năm 1985



Đồng chí Hoàng Văn Nghiệm, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy,
Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì
Hội thảo cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1930 - 1985)*,
ngày 19/7/2019

KẾT LUẬN

Dưới lá cờ Đảng vinh quang, trải qua 55 năm đấu tranh kiên cường và anh dũng, phong trào cách mạng Lạng Sơn không ngừng trưởng thành lớn mạnh, lập nên những trang sử chói lọi, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân ta đưa con thuyền cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng tới bờ bến vinh quang.

Kể từ giữa thập niên 20 của thế kỷ XX, những thanh niên, học sinh, trí thức yêu nước Lạng Sơn với tố chất thông minh, mang trong mình lòng yêu nước nồng nàn, luôn trăn trở vì vận mệnh của một dân tộc đang chịu kiếp nô lệ dưới gót giày xâm lược của kẻ thù. Qua các phong trào đấu tranh yêu nước, từ cuối năm 1927, những người con Lạng Sơn mà tiêu biểu là Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri đã tìm thấy lý tưởng sống của mình - đó là con đường đấu tranh cách mạng theo khuynh hướng vô sản. Từ đây, hai đồng chí đã trở thành lãnh tụ xuất sắc của Đảng, và cùng với nhiều chiến sĩ cộng sản tiên bối khác đã gieo những hạt giống cách mạng đầu tiên trên vùng đất xứ Lạng. Cuối năm 1930, đồng chí Hoàng Văn Thụ bí mật về tổng Nhân Lý, châu Văn Uyên gây dựng cơ sở. Từ những cơ sở quần chúng cách mạng ban đầu, phong trào quần chúng cách mạng được phát triển sang khu vực các xã Văn Uyên, Thụy Hùng, Hồng Phong,

Phú Xá... Vượt qua mọi kiểm soát gắt gao của chính quyền tay sai, giữa năm 1933, đồng chí Hoàng Văn Thụ và đồng chí Đoàn Viết Thọ tới Thụy Hùng tổ chức lễ kết nạp đảng viên và tuyên bố thành lập Chi bộ đầu tiên ở Văn Uyên và tỉnh Lạng Sơn. Chi bộ Thụy Hùng đảm nhận vai trò quan trọng làm nòng cốt để chỉ đạo việc xây dựng và phát triển phong trào cách mạng địa phương, trong giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh giải phóng do Đảng lãnh đạo trên địa bàn Lạng Sơn.

Sự phát triển và trưởng thành của phong trào cách mạng của tỉnh Lạng Sơn phải trải qua nhiều gian nan, thử thách, có những thời điểm tưởng chừng như không vượt qua được trước sự khủng bố dã man của kẻ thù. Cuộc đàn áp phong trào ở Văn Uyên (trung tâm cách mạng của tỉnh lúc bấy giờ) năm 1935 của thực dân Pháp đã làm tan vỡ hàng loạt các cơ sở quần chúng cách mạng ở Thụy Hùng, Tân Yên, Phú Xá, Hồng Phong. Tổn thất nặng nề hơn cả là toàn bộ Ban Cán sự tỉnh đều bị kẻ thù bắt và giết hại.

Cao trào đấu tranh 1936 - 1939 trên phạm vi cả nước là thời kỳ phong trào cách mạng ở Lạng Sơn từng bước phục hồi dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy Bắc Kỳ. Kết quả những cuộc đấu tranh của quần chúng đòi quyền dân sinh, dân chủ, bằng hình thức hợp pháp và nửa hợp pháp ở Bắc Sơn và Tràng Định thời gian này đã khích lệ tinh thần cách mạng, tập dượt đấu tranh chính trị cho quần chúng, chuẩn bị cơ sở cho những cuộc đấu tranh quyết liệt mới với kẻ thù trong giai đoạn cách mạng trước mắt: Đánh Pháp, đuổi Nhật tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Đặc biệt là sự kiện thành lập Chi bộ Đảng châu Bắc Sơn (năm 1936) và Tràng Định

(năm 1938) là minh chứng cho lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu dũng cảm và niềm tin tuyệt đối của các chiến sĩ cách mạng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra (từ ngày 27/9 đến ngày 28/10/1940) đã có tác dụng trực tiếp, tích cực cổ vũ tinh thần đoàn kết đấu tranh cách mạng của nhân dân trong tỉnh và gây tiếng vang lớn trên cả nước. Đội du kích Bắc Sơn ra đời, căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai được thành lập đã thực sự trở thành nòng cốt cho việc củng cố và phát triển phong trào cách mạng của các địa phương trong tỉnh. Việc sử dụng hình thức vũ trang giành chính quyền của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã trở thành bài học sâu sắc nhất cho quá trình chuẩn bị lực lượng mọi mặt, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Lạng Sơn... Sau 15 năm đấu tranh bền bỉ (1930 - 1945) vượt qua muôn vàn hy sinh, gian khổ, Cách mạng Tháng Tám thành công, nước nhà độc lập, đưa Nhân dân ta từ kiếp nô lệ tăm tối lên vị trí người làm chủ đất nước.

Sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp rắp tâm trở lại xâm lược nước ta. Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh: "... Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ..."¹, Đảng bộ và nhân dân Lạng Sơn đã đoàn kết đấu tranh bất khuất, kiên cường, anh dũng phá tan âm mưu bình định chiếm đóng của địch. Bằng những chiến công hiển hách gắn liền với tên đất, tên làng: Ba Sơn, Chi Lăng, Lũng Vài,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.534.

Lũng Phây, Bó Củng, Đèo Khách, Bản Nặm... tiêu diệt hàng nghìn tên xâm lược, quân và dân Lạng Sơn đã góp phần cùng quân và dân cả nước biến con đường số 4 anh hùng trở thành “Con đường chết” đối với quân thù, giải phóng biên giới, giải phóng Lạng Sơn, tạo ra một địa bàn hậu phương quan trọng góp phần đưa cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ của dân tộc ta đi đến thắng lợi: Đánh bại hoàn toàn quân viễn chinh Pháp, buộc chúng phải ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình. Cách mạng Việt Nam bước sang giai đoạn mới: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Từ năm 1954 - 1975, Nhân dân ta vừa tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa đấu tranh chống đế quốc Mỹ ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn bằng những chiến công và lòng dũng cảm đã thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng do Đảng dày công vun đắp. Các phong trào quần chúng rộng lớn từ vùng thấp đến vùng cao xa xôi hẻo lánh, từ nội địa đến biên giới, ở đâu cũng sôi nổi không khí chiến đấu cách mạng. Tuổi trẻ với phong trào “Ba sẵn sàng”, chị em phụ nữ với phong trào “Ba đảm đang”, lực lượng vũ trang với phong trào “Quyết thắng”, các cụ phụ lão với phong trào “Ba giỏi”, các cháu thiếu nhi với phong trào “Nghìn việc tốt”... đã biểu lộ ý chí “quyết chiến quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược” với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến”. Hàng vạn cán bộ, đảng viên và thanh niên các dân tộc trong tỉnh đã tiếp nối cha anh, lớp lớp lên đường xông ra tiền tuyến giết giặc. Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của địch,

Lạng Sơn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông thông suốt ở vị trí là “cảng nổi” của cả nước. Đảng bộ và nhân dân đã vượt qua muôn vàn khó khăn vừa sản xuất vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu; vừa chi viện đầy đủ cho tiền tuyến, vừa tăng cường lực lượng phòng, chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ với việc bắn rơi 85 máy bay các loại của đế quốc Mỹ. Đó là những thành tích lớn, phấn khởi và tự hào mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn đã làm tròn trách nhiệm của mình, góp phần cùng nhân dân cả nước làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước oai hùng.

Trong 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ năm 1975 đến năm 1985), một lần nữa, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn lại phải đương đầu với những thử thách, gian khổ mới trong bối cảnh vừa có hòa bình vừa phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới của Tổ quốc không kém phần gay go, ác liệt. Cùng một lúc phải tiến hành hàn gắn những vết thương do chiến tranh phá hoại và chiến tranh biên giới tàn phá là một thử thách nặng nề đối với Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn. Với ý chí kiên cường trước khó khăn, gian khổ, từ trong mất mát, thiếu thốn, nghèo nàn, lạc hậu của đời sống kinh tế - xã hội, kiên định với đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lạng Sơn đã nêu cao tinh thần đoàn kết, nỗ lực vượt qua những trở ngại, tự lực, tự cường, chủ động khắc phục khó khăn, tìm tòi, định hướng, đóng góp không ngừng công sức và trí tuệ để khôi phục, củng cố, phát triển kinh tế - xã hội, từng bước vươn lên giành những thành tựu mới, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ,

công bằng, văn minh, như Cương lĩnh chính trị của Đảng đã chỉ rõ.

Chặng đường 55 năm đấu tranh cách mạng vẻ vang đã để lại cho Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn những bài học kinh nghiệm quý báu:

Một là, trong từng thời kỳ cách mạng, Đảng bộ cần quán triệt và chủ động vận dụng linh hoạt chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, nắm vững tình hình đặc điểm của địa phương để đề ra và lãnh đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị.

Là một tỉnh miền núi phía Bắc của Tổ quốc với nhiều giá trị về lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng vẻ vang, luôn năng động sáng tạo; trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Lạng Sơn là một phần của “Thủ đô kháng chiến Việt Bắc”. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Lạng Sơn là tỉnh quan trọng đảm bảo cho nguồn chi viện quốc tế được thông suốt, tích cực thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến. Sau khi đất nước được hòa bình, thống nhất, song song với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tỉnh tập trung cho nhiệm vụ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Trong từng giai đoạn lịch sử, Đảng bộ đã nhận thức vai trò trách nhiệm của mình, kịp thời đề ra nhiệm vụ trọng tâm mỗi giai đoạn và có giải pháp phù hợp, cụ thể hóa phương hướng, nhiệm vụ, hoàn thành các chương trình, kế hoạch công tác thiết thực của Đảng bộ. Thực tiễn lịch sử chứng minh, trong quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng bộ đã đề ra và lãnh đạo nhân dân trong tỉnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, giành được

thắng lợi vẻ vang trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, thường xuyên quan tâm củng cố, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức gắn với xây dựng và củng cố chính quyền và các đoàn thể. Đồng thời không ngừng nâng cao trình độ dân trí, trình độ cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền và hiệu quả hoạt động của các đoàn thể. Đây là nhân tố quan trọng đảm bảo thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, Đảng bộ luôn chăm lo xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; giữ vững nguyên tắc “tập trung dân chủ”, “tự phê bình và phê bình” trong Đảng. Luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực tập hợp nhân dân và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Coi trọng việc xem xét, đánh giá, phân công cán bộ, đồng thời thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ, giáo dục phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Nội bộ Đảng và chính quyền phải luôn đoàn kết, thống nhất. Thực tế mỗi giai đoạn lịch sử, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân Lạng Sơn luôn thể hiện rõ bản chất yêu nước và cách mạng, tạo sức mạnh tổng hợp; khẳng định mối quan hệ khăng khít giữa tổ chức đảng với cả hệ thống chính trị. Vì vậy, việc chăm lo, xây dựng, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ

với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh là một tất yếu.

Ba là, luôn luôn chú trọng công tác giáo dục, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng và các tầng lớp nhân dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân để tạo thành sức mạnh tổng hợp, sẵn sàng vượt mọi khó khăn, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đoàn kết thương nòi, tương thân tương ái. Tuy nhiên, không phải lúc nào các giá trị truyền thống đó cũng được phát huy. Từ khi thực dân Pháp đặt chân đến xâm chiếm nước ta (năm 1858), cho đến khi có sự lãnh đạo của Đảng (năm 1930), dân tộc Việt Nam đã chứng kiến bao lầm than đau khổ, từ phận nô lệ bị mất nước, đứng lên giành chính quyền năm 1945, liên tục trải qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) và lại tham gia trong cuộc chiến tranh tự vệ bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc. Nếu không có sự lãnh đạo tài tình của Đảng, không có truyền thống yêu nước, đoàn kết toàn dân tạo thành sức mạnh tổng hợp thì dân tộc Việt Nam không thể bước qua được những khó khăn, gian khổ đó. Vì vậy, chú trọng công tác giáo dục, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng và các tầng lớp nhân dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân để tạo thành sức mạnh tổng hợp, sẵn sàng vượt mọi khó khăn, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị đã đề ra là bài học kinh nghiệm quý báu được Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn luôn coi trọng. Đối với địa phương, để củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn thực hiện

các chương trình kinh tế, văn hóa - xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đảm bảo cho toàn xã hội có cơm ăn, áo mặc, được học hành, chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe. Đảng bộ cũng quan tâm xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đủ sức quản lý xã hội và hoàn thành các nhiệm vụ chính trị. Tăng cường cán bộ có năng lực, phẩm chất, biết tổ chức, vận động quần chúng; thay thế những phần tử quan liêu, hách dịch, cửa quyền, xa rời quần chúng, xa rời phong trào cách mạng, ngại khó, ngại khổ, ngại hy sinh, tham ô, lãng phí. Trong hệ thống chính trị, Đảng bộ trở thành hạt nhân đoàn kết, tổ chức lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp trên quê hương Lạng Sơn.

Bốn là, nêu cao ý thức tự lực tự cường, đồng thời phải biết tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành Trung ương và các tỉnh bạn để khai thác, phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, thu hút nhân lực, vật lực, trí lực để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi phía Bắc của Tổ quốc; địa hình chia cắt gây khó khăn cho xây dựng hạ tầng cơ sở, phát triển kinh tế; dân cư phân bố không đồng đều, có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống nhưng trình độ phát triển và văn hóa có sự khác nhau. Bên cạnh đó, Lạng Sơn là tỉnh có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có đường giao thông thuận lợi kết nối trực đông - tây và bắc - nam. Vì vậy, để khai thác các tiềm năng sẵn có, Đảng bộ cần nêu cao ý thức tự lực tự cường, tranh thủ nguồn hỗ trợ, giúp đỡ để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với xây dựng, củng cố quốc phòng,

an ninh. Đặc biệt phải quan tâm củng cố, xây dựng vùng biên giới vững mạnh toàn diện và luôn giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng, chủ động đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, đảm bảo ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới Tổ quốc.

Những kết quả và kinh nghiệm tích lũy trong 55 năm (1930 - 1985) cùng với tinh thần đoàn kết, sáng tạo đã trở thành hành trang quý báu để Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lạng Sơn vững bước trên con đường đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TỈNH ỦY LẠNG SƠN
TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1985**



Lô Quang Nam
(1945 - 1948)



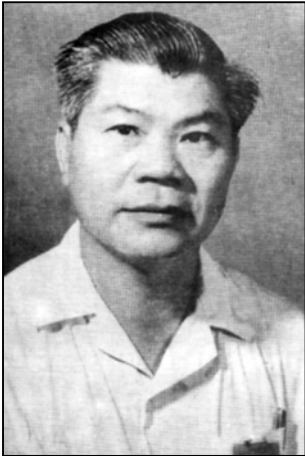
Hoàng Văn Kiêu
(1948 - 1956)



Bế Chấn Hưng
(1956 - 1963)



Nguyễn Đức
(1963 - 1977)



Hoàng Trường Minh
(1977 - 1983)



La Thăng
(1983 - 1985)

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH
ỦY BAN KHÁNG CHIẾN HÀNH CHÍNH, CHỦ TỊCH ỦY BAN
HÀNH CHÍNH, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1985**



Lô Quang Nam
(1945 - 1946)



Trần Minh Tước (Xích Diệu)
(1946 - 1947)



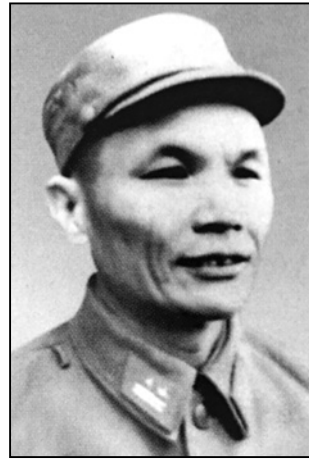
Lê Huyền Trang
(1948 - 1953)



Hoàng Văn Kiếu
(1954 - 1957)



Bế Chấn Hưng
(1957 - 1976)



Nông Minh Lý
(1976 - 6/1977)



Lương Ích Lập
(6/1977 - 1979)



Bế Chu Lang
(1980 - 1985)

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY,
PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY, PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
TỈNH ỦY LẠNG SƠN TỪ NĂM 1948 ĐẾN NĂM 1985**



Phan Mạnh Cư
(1948 - 1957)



Nguyễn Thế Kỳ
(1957 - 1961)



Trịnh Xuân Đức
(1961 - 1963)



La Thăng
(1963 - 1977; 1979 - 1982)



Bế Chấn Hưng
(1977 - 1979)



Trần Rỹ
(1982 - 1985)

PHỤ LỤC

I- NHỮNG DANH HIỆU CAO QUÝ ĐƯỢC ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC PHONG TẶNG

- Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 1966);
- Huân chương Độc lập hạng Nhất (1979);
- Huân chương Sao Vàng (năm 1985);
- Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Lạng Sơn vì đã có thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (năm 2002).

II- THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ TỈNH LẠNG SƠN TRONG SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

- Tổng số liệt sĩ: 5.644. Trong đó:
 - + Liệt sĩ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954): 1.264;
 - + Liệt sĩ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975): 4.217;
 - + Liệt sĩ thời kỳ bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1985): 163.

- Tổng số thương binh: 1.678. Trong đó:
 - + Thương binh kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954): 196;
 - + Thương binh kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975): 1.282;
 - + Thương binh thời kỳ bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1985): 200.

III- DANH SÁCH MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong tặng, truy tặng	Ghi chú
I	Huyện Tràng Định			
1	Bế Thị Tiêm	Xã Hùng Việt	1995	Phong tặng
2	Nguyễn Thị Ca	Xã Quốc Việt	1995	Phong tặng
3	Chu Thị Nhón	Xã Chi Lăng	1995	Phong tặng
4	Nông Thị Tơ	Xã Tri Phương	1995	Phong tặng
5	Lý Thị Ý	Xã Tri Phương	1995	Phong tặng

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong tặng, truy tặng	Ghi chú
6	Hoàng Thị Xím	Xã Chi Lăng	1995	Truy tặng
7	Hà Thị Trang	Xã Đề Thám	1995	Truy tặng
8	Ngô Thị Làn	Xã Hùng Sơn	1995	Truy tặng
9	Nguyễn Thị Hiệu	Xã Hùng Sơn	1995	Phong tặng
10	Nguyễn Thị Minh	Xã Quốc Việt	1995	Truy tặng
11	Trần Thị Xuân	Xã Đại Đồng	1995	Truy tặng
12	Đường Thị Noọng	Xã Hùng Sơn	1995	Truy tặng
13	Lăng Thị Món	Xã Kim Đồng	1995	Truy tặng
14	Hứa Thị Thế	Xã Đại Đồng	1995	Truy tặng

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong tặng, truy tặng	Ghi chú
II Huyện Văn Lãng				
15	Mông Thị Soi	Xã Hoàng Việt	1995	Truy tặng
16	Trần Thị Sinh	Xã Hoàng Việt	1995	Phong tặng
17	Lý Thị Lén	Xã Tân Việt	1995	Truy tặng
18	Lãng Thị Thường	Xã Trùng Quán	1995	Truy tặng
III Huyện Bắc Sơn				
19	Hoàng Thị Thơm	Xã Vũ Lăng	1997	Truy tặng
20	Triệu Thị Lưu	Xã Vũ Lễ	1995	Phong tặng
21	Nông Thị Nháy	Xã Vũ Lễ	1995	Truy tặng
22	Lý Thị Ưa	Xã Tân Tri	1995	Truy tặng

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong tặng, truy tặng	Ghi chú
IV	Huyện Bình Gia			
23	Hà Thị Miên	Xã Hoàng Văn Thụ	1997	Truy tặng
24	Hoàng Thị Thấu	Xã Bình La	1995	Truy tặng
25	Hoàng Thị Miêu	Xã Tân Văn	1995	Truy tặng
26	Phạm Thị Nụ	Xã Hoàng Văn Thụ	1995	Phong tặng
V	Huyện Văn Quan			
27	Vi Thị Tươi	Xã Tân Đoàn	1995	Truy tặng
28	Lý Thị Hồ	Xã Bình Phúc	1997	Truy tặng
29	Hà Thị Phẩm	Xã Tân Đoàn	1995	Truy tặng
30	Vi Thị Xoan	Xã Tràng Các	1995	Truy tặng

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong tặng, truy tặng	Ghi chú
VI	Thành phố Lạng Sơn			
31	Nguyễn Thị Thành	Phường Hoàng Văn Thụ	1995	Phong tặng
32	Nguyễn Thị Sót	Phường Chi Lăng	1995	Phong tặng
33	Trương Thị Mừng	Xã Mai Pha	1995	Phong tặng
34	Trương Thị Người	Xã Quảng Lạc	1995	Phong tặng
35	Lê Thị Hoa	Phường Chi Lăng	1995	Truy tặng
36	Đỗ Thị Thoan	Phường Hoàng Văn Thụ	1995	Truy tặng
VII	Huyện Cao Lộc			
37	Hoàng Thị Máy	Xã Bảo Lâm	1995	Truy tặng
38	Long Thị Mẫn	Xã Hải Yến	1995	Truy tặng

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong tặng, truy tặng	Ghi chú
VIII	Huyện Lộc Bình			
39	Lành Thị Khâm	Thị trấn Lộc Bình	1995	Phong tặng
40	Tô Thị Len	Xã Tú Mịch	1995	Truy tặng
41	Ngô Thị Cứu	Thị trấn Lộc Bình	1995	Truy tặng
42	Lý Thị Nổi	Xã Nhượng Bạ	1995	Truy tặng
43	Hoàng Thị Nèm	Xã Tú Mịch	1995	Truy tặng
IX	Huyện Đình Lập			
44	La Thị Bay	Xã Lâm Ca	1995	Truy tặng
X	Huyện Chi Lăng			
45	Giáp Thị Ôn	Xã Quan Sơn	1995	Truy tặng

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong tặng, truy tặng	Ghi chú
46	Nông Thị Ý	Xã Vạn Linh	1995	Truy tặng
47	Chu Thị Nghiêm	Xã Vân An	1997	Truy tặng
48	Nguyễn Thị Dung	Thị trấn Chi Lăng	1995	Truy tặng
49	La Thị Hiệu	Xã Bằng Hữu	1997	Truy tặng
50	Vi Thị Rong	Xã Quang Lang	1995	Phong tặng
51	Lê Thị Vượng	Thị trấn Đồng Mỏ	1995	Truy tặng
XI	Huyện Hữu Lũng			
52	Lô Thị Bẩy	Xã Minh Tiến	1995	Truy tặng
53	Lô Thị Minh	Xã Yên Bình	1995	Truy tặng
54	Nguyễn Thị Nữ	Thị trấn Hữu Lũng	1997	Phong tặng

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong tặng, truy tặng	Ghi chú
55	Hoàng Thị Nuôi	Xã Hữu Liên	1995	Truy tặng
56	Triệu Thị Nhòì	Xã Vân Nham	1995	Truy tặng
57	Trần Thị Hợp	Xã Đồng Tiến	1999	Truy tặng
58	Đình Thị Yểng	Xã Đồng Tiến	1999	Truy tặng
59	Lăng Thị Nùng	Xã Đồng Tiến	1999	Truy tặng

**IV- DANH SÁCH ANH HÙNG
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN**

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong, truy tặng
1	Lý Văn Thím	Xã Chi Lăng, huyện Tràng Định	1955
2	Nông Văn Vương	Xã Đại Đồng, huyện Tràng Định	1956

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong, truy tặng
3	Nông Văn Nghi	Xã Đào Viên, huyện Tràng Định	1970
4	Nguyễn Bá Tông	Xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng	1973
5	Hoàng Trọng Xén	Xã Tân Việt, huyện Văn Lãng	1973
6	Dương Công Sửu	Xã Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn	1973
7	Nguyễn Như Hành	Xã Quốc Việt, huyện Tràng Định	1973
8	Hoàng Văn Quyết	Xã Y Tịch, huyện Chi Lăng	1976
9	Ngọc Văn Doòng	Xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định	1978
10	Lê Đình Chinh	Xã Hoàng Hóa, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa	1978 (Truy tặng)
11	La Văn Tiến	Xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng	1979

STT	Họ và tên	Quê quán	Năm phong, truy tặng
12	Nông Văn Phiao	Xã Quốc Việt, huyện Tràng Định	1979
13	Nông Văn Giáp	Xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng	1979 (Truy tặng)
14	Nguyễn Duy Nhất	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	1979
15	Lý Trung Phẩm	Xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang	1979
16	Lê Minh Trường	Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	1979 (Truy tặng)
17	Hoàng Văn Trai	Xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc	1980 (Truy tặng)
18	Phan Tiến Dũng	Xã Quốc Việt, huyện Tràng Định	1980
19	Triệu Quang Điện	Xã Thiện Hòa, huyện Bình Gia	1980
20	Hoàng Văn Liên	Xã Thiện Long, huyện Bình Gia	1980

V- DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
(1945 - 1986)

1. Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời (5/1945 - 6/1948)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lô Quang Nam	Bí thư Tỉnh ủy lâm thời kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời (1945 - 1946)
2	Bảo An	Tỉnh ủy viên
3	Phan Mạnh Cư	Tỉnh ủy viên
4	Hoàng Văn Kiếu	Tỉnh ủy viên

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I (6/1948 - 6/1949)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Văn Kiếu	Bí thư Tỉnh ủy
2	Phan Mạnh Cư	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Lê Huyền Trang	Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh
4	Phan Minh Tuệ	Tỉnh ủy viên
5	Trương Lạc Dương	Tỉnh ủy viên
6	Trần Minh Tước	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
7	Hà Nhân Nghĩa	Tỉnh ủy viên
8	Hoàng Liên Đoàn	Tỉnh ủy viên
9	Nguyễn Thế Kỳ	Tỉnh ủy viên
10	Thành Ngọc	Tỉnh ủy viên
11	Ma Thế Dân	Tỉnh ủy viên
12	Bế Chấn Biên	Tỉnh ủy viên
13	Khánh Vinh	Tỉnh ủy viên

3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II (6/1949 - 8/1951)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Văn Kiểu	Bí thư Tỉnh ủy
2	Phan Mạnh Cư	Thường trực Tỉnh ủy
3	Lê Huyền Trang	Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh
4	Nguyễn Thế Kỳ	Tỉnh ủy viên
5	Lâm Trọng Thư	Tỉnh ủy viên
6	Hà Khai Lạc	Tỉnh ủy viên
7	La Thăng	Tỉnh ủy viên
8	Lý Thế Kim	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
9	Trần Định	Tỉnh ủy viên
10	Nguyễn Hanh	Tỉnh ủy viên
11	Lê Thị Ngọc	Tỉnh ủy viên
12	Bế Chấn Biên	Tỉnh ủy viên
13	Hoàng Cường	Tỉnh ủy viên
14	Nguyễn Can	Tỉnh ủy viên
15	Nông Trọng Bình	Tỉnh ủy viên
16	Hà Thái Nam	Tỉnh ủy viên

4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III (8/1951-3/1961)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Văn Kiếu ¹	Bí thư Tỉnh ủy
2	Phan Mạnh Cư ²	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Lê Huyền Trang	Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính
4	Hà Khai Lạc	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Đồng chí Hoàng Văn Kiếu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy từ tháng 8/1951 đến tháng 12/1956.

2. Đồng chí Phan Mạnh Cư giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy từ tháng 8/1951 đến tháng 02/1957.

STT	Họ và tên	Chức vụ
5	Nguyễn Thế Kỳ	Thường trực Tỉnh ủy
6	Bế Chấn Biên	Tỉnh ủy viên
7	Lâm Trọng Thư	Tỉnh ủy viên
8	La Thăng	Tỉnh ủy viên
9	Hoàng Cường	Tỉnh ủy viên
10	Nông Trọng Bình	Tỉnh ủy viên
11	Hà Thái Nam	Tỉnh ủy viên
12	Lý Thế Kim ¹	Tỉnh ủy viên
13	Lê Thị Ngọc	Tỉnh ủy viên
14	Nguyễn Hanh	Tỉnh ủy viên
15	Trần Định	Tỉnh ủy viên
16	Bế Chấn Hưng ²	Tỉnh ủy viên
17	Lê Toàn	Tỉnh ủy viên ³

1. Từ tháng 02/1957 đến tháng 3/1961, đồng chí Lý Thế Kim giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh.

2. Từ tháng 12/1956 đến tháng 3/1961, đồng chí Bế Chấn Hưng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh.

3. Từ tháng 02/1957, các đồng chí: Lê Toàn, Hà Tân Cương, Nông Tuấn Phong, Lương Toàn Thắng, Dương Hữu Liễu, Chu Việt Thắng, Trương Quốc Sinh, Phạm Công Dĩnh được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

STT	Họ và tên	Chức vụ
18	Hà Tân Cương	Tỉnh ủy viên
19	Nông Tuấn Phong	Tỉnh ủy viên
20	Lương Toàn Thắng	Tỉnh ủy viên
21	Dương Hữu Liễu	Tỉnh ủy viên
22	Chu Việt Thắng	Tỉnh ủy viên
23	Trương Quốc Sinh	Tỉnh ủy viên dự khuyết
24	Phạm Công Đình	Tỉnh ủy viên dự khuyết

5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV (3/1961 - 9/1963)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bế Chấn Hưng	Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
2	Trịnh Xuân Đức	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Chu Việt Thắng	Tỉnh ủy viên
4	Trương Quốc Sinh	Tỉnh ủy viên
5	Hoàng Văn Thạch	Tỉnh ủy viên
6	Nông Thiệu Minh	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
7	Phạm Công Đĩnh	Tỉnh ủy viên
8	Chu Việt Cường	Tỉnh ủy viên
9	Vi Gia Lễ	Tỉnh ủy viên
10	Nông Giang Nam	Tỉnh ủy viên
11	Lương Toàn Thắng	Tỉnh ủy viên
12	Nguyễn Ngọc Thoại	Tỉnh ủy viên
13	Lê Toàn	Tỉnh ủy viên
14	Hà Tân Cương	Tỉnh ủy viên
15	Nông Tấn Phong	Tỉnh ủy viên
16	Âu Thị Lê Thơm	Tỉnh ủy viên
17	Triệu Văn Liêm	Tỉnh ủy viên
18	Mã Trọng	Tỉnh ủy viên
19	Lăng Thế Gia	Tỉnh ủy viên
20	Hoàng Liên Đoàn	Tỉnh ủy viên
21	Nguyễn Khắc Bảy	Tỉnh ủy viên
22	Nguyễn Đình Đông	Tỉnh ủy viên dự khuyết

STT	Họ và tên	Chức vụ
23	Hoàng Việt Thanh	Tỉnh ủy viên dự khuyết
24	Lương Đình Đốc	Tỉnh ủy viên dự khuyết
25	Trần Xuân Lệ	Tỉnh ủy viên dự khuyết
26	Hoàng Văn Thoại	Tỉnh ủy viên dự khuyết

6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V (9/1963 - 6/1971)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức	Bí thư Tỉnh ủy
2	La Thăng	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Bế Chấn Hưng	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
4	Lê Toàn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Phan Mạnh Cư	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Trịnh Minh An	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Nông Thiệu Minh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Chu Việt Cường	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Nông Gia Khánh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Hoàng Việt Thanh	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
11	Triệu Văn Liêm	Tỉnh ủy viên
12	Chu Việt Thắng	Tỉnh ủy viên
13	Hoàng Văn Thạch	Tỉnh ủy viên
14	Nguyễn Ngọc Thoại	Tỉnh ủy viên
15	Hoàng Văn Thoại	Tỉnh ủy viên
16	Nguyễn Đình Đông	Tỉnh ủy viên
17	Nguyễn Vượng	Tỉnh ủy viên
18	Hương Tân Việt	Tỉnh ủy viên dự khuyết
19	Vi Văn Vinh	Tỉnh ủy viên dự khuyết
20	Đường Thị Kim	Tỉnh ủy viên dự khuyết
21	Triệu Kim Tiến	Tỉnh ủy viên dự khuyết

7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI (6/1971 - 4/1977)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức	Bí thư Tỉnh ủy
2	La Thăng	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Bế Chấn Hưng	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh

STT	Họ và tên	Chức vụ
4	Hoàng Lâm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Trịnh Minh An	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Hoàng Văn Thạch	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Nông Gia Khánh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Lưu Bá Thịnh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Chu Việt Thắng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Triệu Văn Liêm	Tỉnh ủy viên
11	Đường Thị Kim	Tỉnh ủy viên
12	Ngô Thìn	Tỉnh ủy viên
13	Nguyễn Vượng	Tỉnh ủy viên
14	Lê Trần Quốc	Tỉnh ủy viên
15	Triệu Kim Tiến	Tỉnh ủy viên
16	Hoàng Văn Thoại	Tỉnh ủy viên
17	Vi Gia Lễ	Tỉnh ủy viên
18	Hướng Tân Việt	Tỉnh ủy viên
19	Lương Đình Đốc	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
20	Nguyễn Hơn	Tỉnh ủy viên
21	Trần Xuân Lễ	Tỉnh ủy viên
22	Chu Dũng Tâm	Tỉnh ủy viên dự khuyết
23	Bế Ích Cự	Tỉnh ủy viên dự khuyết
24	Phùng Lê Chương	Tỉnh ủy viên dự khuyết
25	Hoàng Việt Hoa	Tỉnh ủy viên dự khuyết

**8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng khóa I
(Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn khóa VII)
(4/1977 - 9/1979)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Trường Minh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Bế Chấn Hưng	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Nông Trọng Bình	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
4	Vương Dương Tường	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Nông Quốc Long	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Đàm Ngọc Côn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

STT	Họ và tên	Chức vụ
7	Đào Đình Bảng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Hoàng Văn Thạch	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Lương Ích Lập	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Hoàng Lâm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Nguyễn Trương	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Vi Gia Lễ	Tỉnh ủy viên
13	Đường Thị Kim	Tỉnh ủy viên
14	Nông Phi Phong	Tỉnh ủy viên
15	Lê Minh	Tỉnh ủy viên
16	Mạc Văn Mến	Tỉnh ủy viên
17	Phương Thị Vân Anh	Tỉnh ủy viên
18	Bế Cự	Tỉnh ủy viên
19	Nguyễn Sĩ Minh	Tỉnh ủy viên
20	Nguyễn Khánh Trực	Tỉnh ủy viên
21	Chu Việt Thắng	Tỉnh ủy viên
22	Nông Đặng Long	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
23	Hương Tân Việt	Tỉnh ủy viên
24	Lê Bình Thanh	Tỉnh ủy viên
25	Vũ Ngọc Bộ	Tỉnh ủy viên
26	Chu Điền	Tỉnh ủy viên
27	Hoàng Hồng Cao	Tỉnh ủy viên
28	Hoàng Văn Phối	Tỉnh ủy viên
29	Bế Chu Lang	Tỉnh ủy viên
30	Chu Thông	Tỉnh ủy viên
31	Hoàng Đình Nam	Tỉnh ủy viên
32	Bế Thanh Long	Tỉnh ủy viên
33	Mã Trọng	Tỉnh ủy viên
34	Dương Việt Toàn	Tỉnh ủy viên
35	Vi Hồng Nhân	Tỉnh ủy viên
36	Bàn Thượng Đức	Tỉnh ủy viên dự khuyết
37	Hoàng Văn Ấp	Tỉnh ủy viên dự khuyết
38	Đàm Du	Tỉnh ủy viên dự khuyết

9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tái lập theo Quyết định số 672-NQ-NS/TW (02/1979 - 9/1980)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Trường Minh	Bí thư Tỉnh ủy
2	La Thăng	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Bế Chu Lang	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Nông Trọng Bình	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên huấn
5	Đào Đình Bảng	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ty Công an
6	Lê Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự
7	Hoàng Văn Thạch	Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
8	Đường Thị Kim	Tỉnh ủy viên
9	Hoàng Việt Thanh	Tỉnh ủy viên
10	Nguyễn Minh Quát	Tỉnh ủy viên
11	Bùi Xuân	Tỉnh ủy viên
12	Vi Văn Vinh	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
13	Triệu Việt Hương	Tỉnh ủy viên
14	Hoàng Việt Hoa	Tỉnh ủy viên
15	Chu Thông	Tỉnh ủy viên
16	Hướng Tân Việt	Tỉnh ủy viên
17	Bế Thanh Long	Tỉnh ủy viên
18	Trịnh Hùng	Tỉnh ủy viên
19	Vi Gia Lễ	Tỉnh ủy viên
20	Mã Trọng	Tỉnh ủy viên
21	Dương Việt Toàn	Tỉnh ủy viên

10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII (9/1980 - 02/1983)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Trường Minh ¹	Bí thư Tỉnh ủy
2	La Thăng ²	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy

1. Đồng chí Hoàng Trường Minh giữ chức Bí thư Tỉnh ủy đến tháng 4/1982.

2. Từ tháng 4/1982, đồng chí La Thăng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

STT	Họ và tên	Chức vụ
3	Bế Chu Lang	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Đào Đình Bảng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Bùi Xuân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Lê Sơn ¹	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Đường Thị Kim	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Trần Rỹ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Phương Mai	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Nguyễn Minh Quát	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Triệu Việt Hương	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Vũ Ngọc Chương	Tỉnh ủy viên
13	Lã Thanh Thủy	Tỉnh ủy viên
14	Hoàng Thi	Tỉnh ủy viên
15	Hoàng Văn Kiềm	Tỉnh ủy viên
16	Chu Thông	Tỉnh ủy viên
17	Vi Hồng Nhân	Tỉnh ủy viên

1. Tháng 6/1982, đồng chí Lê Sơn thôi nhiệm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

STT	Họ và tên	Chức vụ
18	Nông Lâm Anh	Tỉnh ủy viên
19	Đặng Tăng Phúc	Tỉnh ủy viên
20	Hoàng Kim Thụ	Tỉnh ủy viên
21	Lô Phát Miễn	Tỉnh ủy viên
22	Hoàng San	Tỉnh ủy viên
23	Hoàng Đình Sâm	Tỉnh ủy viên
24	Nguyễn Kim Tiên	Tỉnh ủy viên
25	Hoàng Quang Hiếu	Tỉnh ủy viên
26	Chu Sọc	Tỉnh ủy viên
27	Trịnh Hùng	Tỉnh ủy viên
28	Cao Ngọc Oanh	Tỉnh ủy viên
29	Vi Văn Vinh	Tỉnh ủy viên
30	Dương Thị Nguyệt	Tỉnh ủy viên
31	Hoàng Đình Nam	Tỉnh ủy viên
32	Hoàng Thị Ngọc	Tỉnh ủy viên
33	Hoàng Ngôn	Tỉnh ủy viên
34	Hoàng Việt Thanh	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
35	Hoàng Quốc Khánh	Tỉnh ủy viên
36	Bế Mẫn	Tỉnh ủy viên
37	Vi Văn Thoa	Tỉnh ủy viên
38	Vi Gia Lễ	Tỉnh ủy viên
39	Bế Long	Tỉnh ủy viên
40	Triệu Minh Hoa	Tỉnh ủy viên dự khuyết
41	Hoàng Tiến	Tỉnh ủy viên dự khuyết
42	Đoàn Độ ¹	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX (2/1983 - 10/1986)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	La Thăng	Bí thư Tỉnh ủy
2	Trần Rỹ	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Bế Chu Lang	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Bùi Xuân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Từ tháng 6/1982, đồng chí Đoàn Độ được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy thay đồng chí Lê Sơn.

STT	Họ và tên	Chức vụ
5	Nguyễn Minh Quát	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Đào Đình Bảng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Đoàn Độ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Vũ Ngọc Chương	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Hoàng Ngôn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Hà Hạp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Vy Xuân Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Hoàng San	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
13	Lục Văn Dịch	Tỉnh ủy viên
14	Dương Công Đá	Tỉnh ủy viên
15	Hoàng Kim Hải	Tỉnh ủy viên
16	Hoàng Văn Hon	Tỉnh ủy viên
17	Hoàng Quang Hiếu	Tỉnh ủy viên
18	Nguyễn Xưng Kỳ	Tỉnh ủy viên
19	Hoàng Kham	Tỉnh ủy viên
20	Vương Ký Lùng	Tỉnh ủy viên
21	Bế Thanh Long	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
22	Trịnh Mạc	Tỉnh ủy viên
23	Chu Hạp	Tỉnh ủy viên
24	Bế Mẫn	Tỉnh ủy viên
25	Chu Nẹ	Tỉnh ủy viên
26	Hoàng Thị Ngọc	Tỉnh ủy viên
27	Vi Hồng Nhân	Tỉnh ủy viên
28	Đặng Tăng Phúc	Tỉnh ủy viên
29	Nông Tiến Phong	Tỉnh ủy viên
30	Triệu Tử	Tỉnh ủy viên
31	Hoàng Tự	Tỉnh ủy viên
32	Hoàng Thanh	Tỉnh ủy viên
33	Hoàng Tiến	Tỉnh ủy viên
34	Triệu Tùng	Tỉnh ủy viên
35	Hoàng Thị Diệu Tuyết	Tỉnh ủy viên
36	Hoàng Thi	Tỉnh ủy viên
37	Hoàng Kim Thụ	Tỉnh ủy viên
38	Vi Văn Thoa	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
39	Lã Thanh Thủy	Tỉnh ủy viên
40	Hoàng Đức Vệ	Tỉnh ủy viên
41	Lô Phát Miễn	Tỉnh ủy viên
42	Chu Viết Nhâm	Tỉnh ủy viên dự khuyết
43	Hà Nhuận	Tỉnh ủy viên dự khuyết
44	Đình Ích Toàn	Tỉnh ủy viên dự khuyết
45	Chu Thông	Tỉnh ủy viên dự khuyết

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. CÁC TÀI LIỆU ĐÃ XUẤT BẢN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 4, 7, 8, 9, 11, 15, 17, 20, 21, 26, 29, 32, 34, 36, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, các tập 4, 5, 15, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
3. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiên bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Văn Thụ - tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
4. Đảng ủy Quân khu 1: *Lịch sử Đảng bộ Quân khu 1 (1945 - 2005)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.
5. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng Việt Nam (1959 - 2019)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.
6. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Lạng Sơn trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2001.
7. Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1945 - 1954)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004.

8. Công an tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1975 - 1996)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2001.
9. Công an tỉnh Lạng Sơn: *Tổng kết lịch sử Công an Lạng Sơn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2014.
10. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn, tập I (1959 - 1995)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1996.
11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ Đại hội đến Đại hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
12. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đồng chí Lương Văn Tri - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng (1910 - 1941)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2014.
13. Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh Lạng Sơn (1954 - 2012)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2013.
14. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: *Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
15. Ủy ban Kiểm tra tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử ngành Kiểm tra của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1948 - 1995)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1998.
16. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
17. Liên đoàn Lao động tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn tỉnh Lạng Sơn (1925 - 2006)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2008.

18. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử ngành lao động - thương binh và xã hội tỉnh Lạng Sơn (1945 - 2010)*, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn.
19. Tỉnh Đoàn Lạng Sơn: *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào Thanh thiếu niên tỉnh Lạng Sơn (1930 - 2012)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, Lạng Sơn, 2012.
20. Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn (1930 - 2010)*, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn.
21. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lạng Sơn: *Lịch sử Đảng bộ thị xã Lạng Sơn (1930 - 1954)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, Hà Nội, 1990.
22. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bình Gia: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bình Gia (1951 - 1985)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1993.
23. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cao Lộc: *Lịch sử Đảng bộ huyện Cao Lộc (1930 - 1985)*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 2005.
24. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lộc Bình: *Lịch sử Đảng bộ huyện Lộc Bình (1930 - 1954)*, Sơ thảo, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1993.
25. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lộc Bình: *Lịch sử Khu căn cứ kháng chiến Đông Quan - Xuân Dương (1946 - 1950)*, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn, 2008.
26. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tràng Định: *Lịch sử Đảng bộ huyện Tràng Định (1930 - 1954)*, Sơ thảo, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1990.

27. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Lãng: *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Lãng (1930 - 1954)*, Sơ thảo, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1994.
28. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Quan: *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Quan (1930 - 1954)*, Sơ thảo, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Lạng Sơn, 1994.

B. CÁC TÀI LIỆU LƯU TRỮ

1. Báo cáo số 53/BC-TĐB Kiểm điểm sự chấp hành các chính sách lớn của Trung ương từ ngày có phong trào giảm tô (tháng 01/1957), lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
2. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn khóa VIII, lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
3. Báo cáo kiểm điểm công tác sửa sai của Tỉnh sau khi đã hoàn thành các bước 1 - 2 - 3, Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
4. Tài liệu Sở mật thám Bắc Kỳ - Bản đánh máy sao, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Lạng Sơn.
5. Báo cáo kiểm điểm cuộc chiến đấu chống quân Trung Quốc xâm lược, lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
6. Báo cáo số 498/BC-TĐB về tình hình điều tra ruộng đất nông thôn miền núi của tỉnh Lạng Sơn (tháng 8/1957), lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
7. Báo cáo tình hình thực hiện công tác 3 năm 1958 - 1960 của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn tại Đại hội Đảng bộ Lạng Sơn lần thứ IV, lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
8. Báo cáo tổng kết năm 1984, lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

9. Báo cáo tình hình thực hiện công tác 3 năm 1958 - 1960 của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn tại Đại hội Đảng bộ Lạng Sơn lần thứ IV, lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
10. Báo cáo sơ kết công tác rà soát biên giới từ 25/8 đến 30/10/1978, phòng Lạng Sơn, hộp 28, hồ sơ 442, Kho Lưu trữ Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	7
<i>Lời giới thiệu</i>	9
<i>Mở đầu</i>	
LẠNG SƠN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG	13
I- Vùng đất và con người Lạng Sơn qua các thời kỳ lịch sử	13
II- Các giá trị truyền thống	24
<i>Chương I</i>	
CHI BỘ ĐẢNG ĐẦU TIÊN THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN LẠNG SƠN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	35
I- Quá trình chuyển biến từ phong trào yêu nước sang phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Lạng Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng	35
II- Chi bộ Đảng đầu tiên thành lập, lãnh đạo phong trào cách mạng trong những năm 1933 - 1940	47
III- Quá trình vận động cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền (tháng 8/1945)	70

Chương II

**ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO
NHÂN DÂN XÂY DỰNG, CỨNG CỐ,
BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
XÂM LƯỢC (1945 - 1954)**

		103
I-	Xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1946)	103
II-	Trực tiếp chiến đấu chống thực dân Pháp, tiến tới giải phóng hoàn toàn tỉnh Lạng Sơn (1946 - 1950)	118
III-	Xây dựng hậu phương kháng chiến, góp phần cùng quân dân cả nước đánh thắng thực dân Pháp xâm lược (1950 - 1954)	150

Chương III

**ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)**

		165
I-	Khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa và thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp (1954 - 1960)	165
II-	Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)	205
III-	Xây dựng hậu phương, chi viện cho chiến trường, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1965 - 1975)	219

Chương IV

ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO
NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
(1975 - 1985)

	289
I- Khôi phục kinh tế - xã hội (1975 - 1978)	289
II- Phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc (1979 - 1985)	304
<i>Kết luận</i>	339
<i>Phụ lục</i>	349
<i>Tài liệu tham khảo</i>	380

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ THINH
ThS. ĐỖ PHƯƠNG MAI
TS. LÊ THỊ THU MAI
Trình bày bìa: LÊ HÀ LAN
Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: THU MAI - PHƯƠNG MAI

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxhctq.vn, Website: www.nxbctq.vn



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH LẠNG SƠN
(1930 - 1985)



SÁCH KHÔNG BÁN